

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC
TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**

HÀ NỘI, tháng 9 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG		
1.	Sứ mạng, tầm nhìn của trường Đại học Khoa học Xã hội-Nhân văn và mục tiêu của chương trình	
1.1.	Sứ mệnh và tầm nhìn	
1.2.	Mục tiêu	
1.3.	Những nguyên tắc cơ bản trong việc giảng dạy tiếng Việt	
2.	Đặc điểm, quan điểm, <i>nguyên tắc</i> , cấu trúc của Chương trình tiếng Việt theo khung năng lực 6 bậc	
2.1.	Đặc điểm của chương trình	
2.2.	Quan điểm xây dựng chương trình	
2.3.	<i>Nguyên tắc xây dựng</i> chương trình	
2.4.	Cấu trúc của chương trình	
PHẦN II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH		
A	Trình độ Sơ cấp	
	Chuẩn đầu ra trình độ Sơ cấp	
	Bậc 1	
	Bậc 2	
B	Trình độ Trung cấp	
	Chuẩn đầu ra trình độ Trung cấp	
	Bậc 3	
	Bậc 4	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

C	Trình độ Cao cấp	
	Chuẩn đầu ra trình độ Cao cấp	
	Bậc 5	
	Bậc 6	
PHẦN III: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY		
3.1.	Nguyên tắc dạy và học	
3.2.	Một số chiến lược giảng dạy và học tập ngôn ngữ hiện đại	
3.3.	Các yếu tố cần thiết đối với phương pháp giảng dạy tiếng Việt	
3.4.	Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ	
3.5.	Phương pháp luyện tập	
3.6.	Bổ sung tài liệu	
PHẦN IV: KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ		
4.1.	Những nguyên tắc và yêu cầu chung về kiểm tra đánh giá	
4.1.1.	Đảm bảo tính hiệu lực của bài thi và kỳ thi	
4.1.2.	Đảm bảo độ tin cậy của bài thi và kỳ thi	
4.1.3.	Đảm bảo đầy đủ các bước tiến hành ra một đề thi tiếng Việt	
4.1.4.	Đảm bảo các kỹ thuật kiểm tra chung	
4.1.5.	Đảm bảo các nguyên tắc, yêu cầu, mức độ nhận thức khi ra đề kiểm tra và thi trắc nghiệm khách quan	
4.2.	Cấu trúc và nội dung đề thi Tiếng Việt	
4.2.1.	Cấu trúc và nội dung đề thi Nghe	
4.2.1.1.	Mô tả chung về kỹ năng Nghe	
4.2.1.2.	Đặc tả đề thi	
4.2.1.2.1.	Thông tin chung	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

4.2.1.2.2.	Thông tin chi tiết	
4.2.1.2.3.	Các câu hỏi và chấm điểm	
4.2.1.2.3.1.	Các câu hỏi	
4.2.1.2.3.2.	Chấm điểm	
4.2.2.	Cấu trúc và nội dung đề thi Đọc	
4.2.2.1.	Mô tả chung về kỹ năng Đọc	
4.2.2.2.	Đặc tả đề thi đọc	
4.2.2.2.1.	Thông tin chung	
4.2.2.2.2.	Thông tin chi tiết	
4.2.2.2.3.	Các kiểu câu hỏi và chấm điểm	
4.2.2.2.3.1.	Các kiểu câu hỏi	
4.2.2.2.3.2.	Chấm điểm	
4.2.3.	Cấu trúc nội dung đề thi Nói	
4.2.3.1.	Mô tả chung về kỹ năng nói	
4.2.3.2.	Đặc tả đề thi nói	
4.2.3.2.1.	Thông tin chung	
4.2.3.2.	Thông tin chi tiết	
4.2.3.2.3.	Các kiểu câu hỏi và chấm điểm	
4.2.3.2.3.1.	Các kiểu câu hỏi	
4.2.3.2.3.2.	Chấm điểm bài thi nói	
4.2.4.	Cấu trúc và nội dung đề thi Viết	
4.2.4.1.	Mô tả chung về kỹ năng viết	
4.2.4.2.	Đặc tả đề thi viết	
4.2.4.2.1.	Thông tin chung	
4.2.4.2.2.	Thông tin chi tiết	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

4.2.4.2.3.	Các kiểu câu hỏi/nhiệm vụ và chấm điểm	
4.2.4.2.3.1.	Các câu hỏi/nhiệm vụ	
4.2.4.2.3.2.	Chấm điểm	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG

1. Sứ mạng, tầm nhìn của trường Đại học Khoa học Xã hội-Nhân văn và mục tiêu của chương trình

1.1. Sứ mệnh và tầm nhìn

1) **Sứ mệnh:** Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN có sứ mệnh đi đầu trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao; nghiên cứu, sáng tạo và truyền bá tri thức về Khoa học xã hội và nhân văn, phục vụ sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

2) **Giá trị cốt lõi và khẩu hiệu hành động:** Tiên phong – Sáng tạo – Chất lượng cao – Trình độ cao

3) **Tầm nhìn 2035:** Phát huy thế mạnh của một trường đại học khoa học cơ bản, tập trung nguồn lực xây dựng Trường ĐHKHXH&NV thành một trường đại học nghiên cứu, đa ngành và liên ngành với đội ngũ chuyên gia giỏi, đầu ngành; phát triển một số ngành, chuyên ngành đào tạo mới, tiên phong đóng vai trò nòng cốt trong đào tạo và nghiên cứu các ngành khoa học cơ bản của đất nước đạt trình độ khu vực và quốc tế; xếp vào nhóm 100 các trường đại học hàng đầu của khu vực châu Á và nhóm 500 đại học của thế giới.

Chương trình này về bản chất là sự cụ thể hoá sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường, phát huy tinh thần tự chủ học thuật, đặt nền tảng cho phương pháp học thực chứng hướng đến mục tiêu cung cấp, đảm bảo các kỹ năng ngôn ngữ để học viên quốc tế giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Việt, có thể học tập bậc đại học và sau đại học tại Việt Nam.

Học viên sẽ phải giao tiếp bằng lời và bằng văn bản tiếng Việt. Bên cạnh đó, Chương trình sẽ thúc đẩy tư duy phê phán và tư duy sáng tạo để đáp ứng mong đợi và nhu cầu của xã hội toàn cầu hóa đương đại. Ngoài cung cấp kiến thức các kỹ năng giao tiếp, nền tảng xã hội, kinh tế, văn hóa Việt Nam cho mỗi học viên, chương trình cung cấp những trải nghiệm thực tế trong giao tiếp với người Việt và người nói tiếng Việt phi bản ngữ. Bằng cách đó, người học có thể vượt qua những

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

thách thức, đáp ứng được những yêu cầu mới và giúp họ hoàn thành trách nhiệm đối với xã hội của nước họ cũng như xã hội Việt Nam và tạo cho họ có khả năng nắm bắt các cơ hội của thế giới toàn cầu hóa thế kỷ hai mươi mốt.

Kết quả mong đợi từ chương trình dạy và học tiếng Việt theo 6 bậc hình thành nên các giá trị sau đây cho người học:

- giao tiếp tiếng Việt chủ động và hiệu quả;
- kích thích quá trình thích nghi văn hoá của người học với môi trường sống và làm việc tại Việt Nam;
- biết dùng tiếng Việt như một phương tiện tư duy thường trực nhằm nâng cao năng lực kết nối trong môi trường đa văn hoá;
- có tiềm năng dồi dào trở thành một thành viên tích cực trong cộng đồng học sinh, sinh viên Việt Nam.

Chương trình cung cấp một kế hoạch giảng dạy năng động, và bao quát nhiều phương diện cơ bản của một chương trình dạy tiếng theo khung năng lực 6 bậc. Tính năng động của chương trình thể hiện ở các chủ đề dạy và học, khả năng đo lường, số hoá trình độ thực của người học, mức độ nâng cao yếu tố thực hành và tự học để đảm bảo kế hoạch phát triển trình độ đến từng sinh viên.

1.2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Chương trình bồi dưỡng tiếng Việt dành cho người nước ngoài giúp cho học viên quốc tế giao tiếp bằng tiếng Việt, hiểu biết về nền văn hóa Việt Nam; kết nối tiếng Việt với các lĩnh vực chuyên môn để có được thông tin về học thuật cần thiết; phát triển sự hiểu biết bản chất ngôn ngữ và văn hóa Việt để tham gia vào cộng đồng đa ngôn ngữ ở Việt Nam và ở nước ngoài.

b) Mục tiêu cụ thể

Chương trình này được xây dựng nhằm tạo cơ sở cho việc dạy, học và kiểm tra đánh giá tiếng Việt của học viên quốc tế, làm cơ sở cho việc xây dựng tài liệu, học liệu tiếng Việt cập nhật, hiện đại theo khung năng lực 6 bậc; góp phần phát triển ngôn ngữ, bản sắc văn hóa Việt Nam.

(1) Các mục tiêu cụ thể của chương trình

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Phát triển các kỹ năng ngôn ngữ được tích hợp với các lĩnh vực thuộc những chủ đề khác nhau;
- Rèn luyện kỹ năng truy cập, tổ chức, nghiên cứu và đánh giá thông tin thông qua việc sử dụng các nguồn lực công nghệ để phát triển hiệu quả qua kỹ năng đọc và viết;
- Cân bằng các cách học khác nhau trong quá trình học, thông qua các trải nghiệm xác thực và hướng dẫn khác biệt.
- Cung cấp cơ hội học tập theo Chương trình bồi dưỡng tiếng Việt với những nhu cầu cụ thể. Cung cấp những trải nghiệm thực tiễn giúp cho học sinh tham gia vào các tình huống học thuật, tình huống tương tác xã hội khác nhau, giúp họ sử dụng thành thạo bốn kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc và viết. Đồng thời, thúc đẩy phát triển các kỹ năng sửa chữa lỗi để hỗ trợ cho các nhu cầu học tập của người học; Phát triển các hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, kỳ vọng, và khả năng tự đánh được miêu tả trong khung năng lực tiếng Việt;
- Cung cấp các trải nghiệm tiếng Việt dựa trên nội dung, có ý nghĩa và thích hợp; Củng cố các giá trị luân lý, đạo đức và văn hóa Việt Nam thông qua các chủ đề xuyên suốt quá trình dạy và học;
- Thiết lập sự tôn trọng đối với các đặc trưng văn hóa riêng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam về nguồn gốc, giới tính, tuổi tác, tình trạng kinh tế xã hội, cấu trúc gia đình, tính đa dạng văn hóa, trình độ giáo dục hạn chế, những người có trình độ tiếng Việt hạn chế và những người khác;
- Phát triển tư duy phê phán, tư duy sáng tạo và kỹ năng phân tích thông qua các trải nghiệm giáo dục có ý nghĩa.

(2) Yêu cầu và kết quả học tập dành cho người học

- Hiểu những gì mà họ đã nghe được;
- Thể hiện được ý tưởng của họ trong các cuộc trò chuyện chính thức và không chính thức bằng tiếng Việt với ngữ pháp, ngữ điệu và cách phát âm chính xác;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Hiểu và giải thích được những gì mà họ đã đọc khi thường thức các tác phẩm văn học, báo chí, khoa học.... bằng tiếng Việt; Sử dụng tiếng Việt như một công cụ giao tiếp với những mục đích khác nhau trong một loạt các bối cảnh khác nhau;
- Tạo lập văn bản một cách rõ ràng, chính xác và có thể chỉnh sửa những gì đã viết ra.

(3) Các mục tiêu cụ thể về năng lực tiếng Việt cho người học

- Năng lực thu thập, lựa chọn, xử lý và quản lý thông tin bằng tiếng Việt;
- Năng lực sử dụng thành thạo các công cụ phục vụ cho việc thu thập kiến thức về tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam;
- Năng lực giao tiếp với người Việt và những người nói tiếng Việt khác một cách hiệu quả;
- Năng lực thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống của họ tại các cộng đồng người Việt;
- Năng lực hợp tác làm việc theo nhóm với người Việt và những người nước khác nói tiếng Việt;
- Năng lực giải quyết xung đột với người nói bằng tiếng Việt thông qua hiểu biết về văn hóa Việt Nam.

1. 3. Những nguyên tắc cơ bản trong việc giảng dạy tiếng Việt

1. Việc giảng dạy đòi hỏi phải cung cấp một môi trường học tập tích cực để học viên có được thái độ cởi mở và sẵn sàng tiếp thu ngôn ngữ¹.
2. Giảng dạy phải có thử thách khả năng trí tuệ của người học và hướng dẫn họ phát triển khả năng tiếng Việt để đạt mức tốt nhất có thể có của họ².
3. Việc giảng dạy phải sử dụng và/ hoặc phát triển các ngữ liệu thực, hoạt động thực và phương pháp tiếp cận có liên quan và đáp ứng được trí thông minh đa chiều, phong cách học tập và chiến lược học tập đa chiều của nhiều học sinh³
4. Việc giảng dạy phải tính đến sự khác biệt của từng cá nhân người học⁴.

¹ Dựa theo quan niệm về ảnh hưởng của bộ lọc của Krashen

² Dựa theo quan niệm về phát triển năng lực cao nhất của Vygotsky.

³ Dựa theo quan niệm của Gardner, H., Oxford, R.O' Malley, J. & Chamot, A.

⁴ Dựa theo quan niệm về giảng dạy phân biệt của Tomlinson.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

5. Khả năng tiếp thu ngôn ngữ thứ hai đòi hỏi người học phải thành thạo ngôn ngữ thứ nhất⁵.
6. Việc giảng dạy dựa trên nghiên cứu đánh giá và đo lường thâm định trong tạo lập (ngôn ngữ) tự do và có kiểm soát.

2. Đặc điểm, quan điểm, nguyên tắc, cấu trúc của Chương trình tiếng Việt theo khung năng lực 6 bậc

2.1. Đặc điểm của chương trình

Khái niệm chương trình học thường được hiểu là nội dung giáo dục và các hoạt động chính thức và không chính thức; quá trình triển khai nội dung hoạt động, thông qua đó người học thu nhận được kiến thức và sự hiểu biết, phát triển các kỹ năng, thái độ, tình cảm và các giá trị đạo đức dưới sự tổ chức của nhà trường.

Còn có những cách hiểu khác về chương trình học như sau:

- Chương trình là tất cả các hoạt động học tập được nhà trường lên kế hoạch và hướng dẫn, dù các hoạt động này có thể diễn ra trong các nhóm hay với từng cá nhân, bên trong hay bên ngoài lớp học.
- Chương trình phác họa những kỹ năng, thành tích cần đạt, thái độ, và giá trị mà người học được kỳ vọng. Nó bao gồm những yêu cầu về kết quả học tập cần có của người học theo như mong đợi, những mô tả nội dung học tập, và trình tự nội dung sẽ được sử dụng để giúp người học đạt được kết quả học tập tốt nhất.
- Chương trình cung cấp toàn bộ những kiến thức, kỹ năng và thái độ cũng như các trải nghiệm học tập được nhà trường cung cấp. Nó bao gồm cả phương pháp (chiến lược), và những khía cạnh khác, như những giá trị và chuẩn mực, có liên quan đến cách tổ chức giảng dạy và học tập của nhà trường.

Ngoài những đặc điểm chung trên, *Chương trình bồi dưỡng tiếng Việt dành cho người nước ngoài* (dưới đây gọi tắt là *chương trình*) là tập hợp các nguyên tắc, nền tảng và trọng tâm của chương trình tiếng Việt như một ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai. Nó được thiết kế nhằm kết hợp hài hòa giữa tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu và độ sâu của kiến thức, bao gồm cả những khuyến nghị chung về chiến lược học tập và giảng dạy. Nó trình bày những khái niệm cốt lõi, phương pháp, kỹ thuật giảng dạy của giáo viên, chiến lược học tập của học viên; chiến lược đánh giá mà giáo viên có thể sử dụng để đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục được thể hiện trong khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài được ban hành kèm theo

⁵ Dựa theo quan niệm về giả thuyết đầu vào của Krashen

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ng nghị định số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 09 năm 2015. Chương trình này là khung tham chiếu để thiết kế bài giảng, giáo trình và các đề thi phục vụ cho việc kiểm tra đánh giá năng lực của học viên nước ngoài học tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và các cá nhân, tổ chức khác có nhu cầu. Chương trình này phục vụ cho tất cả các mục đích thực tế, được dựa trên các nguyên tắc liên quan đến từng bậc, từ bậc 1 đến bậc 6 của Khung năng lực tiếng Việt. Chương trình được xây dựng nhằm tạo cơ sở chung cho việc dạy, học, kiểm tra, đánh giá tiếng Việt của người nước ngoài. Chương trình cũng góp phần cung cấp nền tảng học thuật cho việc xây dựng, phát triển tài liệu dạy học tiếng Việt, các chuyên đề về phương pháp dạy tiếng. Thông qua những nội dung dạy và học, chương trình là cầu nối thiết thực cho hành trình giới thiệu đất nước, con người Việt Nam cùng những giá trị nhân bản khác làm nên bản sắc văn hoá và vị thế Việt Nam trong khu vực, trên thế giới.

2.2. Quan điểm xây dựng chương trình

2.2.1. Quan điểm toàn diện

Chương trình được xây dựng từ cách nhìn toàn diện. Mức độ thành thạo tiếng Việt gồm nhiều mặt, nhiều phương diện khác nhau. Theo đó, để giảng dạy, học tập và đánh giá đúng được mức độ thành thạo của người học cũng như mức độ hiệu quả của **tài liệu giảng dạy**, chương trình cần phải bảo đảm có khả năng phát triển năng lực tiếng Việt một cách toàn diện.

Để có năng lực sử dụng tiếng Việt, người học cần phải:

- Có năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt, hiểu và vận dụng những hiểu biết về văn hoá Việt Nam vào cuộc sống giao tiếp;
- Có khả năng kết nối, sử dụng tiếng Việt trong những phạm vi ngành/chuyên ngành khác nhau;
- Phát triển năng lực tiếng Việt và những hiểu biết về văn hoá Việt Nam qua so sánh, đối chiếu với ngôn ngữ thứ nhất của mình với nền văn hóa ở đất nước mình đang sống;
- Có khả năng sử dụng được tiếng Việt cả trong và ngoài gia đình, trong công việc, nghề nghiệp.

2.2.2. Quan điểm hệ thống

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Việc kiến tạo và phát triển năng lực tiếng Việt gồm một chuỗi các thành tố: năng lực ngôn ngữ (tiếng Việt), năng lực văn bản, năng lực thực hiện hành vi ngôn ngữ, năng lực chiến lược giao tiếp, năng lực ngôn ngữ xã hội. Các năng lực này được trình bày trong khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài. Đó là:

- Năng lực về kiến thức tiếng Việt;
- Năng lực tổ chức và xử lý văn bản tiếng Việt
- Năng lực nghe hiểu
- Năng lực đọc hiểu tiếng Việt
- Năng lực tương tác lời nói miệng
- Năng lực tương tác viết
- Năng lực tạo lập lời nói
- Năng lực tạo lập văn bản viết bằng tiếng Việt
- Năng lực về chiến lược giao tiếp bằng tiếng Việt
- Năng lực giao tiếp và ngôn ngữ xã hội.

2.3 Nguyên tắc xây dựng chương trình

Chương trình được xây dựng theo những nguyên tắc dưới đây:

- a) **Nguyên tắc phù hợp:** *Chương trình* phải phù hợp với xu thế phát triển năng lực ngôn ngữ của các nước trong khu vực và trên thế giới, phù hợp với yêu cầu và tư duy
- b) **Nguyên tắc khả thi:** *Chương trình* phải dễ áp dụng trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của người học. Theo nguyên tắc này, việc giảng dạy, đánh giá năng lực tiếng Việt của người nước ngoài cần theo hướng gọn, nhẹ và dễ thực hiện. Chương trình **phải** phù hợp với bối cảnh đào tạo. Tuy nhiên, không nên chỉ phụ thuộc vào tính hệ thống mà cần hướng tới sự hoàn thiện theo các chuẩn mực và thông lệ quốc tế nhằm hướng đến thực hiện liên thông quốc tế.
- c) **Nguyên tắc nhất quán:** *Chương trình* phải nhất quán trong cấu trúc và nội dung, có tính hệ thống và logic; đồng thời, phải phù hợp với việc học tập ngôn ngữ trong các cơ sở đào tạo ở Việt Nam và nước ngoài.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- d) **Nguyên tắc có trọng tâm:** Trên cơ sở quan điểm toàn diện, *Chương trình* phải phản ánh những vấn đề quan trọng có tính quyết định đến năng lực tiếng Việt của người học và cũng phải chú ý thích đáng đến tính đặc thù của tiếng Việt. Trọng tâm học tập và kiểm tra đánh giá trong Chương trình là việc thực hiện các hành vi giao tiếp.
- e) **Nguyên tắc có khả năng phân loại:** *Chương trình* chia thành 6 cấp độ gọi tên theo thứ tự từ bậc 1 đến bậc 6. Mỗi bậc có tiêu chí riêng về năng lực.

2.4. Cấu trúc của chương trình

Chương trình gồm 4 phần:

Phần I: GIỚI THIỆU CHUNG

Phần II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Phần III: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

Phần IV: KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

Về thời lượng: Chương trình được thiết kế theo 6 bậc: bậc 1, bậc 2, bậc 3, bậc 4, bậc 5, bậc 6. Tổng thời lượng dành cho đào tạo là 1320 tiết. Thời lượng học tập và thực hành trên lớp của mỗi bậc là 200 tiết, 20 tiết còn lại dành cho hoạt động thực tập, thực tế.

Chương trình chú trọng đến việc rèn luyện 4 kỹ năng: nghe, đọc, nói, viết. Phần thực hành ưu tiên hơn cho 2 kỹ năng phổ biến là: nghe, nói.

Trình độ	Bậc	Thời lượng	
		Trên lớp	Thực tập
Sơ cấp	Bậc 1	200 tiết	20 tiết
	Bậc 2	200 tiết	20 tiết

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Trung cấp	Bậc 3	200 tiết	20 tiết
	Bậc 4	200 tiết	20 tiết
Cao cấp	Bậc 5	200 tiết	20 tiết
	Bậc 6	200 tiết	20 tiết
Tổng thời lượng	1320 tiết		

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

PHẦN II: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

A - TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

(BẬC 1 và BẬC 2)

CHUẨN ĐẦU RA CHO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

<p>TIÊU CHUẨN 1 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể chào hỏi và trao đổi với những người khác về những thông tin cần thiết, bao gồm: tên, địa chỉ, nơi sinh sống, số điện thoại và địa chỉ email. • Mô tả được các đối tượng khác nhau; chẳng hạn, những người trong gia đình và trường học. • Có thể trao đổi những thông tin cơ bản về các sự kiện diễn ra trong lớp học, cuộc họp lớp và bữa ăn thường nhật. • Có thể mô tả được các hoạt động yêu thích của mình ở nhà và ở trường. • Thể hiện được những điều thích và những điều không thích của mình. • Có thể cho người khác biết mình đang gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng nào đó hoặc trong việc hiểu được ý người khác nói. • Nhận ra được rằng thường có nhiều cách để diễn đạt cùng một ý tưởng bằng tiếng Việt. • Sử dụng được các cử chỉ phù hợp, khi cần thiết, để làm cho thông điệp của mình trở nên dễ hiểu.
<p>TIÊU CHUẨN 2 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các cuộc hội thoại ngắn giữa các bạn bè, đồng nghiệp và những người Việt quen thuộc về các chủ đề chung, bao gồm các hoạt động yêu thích của họ ở nhà hoặc ở trường. • Hiểu được một vài ý chính có trong video, DVD, phim, chương trình truyền hình hoặc trang web về các chủ đề quen thuộc. • Hiểu được một số ý chính của các câu chuyện kể bằng miệng liên quan đến cá nhân và các câu chuyện khác về các chủ đề quen thuộc.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các ý chính và xác định được các nhân vật chính khi đọc câu chuyện đơn giản, truyện dân gian ngắn hoặc truyện có minh họa. • Hiểu được các tin nhắn/ thông báo ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc, bao gồm cả các hoạt động hằng ngày ở nhà hoặc ở trường. • Hiểu được thông điệp chính trong các văn bản có minh họa, hiểu được các câu chuyện, bài viết và các mục quảng cáo đơn giản. • Hiểu và trả lời một cách thích hợp các câu hỏi, câu tuyên bố hoặc câu lệnh.
TIÊU CHUẨN 3 (GIAO TIẾP)	<ul style="list-style-type: none"> • Trình bày được một câu chuyện đơn giản về các thành viên trong gia đình, bạn bè, đồ vật, hoặc các hoạt động chung ở nơi làm việc, ở trường và ở nhà trong môi trường hằng ngày của mình. • Viết được các tin nhắn ngắn, không chính thức trong đó mô tả hoặc cung cấp thông tin về bản thân, bạn bè, gia đình và các hoạt động tại trường. • Tạo lập được một kế hoạch đơn giản cho các hoạt động có thể diễn ra trong cuộc sống hằng ngày của mình bằng tiếng Việt.
TIÊU CHUẨN 4 (VĂN HÓA)	<ul style="list-style-type: none"> • Quan sát và xác định được chữ Việt trên các văn hóa phẩm khác nhau, chẳng hạn như trên trang phục, các loại nhạc cụ và các sản phẩm khác. • Tham gia vào các hoạt động văn hóa phù hợp với khả năng của mình. • Sử dụng được các cử chỉ phù hợp và thể hiện là người có văn hóa qua lời nói biểu cảm như lời chào, lời tạm biệt và các tương tác phổ biến quen thuộc trong lớp học tiếng Việt và văn hóa Việt. • Nhận ra được các chủ đề, ý tưởng hoặc quan điểm văn hóa của người Việt.
TIÊU CHUẨN 5 (NÓI KẾT)	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng được những thông tin đơn giản được học trong các môn học khác bằng tiếng Việt. • Sử dụng được thông tin đơn giản bằng tiếng Việt của mình trong học tập các môn học khác. • Sử dụng được các thông tin mới và kiến thức có được thông qua học tập, nghiên cứu tiếng Việt để mở rộng kiến thức cá nhân của mình.
TIÊU CHUẨN 6 (NÓI KẾT)	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng được nhiều nguồn tài nguyên đa phương tiện để truy cập thông tin liên quan đến văn hóa Việt.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Nhận biết các nguồn thông tin khác nhau trong ngôn ngữ và văn hóa Việt, qua báo chí, trang web, truyền hình, v.v.... • Thể hiện khả năng truy cập thông tin về ngôn ngữ và văn hóa Việt từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm cả Internet, với sự trợ giúp cần thiết.
TIÊU CHUẨN 7 (SO SÁNH NGÔN NGỮ)	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể trình bày đơn giản được nhận thức của mình về hệ thống ngữ âm và chữ viết Việt; phân biệt được những nét khác biệt với hệ thống ngữ âm và chữ viết trong ngôn ngữ mẹ đẻ. • Có thể phát triển kỹ năng nghe và nói về một loạt các chủ đề để tạo điều kiện thuận lợi cho các kỹ năng đọc. • Có thể tóm tắt, kể lại, và đưa ra ý kiến về các văn bản phù hợp với trình độ của mình do giáo viên cung cấp. • Có thể sao chép và sắp xếp lại một văn bản được giáo viên cung cấp theo một logic nhất định.
TIÊU CHUẨN 8 (SO SÁNH VĂN HÓA)	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể xác định, so sánh và đối chiếu các hình thức giao tiếp khác nhau giữa nền văn hóa Việt với nền văn hóa của dân tộc mình về một số dấu-kí hiệu, biểu tượng, ... • Có kiến thức sơ đẳng về một số hoạt động văn hóa trong nền văn hóa Việt (gọi tên và nhớ được vài đặc điểm lễ kỷ niệm, lễ hội, trò giải trí...). • Có thể trình bày được cảm xúc, nhận thức của bản thân về niềm tin, tín ngưỡng và quan điểm văn hóa liên quan đến gia đình, trường học, công việc và vui chơi... giữa nền văn hóa Việt và nền văn hóa của dân tộc mình. • Biết so sánh ở mức độ đơn giản sự tương đồng và khác biệt giữa nền văn hóa Việt với nền văn hóa của dân tộc mình. • Sử dụng được thông tin và nhận thức mới về văn hóa để so sánh và đối chiếu kinh nghiệm của mình với những người cùng trang lứa trong nền văn hóa Việt và để xác định và tôn trọng bạn bè, các đồng nghiệp trong nền văn hóa Việt.
TIÊU CHUẨN 9 (CỘNG ĐỒNG)	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể trao đổi thông tin về gia đình, các sự kiện và những lễ kỷ niệm với người bản ngữ thông qua thư từ và sử dụng các phương tiện công nghệ.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none"> • Có thể xác định các kiểu tài liệu và / hoặc phương tiện truyền thông bằng tiếng Việt và văn hóa Việt để thưởng thức và / hoặc giải trí. |
|--|---|

BẬC I

I-YÊU CẦU CHUNG

Hiểu, sử dụng được các cấu trúc ngôn ngữ quen thuộc; biết sử dụng những từ ngữ cơ bản đáp ứng được nhu cầu giao tiếp cụ thể, tự giới thiệu bản thân và người khác; trình bày được những thông tin về bản thân như: nơi sinh sống, người thân/bạn bè và những người khác. Có khả năng giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và có giúp đỡ.

II-NỘI DUNG KIẾN THỨC

NGỮ ÂM

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

NỘI DUNG KIẾN THỨC

- Thông thuộc bảng chữ cái, tên âm, tên chữ và các kí hiệu ghi âm (cách viết các nguyên âm, phụ âm và các dấu thanh) ;
- Phát âm tương đối rõ ràng, chính xác các âm tiết;
- Có khả năng viết đúng chính tả và chép lại được tương đối chính xác các từ khi đọc và nói với tốc độ chậm.

- Giới thiệu bảng chữ cái
- Hệ thống các nguyên âm (16) và phụ âm (21)
- Nhận biết âm (nói, phát âm) gắn liền với chữ (con chữ, chính tả); mối quan hệ âm - chữ.
- Cấu trúc và thành phần âm tiết: âm đầu - vần - thanh điệu
- Nhận biết và phát âm đúng các âm tiết có vần khó phát âm, vần có và không có âm đệm (vd, đàn - đoàn, hàng - hoàng...)

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

TỪ VỰNG		
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT		NỘI DUNG KIẾN THỨC
<p>- Có vốn từ cơ bản gồm những từ ngữ đơn lẻ thuộc các tình huống cụ thể.</p>	<p>CHỦ ĐỀ TỪ VỰNG</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu về cá nhân • Giới thiệu về gia đình • Địa điểm • Thời gian • Mua sắm, hàng hóa, • Sở thích, thói quen • Giao thông, đi lại • Giải trí, du lịch • Thời tiết, khí hậu • Nhà cửa 	
NGŨ PHÁP		
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT		NỘI DUNG KIẾN THỨC
STT	Nội dung	Ví dụ mẫu
<p>Bài 1</p>	<p>- cách chào hỏi - dùng từ ạ, dạ, vâng... - đại từ nhân xưng ngôi 1, 2 - hỏi tên và trả lời</p>	<p>- Xin chào, chào cô ạ, tạm biệt, hẹn gặp lại, - vâng ạ, ừ, dạ, vâng... - tôi, mình, ông, bà, anh, chị... - Anh tên là gì? Tôi tên là...</p>
<p>Bài 2</p>	<p>- hỏi nghề nghiệp và trả lời; - câu hỏi “phải không?” - cũng, đều</p>	<p>- Anh làm nghề gì? Tôi là... - Anh là bác sỹ phải không? - Vâng/Không</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	- đại từ nhân xưng ngôi 3 và số nhiều	- Tôi cũng là bác sỹ, chúng tôi đều là bác sỹ.
Bài 3	- người + tên nước, tiếng + tên nước - hỏi về quốc tịch - câu hỏi “có phải là ...không?” - câu hỏi “có...không?” với động từ	- người Việt, tiếng Anh... - Anh là người nước nào? - Anh có phải là người Mỹ không? - Anh có biết nói tiếng Anh không?
Bài 4	- Đây là, đó là, kia là... - Loại từ thông dụng: cái, con, quyển, bức, tờ.... - câu hỏi “gì?” - D + này, ấy, kia - tính từ (cho vật) - câu hỏi “có...không” với tính từ	- Đây là cái gì? Đây là cái nón. - Cái nón này mới! - to, nhỏ, mới, cũ... - Cái áo này có đẹp không?
Bài 5	ÔN TẬP	
Bài 6	- tính từ (cho người) - câu hỏi “thế nào” - rất, quá, lắm - không + T + lắm	- béo, gầy, xinh, xấu... - Chị ấy thế nào? - Chị ấy rất đẹp. - Chị ấy không đẹp lắm
Bài 7	- câu hỏi mấy và bao nhiêu - số đếm 1-100 - loại từ danh từ đơn vị: ngôi, tấm, toà, con (dao); cốc, bát, tủ... - đã, đang, sẽ + Động từ - sẽ/sắp/định	- Nhà anh có mấy người? - Toà nhà này có bao nhiêu tầng? - Phòng ngủ có hai tủ quần áo nhỏ. - Năm sau, anh trai tôi sẽ đi Việt Nam.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 8	<ul style="list-style-type: none"> - cách hỏi giờ - cách nói về thời gian - bao giờ/khi nào - vẫn - câu hỏi “à”, “chứ” 	<ul style="list-style-type: none"> - Bây giờ là mấy giờ? - Mấy giờ rồi? - Bao giờ anh đi Việt Nam? - Anh vẫn ở Hà Nội chứ?
Bài 9	<ul style="list-style-type: none"> - thứ mấy, tháng mấy, ngày bao nhiêu? - ngày nào, tháng nào? - Bao lâu? - đã... chưa? 	<ul style="list-style-type: none"> - Hôm nay là thứ mấy? - Hôm nay là ngày mừng mấy? - Ngày nào anh đi Sài Gòn? - Anh sẽ/đã đi Sài Gòn bao lâu? - Anh đã làm bài tập chưa?
Bài 10	ÔN TẬP	
Bài 11	<ul style="list-style-type: none"> - năm bao nhiêu, năm nào? cách hỏi ngày sinh. - mấy tuổi, mười mấy tuổi, bao nhiêu tuổi - số đếm - nếu...thì... 	<ul style="list-style-type: none"> - Anh sinh năm bao nhiêu? - Sinh nhật của anh là ngày nào? - Cháu lên mấy tuổi? - Bác năm nay bao nhiêu tuổi ạ? - Nếu anh sinh năm 1990 thì năm nay anh 25 tuổi rồi.
Bài 12	<ul style="list-style-type: none"> - cách hỏi đường - câu hỏi “ở đâu?” - từ ngữ chỉ đường - câu hỏi “bao xa?”/có xa không? - từ...đến..., A cách B, A cách đây 	<ul style="list-style-type: none"> - Bà cho hỏi thăm, hồ Hoàn Kiếm ở đâu ạ? - bên trái, rẽ phải, đối diện... - Từ đây đến đó/đấy bao xa? - Nhà bạn cách trường bao xa?

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 13	<ul style="list-style-type: none"> - cách hỏi địa chỉ - cách hỏi điện thoại - trên, dưới, trước, sau, trong, ngoài... - cách hỏi vị trí - câu hỏi “nào?” 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ nhà anh thế nào? - Số điện thoại của anh bao nhiêu? - Trước ngân hàng là khách sạn. - ...ở chỗ nào? - Gần đây có ngân hàng nào không?
Bài 14	<ul style="list-style-type: none"> - cách hỏi giá - cách mặc cả - câu hỏi “được không?” - số đếm: 100 trở lên 	<ul style="list-style-type: none"> - Bao nhiêu tiền một cân cam? - Bán thế nào? - Tôi có thể ngồi ở đây, được không? - Được/ Không được
Bài 15	ÔN TẬP	
Bài 16	<ul style="list-style-type: none"> - cách gọi món ăn - không những...mà còn - những/các, tất cả/cả - hãy... đi! 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho tôi một bát phở không hành! - Tất cả các món ăn ở đây không những rẻ mà còn ngon.
Bài 17	<ul style="list-style-type: none"> - cách nghe và trả lời điện thoại - vừa mới - vẫn, vẫn còn - một chút, một lát, một ít 	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty A xin nghe! - Xin cho tôi gặp anh B! - Anh B vừa mới rời văn phòng. - Anh cầm máy chờ một chút!
Bài 18	<ul style="list-style-type: none"> - so sánh: bằng/như; hơn, nhất - thích hơn, thích nhất - tuy... nhưng..., mặc dù...nhưng... - Sao/ Vì sao/ Tại sao 	<ul style="list-style-type: none"> - Hôm nay nóng hơn hôm qua. - Tôi thích phở gà hơn phở bò. - Tuy nhạc jazz hơi khó nghe nhưng tôi vẫn thích. - Vì sao anh thích bóng đá?

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA –ĐÁNH GIÁ

III.THỰC HÀNH GIAO TIẾP VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG

NGHE

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG

❖ *Năng lực chung*

Theo dõi và xử lý thông tin được nói chậm.

❖ *Năng lực nghe cụ thể:*

1. Nghe hội thoại giữa những người Việt

Hiểu được những đoạn hội thoại rất ngắn, cấu trúc rất đơn giản, tốc độ nói rất chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, như về trường, lớp học và những nhu cầu cá nhân thiết yếu

2. Nghe thông báo hướng dẫn

Hiểu được và làm theo được những chỉ dẫn ngắn, đơn giản được nói chậm và rõ ràng.

❖ *Yêu cầu cần đạt được*

- Nghe, nhận biết thông tin chứa đựng trong từ, cụm từ và những phát ngôn, hội thoại hay ngôn bản ngắn có cấu trúc đơn giản; trả lời được những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp ở trình độ tương ứng.

- Nghe, nhận biết và tự điều chỉnh năng lực phát âm của bản thân ở những từ, tiếng (âm tiết), hiện tượng ngữ âm chưa hoàn thiện, hoặc còn khiếm khuyết

❖ *Định hướng giảng dạy*

- Nhận biết, hiểu thông tin từ các phát ngôn, cuộc thoại, các đoạn ngôn bản, từ đó người học có thể đáp lại nhằm luyện tập phản ứng ngôn ngữ;

- Qua nghe, từng bước điều chỉnh, cải thiện khả năng phát âm của người học qua sự đối sánh với những nguồn nghe được phát ra với giọng đọc chính xác;

- Phân biệt độ khó của bài nghe để quá trình giảng dạy và luyện tập cho người học đảm bảo nguyên tắc: từng bước từ dễ đến khó;

- Luyện những tiểu kỹ năng nghe cơ bản, thường dùng cho người học. Ở bậc này, trước hết cần chú ý đến luyện viết chính tả để từng bước hoàn thiện mối quan hệ âm - chữ (phát triển khả năng viết cho người học);

- Luyện nghe hiểu những chi tiết đơn giản, dễ nhận biết và dễ hiểu ở trình độ tương ứng.

❖ *Phương pháp phát triển kỹ năng*

1. Luyện nghe để hoàn thiện phát âm và chính tả

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

đồng thời ghi lại (về chính tả) tương đối chính xác âm nghe được bằng (chữ cái - chính tả) tương ứng, đặc biệt chú ý các dấu thanh và những vần khó.

- Nghe và ghi lại những từ (tiếng), cụm từ nghe được. Thông thường sử dụng những từ (tiếng), cụm từ đã học hoặc đã xuất hiện trong các hội thoại, hay ngôn bản đã được học.

- Nghe và phân biệt các âm (hay chữ) khác nhau trong các từ, cụm từ có bối cảnh ngữ âm đồng nhất, chẳng hạn: “bán/bản”; “nghe/ngà”; “loan/lan”; “tay/tai”; “vòn/vần”, v.v...

- Nghe và phân biệt các thanh điệu (hay dấu thanh) khác nhau trong các từ, cụm từ có bối cảnh ngữ âm đồng nhất (cùng hoặc đối lập âm vực), chẳng hạn: “làn/lán”; “là/lạ”; “hoán/hoàn”; “đáy/đậy”; “thai/thái”, v.v...

Luyện nghe - hiểu:

- Luyện nghe nhận biết về số từ (ghi ra giấy), như ghi lại số phòng, biển số xe máy, ô tô; số điện thoại; thời gian 24 tiếng trong ngày...

- Luyện nghe bằng cách đánh dấu (hình thức trắc nghiệm) những thông tin đơn giản về một người nào đó: tên, tuổi, dân tộc, quốc tịch, nghề nghiệp, học hành, sở thích, nguyện vọng, quan hệ cá nhân, gia đình...

- Luyện nghe bằng hình thức trả lời (hỏi- đáp) những thông tin đơn giản về một người nào đó: tên, tuổi, dân tộc, quốc tịch, nghề nghiệp, học hành, sở thích, nguyện vọng, quan hệ cá nhân, gia đình...

- Luyện nghe hội thoại ngắn (1- 2 lượt phát ngôn) chứa đựng những thông tin đơn giản về những hoạt động trong đời sống hằng ngày như: thông báo giờ tàu xe, giá cả hàng hóa, tên món ăn, hóa đơn thanh toán, thời gian tàu, xe, máy bay cất cánh/hạ cánh, giá thuê nhà, thông báo về học phí, thông báo, mô tả công việc.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Tùy thực trạng người học, lớp học, có thể mở rộng chủ đề nghe để luyện tập kỹ năng nghe nhận biết và hiểu chính xác thông tin, từng bước phát triển năng lực nghe.

❖ *Kiểm chứng kết quả*

- Kiểm chứng kết quả của hoạt động dạy và học qua kết quả trả lời của người học trong mỗi hình thức luyện tập trên lớp.

- Kiểm soát kết quả của người học thông qua các bài tập về nhà;

- Có thể nhận được thông tin về kết quả học tập của người học qua những bài kiểm tra nhỏ thường tổ chức vào cuối buổi học hoặc được thực hiện trong nội dung của bài ôn tập.

❖ *Học liệu*

- Ngoài các ngôn bản chứa đựng thông tin trong những học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình, người dạy cần tự chọn thêm những ngôn bản thực (ngôn ngữ sống) để bổ sung, làm đa dạng hóa nguồn ngôn bản nghe, nhưng phải bảo đảm:

- Phù hợp với mục đích và yêu cầu của người học

- Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức với trình độ tương ứng.

ĐỌC

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY
VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

❖ *Năng lực chung*

Hiểu được những đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như: bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè ...

❖ *Năng lực đọc cụ thể:*

1. Đọc lấy thông tin và lập luận

Hiểu sơ bộ được nội dung của các văn bản đơn giản, quen thuộc hoặc các đoạn mô tả ngắn, nhất là khi có minh họa kèm theo.

2. Đọc tìm thông tin

Nhận ra được tên riêng, các từ ngữ quen thuộc, cơ bản trên những ghi chú đơn giản, thường gặp trong các tình huống giao tiếp hằng ngày.

3. Đọc văn bản, thư từ giao dịch

- Hiểu được các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp.

- Hiểu được và đi theo đúng các bản chỉ đường đơn giản (ví dụ: đi từ X tới Y).

4. Đọc xử lý văn bản

Viết lại được từ và các văn bản ngắn, trình bày ở dạng in chuẩn.

❖ *Yêu cầu cần đạt được*

Đọc, hiểu và tìm thông tin trong câu, đoạn của (đoạn) văn bản ngắn tương ứng với bậc 1, trả lời được những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp ở trình độ tương ứng.

❖ *Định hướng giảng dạy*

Dạy đọc hiểu chủ yếu nhằm vào đọc để lấy thông tin từ các (đoạn) văn bản ngắn.

Luyện những tiêu kỹ năng đọc quan trọng thường dùng cho học viên. Ở bậc này, trước hết chú ý đến luyện phát hiện, ghi chép những chi tiết riêng, đặc biệt, biết so sánh phát hiện những gì tương đồng, khác biệt về mặt ngôn ngữ, nội dung.

❖ *Thủ pháp phát triển kỹ năng*

1. Luyện đọc những ngữ đoạn, câu, liên kết để chuyển từ mã chính tả sang mã ngữ âm (chính tả và âm đọc). Đặc biệt chú ý các dấu thanh và những vần khó.

2. Luyện đọc những câu, nhóm câu, đoạn văn bản rất ngắn, nhận biết được từ, ngữ đoạn có nghĩa (qua việc dùng chỗ ngữ thích hợp) và nghĩa cả câu, liên kết nghĩa các câu để hiểu được đoạn văn bản.

3. Luyện đánh dấu (lấy) được thông tin đơn giản về người nào đó: tên, tuổi, dân tộc, quốc tịch, nghề nghiệp, học hành, sở thích, nguyện vọng và những quan hệ cá nhân, gia đình đơn giản của người đó.

4. Luyện đọc lấy thông tin đơn giản từ những văn bản ngắn hoặc đoạn văn bản về những hoạt động trong đời sống hằng ngày như: thông báo giờ tàu xe, giá cả hàng hóa, thực đơn trong nhà hàng, hóa đơn thanh toán, đặt vé tàu xe máy bay, giá thuê nhà, thông báo về học phí, thông báo, mô tả công việc ... đơn giản.

5. Có thể mở rộng chủ đề đọc để luyện tập kỹ năng nhận biết từ, phát triển vốn từ.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

6. Luyện đọc thành tiếng, đọc thầm lấy được thông tin, trả lời được câu hỏi đặt ra của giảng viên hoặc viết lại được các thông tin đó.

❖ *Kiểm chứng kết quả*

Lấy được thông tin, nội dung, trả lời được câu hỏi đặt ra của giảng viên hoặc ghi lại văn tắt được các thông tin trong bài.

❖ *Học liệu*

Ngoài các văn bản, thông tin trong học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình, giảng viên cần tự chọn những văn bản thực (ngôn ngữ sống) để bổ sung, làm đa dạng hóa nguồn văn bản đọc, nhưng phải bảo đảm:

- Phù hợp với mục đích và yêu cầu của học viên
- Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức

(Học viên có thể tự chọn những văn bản đơn giản, thực tế của mình)

NÓI

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

❖ *Năng lực chung*

Giao tiếp được một cách đơn giản với tốc độ chậm và còn phải diễn đạt lại sau khi sửa chữa. Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản. Có thể mở đầu và trả lời được bằng các câu tường thuật đơn giản trong phạm vi và chủ đề rất quen thuộc (ví dụ: bản thân, gia đình, trường học ...).

CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG

❖ *Định hướng giảng dạy*

Dạy/ luyện tập cho người học bắt chước một cách đơn giản các từ, các cụm từ, câu để phát triển năng lực phát âm, một số đặc trưng ngôn điệu và những khía cạnh khác. Qua đó người học cũng phát triển từ vựng, ngữ pháp. Trong cách luyện tập này, mối quan tâm chủ yếu của người dạy là “phát âm” chứ không phải là hiểu ngữ nghĩa hay khả năng tham gia vào cuộc thoại tương tác. Vai trò của

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

❖ *Năng lực nói cụ thể:*

1. Mô tả các trải nghiệm

Biết mô tả về người nào đó, nơi sinh sống và công việc của họ.

2. Lập luận trong thảo luận: Chưa yêu cầu khả năng thảo luận.

3. Trình bày trước người nghe

Trình bày được những đoạn ngắn có chuẩn bị trước (ví dụ: giới thiệu, đề nghị hay yêu cầu đơn giản).

4. Nói có tương tác

4.1. Mô tả chung về kỹ năng nói có tương tác

- Giao tiếp được ở mức độ đơn giản, tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại.

- Có khả năng hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, nói và ứng đáp được những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực mà mình quan tâm và về những chủ đề quen thuộc.

4.2. Hội thoại

- Giới thiệu, chào hỏi được trong giao tiếp cơ bản.

- Trao đổi được thông tin đơn giản với người đối thoại trong các hội thoại thông thường.

4.3. Giao dịch mua bán và dịch vụ

- Giao dịch được về hàng hóa và dịch vụ một cách đơn giản.

nghe ở đây chỉ là sự rèn luyện, tích lũy để người nói nhớ được những chuỗi ngôn ngữ ngắn được mô phỏng.

❖ *Thủ pháp phát triển kỹ năng*

(1) Luyện tập mô phỏng âm thanh

Mục đích của luyện tập nói mô phỏng là tăng cường tính chính xác trong lời nói của người học; chú ý nhiều hơn vào phát âm, đặc biệt là, các thanh điệu, những vần khó để giúp cho người học nói chính xác hơn. Tuy nhiên việc luyện tập lặp lại không được chiếm vai trò có tính ưu thế tuyệt đối trong việc phát triển toàn diện lời nói.

Những ngữ liệu luyện tập mô phỏng được thực hiện từ cấp độ từ đến cấp độ câu, tập trung thường xuyên vào những tiêu chí ngữ âm cụ thể. Trong phần luyện tập lặp lại đơn giản, người học có thể lặp lại một cặp từ, một câu hoặc một câu hỏi. Biến thể của cách luyện tập này là cung cấp cho người học những từ, ngữ đoạn kích thích được in trên giấy và họ phải đọc to lên. Đánh giá kết quả hình thức luyện tập này, có thể theo ba cấp:

- Phát âm có thể chấp nhận được;

- Phát âm đúng một phần, có thể hiểu được;

- Phát âm không đúng hoặc im lặng.

(2) Luyện tập qua máy

Luyện tập qua máy chủ yếu là luyện tập mô phỏng. Đây là một kiểu luyện nói. Trong số những nhiệm vụ của phần luyện tập, việc lặp lại một câu (từ 8 đến 12 tiếng) chiếm vị trí nổi bật. Luyện tập qua máy cung cấp cơ sở để đánh giá những bài tập lặp lại không chỉ về mặt phát triển khả năng ngữ âm của người học mà cả những khả năng tạo lập lời nói một cách toàn diện.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Sử dụng được con số để giao dịch về giá cả, số lượng, chi phí, thời gian.

4.4. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

Trả lời được các câu hỏi trực tiếp, đơn giản trong cuộc phỏng vấn được nói chậm, rõ ràng về các thông tin cá nhân.

5. Độ chuẩn xác của kỹ năng nói

5.1. Phát âm và độ lưu loát

- Phát âm được các thanh điệu trong các từ ngữ, câu ngắn với tốc độ chậm.

- Sử dụng được các câu rất ngắn, biệt lập, chủ yếu là những cấu trúc đơn giản đã học. Vẫn còn nhầm lẫn cao độ của các thanh điệu khi phát âm và ngắt ngừng khi diễn đạt.

5.2. Về mặt ngôn ngữ xã hội

- Sử dụng được một số ít cấu trúc ngữ pháp tương đối đơn giản đã học.

- Sử dụng được các nhóm từ, cách diễn đạt lịch sự đơn giản nhất hằng ngày (như: chào hỏi, giới thiệu, mời, cảm ơn, xin lỗi ...).

Luyện tập qua máy yêu cầu người học tạo lập lời nói miệng với sự trợ giúp của máy tính qua phone. Người học đọc to, lặp lại các câu, nói ra các từ ngữ trả lời các câu hỏi

VIẾT

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY
VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

❖ *Năng lực chung*

Viết được những cụm từ, câu đơn ngắn về bản thân và những người khác về nơi sống và công việc của họ.

❖ *Năng lực viết cụ thể:*

1) Viết luận

Viết được những cụm từ, câu đơn giản về bản thân và những người giả tưởng về nơi họ sống và công việc họ làm.

2) Viết có tương tác

2.1) *Mô tả chung về kỹ năng viết có tương tác*

Trình bày hoặc cung cấp được thông tin cá nhân bằng văn bản.

2.2) *Viết thư từ giao dịch*

Viết, trả lời được một bưu thiếp, điền các bảng, biểu mẫu đơn giản, email gồm vài ba câu.

2.3) *Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu*

Viết và điền được các con số, ngày tháng, tên riêng, quốc tịch, địa chỉ, tuổi, ngày sinh... (như điền tờ khai nhập cảnh Việt Nam hay điền vào mẫu đăng ký khách sạn...)

3) Xử lý văn bản

Chép lại được các từ ngữ đơn giản hay các văn bản ngắn được trình bày ở dạng in chuẩn.

4) Độ chính xác về chính tả

❖ *Định hướng giảng dạy*

Đào tạo cơ bản và luyện tập trong việc viết mô phỏng cho người học tiếng Việt ở trình độ bắt đầu là giảng dạy các quy tắc viết chữ, từ và những câu đơn giản.

❖ *Thủ pháp phát triển kỹ năng*

- *Copy:* Người học chỉ việc nhìn một số chữ và viết lại
- *Luyện tập nghe và lựa chọn:* Luyện tập nghe và lựa chọn kết hợp giữa đọc chính tả với bài viết đã được in sẵn có một số từ đã bị xoá đi. Một danh sách các từ bị xoá sẽ được cung cấp để người học lựa chọn điền vào chỗ bị xoá. Để tăng thêm độ khó, bảng danh sách các từ cho sẵn sẽ có thể dần dần bị bỏ đi không cung cấp nữa.
- *Luyện tập viết có tranh/ảnh gợi ý:* Những bức tranh/ảnh quen thuộc được đưa ra, và người học được yêu cầu viết từ thể hiện nội dung bức tranh/ảnh đó.
- *Luyện tập hoàn thiện các form:* Người học được yêu cầu điền vào bản đăng ký, đơn ..., người học phải điền tên, địa chỉ, số điện thoại và những thông tin khác vào mẫu.
- *Luyện tập viết bằng biến đổi các số và chữ viết tắt:* Người học viết ra được các số; chẳng hạn, giờ trong ngày, ngày trong tuần hoặc bản kế hoạch làm việc hoặc người học phải điền các số vào chỗ trống.
- *Luyện tập viết chính tả:* Người dạy đọc danh sách một số từ, để người học viết ra các từ đó. Người dạy có thể giúp người học kiểm soát lỗi nghe bằng việc chọn ra cho họ những từ mà họ đã từng gặp trước đó (đọc hoặc nghe) ở lớp học.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Chép lại được các từ ngữ ngắn quen thuộc, như tên các biển hiệu hoặc những lời chỉ dẫn đơn giản, tên các vật dụng hằng ngày, tên các cửa hiệu và các cụm từ thường xuyên sử dụng.

- Viết đúng chính tả địa chỉ, quốc tịch của mình và các thông tin cá nhân khác.

Người học cũng có thể được nghe và viết lại một bài chính tả dài.

- *Luyện tập viết dựa theo tranh/ảnh:* Những bức tranh/ảnh được đưa ra và luyện viết theo với mục tiêu tập trung vào những từ ngữ quen thuộc.
- *Luyện tập viết bằng lựa chọn một từ/câu* đúng trong nhiều từ /câu được đưa ra. Chiến lược này áp dụng khi luyện đọc lựa chọn một câu đúng trong nhiều câu có liên quan.
- *Luyện tập ghép những ký hiệu phiên âm quốc tế với chữ cái tiếng Việt.* Nếu người học đã làm quen với ký hiệu phiên âm quốc tế, thì họ được cung cấp những ký hiệu ngữ âm và được yêu cầu viết thành từ bằng các chữ cái tiếng Việt

BẬC 2

I-YÊU CẦU CHUNG

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Hiểu các câu và cấu trúc ngôn ngữ được sử dụng thường xuyên, liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản như: thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm. Có khả năng trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày, mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Có vốn ngôn ngữ cơ bản để xử lý các tình huống đã biết trước xảy ra hằng ngày, mặc dù đôi khi vẫn phải điều chỉnh nội dung thông điệp và tìm từ. - Diễn đạt được ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong đời sống hằng ngày như: thông tin cá nhân, thói quen, mong muốn, sở thích, trao đổi tin tức... 	
<h3>II-NỘI DUNG KIẾN THỨC</h3>	
<h4>NGŨ ÂM</h4>	
<h4>NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT</h4>	<h4>NỘI DUNG KIẾN THỨC</h4>
<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm rõ ràng, chính xác các loại hình âm tiết, tuy còn một vài hạn chế khi thanh điệu trong phát ngôn. - Nhận biết sự khác biệt và phát âm đúng các âm p t k- m, n, ɲ. - Phát âm được và tương đối rõ ràng các tổ hợp từ (ngữ), như từ ghép, từ láy..., tuy nhiên vẫn còn mắc lỗi về thanh điệu, trọng âm, những vần khó (inh - ích, ênh - éch, anh - ách, ong - óc, ông - óc, ung - úc). 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt đặc trưng (nét) ngắn/dài của các nguyên âm; - Nét tròn môi của thành phần âm đệm; - Đường nét thanh điệu. - Trường độ của hai thanh điệu “sắc” “nặng” ở âm tiết có âm cuối (- p, - t, - c/ch) - Chính tả và quy tắc chính tả viết âm đầu ng / ngh, c / k / q, g / gh.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Thể hiện được tương đối chính xác những câu đơn giản, phát ngôn ngắn về những chủ đề sinh hoạt, hoạt động hằng ngày, thông tin cá nhân, thói quen, mong muốn, sở thích, trao đổi tin tức đơn giản.... Tuy nhiên vẫn còn hạn chế và chưa kiểm soát được trọng âm.</p> <p>- Viết lại đúng chính tả các từ ngữ qua nghe trực tiếp hoặc qua giọng đọc.</p> <p>- Chép lại được những câu ngắn về các chủ đề thông thường, hằng ngày đã được học (ví dụ: các câu chỉ đường, hướng dẫn thuê chỗ ở, thực đơn các món ăn, tên nhà hàng, biển hiệu...).</p>	
TỪ VỰNG	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG KIẾN THỨC
<p>- Có đủ vốn từ để thực hiện các giao tiếp thường ngày về các chủ đề và trong các tình huống quen thuộc.</p> <p>- Diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và xử lý những nhu cầu đơn giản nhất.</p> <p>- Kiểm soát từ vựng. Làm chủ được một vốn từ vừa phải, đủ để diễn đạt các nhu cầu cụ thể hằng ngày.</p>	<p>CHỦ ĐỀ TỪ VỰNG</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cá nhân • Chúc mừng, thăm hỏi • Đi bác sỹ • Địa điểm • Gia đình • Giải trí, du lịch • Giao thông, đi lại • Hàng hóa, mua sắm • Mô tả người

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Nhà cửa • Nơi công cộng • Ở bưu điện • Ở cửa hàng lưu niệm • Ở cửa hàng quần áo • Ở khách sạn • Ở ngân hàng • Ở phòng vé máy bay • Ở rạp chiếu phim • Phương tiện giao thông • Quán xá • Sở thích, thói quen • Thành phố • Thời gian • Thời tiết • Thời tiết, khí hậu • Trường học
NGŨ PHÁP	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG KIẾN THỨC

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Sử dụng được những kiểu câu đơn giản, các ngữ đoạn phụ thuộc danh ngữ, động ngữ, cụm từ ngắn thuộc những mô thức giao tiếp để trình bày về bản thân, về người khác, về công việc, về một địa danh, một vật sở hữu nào đó...</p> <p>- Sử dụng đúng một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để diễn đạt ý mình muốn truyền đạt.</p>		
STT	Nội dung	Ví dụ mẫu
Bài 1	<ul style="list-style-type: none"> - nên/cần/phải - cấm/đừng/không được - Khi ... thì... - Khi nào ... thì... 	<ul style="list-style-type: none"> - Khi mua hàng thì anh nên mặc cả. - Cấm hút thuốc. - Khi anh muốn sang đường thì cần chú ý xe máy.
Bài 2	<ul style="list-style-type: none"> - bằng - hãy... đi! - làm ơn/xin - muốn, định 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi nên đi miền Nam bằng gì? - Hãy đi tàu hoả đi! - Anh làm ơn dừng ở phía trước! - Tôi muốn đi phố Nhà Thờ.
Bài 3	<ul style="list-style-type: none"> - những, các - thường, luôn luôn - ít, nhiều, đông, vắng - ai cũng..., cái gì cũng... 	<ul style="list-style-type: none"> - Những ngày Tết, phố phường Hà Nội luôn vắng người. - Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố đông người nhất. - Ở thành phố cái gì cũng đắt.
Bài 4	<ul style="list-style-type: none"> - đã... bao giờ chưa? - chắc là - mà ở cuối câu - mà - Tuy ... nhưng ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Anh đã uống cà phê ở đây bao giờ chưa? - Món này chắc là ngon lắm! - Đây là quán nổi tiếng nhất Hà Nội mà! - Quán mà chúng ta sẽ đến ở phố Quang Trung. - Tuy là quán vỉa hè nhưng rất đông người.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 5	ÔN TẬP	
Bài 6	<ul style="list-style-type: none"> - có - hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn... - rộng, dài, cao, thấp... - toàn thể, toàn bộ - hay/hoặc 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường đại học của tôi có hàng trăm sinh viên nước ngoài. - Có hàng trăm sinh viên nước ngoài đang học ở đây. - Ngôi trường này rộng 30.000m². - Ngày mai toàn thể sinh viên nghỉ học. - Bạn có thể chọn học buổi sáng hoặc buổi chiều.
Bài 7	<ul style="list-style-type: none"> - bị, được - sao = thế nào? - trông, thấy - nhờ ... - càng...càng, càng ngày càng 	<ul style="list-style-type: none"> - Mẹ tôi bị đau lưng. - Anh bị làm sao? - Trông anh vẫn mệt đấy! - Nhờ bác sỹ kiểm tra cho tôi! - Ông tôi càng ngày càng khoẻ hơn.
Bài 8	<ul style="list-style-type: none"> - có/còn - trước, sau - trước khi, sau khi - “đã” ở cuối câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Khách sạn còn phòng không chị? - Chúng tôi sẽ mang hành lý lên phòng cho anh sau! - Trước khi ra ngoài, xin gửi chìa khoá tại quầy lễ tân! - Ăn cơm đã.
Bài 9	<ul style="list-style-type: none"> - mấy/vài - nhớ + Đ - ngoài, ngoài ra - chỉ...thôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Chúng tôi chỉ còn mấy vé hạng thương gia thôi! - Anh nhớ đến sân bay trước 12 giờ nhé! - Ngoài hành lý gửi, anh có thể xách tay 7kg. - Tôi chỉ có một con thôi.
Bài 10	ÔN TẬP	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 11	<ul style="list-style-type: none"> - gửi, chuyển, đưa - ra, vào, lên, xuống - giúp/hộ/giùm - cả...lần 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi muốn gửi tấm bưu thiếp này đi Mỹ! - Anh đi lên tầng 2 nhé! - Chị đóng gói giúp tôi nhé! - Cả phí vận chuyển lẫn tem là 100.000 đồng!
Bài 12	<ul style="list-style-type: none"> - vừa ... vừa... - sắp...chưa? - hình như...thì phải. - vì...nên - sợ dĩ ...là vì 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoa phượng sắp nở chưa? - Mùa hè vừa nóng vừa ẩm. - Hình như trời sắp mưa thì phải! - Vì Việt Nam thuộc vùng khí hậu nhiệt đới nên thời tiết nóng ẩm vào mùa hè.
Bài 13	<ul style="list-style-type: none"> - gửi lời ... tới - chúc/chúc mừng - thế nào...cũng - xin/xin phép 	<ul style="list-style-type: none"> - Xin gửi tới anh chị lời chúc mừng hạnh phúc! - Tôi thế nào cũng đến tham dự lễ cưới của anh chứ! - Xin phép nâng cốc chúc sức khỏe mọi người!
Bài 14	<ul style="list-style-type: none"> - hay/hoặc - Đ + xong, - Đ + ngay! - không + ... cũng không + ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Anh muốn lấy bức tranh sơn mài hay tranh thêu? - Tôi sẽ đi ngay. - Bức tranh thêu này không đắt lắm cũng không nặng.
Bài 15	ÔN TẬP	
Bài 16	<ul style="list-style-type: none"> - từng, mỗi - có ...mới ... - kéo, nếu không thì... - giá...thì 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất mỗi tháng bao nhiêu? - Anh có đăng ký dịch vụ này mới có thể rút tiền ở nước ngoài được. - Anh chú ý giữ thẻ ngân hàng cẩn thận kéo bị mất. - Giá tôi có nhiều tiền thì tôi sẽ gửi hết vào ngân hàng để tiết kiệm.
Bài 17	<ul style="list-style-type: none"> - thử ...xem... - không đâu/có...đâu - vì thế, vì vậy, cho nên... - hễ...là... 	<ul style="list-style-type: none"> - Chị mặc thử chiếc áo này xem! - Tôi không nói thách đâu! - Hôm nay là chủ nhật, nhiều người đi mua sắm. Vì thế, cửa hàng nào cũng đông người.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

		- Hễ thấy quần áo màu vàng là tôi phải xem ngay.
Bài 18	- nhau, lẫn nhau, cho nhau - mời, rủ, đề nghị, yêu cầu - trở nên, trở thành - do ...+ Đ	- Hôm nay cả lớp tôi rủ nhau đi xem phim. - Đề nghị mọi người xếp hàng vào phòng chiếu! - Vai nữ chính do Hồng Ánh đóng đấy! - Sau khi tham gia phim này, chị ấy đã trở nên nổi tiếng.
ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA –ĐÁNH GIÁ		
III.THỰC HÀNH GIAO TIẾP VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG		
NGHE		
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT		CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <p>- Hiểu khá đầy đủ thông tin và hỏi đáp bằng việc thực hiện một yêu cầu cụ thể sau khi nghe một phát ngôn rõ ràng và chậm.</p> <p>- Hiểu được các cụm từ và câu đơn giản liên quan đến những lĩnh vực như thông tin cơ bản về cá nhân và gia đình, thông tin mua sắm, địa lý địa phương, việc làm... khi người nói diễn đạt rõ ràng và chậm.</p> <p>❖ <i>Năng lực nghe cụ thể:</i></p> <p>1) Nghe hội thoại giữa những người Việt Nghe và xác định được chủ đề của cuộc thảo luận được nói chậm và rõ ràng.</p> <p>2) Nghe trình bày và hội thoại</p>		<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <p>- Luyện nghe chủ yếu vẫn nhằm vào khả năng nghe để nhận biết và hiểu thông tin từ các ngôn bản (văn bản nói và đọc) ngắn, được lựa chọn, có độ khó phù hợp với các bước thực hiện chiến lược giảng dạy từ dễ đến khó.</p> <p>- Qua luyện nghe, từng bước có thể điều chỉnh, cải thiện khả năng phát âm của người học qua sự đối sánh với những ngôn bản (trực tiếp hay ghi âm) được phát ra với giọng đọc chính xác.</p> <p>- Ôn định cho người học mối tương quan âm - chữ thông qua những tiểu kĩ năng nghe cơ bản (như viết chính tả, nghe - ghi, nghe - điền từ... v.v) nhằm hỗ trợ người học phát triển khả năng nghe viết.</p> <p>- Bên cạnh luyện nghe hiểu những chi tiết đơn giản, dễ nhận biết và dễ hiểu (bậc 1) bổ sung những kỹ năng tương ứng với trình độ bậc 2.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bắt đầu hiểu được một phần nội dung chính của những bài nói ngắn và đơn giản.

3) Nghe thông báo, hướng dẫn

- Nắm bắt được những điểm chính trong thông báo rõ, ngắn, đơn giản.

- Hiểu được những chỉ dẫn đơn giản (ví dụ: chỉ dẫn đi bộ hoặc đi xe từ X đến Y).

❖ *Yêu cầu cần đạt được*

- Người nghe, nhận biết được thông tin chứa đựng trong những phát ngôn, hội thoại hay ngôn bản có số lượng từ vựng vừa phải; có cấu trúc đơn giản nhưng đã được mở rộng; trả lời được những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp ở trình độ tương ứng.

- Người nghe nhận biết được và tự điều chỉnh phát âm trong những từ song tiết, những đặc trưng ngữ âm của các thanh điệu còn chưa hoàn thiện, đồng thời ghi lại tương đối chính xác những cụm từ, phát ngôn đơn giản.

❖ *Thủ pháp phát triển kỹ năng nghe*

1. Luyện nghe để hoàn thiện phát âm và chính tả

- Nghe và ghi lại những cụm từ, câu hay phát ngôn đơn giản nghe được trước hết bằng cách sử dụng những cụm từ đã học hoặc đã xuất hiện trong các hội thoại, hay ngôn bản đã được học.

- Nghe và điền vào chỗ trống những từ ngữ, cụm từ thông dụng, thường gặp, đặc biệt các từ ngữ, cụm từ trong các phát ngôn hỏi, như “Người nước nào? Máy giờ rồi? Bằng phương tiện gì? ...”

- Nghe và ghi lại nội dung (nghe ghi) của một ngôn bản ngắn, có thể là một cuộc thoại giữa hai người, một đoạn văn, một câu chuyện, thậm chí miêu tả về một sự kiện, ...

2. Luyện nghe - hiểu:

- Luyện nghe nhận biết và lựa chọn về một đồ vật, một bức tranh, chân dung của một nhân vật nào đó, ... qua việc miêu tả, đối sánh trên cơ sở tương đồng và sự khác biệt giữa các đối tượng để xác định đối tượng cần tìm trên cơ sở những nét khác biệt đã được nghe.

- Luyện nghe bằng cách đánh dấu hay trả lời đúng/sai những thông tin đơn giản về một người nào đó: tên, tuổi, dân tộc, quốc tịch, nghề nghiệp, học hành, sở thích, nguyện vọng, quan hệ cá nhân, gia đình, ...

- Luyện nghe bằng hình thức nghe và hành động theo yêu cầu nội dung nghe, chẳng hạn như: “Anh Nam, bỏ bút xuống và đi ra ngoài; Chị Lan, hãy nghe câu hỏi của tôi và trả lời; Anh Tân, đến góc kia mang cái ghế tới đây cho tôi”, ...

- Luyện nghe nội dung của những ngôn bản ngắn, có thể là hội thoại (3-5 lượt lời), đoạn ngôn bản dưới 100 tiếng, hoặc một câu chuyện

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

vui, chứa đựng những thông tin liên quan đến sinh hoạt, đời sống hằng ngày như: thông báo giờ tàu xe, giá cả hàng hóa, tên món ăn, hóa đơn thanh toán, thời gian tàu, xe, máy bay cất cánh/hạ cánh, giá thuê nhà, thông báo về học phí, thông báo, mô tả công việc ...

- Luyện nghe xác định phương hướng, điểm cần đến, chỉ dẫn đường qua những hội thoại ngắn giữa hai người Việt (có thể qua đĩa, băng ghi âm), hoặc bằng sơ đồ minh họa. ...v.v.

- Tùy thực trạng người học, lớp học, có thể mở rộng chủ đề nghe để luyện tập kỹ năng nghe nhận biết và hiểu chính xác thông tin, từng bước phát triển năng lực nghe.

❖ *Kiểm chứng kết quả*

- Kiểm chứng kết quả của hoạt động dạy và học qua kết quả trả lời của người học trong mỗi hình thức luyện tập trên lớp.

- Kiểm soát kết quả của người học thông qua các bài tập về nhà.

- Có thể nhận được thông tin về kết quả học tập của người học qua những bài kiểm tra nhỏ thường tổ chức vào cuối buổi học hoặc được thực hiện trong nội dung của bài ôn tập.

❖ *Học liệu*

- Ngoài các ngôn bản chứa đựng thông tin trong những học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình, giảng viên cần tự chọn thêm những ngôn bản thực (ngôn ngữ sống) để bổ sung, làm đa dạng hóa nguồn ngôn bản nghe, nhưng phải bảo đảm:

- Phù hợp với mục đích và yêu cầu của người học.

- Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức với trình độ tương ứng

ĐỌC

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <p>Hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về những vấn đề quen thuộc, cụ thể; có khả năng sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.</p> <p>❖ <i>Năng lực đọc cụ thể:</i></p> <p>1) Đọc lấy thông tin và lập luận</p> <p>Xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, quảng cáo và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.</p> <p>2) Đọc tìm thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được các thông tin cụ thể, dễ đoán trong các văn bản đơn giản thường gặp như quảng cáo, thực đơn, danh mục tài liệu tham khảo và thời gian biểu... - Định vị được thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin cần tìm (ví dụ: tìm ra số điện thoại một loại dịch vụ nào đó trong danh bạ). - Hiểu được các ký hiệu thường gặp, các biển báo, thông báo ở nơi công cộng (trên đường phố, trong nhà hàng, bến xe, nhà ga...) hay ở nơi làm việc (biển chỉ đường, biển hướng dẫn, biển cảnh báo nguy hiểm, ...) <p>3) Đọc thư từ, văn bản giao dịch</p>	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy đọc vẫn chủ yếu nhằm vào khả năng đọc để lấy thông tin từ các văn bản ngắn, được lựa chọn có độ khó phù hợp với các bước thực hiện chiến lược giảng dạy từ dễ hơn đến khó hơn. - Luyện đọc tập trung và đọc mở rộng. <p>Trình tự giảng dạy (luyện tập): từ đơn giản đến phức tạp (dễ trước khó sau); giảng dạy theo thứ tự thời gian (trước - sau), giảng dạy theo nhu cầu và phải có những phần học tiên quyết (để cung cấp nền tảng cho phần học sau); giảng dạy từ toàn thể đến bộ phận hoặc từ bộ phận đến toàn thể (từ văn bản đến đoạn, hoặc từ đoạn đến toàn văn bản). Giảng dạy theo trình tự xoay tròn ốc (giảng dạy lại điều gì đó nhưng có những mặt/nội dung mới ở vòng sau).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện những tiêu kỹ năng đọc quan trọng thường dùng cho học viên: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Nắm rõ những ý tưởng chính của văn bản/ đoạn văn.</i> + <i>Biết phát hiện, ghi chép những chi tiết riêng, đặc biệt.</i> + <i>Phát hiện, đánh dấu những chỗ cần/có thể suy luận.</i> + <i>Biết so sánh những gì là tương đồng, khác biệt về mặt ngôn ngữ, nội dung trong văn bản đang đọc với vốn ngôn ngữ đã biết.</i> + <i>Biết dựa vào ý chính của văn bản và ngữ cảnh để đoán trước nội dung của đoạn, của câu hoặc từ ngữ không quen.</i> <p>❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng đọc</i></p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Hiểu được loại thư từ và văn bản điện tử ngắn gọn cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận...) về các chủ đề quen thuộc.</p> <p>- Hiểu được các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản.</p> <p>- Hiểu được các quy định (ví dụ: quy định về an toàn) diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản.</p> <p>- Hiểu được các hướng dẫn đơn giản sử dụng các thiết bị trong đời sống hằng ngày như cách vào mạng Internet, điện thoại công cộng...</p> <p>4) Đọc xử lý văn bản</p> <p>- Nhận ra và chép lại được các từ và ngữ đoạn hoặc các câu ngắn từ một văn bản.</p> <p>- Chép lại được các văn bản ngắn được trình bày dạng in hoặc viết tay</p> <p>❖ Yêu cầu cần đạt được</p> <p>Đọc, hiểu và tìm thông tin trong câu, đoạn của văn bản ngắn tương ứng với bậc 2, có khả năng sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày để trả lời được những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp ở trình độ tương ứng.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luyện đọc, hiểu và xác định được thông tin cụ thể theo yêu cầu trong các danh sách (số điện thoại trong danh bạ, giá tiền của thứ cần mua, tìm địa chỉ trên mạng Internet, thời gian biểu). 2. Luyện đọc hiểu những câu, nhóm câu, đoạn văn bản ngắn (ví dụ chỉ dẫn giao thông, quảng cáo, biển báo trên đường, trong các văn phòng), nhận biết được nghĩa của cả câu, liên kết nghĩa các câu để hiểu được đoạn văn bản. 3. Luyện đọc những văn bản ngắn, lấy thông tin về những hoạt động trong đời sống hằng ngày như: hướng dẫn trong đơn thuốc, lịch trình du lịch, đặt vé tàu xe máy bay, thông báo giá và thời hạn thuê nhà, thuê phòng khách sạn... 4. Luyện đọc những văn bản ngắn, hiểu ý tưởng chính của văn bản như nội quy phòng ở khách sạn, những Email ngắn có nội dung thăm hỏi, thông báo, mô tả công việc ... 5. Luyện đọc, hiểu thông tin của các câu, liên kết thông tin giữa các câu để hiểu nội dung đoạn văn bản hoặc văn bản ngắn. 6. Luyện kỹ năng nhận biết từ, phát triển vốn từ qua việc luyện đọc mở rộng. 7. Luyện đọc và xử lý văn bản qua việc chép lại được những câu từ văn bản, viết văn bản vắn tắt vài ba câu để trả lời/ ghi chú cho lịch sinh hoạt cá nhân. <p style="text-align: center;">❖ <i>Kiểm chứng kết quả</i></p> <p>Lấy được thông tin, nội dung, trả lời được câu hỏi đặt ra của giảng viên hoặc tóm tắt được các thông tin trong bài.</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Học liệu</i></p>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Ngoài các văn bản, thông tin trong học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình. Giảng viên cần tự chọn thêm những văn bản thực (ngôn ngữ sống), làm đa dạng hóa nguồn văn bản đọc, nhưng phải bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục đích và yêu cầu của học viên. - Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức. <p>(Học viên có thể tự chọn những văn bản phù hợp về các chủ đề liên quan mà mình yêu thích, quan tâm)</p>
NÓI	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp một cách dễ dàng, chấp nhận được, trong những bối cảnh cụ thể và những cuộc hội thoại ngắn, với điều kiện có người khác giúp nếu cần thiết. - Có khả năng điều hành các cuộc trao đổi đơn giản thường gặp mà không cần phải cố gắng quá nhiều. - Có khả năng hỏi và trả lời câu hỏi, trao đổi ý kiến và thông tin về các chủ đề quen thuộc trong sinh hoạt thường ngày. - Giao tiếp đơn giản được trong công việc. - Xử lý được các cuộc trao đổi rất ngắn, nhưng thường hiểu không đầy đủ để có thể duy trì cuộc nói chuyện theo cách của mình. 	<p>a) Định hướng giảng dạy Tập trung vào luyện tập các tiểu kỹ năng để phát triển năng lực nói. Mỗi tiểu kỹ năng phải được thực hiện luyện tập bằng những chiến lược cụ thể.</p> <p>b) Thủ pháp phát triển kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chiến lược luyện nói tập trung sâu <ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập nói tập trung sâu yêu cầu người học tạo lập một chuỗi lời nói ngắn, thể hiện khả năng kết hợp ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa để có thể trả lời câu hỏi, biết kết hợp với người đối thoại ở mức tối thiểu nhất. - Phải luyện tập trung sâu yêu cầu người học luyện những bài tập trả lời trực tiếp, đọc to câu và đoạn hội thoại đầy đủ,

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>❖ <i>Năng lực nói cụ thể:</i></p> <p>1) Mô tả các trải nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết mô tả gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, công việc hiện tại và công việc gần nhất trước đó của bản thân. - Biết mô tả những những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc... - Biết mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ, sở thích và kinh nghiệm cá nhân. <p>2) Lập luận trong thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được chủ đề của cuộc thảo luận được nói chậm và rõ ràng mà mình tham dự. - Thực hiện và đáp ứng được những lời đề nghị của người khác. - Thể hiện được sự đồng ý và không đồng ý với người khác. - Thảo luận được về các vấn đề thực tế hằng ngày một cách đơn giản khi được nghe nói trực tiếp, chậm và rõ ràng. - Thảo luận được về những việc cần làm và sắp xếp để đáp ứng những điều đó. <p>3) Trình bày trước người nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ngắn gọn được thông tin có chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc hằng ngày hoặc lý do 	<p>những bài tập dựa vào tranh để nói những chuỗi câu đơn giản và dịch câu đơn giản.</p> <p>Các thủ pháp cụ thể phát triển kỹ năng nói tập trung sâu gồm:</p> <p>(1) Luyện tập trả lời trực tiếp</p> <p>Người dạy nêu ra một hình thức ngữ pháp cụ thể hoặc yêu cầu người học biến đổi một câu. Chiến lược này yêu cầu một quá trình tạo lập ngữ nghĩa tối thiểu tức là người học phải tạo lập được những câu đúng ngữ pháp.</p> <p>(2) Luyện tập đọc to</p> <p>Luyện tập đọc to từ cấp độ câu tới một hoặc hai đoạn văn. Cung cấp văn bản cho người học hướng dẫn người học ghi lại những ngữ đoạn cần thiết. Việc đọc to có thể giúp ích cho khả năng tạo lập lời nói một cách toàn diện.</p> <p>Việc nghe băng là cần thiết để phát triển khả năng của người học để nhận diện và nói đúng các nguyên âm, phụ âm, trọng âm, thanh điệu, ngữ điệu. Tất cả các lỗi phát âm cần liệt kê vào một bảng thống kê. Bảng thống kê này sẽ cung cấp những căn cứ để phát triển khả năng của người học một cách chính xác.</p> <p>Thủ pháp phát triển nói trên đây có thể phối hợp với một văn bản hơn 100 tiếng và dành một tỷ lệ thích hợp cho sự phát âm chính xác và trôi chảy.</p> <p>Người dạy cần đánh giá về tính chính xác của phát âm. Tiêu chí “có thể hiểu được” là tiêu chí chính. Cũng có thể dùng một số cách luyện tập có nhiệm vụ đọc đơn giản một văn bản ngắn như:</p>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>và lời giải thích ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được những câu hỏi trực tiếp, đôi khi có thể hỏi lại và người nghe hỗ trợ cách trả lời. <p>4) Nói có tương tác</p> <p>4.1) <i>Mô tả chung về kỹ năng nói có tương tác</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng giao tiếp được về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình. - Có khả năng giao tiếp dễ dàng trong những hội thoại ngắn ở những tình huống giao tiếp xác định mà không cần phải quá cố gắng. <p>4.2) <i>Hội thoại</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử lý được các giao tiếp xã hội ngắn nhưng chưa duy trì được hội thoại theo cách riêng của mình. - Sử dụng được cách chào hỏi lịch sự, đơn giản thường ngày. - Đưa ra và ứng đáp được lời mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn. - Nói được điều mình thích và không thích. - Tham gia được những cuộc hội thoại ngắn trong những tình huống quen thuộc, về những chủ đề mà mình quan tâm. <p>4.3) <i>Giao dịch mua bán và dịch vụ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc một đoạn hội thoại được xây dựng giống như một kịch bản với một số người đọc khác nhau, mỗi người đọc từng phần riêng. - Đọc thông tin từ trong bảng, biểu. <ul style="list-style-type: none"> • Chiến lược luyện nói bằng nhiệm vụ hoàn chỉnh câu, đoạn hội thoại và bảng câu hỏi. <p>Để thực hiện chiến lược này có thể dùng thủ pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu người học nói ra, làm đầy, hoàn chỉnh một phiên thoại đã bị lược bỏ đi. Người học được dùng một lượng thời gian đủ để đọc qua đoạn hội thoại đó để nắm được những ý chính và nghĩ ra những phiên đối thoại phù hợp để điền vào đó. Sau đó, dùng băng đã ghi âm phát lại phần kích thích của cuộc hội thoại (đọc phiên thoại kích thích). Người học phải trả lời những câu hỏi hay ngữ đoạn kích thích. - Người dạy kiểm soát những câu trả lời của người học trong tạo lập ngôn ngữ về các phương diện ngôn ngữ xã hội học, văn hóa. - Người dạy có thể thay thế hình thức điền ở trên bằng “bảng câu hỏi miệng”. Người học được yêu cầu trả lời bằng những loại thông tin cơ bản và những nội dung ngữ pháp cũng rất cơ bản theo hình thức nói hoặc viết hoặc kết hợp cả hai hình thức này. <ul style="list-style-type: none"> • Luyện nói theo tranh/ảnh gợi ý kèm theo <p>Thủ pháp luyện tập theo tranh gợi ý kèm theo nhằm kích thích việc nói năng bằng miệng trong luyện tập tập trung sâu và mở rộng. Nó kích thích người học nói ra theo tranh việc luyện tập có tranh/ảnh gợi ý kèm theo sẽ yêu cầu người học miêu tả lại những bức tranh này. Tranh/ảnh được thiết kế để người học theo đó mà nói ra các từ,</p>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Nói được yêu cầu cung cấp hàng hóa và dịch vụ hằng ngày như đi lại, chỗ ở, ăn uống, mua sắm.</p> <p>- Có khả năng lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện, ngân hàng...</p> <p>- Có khả năng yêu cầu cung cấp thông tin và hiểu được những thông tin liên quan tới con số, khối lượng, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>- Xử lý được những tình huống giao tiếp về chỗ ở, ăn uống, giải trí và mua sắm ... khi đi du lịch.</p> <p><i>4.4) Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn</i></p> <p>- Tả lời được phỏng vấn và khẳng định quan điểm của mình bằng lời nói đơn giản.</p> <p>- Có khả năng làm cho người phỏng vấn hiểu được và trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc, tuy đôi khi vẫn cần được nhắc lại câu hỏi hoặc phải diễn đạt lại cho dễ hiểu hơn.</p> <p>5) Độ chuẩn xác của kỹ năng nói</p> <p><i>5.1) Phát âm và độ lưu loát</i></p> <p>- Phát âm rõ ràng, tương đối đúng các thanh điệu khi sử dụng câu ngắn, nhưng đôi khi người đối thoại vẫn phải yêu cầu nhắc lại.</p> <p>- Có khả năng làm cho người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn khi tìm cách diễn đạt lại.</p>	<p>cụm từ hay câu và chuỗi câu, nói về câu chuyện hoặc về sự việc trong tranh/ ảnh.</p> <p>Việc nói theo tranh/ ảnh hoặc luyện tập nói theo bản đồ thể hiện những quan điểm riêng, thuyết phục người khác ... tạo ra những độ khó khác nhau. Người dạy phải tính toán trước đến các đặc điểm về: ngữ pháp, từ vựng, tính mạch lạc, tính trôi chảy, phát âm...</p> <p>Mỗi một kiểu luyện tập có thể được đánh giá riêng từng phần, rồi tổng hợp lại để có toàn bộ phần luyện tập có tính toàn diện. Nếu có thể, cần phải ghi âm lại những lời phát biểu của người học trong phần luyện tập này.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Luyện nói theo cặp <ul style="list-style-type: none"> <i>Một Thủ pháp khác gợi ý luyện nói bằng tranh/ảnh là yêu cầu người học nói theo cặp.</i> Mỗi cặp người học được cung cấp một bộ tranh/ảnh gồm bốn bức tranh được đánh số từ 1 đến 4, mỗi bức tranh/ảnh này nói chung giống nhau nhưng chỉ khác nhau ở một vài chi tiết. Một người học miêu tả 1 trong 4 bốn bức tranh/ảnh bằng một vài từ hay một vài câu. Người học thứ hai phải xác định bức tranh được miêu tả là bức tranh nào. • Luyện nói qua dịch <ul style="list-style-type: none"> Thay cho việc cung cấp những bức tranh hoặc những ngữ đoạn kích thích được viết ra, ở đây, người học được cung cấp những từ, cụm từ hoặc câu và được yêu cầu dịch ra ngôn ngữ thứ nhất hoặc tiếng Anh và ngược lại. Những điều kiện dịch và thủ pháp dịch có thể có những hình thức khác nhau. <p>- Yêu cầu người học dịch nói ngay tức thì những đơn vị ngôn ngữ được yêu cầu.</p>
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>5.2) <i>Sự phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được nhiều cấu trúc ngữ pháp đơn giản đã học; - Sử dụng được một số cách nói lịch sự có dùng từ <i>xin, vâng, dạ, ạ ...</i> - Sử dụng được một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày; - Có khả năng giao tiếp phù hợp với tình huống đơn giản trong gia đình, lớp học, công việc thông thường 	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép họ có thời gian suy nghĩ lâu hơn để dịch văn bản dài hơn. Những văn bản này có thể được cung cấp để người học thực hiện dịch trong hình thức viết. - Người dạy kiểm soát đầu ra của người học, xác định được năng lực của người học. <ul style="list-style-type: none"> • Luyện tập trả lời câu hỏi <p>Việc phát triển lời nói bằng trả lời câu hỏi hay ứng đáp lại những kích thích cần có sự kết hợp giữa những người cùng đối thoại. Khác với những luyện tập tập trung sâu, luyện tập trả lời cho phép người học có thể tăng thêm sự sáng tạo của mình bằng những phát ngôn dài hơn nhằm đáp ứng những nhiệm vụ cao hơn.</p>
<h3 style="margin: 0;">VIẾT</h3>	
<h4>NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT</h4>	<h4>CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG</h4>
<ul style="list-style-type: none"> ❖ <i>Năng lực chung</i> <p>Viết được các mệnh đề, câu đơn nối với nhau bằng các liên từ như và, nhưng, vì ...</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ <i>Năng lực viết cụ thể:</i> <p>1) Viết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được chuỗi cụm từ hay những câu đơn giản về bản thân và gia đình của mình, về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc công việc gần đây nhất của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ <i>Định hướng giảng dạy</i> <p>Ở trình độ bậc 2, chủ yếu luyện cho người học thể hiện khả năng của mình về ngữ pháp, từ vựng, chưa cần phải thể hiện ngữ nghĩa cho một mục đích xác định. Luyện tập từ vựng - ngữ pháp để thể hiện khả năng kết hợp hoặc sử dụng từ một cách chính xác của người học.</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i> <p>Dưới đây là những chiến lược luyện tập cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Viết chính tả và nghe ghi

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Viết được một tiểu sử ngắn gọn của một người nào đó.</p> <p>2) Viết có tương tác</p> <p>2.1) <i>Mô tả chung về kỹ năng viết có tương tác</i> Viết được những ghi chú ngắn, sử dụng được biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực mình quan tâm.</p> <p>2.2) <i>Viết thư từ giao dịch</i> Viết được thư cá nhân đơn giản để cảm ơn hoặc xin lỗi.</p> <p>2.3). <i>Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được tin nhắn ngắn, đơn giản. - Viết được các ghi chú ngắn, đơn giản liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm. <p>3) Xử lý văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và viết lại được những từ, ngữ đoạn quan trọng hoặc những câu ngắn thành một đoạn văn vừa phải, theo khả năng và kinh nghiệm của bản thân. - Chép lại được những văn bản ngắn được trình bày dưới dạng in hoặc viết tay 	<p>Luyện tập viết chính tả là luyện tập về sự tương tác giữa lời nói với chữ viết. Viết chính tả là viết ra những cái mà người ta nghe được. Người học phải nghe văn bản nói liên tục trong quá trình viết, và họ phải thể hiện các dấu câu và chính tả của một đoạn hoặc hơn một đoạn. Chiến lược này thuộc loại tập trung sâu của kỹ năng viết.</p> <p>Một hình thức viết có kiểm soát khác liên quan tới việc viết chính là nghe - ghi. Trong hình thức viết này, một đoạn văn được đọc với nhịp độ bình thường (thường là người đọc đọc hai hoặc ba lần) sau đó, yêu cầu người học viết lại đoạn văn mà họ đã nghe và nhớ được.</p> <p>Một trong những biến thể khác của chiến lược nghe - ghi là người dạy sau khi đọc một đoạn văn bản thì phân phát những bài viết với những từ khoá có trong đoạn vừa đọc nhằm gợi ý cho người học.</p> <p>Trong cả hai trường hợp, chép chính tả hay nghe ghi đều được coi như một quá trình tập trung sâu. Người học phải tiếp thu nội dung của đoạn văn bản âm thanh, nhớ một số cụm từ hoặc đơn vị từ vựng như là những từ chìa khoá, sau đó, tái tạo lại câu chuyện bằng những từ, ngữ riêng của họ.</p> <p>❖ Luyện tập viết bằng hình thức chuyển đổi ngữ pháp</p> <p>Người dạy sử dụng những chiến lược này để luyện về khả năng ngữ pháp. Một số kiểu luyện tập cần chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Thay đổi phương thức biểu thị thời gian của một đoạn văn;</i> • <i>Chuyển đổi câu hỏi;</i> • <i>Thay câu hỏi bằng câu tường thuật;</i>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • <i>Liên kết hai câu thành một câu;</i> • <i>Chuyển câu trực tiếp thành câu gián tiếp;</i> • <i>Chuyển câu chủ động thành câu bị động.</i> <p>❖ Luyện viết dựa vào tranh/ảnh Người học thay thế việc miêu tả sự tình trong tranh/ảnh bằng miêu tả qua ngôn ngữ. Chiến lược này gồm những dạng cụ thể sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Viết câu ngắn qua tranh ảnh:</i> Tranh/ảnh được thiết kế phản ánh một vài hành động. Yêu cầu người học viết một câu ngắn về hành động, nhân vật, ... • <i>Miêu tả tranh/ảnh:</i> Một bức tranh/ảnh phức tạp hơn được cung cấp cho người học để họ miêu tả. Chẳng hạn giới từ chỉ không gian. Khi giới từ được sử dụng một cách phù hợp thì xem như việc luyện tập đáp ứng yêu cầu được đặt ra. • <i>Miêu tả theo thứ tự của một số bức tranh/ảnh:</i> Một bộ gồm từ 3 đến 6 bức tranh/ ảnh kế tiếp nhau miêu tả một câu chuyện có thể kích thích người học tạo lập văn bản viết. Những bức tranh/ ảnh này cần đơn giản và không đa nghĩa. Nếu một bài viết sử dụng đúng ngữ pháp thì đạt yêu cầu. <p>❖ Luyện tập viết để phát triển từ vựng Thủ pháp này tập trung vào việc lựa chọn từ, sắp xếp từ vào chỗ trống, sắp xếp từ trong câu, sử dụng các tiểu từ. Ở trình độ bậc 2, người học đã có khả năng trả lời những câu hỏi ngắn. Trong luyện tập, người học có thể được yêu cầu tạo ra những đoạn văn mạch lạc. Làm như thế, việc luyện tập trở nên xác thực hơn. Lựa chọn từ là một mắt xích trong chuỗi luyện tập viết ở trình độ này.</p>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Luyện tập viết bằng cách sắp xếp theo trật tự đúng Chiến lược này luyện tập ở cấp độ câu được dành cho những người thích trò chơi từ ngữ và giải câu đố. Đó là yêu cầu sắp xếp lại trật tự một chuỗi các từ hỗn độn thành một câu đúng. Đây là cơ sở rất căn bản để người học thể hiện khả năng ngữ pháp trong việc viết của họ. Việc luyện tập sắp xếp trật tự từ ngữ đúng gắn với khả năng đọc nhưng hoàn toàn có thể áp dụng cho việc luyện viết. Tuy nhiên, không nên sử dụng kiểu luyện tập này quá nhiều. ❖ Luyện tập viết bằng hoàn chỉnh câu và câu trả lời ngắn Thủ pháp luyện tập trả lời ngắn được dùng chủ yếu ở phần luyện tập đọc. Nhưng phần luyện tập này ở đây lại đòi hỏi người học phải viết ra. Chính vì vậy, đây là loại luyện tập kết hợp giữa đọc và viết. Việc luyện tập này có thể được sắp xếp từ đơn giản hơn đến phức tạp hơn. ❖ Viết thư từ giao dịch Chiến lược này gồm những hoạt động cụ thể như: <ul style="list-style-type: none"> ○ Rèn luyện nguyên tắc viết thư; ○ Rèn luyện kỹ xảo định dạng một bức thư nói chung; ○ Rèn luyện viết lời chào mở đầu một lá thư; ○ Rèn luyện viết nội dung chính một bức thư; ○ Rèn luyện viết lời kết một lá thư; ○ Rèn luyện viết thư cảm ơn hoặc xin lỗi.
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

B - TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (BẬC 3 VÀ BẬC 4) CHUẨN ĐẦU RA CHO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

<p>TIÊU CHUẨN 1 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể trao đổi thông tin với bạn bè, đồng nghiệp và giáo viên (cả trao đổi bằng lời nói miệng và bằng văn bản) về các sự kiện trong cuộc sống hằng ngày và những kinh nghiệm trong quá khứ. • Có thể đưa ra chỉ dẫn và làm theo chỉ dẫn để đi từ địa điểm này sang địa điểm khác và đặt được các câu hỏi để làm rõ những thông tin còn chưa sáng tỏ. • Có thể mua hàng hóa và / hoặc yêu cầu cung cấp các dịch vụ thông qua mạng cả và trao đổi về giá cả. • Có thể làm việc theo nhóm để lên kế hoạch cho hoạt động của nhóm bằng tiếng Việt, đánh giá được năng lực của bạn bè và xác định được cách để cải thiện khả năng giao tiếp của họ bằng tiếng Việt. • Có thể trao đổi những suy nghĩ về con người, hoạt động và sự kiện trong cuộc sống của cá nhân hoặc cộng đồng của mình. • Có thể tìm được cách giao tiếp thay thế khi người nói chưa diễn tả được tối ưu thông điệp dự định của mình.
<p>TIÊU CHUẨN 2 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các ý chính khi lắng nghe bạn bè, đồng nghiệp và người quen thảo luận về các chủ đề mà người học quan tâm. • Hiểu được các ý tưởng chính, chủ đề và một số chi tiết từ các thông tin trên đài truyền hình, đài phát thanh, Internet và các phương tiện kỹ thuật số (ví dụ: PowerPoint) hoặc nghe thuyết trình trực tiếp về các chủ đề mà bản thân cũng như các bạn bè, đồng nghiệp quan tâm trong nền văn hóa Việt. • Có thể tự thu thập dữ liệu về các chủ đề quen thuộc từ nhiều nguồn tài nguyên như in, kỹ thuật số và các phương tiện điện tử khác. • Xác định được các nhân vật chính và hiểu được các ý chính, chủ đề và các chi tiết quan trọng khi đọc các văn bản văn học bằng tiếng Việt đã được điều chỉnh cho học sinh nước ngoài sử dụng.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được nội dung cơ bản của các tài liệu bằng văn bản mà giáo viên lựa chọn; ví dụ: thư cá nhân, e-mail, trang web, tờ rơi, quảng cáo và các bài báo và tạp chí có minh họa. • Bắt đầu đưa ra được các giả thuyết về ý nghĩa của các đoạn văn không quen thuộc, khá phức tạp trong tiếng Việt, dựa trên các manh mối ngữ cảnh. • Có thể duy trì việc nghe hiểu ngay cả khi phải đối mặt với các chủ đề không quen thuộc, mà người nghe phải dựa vào các dấu hiệu ngôn ngữ hoặc phi ngôn ngữ mới hiểu được; nghe được cả những lời giải thích vòng vo, lời nói dài dòng; ví dụ, khi người nói phải sử dụng từ ngữ và các cử chỉ khác nhau để giải thích từ hoặc khái niệm mà người nghe chưa biết.
<p>TIÊU CHUẨN 3 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể trình bày thông tin một cách ngắn gọn cho bạn bè trong lớp học của mình bằng tiếng Việt về các chủ đề mà cá nhân quan tâm hoặc các chủ đề đã được học tập/ nghiên cứu trong các lĩnh vực khác. • Có thể chuẩn bị thông báo bằng âm thanh (tiếng Việt) hoặc hình ảnh cho bạn bè và đồng nghiệp của người học theo yêu cầu của văn hóa Việt Nam về các chủ đề mà cá nhân quan tâm trong cuộc sống hằng ngày của họ. • Có thể diễn các vở kịch và tiểu phẩm ngắn, đọc thuộc một số bài thơ và kể những giai thoại được chọn, và biểu diễn được một số bài hát bằng tiếng Việt. • Có thể tóm tắt cốt truyện và cung cấp các mô tả ngắn gọn về các nhân vật trong các truyện thơ, truyện ngắn, truyện dân gian và giai thoại được chọn trong tiếng Việt. • Có thể viết tin nhắn hoặc thư ngắn bằng tiếng Việt cho các bạn bè, đồng nghiệp theo cách thể hiện trong văn hóa Việt Nam về các chủ đề cụ thể nhằm chia sẻ mối quan tâm có tính cá nhân, bao gồm các sự kiện và hoạt động hàng ngày. • Có thể viết nhật ký về các hoạt động hằng ngày của người học, về gia đình và bạn bè của họ bằng tiếng Việt. • Sử dụng hiệu quả cách lặp lại, cách giải thích vòng và ngôn ngữ cử chỉ để hỗ trợ cho việc truyền đạt ý nghĩa của thông báo bằng tiếng Việt.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>TIÊU CHUẨN 4 (VĂN HÓA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể xác định các phẩm vật văn hóa thực, chẳng hạn như các phẩm vật được tìm thấy trong văn hóa Việt của các gia đình và cộng đồng và có thể hiểu và thảo luận về ý nghĩa của chúng. • Có thể xác định, trải nghiệm hoặc đọc và thảo luận về các hình thức thể hiện nét văn hóa Việt, trong các hình thức nghệ thuật, văn học và âm nhạc (ví dụ: các hình thức biểu diễn nghệ thuật dân gian, bài hát, lời hát, các điệu nhảy...) và mô tả được tầm quan trọng của chúng. • Có thể tham gia vào các hoạt động văn hóa phù hợp với lứa tuổi, bao gồm các trò chơi dành cho thanh niên, các hoạt động liên quan đến thể thao, âm nhạc, truyền hình và Internet. • Có thể vận dụng được cách ứng xử bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp trong các hoạt động hằng ngày với các bạn bè, đồng nghiệp và các hoạt động tương tác với người Việt. • Có thể quan sát, xác định và thảo luận về các cách ứng xử hoặc tương tác điển hình của nhóm bạn bè, đồng nghiệp theo cách của người Việt trong nền văn hóa Việt Nam. • Có thể xác định, thảo luận, phân tích và đánh giá các chủ đề, ý tưởng và quan điểm liên quan đến thực tiễn và phẩm vật văn hóa đang được học tập/ nghiên cứu.
<p>TIÊU CHUẨN 5 (NÓI KẾT)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể thu thập thông tin từ nhiều đối tượng khác nhau và tích hợp các thông tin đó lại trong giờ học tiếng Việt để so sánh và đánh giá sự tương đồng và khác biệt về thông tin. • Có được thông tin chi tiết từ nhiều nguồn khác nhau trong lớp học tiếng Việt và tích hợp nó với các môn học khác để so sánh và đánh giá sự tương đồng và khác biệt về thông tin. • Sử dụng được những thông tin mới và phân tích chúng trên cơ sở tư duy phê phán, tích tụ thông tin thông qua nghiên cứu tiếng Việt để mở rộng kiến thức cá nhân của mình.
<p>TIÊU CHUẨN 6 (NÓI KẾT)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng nhiều nguồn tài nguyên từ các phương tiện truyền thông để mở rộng hiểu biết của mình về nền văn hóa Việt Nam và tích hợp nó với nền tảng kiến thức hiện có của mình. • Có khả năng phát triển các kỹ năng cần thiết để sử dụng Internet vào việc truy cập, tiếp nhận ngày càng nhiều thông tin về văn hóa Việt Nam.
<p>TIÊU CHUẨN 7 (SO SÁNH NGÔN NGỮ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các thành ngữ, tục ngữ có ảnh hưởng đến giao tiếp và phản ánh cách tư duy của người Việt trong nền văn hóa Việt.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng truy cập nhiều loại tài liệu khác nhau về các chủ đề đa văn hóa và nhân vật văn hóa, tiểu thuyết và các tác phẩm phi hư cấu. • Có thể sử dụng được ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để gắn kết thông tin, xây dựng nên những văn bản riêng của người học • Có thể mở rộng các chiến lược lĩnh hội kiến thức để so sánh và dự báo kết quả nghiên cứu. • Có thể tạo ra các văn bản mạch lạc và chính xác cho nhiều mục đích khác nhau (ví dụ: tạo ra danh sách, tin nhắn, ghi chú ngắn, mục nhật ký).
<p>TIÊU CHUẨN 8 (SO SÁNH VĂN HÓA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể so sánh và đối chiếu các hình thức nghệ thuật, như âm nhạc và bài hát giữa nền văn hóa Việt với nền văn hóa khác. • Có thể nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu về các truyền thống văn hóa, các lễ hội, lễ kỷ niệm, chẳng hạn như những ngày lễ quốc gia, lễ hội mang tính dân tộc, lễ hội theo mùa, nghi lễ tôn giáo, ngày sinh nhật, ngày rỗi, và các cuộc tụ họp giải trí, ... trong nền văn hóa Việt Nam. • Có thể tập hợp các ý kiến của bạn bè, đồng nghiệp về các khía cạnh văn hóa khác nhau thông qua tiếp xúc trực tiếp hoặc trao đổi bằng văn bản và so sánh những thông tin này với thông tin của các bạn bè, đồng nghiệp về nền văn hóa Việt Nam theo cùng một chủ đề. • Có thể sử dụng thông tin và quan điểm mới để so sánh và đối chiếu trải nghiệm của họ với bạn bè, đồng nghiệp về cách ứng xử của người Việt trong nền văn hóa Việt. • Có thể sử dụng thông tin và quan điểm mới để thảo luận về sự khác biệt giữa nền văn hóa Việt và nền văn hóa khác và bắt đầu giải thích được lý do của những sự khác biệt đó. • Có thể sử dụng thông tin và quan điểm mới để xác định phổ niệm văn hóa và sự khác biệt về văn hóa giữa nền văn hóa Việt và nền văn hóa khác để thể hiện sự đồng cảm và tôn trọng nền văn hóa Việt Nam.
<p>TIÊU CHUẨN 9 (CỘNG ĐỒNG)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thảo luận về những trải nghiệm của mình trong gia đình, ở trường học, các hoạt động khi có thời gian rảnh và các sự kiện hiện tại bằng tiếng Việt ở dạng viết hoặc nói. • Tương tác với người Việt tại nơi ở, những người Việt làm trong nhiều ngành nghề khác nhau để tìm hiểu cách họ sử dụng tiếng Việt trong công việc.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">• Thể hiện được các kỹ năng tiếng Việt khi tham gia vào các hoạt động cộng đồng, bao gồm cả các hoạt động dịch vụ cộng đồng.• Sử dụng được các tài liệu và / hoặc phương tiện truyền thông bằng tiếng Việt để thưởng thức các tác phẩm văn học nghệ thuật Việt Nam.• Sử dụng các phương tiện khác nhau bằng tiếng Việt và văn hóa Việt để giải trí khi rảnh rỗi.• Có thể tham khảo các nguồn khác nhau bằng tiếng Việt để có được những thông tin khác nhau về các chủ đề mà cá nhân quan tâm.• Có thể thể hiện được sự hiểu biết của bản thân cũng như sự hiểu biết của người khác trong các lĩnh vực quan tâm chung thông qua tiếng Việt. |
|--|---|

BẬC 3

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

I-YÊU CẦU CHUNG

Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về những chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí. Có khả năng xử lý được hầu hết các tình huống xảy ra ở nơi có sử dụng tiếng Việt; viết được đoạn văn đơn giản liên quan đến những chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân mình quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, mong muốn, và trình bày ngắn gọn được lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

- Có đủ vốn từ để miêu tả những tình huống bất ngờ, ngoài dự định trước.
- Có đủ vốn từ để giải thích rõ ràng và thể hiện được suy nghĩ của bản thân về những điểm chính, quan trọng trong những vấn đề trừu tượng hay thuộc văn hóa (như âm nhạc, điện ảnh...)
- Có đủ vốn từ để diễn đạt những mong muốn của bản thân, dù đôi khi vẫn cảm thấy chưa được tự tin hay đôi chỗ cách diễn đạt còn dài dòng (do hạn chế về vốn từ) về các chủ đề như: gia đình, sở thích, đam mê, công việc, du lịch, các sự kiện đang diễn ra.

II-NỘI DUNG KIẾN THỨC

NGŨ ÂM

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

NỘI DUNG KIẾN THỨC

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm rõ ràng, chính xác từ ngữ, đúng các thanh điệu, phân biệt được các phụ âm, nguyên âm khó (như các nguyên âm đôi, vẫn có âm đệm, các nguyên âm [ngắn/dài]; các biến thể của âm cuối [-ng, -c]. Hiểu và thể hiện đúng chính tả các từ ngữ (Đôi lúc giọng vẫn chưa tự nhiên và còn thể hiện sai trọng âm trong chuỗi phát ngôn). | <ul style="list-style-type: none"> - Sự biến đổi của thanh điệu trong ngữ lưu; - Trọng âm trong từ ghép đẳng lập; - Trọng âm trong từ ghép chính phụ; - Các biến thể của âm cuối [-ng, -c] trong phát âm và chính tả của chúng - Thanh sắc, nặng trong các âm tiết khép (có âm cuối -p, -t, -c). |
|---|---|

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Thể hiện tương đối dễ nghe/ hiểu về mặt ngữ âm những câu dài, câu phức tuy đôi khi còn mắc lỗi về phát âm, đặc biệt là ở thanh điệu, trọng âm (trong từ ghép, ngữ đoạn).

- Có thể chép lại tương đối đầy đủ và chính xác một đoạn ngôn bản, một cuộc thoại với 5-6 lượt lời, một câu chuyện ngắn hay một bài phát biểu có nội dung quen thuộc có độ dài khoảng 100 - 150 tiếng.

TỪ VỰNG

- Có đủ vốn từ để diễn đạt những chủ đề liên quan đến bản thân, như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, đời sống hằng ngày, và các sự kiện đang diễn ra...

- Có khả năng làm chủ vốn từ vựng ở trình độ sơ cấp nhưng vẫn có thể còn mắc lỗi lớn khi diễn đạt những ý nghĩ phức tạp hay những chủ đề và tình huống mới, lạ.

CHỦ ĐỀ TỪ VỰNG

- Chợ và trung tâm thương mại
- Công cuộc đổi mới ở Việt Nam
- Cuộc sống gia đình
- Đám cưới Việt Nam
- Dạy và học tiếng Việt ở nước ngoài
- Địa lý
- Dịch vụ
- Giải trí
- Giao lưu kết bạn với người Việt bốn phương
- Giao thông
- Học tập
- Khí hậu
- Môi trường
- Nghề kinh doanh

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Nông thôn
- Thăm bảo tàng
- Thăm hỏi
- Tham quan làng nghề
- Thành phố
- Thuê nhà
- Viễn thông và Internet
- Viết thư công việc
- Vùng miền

NGỮ PHÁP

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

NỘI DUNG KIẾN THỨC

- Giao tiếp được một cách khá chính xác trong những ngữ cảnh quen thuộc.
- Nhìn chung, có khả năng kiểm soát ngữ pháp tốt, mặc dù còn bị ảnh hưởng đáng kể của tiếng mẹ đẻ. Có thể còn mắc lỗi, nhưng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.
- Sử dụng được khá chính xác những kiểu câu thường dùng liên quan tới những tình huống quen thuộc.

STT

Nội dung

Ví dụ mẫu

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 1	<ul style="list-style-type: none"> - T + ra/lên/đi/lại - Đ + ra/được/thấy nhấn mạnh kết quả của hành động - tận, tận nơi, tận tay... - “gọi là” 	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo này trông bác khoẻ ra! - Nhà tôi trồng được mấy cây bưởi ngon. - Cháu đã nhận được sự giúp đỡ của gia đình mình. - Chị ấy nhờ tôi chuyển tận tay quà này cho anh. - Cháu có chút quà gọi là để biếu hai bác...
Bài 2	<ul style="list-style-type: none"> - Động từ “khuyên, bảo, sai, nhắc, dặn, nhắc...” - đa số/hầu hết - không chỉ...mà còn/mà cả... - thậm chí/ngay cả - “đấy” ở cuối câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Bố tôi khuyên tôi nên thi vào trường đại học y. - Đa số học sinh trung học đều thi đại học. - Không chỉ học sinh mà cả bố mẹ cũng lo lắng cho kỳ thi. - Ngay cả tôi còn không biết sau này mình sẽ làm việc gì. - Thậm chí sinh viên giỏi cũng trượt đấy!
Bài 3	<ul style="list-style-type: none"> - tự...lấy - được/cũng được/thôi được - ...cơ/cơ mà - “thì” có ý nghĩa nhấn mạnh - từ chỉ thời gian: hôm, ngày, ban, buổi... - làm sao mà + Đ - nhỉ/nhé 	<ul style="list-style-type: none"> - Ở Mỹ nhiều sinh viên phải tự kiếm tiền để trả học phí lấy. - Anh là “Tây” cơ mà! - Ban ngày thì đi học, buổi tối thì đi bar. - Sinh viên Tây cũng vất vả nhỉ! - Người Việt nói nhanh quá! Tôi làm sao mà nghe được!
Bài 4	<ul style="list-style-type: none"> - hoá ra là/ thành ra là... - có...đâu! - hẳn/hẳn là - vốn/vốn là... - nào là..., nào là - nghe nói 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi nghiên cứu về Việt Nam thành ra là thích đi bảo tàng. - Trước khi sang đây, tôi có biết gì về Việt Nam đâu! - Tôi vốn không thích lịch sử. - Hà Nội có nhiều bảo tàng lắm, nào là bảo tàng lịch sử, nào là bảo tàng phụ nữ... - Tôi nghe nói nhiều về bảo tàng Dân tộc học.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 5	ÔN TẬP	
Bài 6	<ul style="list-style-type: none"> - chẳng lẽ ... hay sao? - tùy - Động từ khái quát. - Xung hô gián tiếp - A chứ không B - ...chứ: biểu thị ý nghĩa tất nhiên 	<ul style="list-style-type: none"> - Chẳng lẽ mẹ chồng không thể đón con dâu hay sao? - Số lượng quả cưới tùy vào mỗi gia đình. - Hầu hết phụ nữ sau khi kết hôn vẫn đi làm chứ không ở nhà nội trợ. - Mình sẽ mời cậu đến đám cưới chứ!
Bài 7	<ul style="list-style-type: none"> - không ai...không... - chỉ/mỗi/có+ số - những/đã + số - hỏi - bao nhiêu cũng được - do/nhờ - thành ngữ so sánh - danh từ khái quát 	<ul style="list-style-type: none"> - Ở Việt Nam, không ai không biết đến chợ Đồng Xuân. - Hỏi tôi còn nhỏ, thành phố này có mỗi một cái chợ. - Quần áo bây giờ đủ loại, đủ kiểu, muốn mua bao nhiêu cũng được. - Nhờ kinh tế phát triển, trung tâm thương mại mọc lên như nấm.
Bài 8	<ul style="list-style-type: none"> - coi... như/là.... - không + Đ/T+ mấy - tính từ khái quát - trông/thấy/nhìn/quan sát/theo đôi/ chứng kiến - thà...còn hơn 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi không biết mấy về đồ thủ công mỹ nghệ. - Người dân coi nghề này là “cần câu cơm” cho cả gia đình. - Tôi đã tận mắt chứng kiến cách làm một sản phẩm gốm. - Những sản phẩm được trưng bày gọn gàng, đẹp mắt trên giá. - Họ thà chết đói còn hơn phải bỏ nghề.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 9	<ul style="list-style-type: none"> - e, ngại, lo, sợ là/rằng - chừng nào A thì B - không xuể/không nổi - đến nổi/đến mức 	<ul style="list-style-type: none"> - Anh chưa quen món ăn đường phố, tôi sợ là anh sẽ bị đau bụng thôi! - Anh gọi nhiều quá, tôi ăn không xuể. - Tôi no đến mức không đứng lên được rồi!
Bài 10	ÔN TẬP	
Bài 11	<ul style="list-style-type: none"> - hẳn/hẳn là - nào...nấy/ấy - bao nhiêu...bấy nhiêu - ở đâu...ở đấy - D + nào cũng được - miễn là... 	<ul style="list-style-type: none"> - Hẳn là dịch vụ cho Tây thì phải đắt rồi. - Anh thuê xe nào tôi tính tiền xe này. - Món nào cũng được, miễn là ngon.
Bài 12	<ul style="list-style-type: none"> - vay, mượn, nhận, lấy, mang, đưa - thà... còn hơn... - hơn, non, gần - vừa... đã ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày mai anh mang hộ chiếu đến để làm thủ tục đăng ký tạm trú nhé! - Thà tốn chút tiền điện còn hơn chịu cái nóng ở Việt Nam. - Tiền đặt cọc chỉ non nửa tiền thuê nhà. - Nhà này vừa dọn đi nhà kia đã đến hỏi thuê rồi.
Bài 13	<ul style="list-style-type: none"> - một cách - chiều chiều, sáng sáng, đâu đâu, ai ai... - nói riêng, nói chung - không hề - mỗi/một + số từ: mỗi ngày một viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng sáng, mẹ tôi đều đi chợ mua rau. - Người Việt nói chung và người phụ nữ Việt Nam nói riêng đặc biệt coi trọng gia đình. - Người phụ nữ luôn chăm sóc gia đình một cách chu đáo mà không hề kêu ca, phàn nàn. - Mỗi tuần một lần, con cái thường về thăm bố mẹ

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 14	<ul style="list-style-type: none"> - một mặt, mặt khác - chẳng... là gì! - lấy làm... - ...này...này - tính từ lặp: vui vui, buồn buồn, mền mệ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải trí một mặt giúp con người đỡ mệt mỏi, mặt khác tái tạo sức lao động mới. - Tuổi trẻ không vui chơi, sau này cậu sẽ lấy làm hối hận đấy! - Ở Hà Nội anh có thể đi cà phê này, đi mua sắm này, đi xem phim này. - Nhiều lúc buồn buồn tôi cũng vào quán này gọi cốc cà phê ngồi nhâm nhi.
Bài 15	ÔN TẬP	
Bài 16	<ul style="list-style-type: none"> - cách đọc phân số, phần trăm, phần nghìn - không hề, chẳng hề - khiến, làm/ khiến cho, làm cho - ngày, hôm, bữa, lúc, khi, hồi, ban - mỗi, mọi 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong kinh doanh, may mắn chỉ chiếm 1%. - Tôi không hề được gia đình giúp đỡ, 2/3 vốn kinh doanh tôi vay ngân hàng. - Tôi suy nghĩ về công việc ban ngày cũng như ban đêm. - Mỗi doanh nghiệp cần lấy chữ tín làm trọng.
Bài 17	<ul style="list-style-type: none"> - dám, định, toan - sự, việc, cuộc, nỗi, niềm - liền, ngay, luôn - hết A đến B - không/ chưa hề + Đ + một... + nào cả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Con định về quê thăm bố mẹ ngay sau khi xong dự án nhưng hết việc này đến việc kia nên con chưa về được. - Cuộc sống ở thành phố tuy vất vả nhưng con sẽ cố gắng. - Con chưa hề viết một lá thư nào cho bố mẹ cả.
ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA –ĐÁNH GIÁ		
III. THỰC HÀNH GIAO TIẾP VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG		
NGHE		

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực nghe chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được những thông tin thực tế đơn giản về các chủ đề chung, có liên quan đến cuộc sống hằng ngày hoặc công việc cụ thể, những tin tức chung và tin tức chi tiết của bài phát biểu được trình bày rõ ràng bằng giọng quen thuộc. - Nghe hiểu được những điểm chính của bài phát biểu rõ ràng về những vấn đề quen thuộc, thường gặp trong công việc, trường học, khu giải trí..., kể cả những câu chuyện ngắn và đơn giản. <p>❖ <i>Năng lực nghe cụ thể:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe hội thoại giữa những người Việt Hiểu được ý chính của những cuộc hội thoại mở rộng được nói rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực. 2. Nghe trình bày và hội thoại <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi và hiểu được nội dung chính của các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc bằng phương ngữ phổ thông, rõ ràng. - Theo dõi và hiểu được các bài giảng hay cuộc nói chuyện về đề tài quen thuộc hoặc trong phạm vi chuyên môn của mình khi được diễn đạt một cách đơn giản với cấu trúc rõ ràng. 	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện nghe chủ yếu nhằm vào khả năng nghe để hiểu được ý chính hay nội dung chính từ các ngôn bản (nói và đọc), những cuộc thoại, cuộc nói chuyện giữa những người Việt và có thể hiểu được ý chính của một số chương trình trên đài phát thanh, truyền hình, như chương trình thời sự, phỏng vấn, phóng sự có hình ảnh minh họa, v.v..., khi được nghe lại hai, ba lần. - Dung lượng các ngôn bản (cả nói và đọc) ở mức độ vừa phải, được lựa chọn, có độ khó phù hợp với các bước thực hiện chiến lược giảng dạy từ dễ đến khó. - Về đặc điểm từ vựng, các ngôn bản nghe bao chứa những từ ngữ quen thuộc trong các chủ đề giao tiếp hằng ngày, nhưng được mở rộng hơn, như về thời tiết, khí hậu, ẩm thực, du lịch, giải trí, thể thao, ... tương ứng với vốn từ ở bậc 3. - Về ngữ pháp, các ngôn bản nghe được thể hiện bởi các cụm từ, kiểu câu đơn mở rộng, câu phức hai mệnh đề liên kết với nhau qua những cặp từ nối, những phát ngôn có độ khó vừa phải, tương ứng với tri kiến thức ngữ pháp của bậc 3. - Qua nghe, từng bước luyện cho người học tự điều chỉnh, cải thiện phát âm (khi đọc và nói) của họ, như điều chỉnh và thể hiện thanh điệu trong ngữ lưu, trọng âm trong từ ghép qua đối sánh với giọng (nói và đọc) chính xác được phát ra trực tiếp hoặc ghi âm. - Đảm bảo nguyên tắc: từng bước một và thực hiện từ dễ đến khó.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Hiểu được ý chính của những cuộc hội thoại mở rộng được nói rõ ràng bằng ngôn ngữ chuẩn mực.

3. Nghe thông báo, hướng dẫn

- Hiểu, làm theo được các thông tin kỹ thuật đơn giản (ví dụ: hướng dẫn sử dụng các thiết bị thông thường).

- Hiểu các chỉ dẫn chi tiết (như các hướng dẫn giao thông).

4. Nghe đài và xem truyền hình

- Hiểu những ý chính của chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những chương trình truyền hình như thời sự, phỏng vấn, phóng sự có hình ảnh minh họa với nội dung được diễn đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ đơn giản.

- Nắm bắt được ý chính trong các chương trình phát thanh, truyền hình về các đề tài quen thuộc, được diễn đạt tương đối chậm và rõ ràng

❖ *Yêu cầu cần đạt được*

- Nghe, hiểu được ý chính, hay nội dung chính những cuộc thoại mở rộng ở mức vừa phải giữa những người Việt

- Theo dõi và hiểu được nội dung chính của các bài nói chuyện ngắn mạch lạc, đơn giản về cấu trúc liên quan đến các chủ đề quen thuộc.

- Luyện tập cho người học những tiểu kỹ năng nghe, như:

+ Tập trung vào những từ ngữ được nhấn mạnh, phát âm rõ ràng.

+ Ghi lại những từ ngữ quen thuộc, đã biết (vừa nghe vừa ghi)

+ Phát hiện, đánh dấu những chi tiết quan trọng, có thể suy luận

+ Biết dựa vào ngữ cảnh, tính logic để đoán ra nội dung tiếp theo của trong quá trình nghe.

❖ *Thủ pháp phát triển kỹ năng*

1. Luyện nghe để phát triển kỹ năng đọc, nói và viết:

- Nghe và ghi lại danh sách từ ghép, bao gồm cả từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ, hướng dẫn người học xác định trọng âm theo mô hình: [1:1] hay [0:1], rồi luyện đọc, nói theo trọng âm.

- Nghe và ghi lại (nghe ghi) nội dung của một ngôn bản ngắn, có thể là một cuộc thoại giữa hai người Việt, một đoạn văn, một câu chuyện, thậm chí miêu tả về một sự kiện, hay lịch trình của một chuyến đi..., rồi hướng dẫn người học ghi lại tóm tắt lại nội dung (phát triển kỹ năng viết).

2. Luyện nghe - hiểu:

- Luyện nghe hiểu để xác định các thông tin cụ thể trong các văn bản ngắn như đơn xin học, điền vào chỗ trống trong các loại đơn (form) thông thường, xác định các từ ngữ cùng loại/khác loại trong các loạt từ (tính từ, động từ, đại từ, ...), phân biệt các loại sản phẩm (nông nghiệp, công nghiệp, ngư nghiệp, ...).

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Nghe và hiểu được các hướng dẫn, chỉ dẫn chi tiết, nội dung thông báo đề nghị, yêu cầu người nghe thực hiện, tin tức thời sự ngắn có hình ảnh minh họa

- Luyện nghe tìm ý chính cần lựa chọn những cuộc thoại vừa phải (6 - 8 lượt lời) giữa những người Việt (về thông tin thời tiết, lịch thi cử, thay đổi thời khóa biểu, thư chúc mừng, tin văn và điền tin trên báo chí, email trao đổi công việc chứa thông tin cần trả lời ngay, ...) xác định ý chính của các ngôn bản.

- Luyện nghe tìm ý chính các ngôn bản chứa thông tin cụ thể, tường minh được diễn đạt bằng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp bậc 3, một số thông tin được nói ra có nhiều.

- Luyện nghe các ngôn bản thông báo, hướng dẫn, chỉ dẫn cách sử dụng các thiết bị thông thường, hay cách chế biến thức ăn, đồ uống..., cách pha trà, cà phê, thay bóng đèn, vệ sinh tủ lạnh; bảo dưỡng máy điều hòa, bình nóng lạnh, ...

- Luyện nghe những đoạn ngôn bản có nội dung liên quan đến các bài nói chuyện ngắn, bài giảng phù hợp với chuyên môn của người học để họ có thể dễ dàng theo dõi và hiểu được nội dung chính hay ý chính của các đoạn ngôn bản.

- Luyện nghe kết hợp xem hình ảnh minh họa những đoạn tin tức trên đài phát thanh, truyền hình (thời tiết, thời sự, phỏng vấn, phóng sự...) có định hướng và lựa chọn.

- Có thể mở rộng chủ đề nghe để luyện tập kỹ năng nghe hiểu tìm ý chính, xác định nội dung chính của các đoạn ngôn bản.

❖ *Kiểm chứng kết quả*

- Kiểm chứng năng lực phát âm qua năng lực đọc từ ngữ, hội thoại, đọc trên lớp và viết chính tả.

- Kiểm chứng qua nội dung trả lời các câu hỏi của giảng viên hoặc viết lại được ý chính của bài, tóm tắt được các thông tin trong bài,

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>bài tập về nhà thường tổ chức vào cuối buổi học hoặc được thực hiện trong nội dung của bài ôn tập.</p> <p>❖ Học liệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngoài các ngôn bản chứa đựng thông tin trong những học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy ở cấp 3 của chương trình người dạy cần tự chọn thêm những ngôn bản thực (ngôn ngữ sống) để bổ sung, làm đa dạng hóa nguồn ngôn bản nghe, nhưng phải bảo đảm: <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục đích và yêu cầu của người học. - Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức với trình độ tương ứng bậc tương ứng - Các ngôn bản luyện nghe tìm nội dung chính, cần có nội dung rõ ràng, diễn đạt đơn giản, hiện ngôn và được thể hiện bằng giọng phổ thông, tốc độ đọc và nói vừa phải.
ĐỌC	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ Năng lực chung</p> <p>Đọc hiểu được các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về những chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.</p> <p>❖ Năng lực đọc cụ thể:</p> <p>1. Đọc lấy thông tin và lập luận</p>	<p>❖ Định hướng giảng dạy</p> <p>Luyện đọc để lấy thông tin từ các văn bản dài hơn và độ khó cao hơn so với bậc 2, được lựa chọn phù hợp với các bước thực hiện chiến lược giảng dạy (từ dễ hơn đến khó hơn).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc tập trung và đọc mở rộng <p>Hiểu (và thực hiện) trình tự giảng dạy (luyện tập): giảng dạy từ đơn giản đến phức tạp (dễ trước khó sau), giảng dạy theo thứ tự thời gian (trước - sau), giảng dạy theo nhu cầu, phải có những phần học tiên</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Xác định được các kết luận chính trong các văn bản nghị luận rõ ràng.

- Nhận diện được mạch lập luận của văn bản đang đọc, dù không nhất thiết phải thật chi tiết.

2. Đọc tìm thông tin

Nhận ra và hiểu được những thông tin có liên quan trong các văn bản, tài liệu sử dụng hằng ngày như thư từ, thông tin quảng cáo và các văn bản ngắn.

3. Đọc thư từ, văn bản giao dịch

- Hiểu được các đoạn mô tả sự kiện, cảm xúc và lời chúc trong thư từ cá nhân, đủ để đáp lại người viết.

- Hiểu được các hướng dẫn sử dụng được viết rõ ràng, mạch lạc cho một thiết bị cụ thể.

4. Đọc xử lý văn bản

- Đối chiếu được các đoạn thông tin ngắn từ một số nguồn và viết tóm tắt được nội dung.

- Diễn đạt lại được các đoạn văn bản ngắn theo cách đơn giản, nhưng vẫn sử dụng từ và cấu trúc từ của văn bản gốc.

❖ Yêu cầu cần đạt được

Đọc, hiểu và tìm thông tin được trong văn bản ngắn tương ứng với bậc 3, có khả năng sử dụng những từ ngữ, câu thích hợp, không khó để trả lời được những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp ở trình độ tương ứng.

quyết (để cung cấp nền tảng cho phần học sau), giảng dạy từ toàn thể đến bộ phận hoặc từ bộ phận đến toàn thể (từ văn bản đến đoạn, hoặc từ đoạn đến toàn văn bản), giảng dạy theo trình tự xoáy tròn ốc (giảng dạy lại điều gì đó nhưng có những mặt/nội dung mới ở vòng sau).

- Luyện những tiêu kỹ năng đọc quan trọng thường dùng cho học viên:

+ Nắm rõ những ý tưởng chính của văn bản/ đoạn văn.

+ Phát hiện, ghi chép những chi tiết riêng, đặc biệt.

+ Phát hiện, đánh dấu những chỗ cần/có thể suy luận.

+ So sánh những gì là tương đồng, khác biệt về mặt ngôn ngữ, nội dung trong văn bản đang đọc với vốn ngôn ngữ đã biết.

+ Dựa vào ý chính của văn bản và ngữ cảnh để đoán trước nội dung của đoạn, của câu hoặc từ ngữ không quen.

❖ Thủ pháp phát triển kỹ năng

1. Luyện đọc, hiểu và xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản ngắn như đơn xin học, điền và chỗ trống trong các loại đơn (form) thông thường hằng ngày.

2. Luyện đọc, hiểu các đoạn mô tả sự kiện, cảm xúc, thư ngắn và lời chúc trong các thư từ cá nhân, những thư từ giao dịch công việc đơn giản, những thông báo đơn giản về việc học hành, nhà ở, thông báo thanh toán tiền các loại dịch vụ qua nhận biết được nghĩa của từng câu, liên kết được nghĩa của các câu để hiểu nghĩa chung của văn bản, nhận biết được những thông tin tường minh trong văn bản ... để có thể viết trả lời ngắn.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

3. Luyện đọc những văn bản ngắn, hiểu được thông tin văn bản và nhận biết được thông tin chính cần quan tâm trong văn bản như: thông tin thời tiết, thông tin lịch thi cử, thời khóa biểu và thay đổi thời khóa biểu, thư chúc mừng, tin vắn và điểm tin trên báo chí, Email trao đổi những công việc có nhiều thông tin cần trả lời. Phát hiện được những thông tin cụ thể hoặc ý chính trong các câu, các đoạn ngắn trong bài.

4. Luyện đọc hiểu các văn bản có thông tin cụ thể, tường minh được diễn đạt bằng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp bậc 3, đồng thời có cả một số thông tin được diễn đạt bằng cách nói khác.

5. Luyện đọc hiểu, nhận biết cấu trúc khái quát của văn bản, ý từng đoạn và liên kết ý giữa các đoạn.

6. Luyện kỹ năng nhận biết từ, phát triển vốn từ qua việc luyện đọc mở rộng

7. Luyện đọc hiểu, xử lý văn bản: phát hiện và hiểu những đoạn thông tin ngắn, tóm tắt được nội dung của thông tin.

Dùng từ ngữ, câu (của văn bản gốc) diễn đạt lại được những đoạn văn bản ngắn của văn bản gốc theo cách đơn giản.

❖ *Kiểm chứng kết quả*

Lấy được thông tin, nội dung, trả lời được câu hỏi đặt ra của giảng viên hoặc viết lại được ý chính của bài, tóm tắt được các thông tin trong bài.

❖ *Học liệu*

Ngoài các văn bản, thông tin trong học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình, Giảng viên cần tự chọn thêm những

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>văn bản thực (ngôn ngữ sống) làm đa dạng hóa nguồn văn bản đọc, nhưng phải bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục đích và yêu cầu của học viên. - Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức. <p>(Học viên có thể tự chọn những văn bản phù hợp về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình).</p>	
<h3>NÓI</h3>	
<h4>NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT</h4>	<h4>CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG</h4>
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp một cách tự tin về các vấn đề quen thuộc và không quen thuộc có liên quan đến sở thích, học tập, việc làm... - Trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lý được những tình huống ít khi gặp và giải thích được lý do của các vấn đề. - Bày tỏ được suy nghĩ về các chủ đề trừu tượng, chủ đề văn hóa (như phim ảnh, sách báo, âm nhạc...) - Dùng được ngôn ngữ đơn giản để xử lý các tình huống phát sinh trong sinh hoạt. 	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <p>Tập trung vào luyện nói qua hỏi đáp.</p> <p>Phần luyện tập - phát triển kỹ năng nói qua trả lời các câu hỏi có sự kết hợp và với việc hiểu được ở mức độ nhất định, thí dụ hiểu được một cuộc nói chuyện ngắn, một cuộc gặp gỡ thông thường, bình luận đơn giản, luyện nói gồm cả: trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lý được những tình huống đang gặp và giải thích được lý do của các vấn đề; bày tỏ được suy nghĩ về các chủ đề trừu tượng, chủ đề văn hóa; dùng được ngôn ngữ đơn giản để xử lý các tình huống phát sinh trong sinh hoạt... Khi hỏi đáp ngữ đoạn kích thích gợi ra câu đáp hoặc câu hỏi hoặc hỏi lại...</p> <p>a) Thủ pháp phát triển kỹ năng</p> <p>1. Luyện tập hỏi và trả lời</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Tham gia vào cuộc trò chuyện về chủ đề quen thuộc không chuẩn bị trước, thể hiện được ý kiến cá nhân, sự quan tâm... (gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện hiện tại).

❖ *Năng lực nói cụ thể:*

1. Mô tả các trải nghiệm

- Mô tả được các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực quan tâm một cách đơn giản.
- Mô tả bằng lời nói đơn giản về một câu chuyện ngắn có nội dung gần gũi thuộc các chủ đề quen thuộc.
- Kể được khá chi tiết về trải nghiệm của bản thân, nội dung một cuốn sách, bộ phim và cảm xúc của mình.
- Nói được về những ước mơ, hy vọng, các sự kiện có thật hoặc có tính tưởng tượng.

2. Lập luận trong thảo luận

- Thảo luận được một cách rõ ràng, củng cố quan điểm của mình bằng những lập luận và các ví dụ minh họa thích hợp.
- Trình bày được suy nghĩ của mình về các chủ đề trừu tượng hay chủ đề văn hóa (như âm nhạc, phim ảnh).
- Giải thích được lý do cho một vấn đề.
- Đưa ra được nhận xét ngắn gọn về quan điểm của những người khác.

Người dạy sử dụng câu hỏi đóng và câu hỏi mở.

Luyện tập hỏi và trả lời có thể gồm một hoặc một số câu hỏi của người dạy. Họ có thể hỏi từ những câu hỏi đơn giản như “*Cái này tiếng Việt gọi là cái gì?*” tới những câu hỏi phức tạp hơn như: “*Những việc gì mà chính phủ Hàn Quốc có thể tiến hành để ngăn chặn Triều Tiên ngưng thử vũ khí hạt nhân?*”... Câu hỏi thứ nhất là câu hỏi tập trung sâu có mục đích riêng của nó. Đó là một câu hỏi được xác định trước cho một câu trả lời duy nhất đúng. Những câu hỏi này hướng câu trả lời về một điều xác thực. Kiểu câu hỏi thứ hai thì, người dạy muốn tạo cơ hội để người học tạo ra nhiều câu trả lời khác nhau.

Khi thiết kế những câu hỏi như vậy cho người học thì điều quan trọng là người dạy phải hiểu rằng *tại sao* mình lại hỏi câu hỏi đó. Người dạy cần cố gắng gợi ý bằng ngôn ngữ để giúp phát triển khả năng tạo lập lời nói của người học. Người dạy cần kết hợp nội dung văn bản với những khả năng ngữ pháp trong cùng một câu hỏi. Mỗi một câu hỏi của người dạy cần nằm trong một bộ câu hỏi có liên quan với nhau.

Sự liên kết giữa các phát ngôn của người dạy và người học luôn luôn làm cho những câu hỏi của người dạy phải thay đổi cho phù hợp. Chính vì vậy, có những câu hỏi nằm ngoài dự kiến của người dạy. Đó là những câu hỏi được gợi ý từ chính người học.

2. Luyện tập chỉ dẫn và hướng dẫn bằng lời

Luyện tập qua chỉ dẫn và hướng dẫn bằng lời thực chất là hướng dẫn người ta làm điều gì đó. Ví dụ chỉ dẫn cách khởi động một cái máy như thế nào, hướng dẫn làm món nem, nấu món phở... như thế nào.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Bày tỏ được niềm tin, ý kiến, tán thành và những bất đồng một cách lịch sự.

3. Trình bày trước người nghe

- Trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đơn giản, được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực mà bản thân quan tâm, để người nghe dễ dàng theo dõi; những điểm chính được giải thích với độ chính xác hợp lý.

- Trả lời được những câu hỏi về bài trình bày, tuy đôi khi vẫn phải hỏi lại khi chưa hiểu.

4. Nói có tương tác

4.1. Mô tả chung về kỹ năng nói có tương tác

- Có khả năng sử dụng ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống thường phát sinh trong khi đi du lịch.

- Có khả năng bắt đầu một cuộc hội thoại về chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, thể hiện những quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày.

- Giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc hoặc không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc lĩnh vực quan tâm của mình.

- Trao đổi, kiểm tra, xác nhận được thông tin và xử lý những tình huống ít gặp.

- Bày tỏ được suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc.

Nhiệm vụ luyện tập chỉ dẫn hay là người dạy phải cung cấp những lời hướng dẫn bằng miệng, như những hoạt động hướng dẫn thông thường. Việc sử dụng những câu (ngôn ngữ) kích thích trong loại luyện tập này tạo cơ hội cho người học dùng nhiều kiểu loại câu mà họ biết.

3. Luyện tập kể lại

Một kiểu luyện tập phát triển năng lực nói khác có thể được xếp vào loại luyện tập trả lời hay phản ứng lại là yêu cầu người học đọc hoặc nghe một số câu (từ 2 đến 5 câu). Sau đó, tạo lập lại nội dung của đoạn câu đó.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

4.2. Hội thoại

- Tham gia được vào hội thoại về những chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, đôi lúc vẫn còn khó khăn khi muốn thể hiện chính xác điều mình muốn nói.
- Thực hiện được các hội thoại hằng ngày, trực tiếp mặc dù thỉnh thoảng vẫn phải hỏi lại những từ và cụm từ cụ thể.
- Diễn đạt được cảm xúc và ứng xử trước những cảm xúc như ngạc nhiên, vui, buồn, quan tâm và thờ ơ.

4.3. Giao dịch mua bán và dịch vụ

- Xử lý được hầu hết các tình huống phát sinh khi đi du lịch, tổ chức chuyến du lịch (như đặt chỗ, làm giấy tờ với các cơ quan hữu quan).
- Xử lý được những tình huống bất thường ở các cửa hàng, bưu điện, ngân hàng (như trả lại hàng hoặc khiếu nại về sản phẩm).
- Giải thích được một vấn đề phát sinh và làm rõ nguyên nhân để nhà cung cấp dịch vụ hoặc khách hàng phải nhượng bộ.

4.4. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

- Cung cấp được thông tin cụ thể cần thiết trong một cuộc phỏng vấn hay tham khảo ý kiến (ví dụ: mô tả triệu chứng khi được khám bệnh) nhưng độ chính xác còn hạn chế.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Phỏng vấn được người khác (có chuẩn bị trước), kiểm tra và xác nhận thông tin, mặc dù đôi khi phải yêu cầu người nói nói lại.
- Có một số ý mới, ý khác trong một cuộc phỏng vấn/tham khảo ý kiến (ví dụ: đưa ra một chủ đề mới) nhưng còn phụ thuộc nhiều vào người đối thoại với mình.
- Có khả năng dùng bảng câu hỏi chuẩn bị sẵn để dễ dàng thực hiện được một cuộc phỏng vấn có cấu trúc và kịch bản sẵn.

5. Độ chuẩn xác của kỹ năng nói

5.1. Phát âm và độ lưu loát

- Phát âm rõ ràng, đúng các thanh điệu, phân biệt được các phụ âm khó như: *g, t, th, kh, ng...* và các nguyên âm đôi, âm đệm, các vần khó phát âm các âm tiết, mặc dù đôi lúc giọng vẫn chưa tự nhiên và thỉnh thoảng còn phát âm sai.
- Diễn đạt dễ hiểu những câu dài, mặc dù đôi khi còn mắc lỗi về phát âm/dùng từ/cấu trúc.

5.2. Sự phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội

- Sử dụng được tương đối chính xác vốn từ vựng, ngữ pháp căn bản nhưng còn gặp khó khăn khi cố gắng diễn đạt những suy nghĩ phức tạp hoặc những chủ đề, tình huống không quen thuộc.
- Giao tiếp được trong nhiều tình huống thông thường, sử dụng ngôn ngữ phù hợp.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Sử dụng tương đối chính xác những cách nói lịch sự và có cách ứng đáp phù hợp với tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc.

VIẾT

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

❖ *Năng lực chung*

Viết được đoạn, bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực mà mình quan tâm theo trật tự logic nhất định.

❖ *Năng lực viết cụ thể:*

1. Viết luận

- Miêu tả được chi tiết, dễ hiểu về những chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực mình quan tâm.
- Viết được bài đơn giản, có liên kết về các trải nghiệm, miêu tả cảm xúc và phản ứng của mình.
- Miêu tả được một sự kiện, một chuyến đi gần đây (thật hoặc giả tưởng).
- Viết để kể lại được một câu chuyện.

2. Viết báo cáo và tiểu luận

- Viết được những bài luận ngắn gọn, đơn giản về những chủ đề quan tâm.
- Tóm tắt báo cáo và trình bày được ý kiến đánh giá của mình đối với những thông tin thu được từ thực tế

CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG

❖ *Định hướng giảng dạy*

Tập trung vào 2 hướng quan trọng là luyện viết đoạn văn trong văn bản thông thường và luyện viết báo cáo, tiểu luận.

▪ *Thủ pháp phát triển kỹ năng*

1-Luyện viết đoạn văn trong văn bản thông thường

Luyện phát triển một đoạn văn đòi hỏi người dạy cần chú ý một số chiến lược và kiểu luyện tập dưới đây:

- *Luyện viết câu chủ đề:*
- *Luyện phát triển chủ đề bên trong một đoạn văn:* Vì các đoạn văn được xây dựng là để cung cấp cho người đọc những thành phần ngữ nghĩa của văn bản, nên cần phải luyện phát triển ý tưởng bên trong một đoạn văn. Bốn tiêu chí dưới đây cần được áp dụng khi luyện và đánh giá chất lượng viết một đoạn văn:
 - Tính rõ ràng trong cách thể hiện ý tưởng;
 - Tính logic của trật tự và sự nối kết;
 - Tính mạch lạc hoặc tính thống nhất của đoạn văn đó;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

hoặc tích lũy được về những vấn đề quen thuộc hằng ngày.

- Viết được những báo cáo ngắn gọn theo định dạng chuẩn, cung cấp những thông tin thực tế và nêu lý do cho những kiến nghị đưa ra trong báo cáo.

3. Viết có tương tác

3.1. Mô tả chung về kỹ năng viết có tương tác

- Truyền đạt được thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể hoặc trừu tượng, kiểm tra thông tin và giải thích được vấn đề một cách hợp lý.

- Có khả năng viết thư, ghi chép cá nhân theo yêu cầu hoặc truyền đạt thông tin đơn giản có liên quan trực tiếp với các luận điểm được mình cho là quan trọng.

3.2. Viết thư từ giao dịch

- Viết được thư cá nhân mô tả chi tiết kinh nghiệm, cảm xúc, sự kiện.

- Viết được thư từ giao dịch ở mức cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh.

3.3. Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu

- Viết được các thông báo đơn giản có nội dung liên quan tới bạn bè, nhân viên dịch vụ, giáo viên và những người thường gặp hằng ngày, đồng thời làm rõ được các điểm quan trọng trong thông báo.

- Hiệu quả hoặc tác động của đoạn văn với tư cách như một chỉnh thể.
- Luyện tập *phát triển ý tưởng chính và ý tưởng chứng minh thông qua các đoạn văn*. Khi liên kết hai hoặc hơn hai đoạn văn lại với nhau trong một văn bản dài, người viết phải cố gắng khớp các đoạn văn này lại với nhau thành một luận điểm hoặc ý tưởng chính với một số ý chứng minh rõ ràng. Những tiêu chí dưới đây có thể dùng để luyện tập xem xét bài viết có nhiều đoạn văn:

- Đáp ứng yêu cầu của chủ đề, ý tưởng chính, hoặc mục đích mang tính nguyên tắc;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Viết được thông báo có nội dung yêu cầu hoặc giải thích một vấn đề cụ thể.

4. Xử lý văn bản

- Tập hợp được các thông tin ngắn từ một số nguồn và tóm tắt lại những thông tin đó cho người khác.

- Diễn đạt lại được một cách đơn giản các đoạn văn ngắn, nhưng vẫn hành văn và giữ trình tự sự kiện như trong văn bản gốc.

5. Độ chính xác về chính tả

Viết được đoạn văn dễ hiểu từ đầu tới cuối, trong đó chính tả, dấu câu, bố cục đoạn đủ chính xác để người đọc dễ dàng theo dõi

- Tổ chức và phát triển được những ý tưởng cần/ muốn triển khai;
- Dùng những ý tưởng, chi tiết thích hợp để minh họa cho những ý tưởng đã được đề cập.

2. Luyện viết báo cáo và tiểu luận

Luyện tập viết tự do và viết theo yêu cầu gắn liền với những quy tắc tạo lập văn bản và những quy tắc khi tạo sự nối kết hai hoặc ba đoạn văn trong một văn bản có độ dài nhất định. Khi viết những văn bản loại này, người học được tự do hơn trong việc sắp xếp trật tự các ý tưởng được nối kết.

Những loại luyện tập điển hình là:

- *Trả lời một số câu hỏi của một văn bản đọc. Văn bản đọc có thể là một bài báo hoặc một truyện ngắn;*
- *Tóm tắt bài báo hoặc truyện ngắn;*
- *Viết một bài tường thuật ngắn hoặc miêu tả ngắn;*
- *Giải thích bảng, biểu đồ và sơ đồ;*

Các thủ pháp luyện viết gồm:

- Luyện tập viết bài giải thích

Bước đầu tiên trong giảng dạy cách viết đoạn/bài giải thích là chỉ ra cho người học hiểu được tầm quan trọng của việc giải thích. Trong bài hay đoạn giải thích người học được yêu cầu trình bày cùng một nội dung theo những cách khác nhau. Với mục đích đó, người dạy cần lựa chọn những đoạn câu hoặc đoạn văn để làm đề luyện tập giải thích.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Người học được luyện giải thích hoặc truyền cùng một thông báo theo những cách khác nhau; đồng thời luyện tập về tổ chức văn bản, ngữ pháp và từ vựng.

- Luyện tập viết bài có câu hỏi hướng dẫn

Thủ pháp này hướng dẫn cho người học không phải là viết một bài theo ý của họ mà viết trong khuôn khổ của hình thức hỏi (có hướng dẫn của người dạy). Nhiệm vụ của người học là trả lời những câu hỏi đó. Trong phần hướng dẫn, người dạy đưa ra một loạt câu hỏi như là một bản đề cương cho sẵn. Trong bài viết tường thuật, người dạy có thể hướng dẫn một cuộc thảo luận trên lớp học bằng cách đưa ra hàng loạt câu hỏi. Những câu hỏi này được đưa ra để khuyến khích người học xác lập một bộ khung về trật tự các ý tưởng.

Những bài viết có hướng dẫn có thể có độ dài hai hoặc ba đoạn. Những câu hỏi gợi ý cho bài viết kiểu này thường ít xuất hiện trong những luyện tập chính thức mà nó được dùng như một cách để gợi ý cho những bản nháp ban đầu. Bản nháp đầu tiên này, sau đó, có thể phải được biên tập, đọc lại hoặc được thảo luận lại.

- Luyện tập viết theo đề cương

Với Thủ pháp này, đề cương có thể được người học tự tạo từ việc đọc trước, hoặc thảo luận trước, hoặc đã được miêu tả ít nhiều, hay được người dạy cung cấp. Đề cương sẽ giúp cho người học phát triển logic các ý tưởng đã được tính toán từ trước.

3. Luyện tập viết thư từ giao dịch

Gồm các thủ pháp luyện viết như:

- Luyện viết thư giới thiệu về mình với một bạn mới quen.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Luyện kỹ xảo viết thư trình bày những cảm nhận về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh.
- Luyện viết thư xin lỗi.
- Luyện viết thư chia buồn.
- Luyện viết thư chúc mừng.
- Luyện viết thư mời.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

BẬC 4

I-YÊU CẦU CHUNG

Hiểu được ý chính của một văn bản tương đối phức tạp về các chủ đề khác nhau, kể cả những trao đổi có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có khả năng giao tiếp trôi chảy, tự nhiên với người Việt; viết được những văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và nêu được quan điểm của mình về một vấn đề, chỉ ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt được về bản thân một cách rõ ràng, mạch lạc.
- Có đủ vốn từ để bày tỏ quan điểm và triển khai lập luận một cách rõ ràng.
- Có khả năng sử dụng một vài kiểu câu phức tạp để diễn đạt.

II-NỘI DUNG KIẾN THỨC

NGŨ ÂM

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phát âm rõ ràng, đúng cao độ, ngữ điệu tương đối tự nhiên.
- Giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát, kể cả khi nói những đoạn dài và phức tạp.

NỘI DUNG KIẾN THỨC

- Trọng âm trong tổ hợp song tiết;
- Trọng âm trong câu nói;
- Trọng âm logic để ngắt đúng các ngữ đoạn, để bảo đảm rõ nghĩa.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Đọc/nói ngắt đúng các ngữ đoạn để bảo đảm rõ nghĩa.</p> <p>- Viết được một đoạn văn mạch lạc, dễ hiểu, có bố cục và phân đoạn theo chuẩn mực. Tuy nhiên, chính tả và dấu câu chưa được chính xác tuyệt đối, vẫn còn bị ảnh hưởng của ngôn ngữ thứ nhất.</p>	
TỪ VỰNG	
<p>- Có vốn từ khá rộng để diễn đạt hầu hết các nội dung chuyên môn và các chủ đề chung.</p> <p>- Có khả năng thay thế từ một cách linh hoạt để tránh trùng lặp từ trong khi nói, viết; nhưng do vốn từ vẫn còn thiếu nên diễn đạt vẫn còn dài dòng, chưa mạch lạc.</p> <p>- Sử dụng từ ngữ chính xác đạt mức khá cao, tuy đôi chỗ diễn đạt còn gây hiểu lầm do lựa chọn từ chưa đúng, nhưng không gây trở ngại cho quá trình giao tiếp.</p>	<p>CHỦ ĐỀ TỪ VỰNG</p> <ul style="list-style-type: none"> • Âm nhạc truyền thống • Báo chí Việt Nam • Bữa cơm gia đình người Việt • Công việc • Đặc sản Việt Nam • Di tích lịch sử • Địa lý • Dịch vụ • Giao thông • Học tập • Hợp tác - đầu tư • Khách khứa • Khí hậu • Làng quê Việt Nam • Môi trường • Phở Hà Nội • Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

		<ul style="list-style-type: none"> • Tết Nguyên đán • Thành phố • Thời trang • Tiếng Việt • Truyện dân gian/ Trò chơi dân gian • Văn hóa trà của người Việt Nam • Vùng miền
NGŨ PHÁP		
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT		NỘI DUNG KIẾN THỨC
<p>- Kiểm soát ngữ pháp tốt. Đôi khi cũng mắc những lỗi nhỏ trong sử dụng cấu trúc câu nhưng thường có khả năng tự sửa chữa khi xem lại.</p> <p>- Không mắc những lỗi dẫn đến hiểu lầm.</p>		
STT	Nội dung	Ví dụ mẫu
Bài 1	<p>- tính từ tuyệt đối: thẳng tắp, cao tít, trắng muốt...</p> <p>- Nói cách khác/tức là/ trái lại/</p> <p>- Không thể...mà không...</p> <p>- rất đôi, quá đôi</p> <p>- Cách dùng từ Hán Việt: với các yếu tố: vô, bất, phi</p>	<p>- Miền Tây Nam Bộ có những rừng dừa xanh ngắt.</p> <p>- Nơi đây, người ta không thể ăn mà không có quả cà trong mỗi bữa ăn.</p> <p>- Nói một cách khác, quê hương luôn là nơi người Việt muốn trở về sau những chuyến đi.</p> <p>- Hình ảnh những cây tre đã quá đôi thân thiết với mỗi người Việt</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - giới từ cho/đối với - phát + Đ/T - thế nào... cũng chẳng - mãi... mới...: biểu thị sự kiện xảy ra muộn so với thường lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hà Nội rất đặc biệt đối với mỗi người Việt Nam. - Dù được ăn sơn hào hải vị, người Hà Nội thế nào cũng chẳng quên được những món quà vặt vỉa hè. - Những trái sầu non xanh đều khiến người ta phát thèm - Mãi đến năm 2003, người ta mới khôi phục Thái Học Viện. - Dân số Hà Nội đã lên đến 7 triệu người.
<p>Bài 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian, S + đã + V: biểu thị sự kiện xảy ra sớm - mang, vác, đội, đeo - đồng thời/thay vì - Nếu...không - Trừ phi - nguyên/từng/vốn 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ xưa, Sài Gòn đã được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông. - Ở khu phố Tây, người ta có thể nhìn thấy đủ loại khách du lịch mang, vác, đội, đeo hành lý trên đường tìm khách sạn, tìm tour du lịch. - Thay vì ăn ở những nhà hàng sang trọng, bạn có thể tìm đến những quán bình dân nhan nhản khắp các phố. - Nếu anh không thử món này thì coi như là chưa đến Sài Gòn. - Khu vực này vốn là đất tư nhân hiến tặng thành phố để xây bảo tàng.
<p>Bài 4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - trừ, kể cả - “trên, dưới” chỉ ý nghĩa xấp xỉ - “ít nhiều” mang ý nghĩa tương đối, không xác định - kể ra, chính ra, may ra, thực ra - Được sự..., + (câu) - Được sự + ĐT của...hoặc - Được + câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Lăng Bác Hồ mở cửa tất cả các ngày trừ thứ hai. - Hà Nội có trên dưới 1000 ngôi chùa cổ. - Kể ra, tôi ít nhiều đã đi tham quan gần chục ngôi chùa rồi. - Được sự quan tâm và đầu tư của chính quyền địa phương, những di tích được bảo tồn và duy tu hàng năm.
<p>Bài 5</p>	<p>ÔN TẬP</p>	
<p>Bài 6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - sao mà + ...+ thế! - có khác - ... là gì, còn gì: mang ý nghĩa khẳng định mức độ cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường phố ngày Tết có khác, sao mà đông thế! - Hôm nay là 30 Tết rồi còn gì! - Tết năm nay nóng cũng nên!

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	- ...cũng nên: biểu thị ý phỏng đoán	
Bài 7	<ul style="list-style-type: none"> - từ để hỏi + mà không Đ/TT - không lấy gì làm + T - hơn + từ để hỏi + hết - mới A đã B - tính từ + làm sao! 	<ul style="list-style-type: none"> - Ai mà không biết đến món nem rán của Việt Nam! - Khi mới ăn sầu riêng, một số người không lấy gì làm hồ hởi vì mùi vị đặc biệt của nó. - Hơn bao giờ hết, hãy đến và thưởng thức ngay những trái cây của miệt vườn miền Tây. - Tôi mới chỉ nhìn thấy mà nước miếng đã chảy ra. - Những món bánh xinh xắn thơm ngon của xứ Huế mới hấp dẫn làm sao!
Bài 8	<ul style="list-style-type: none"> - Đảo bỏ ngữ - ngữ pháp trong truyện 	(lựa chọn 2-3 mẫu truyện dân gian phù hợp)
Bài 9	<ul style="list-style-type: none"> - Đ1 + CN + Đ2... - từ láy tượng thanh: thánh thót, réo rắt - lấy + D + làm - Đ + mất/hết 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe Dạ cổ hoài lang, người ta lại nhớ đến câu chuyện cảm động về tình cảm vợ chồng xa xưa. - Người ta đã lấy dân ca làm chất liệu để sáng tác những bài hát dân ca đương đại. - Giáo sư Khuê đã dành hết cả cuộc đời để nghiên cứu và phát triển âm nhạc dân tộc. Ông nói “Âm nhạc đã lấy mất gần hết thời gian dành cho gia đình của tôi”.
Bài 10	ÔN TẬP	
Bài 11	<ul style="list-style-type: none"> - có... đâu... - lắm + D - nói gì thì nói, ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi có nói gì đâu! - Phụ nữ thường bị nói là “lắm miệng” - Nói gì thì nói, đàn ông Việt vẫn có nhiều người gia trưởng, bảo thủ. - Sau khi sống ở Việt Nam một thời gian, tôi cũng bị “Việt Nam hoá”

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - cách tạo động từ: A + hoá - Là...., CN + Đ 	<p>rồi!</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là những thanh niên sống trong thời đại toàn cầu hoá, thanh niên Việt Nam năng động và chủ động hội nhập với những xu hướng mới.
Bài 12	<ul style="list-style-type: none"> - làm sao mà... được, làm thế nào mà... được - Đ + dở/nốt - người...kẻ - Theo đó/từ đó 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều khi tôi cũng không hiểu, phụ nữ Việt Nam làm thế nào mà vượt qua được nhiều khó khăn như vậy. - Nghe tiếng con khóc, có đang ăn dở bát cơm cũng không dám ăn nốt mà bỏ bát bỏ đũa chạy vào với con ngay. - Thời chiến, người Bắc kẻ Nam mười năm không gặp nhau là chuyện thường. - Bác Hồ đã tặng cho phụ nữ Việt Nam 8 chữ vàng... Từ đó, 8 chữ vàng trở thành chuẩn mực của người phụ nữ thời chiến.
Bài 13	<ul style="list-style-type: none"> - biết chừng nào, biết bao nhiêu, biết mấy - mạnh ai nấy.... - dù sao cũng/bất luận thế nào cũng/ bất kể thế nào cũng... - ... + là + T - là phải/là đúng 	<ul style="list-style-type: none"> - Anh làm được việc này thì tốt biết mấy! - Thời buổi kinh tế thị trường, doanh nghiệp phải tự thân vận động, mạnh ai nấy lo thôi! - Bất luận thế nào, chính sách mới cũng phải mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp. - Hội nhập và cạnh tranh là tất yếu.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 14</p>	<ul style="list-style-type: none"> - nhỡ/trót + Đ - như... đã biết - Có thể nói - quả là/quả thật/đúng là - trừ phi A mới B 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi đã trót yêu mảnh đất hình chữ S ngay sau khi đặt chân đến đây. - Như mọi người đã biết, Hạ Long đã được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. - Có thể nói, tiềm năng du lịch của VN rất phong phú - Phong cảnh Hạ Long quả thật là có một không hai. - Trừ phi ngành du lịch có biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ thì số khách quay trở lại VN mới tăng lên.
<p>Bài 15</p>	<p>ÔN TẬP</p>	
<p>Bài 16</p>	<ul style="list-style-type: none"> - hưởng hờ/hưởng chi/nữa là - dẫn đến - chẳng riêng gì A mà cả B cũng.... - lập danh từ: ngành ngành, nhà nhà 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc thu hồi đất nông nghiệp để xây sân gôn đã dẫn đến tình cảnh người người thất nghiệp ở nông thôn. - Người già còn lấy tiền đền bù để ăn chơi hưởng hờ người trẻ. - Chẳng riêng gì Việt Nam mà cả nước đã phát triển cũng phải đổi mặt với những mặt trái của đô thị hoá.
<p>Bài 17</p>	<ul style="list-style-type: none"> -bỗng nhiên, bất thành linh, bỗng - Đ + đi Đ + lại - viên, sỹ, sư - T + D: đẹp mặt, trắng tay 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lao động xuất khẩu sang Nhật bỗng tăng đột biến đầu năm nay. - Rất nhiều người sau nhiều năm đi xuất khẩu lao động vẫn trở về trắng tay. - Sinh viên chỉ được học đi học lại những bài lý thuyết dài dòng mà không được thực hành tay nghề.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 18</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Động từ chỉ hoạt động tâm lý: yêu, mến, quý, tin... - Động từ chủ hoạt động tinh thần và tri giác: am hiểu, băn khoăn... - ... mà... à? - Câu đánh giá mức độ với “cũng”: cũng tốt, cũng hay... 	<ul style="list-style-type: none"> - Trải nghiệm cuộc sống với người đồng bào dân tộc càng làm cho tôi yêu mến họ. - Tôi cứ băn khoăn mãi sao cuộc sống khó khăn như vậy mà họ vẫn vui vẻ, yêu đời. - Người dân tộc mà nói tiếng Anh giỏi như vậy à? - Kể ra được sống mãi ở đây cũng hay nhỉ! 		
ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA –ĐÁNH GIÁ				
III.THỰC HÀNH GIAO TIẾP VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG				
NGHE				
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG			
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <p>- Nghe và hiểu được bài phát biểu, diễn văn sử dụng ngôn từ chuẩn, trực tiếp hoặc phát trên sóng phát thanh, truyền hình về các chủ đề khác nhau thường gặp trong cuộc sống cá nhân, xã hội, trong khoa học và giáo dục đào tạo. Chỉ gặp khó khăn khi bị nhiễu, có tiếng ồn, cấu trúc văn bản nói không đầy đủ hoặc/trong đó có sử dụng thành ngữ khó ảnh hưởng đến khả năng nghe hiểu.</p>	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <p>Luyện nói và đọc có trọng âm trong các tổ hợp song tiết Có nhiều cách khác nhau để xác định trọng âm của các từ song tiết. Khi viết các từ này lên bảng hoặc vào vở của sinh viên, người dạy có thể vẽ vòng tròn khác nhau ở phía trên hay phía dưới của từ. Ví dụ:</p> <table border="1" data-bbox="1192 1333 1906 1398" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center; width: 100px;">o O</td> <td style="text-align: center; width: 100px;">o O</td> </tr> </table>		o O	o O
o O	o O			

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Nghe hiểu được ý chính của bài phát biểu (trình bày bằng một phương ngữ phổ thông) với lời nói phức tạp, chủ đề cụ thể hoặc trừu tượng, bao gồm cả các cuộc thảo luận có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của người học.</p> <p>- Theo dõi được bài phát biểu mở rộng và cuộc thảo luận có chủ đề hợp lý, quen thuộc, có cấu trúc rõ ràng.</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Năng lực nghe cụ thể:</i></p> <p>1. Nghe hội thoại giữa những người Việt</p> <p>- Theo dõi kịp hoặc tham gia được vào cuộc trò chuyện giữa những người Việt.</p> <p>- Có khả năng nắm bắt được phần lớn những gì nghe thấy, mặc dù còn có khó khăn để hiểu toàn bộ các chi tiết của một số cuộc hội thoại hay độc thoại khi người nói không điều chỉnh ngôn ngữ cho phù hợp.</p> <p>- Theo dõi được và hiểu các cuộc hội thoại hay độc thoại tự nhiên và linh hoạt của người Việt.</p> <p>2. Nghe trình bày và hội thoại</p> <p>Theo dõi được nội dung chính của những bài giảng, cuộc đàm thoại, các báo cáo trình bày nội dung chuyên môn học thuật sử dụng ngôn ngữ khá phức tạp.</p> <p>3. Nghe thông báo, hướng dẫn</p> <p>Nghe hiểu được các thông báo về một việc/một vấn đề cụ thể hay trừu tượng được nói bằng phương ngữ phổ thông ở tốc độ bình thường.</p>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-bottom: 10px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">đen sì</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">đỏ như</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">o O đỏ choé</td> <td style="text-align: center;">o O trắng dã</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">o O đỏ au</td> <td style="text-align: center;">o O vàng choé</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">o O đỏ dư</td> <td style="text-align: center;">o O vàng khè</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">o O đỏ khé</td> <td style="text-align: center;">o O xanh lè</td> </tr> </table> <p style="text-align: center;">Đối với những người học ở trình độ cao hơn thì có thể dùng hệ thống ký hiệu mà các nhà Việt ngữ học hay sử dụng, như:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-bottom: 10px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">đen nhưc [01]</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">đỏ quạch [01]</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">đỏ đọc [01]</td> <td style="text-align: center;">trắng bệch [01]</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">đỏ nọc [01]</td> <td style="text-align: center;">trắng phéch [01]</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">đỏ cạch [01]</td> <td style="text-align: center;">vàng ệch [01]</td> </tr> </table> <p style="text-align: center;">Luyện nói và đọc câu nói có trọng âm</p> <p>Tuy nhiên, không nên đưa ra quá nhiều trọng âm câu. Nên giải quyết vấn đề này như một bộ phận của ngôn ngữ được nghiên cứu trong lớp học, như đối với ngữ pháp và từ vựng.</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <p><i>Luyện nghe để:</i></p> <p>1- Người dạy yêu cầu sinh viên tìm trọng âm thể hiện/đánh dấu trọng tâm thông tin của ngữ đoạn/câu:</p>	đen sì	đỏ như	o O đỏ choé	o O trắng dã	o O đỏ au	o O vàng choé	o O đỏ dư	o O vàng khè	o O đỏ khé	o O xanh lè	đen nhưc [01]	đỏ quạch [01]	đỏ đọc [01]	trắng bệch [01]	đỏ nọc [01]	trắng phéch [01]	đỏ cạch [01]	vàng ệch [01]
đen sì	đỏ như																		
o O đỏ choé	o O trắng dã																		
o O đỏ au	o O vàng choé																		
o O đỏ dư	o O vàng khè																		
o O đỏ khé	o O xanh lè																		
đen nhưc [01]	đỏ quạch [01]																		
đỏ đọc [01]	trắng bệch [01]																		
đỏ nọc [01]	trắng phéch [01]																		
đỏ cạch [01]	vàng ệch [01]																		

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

4. Nghe đài và xem truyền hình

- Nghe hiểu được bản ghi âm bằng phương ngữ phổ thông về những vấn đề thường gặp trong đời sống xã hội, nghề nghiệp hoặc học thuật, xác định được quan điểm và thái độ của người nói, nội dung thông tin.

- Hiểu được hầu hết nội dung chính của các bài nói trên đài phát thanh, ghi âm được phát bằng phương ngữ phổ thông và xác định được tâm trạng, giọng của người nói.

❖ Yêu cầu cần đạt được

Người học có khả năng:

- Hiểu và thể hiện được (nói/đọc) trọng âm và khinh âm, đồng thời, xem xét những mức độ mạnh yếu khác nhau của trọng âm.

- Đánh dấu được trọng âm trong những tổ hợp song tiết đã học.

- Nhận biết được và có khả năng làm nổi bật lên ý nghĩa của câu nói.

Trọng âm	Trọng tâm thông tin ngữ nghĩa
Tôi YÊU em.	Yêu
TÔI yêu em.	Tôi
Tôi yêu EM .	Em

2- Luyện cho người học hiểu và thực hành xác định trọng âm của các tổ hợp song tiết

Yêu cầu các học viên phân loại các cặp song tiết theo mô hình trọng âm. Chẳng hạn, sinh viên có thể được nghe những cặp từ song tiết khác nhau. Trên cơ sở cách đọc của người dạy mà học viên có thể phân loại những mô hình trọng âm khác nhau

Chẳng hạn, người học được cung cấp cho một phiếu bài tập dưới đây:

Sắp xếp các từ vào cột đúng, theo mô hình trọng âm	
oO	OO
Bỏ vợ, bỏ chồng, nuôi con, thương mẹ, xây nhà, làm bánh, đi cày, nặn tượng, nấu cao, rèn kiếm, yêu vợ, chiều chồng, lấy vợ, lấy chồng...	

Những tổ hợp trong ví dụ này có cấu trúc gồm một động từ và một danh từ, xét về mặt chức năng đây là các động từ vị ngữ và bổ ngữ của chúng. Tất nhiên, người dạy cần cố gắng nói kết kiểu bài tập

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

này với một bài học cụ thể có chủ đề ngữ pháp về loại cấu trúc này. Sau khi đọc cho người học nghe, người dạy có thể cho phép học viên bàn bạc với người bên cạnh để quyết định âm tiết nào là âm tiết trọng âm và sau đó đưa ra câu trả lời đúng. Cuối cùng, người dạy chữa chung cho cả lớp với một bảng phân loại như sau:

Sắp xếp các từ vào cột đúng, theo mô hình trọng âm	
oO	OO
lấy vợ	bỏ vợ
lấy chồng	bỏ chồng
xây nhà	yêu vợ
làm bánh	chiều chồng
đeo cà	Nuôi con
nặn tượng	thương mẹ
nấu cao	
rèn kiếm	

3. Nghe và đánh dấu quãng ngắt, chỗ dừng và trọng âm trong đọc thoại.

Chẳng hạn, người dạy có thể xóa toàn bộ dấu câu trong đoạn văn và yêu cầu sinh viên đánh lại dấu câu, quãng ngừng và dấu trọng âm cho văn bản sau khi nghe.

4. Bài luyện nghe để điền vào chỗ trống

Học viên nghe một câu chuyện, hoặc một cuộc thoại, một văn bản viết có một số từ hoặc ngữ được lựa chọn để lược bớt đi. Học viên nghe văn bản đầy đủ và phải điền những từ hoặc ngữ đúng mà họ đã nghe được vào chỗ bị xóa.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài luyện và bài tập nghe - điền từ ngữ vào chỗ trống thường yêu cầu dùng từ chính xác để điền; và chỉ có một câu trả lời đúng.

5. Bài luyện và bài tập nghe chuyên đổi thông tin

Thông tin được nghe qua tai (thính giác), được chuyển đổi sang hình thức thể hiện để nhìn, chẳng hạn như đánh dấu vào đồ thị, biểu đồ, xác định một thành tố trong bức ảnh, chỉ ra những con đường cần đi trên bản đồ. Xây dựng những bài luyện và bài tập đơn giản có tranh gợi ý đi kèm; đôi khi, chỉ là những sự lựa chọn rất đơn giản, thông tin được lựa chọn là thông tin cơ bản.

Khi thông tin được đưa ra nhiều hơn mức cần thiết, học viên phải lựa chọn những thông tin đúng và thích hợp.

6. Bài luyện nghe rộng

Những bài luyện nghe rộng là những bài có độ dài lớn nhất được sử dụng cho việc nghe hiểu (một bài giảng trên lớp, một bản thuyết trình hay một câu chuyện dài...) Các kiểu nghe, từ nghe tập trung sâu, đến nghe và trả lời câu hỏi, nghe và lựa chọn; nghe bao quát (nghe rộng) và nghe thực chi tiết được sắp xếp tăng dần từ bậc 1 đến bậc 6.

7. Luyện nghe qua kích thích - phản ứng mang tính giao tiếp

Người học được nghe những ngữ liệu kích thích (một cuộc hội thoại hoặc một văn bản độc thoại, bài giảng, những câu chuyện thời sự) sau đó, họ được yêu cầu trả lời một số câu hỏi. Những bài luyện và bài tập loại này được sử dụng để luyện mức thành thạo của học viên.

❖ *Kiểm chứng kết quả*

Kiểm chứng qua những bài luyện và bài tập đánh giá khả năng nghe và lựa chọn và phải nhận ra được một số thông tin cụ thể.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	❖ <i>Học liệu:</i> sử dụng các điển ngôn nguyên gốc và học liệu được người dạy biên soạn, sáng tạo
ĐỌC	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i> Đọc được một cách tương đối độc lập, điều chỉnh được cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc. Có vốn từ vựng lớn chủ động phục vụ quá trình đọc, nhưng vẫn còn gặp khó khăn với những thành ngữ ít xuất hiện.</p> <p>❖ <i>Yêu cầu cần đạt được</i> Đọc, nhận biết được cấu trúc của văn bản và các thành phần là các đoạn văn bản; hiểu và tìm thông tin, lập luận trong văn bản có độ dài thích hợp với bậc 4. Hiểu được những lập luận có độ khó phù hợp với bậc 4.</p>	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i> Chiến lược giảng dạy đọc ở bậc này không khác nhiều so với chiến lược giảng dạy ở bậc 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc để lấy thông tin và hiểu được lập luận trong văn bản được lựa chọn có độ khó phù hợp với các bước thực hiện chiến lược giảng dạy (từ dễ hơn đến khó hơn) của bậc 4. - Luyện đọc tập trung và đọc mở rộng. <p>Thực hiện trình tự giảng dạy (luyện tập) từ đơn giản đến phức tạp (dễ trước khó sau), giảng dạy theo thứ tự thời gian (trước - sau), giảng dạy theo nhu cầu. Có những phần học tiên quyết (để cung cấp nền tảng cho phần học sau). Giảng dạy từ toàn thể đến bộ phận hoặc từ bộ phận đến toàn thể (từ văn bản đến đoạn, hoặc từ đoạn đến toàn văn bản). Giảng dạy theo trình tự xoáy tròn ốc (giảng dạy lại điều gì đó nhưng có những mặt/nội dung mới ở vòng sau).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện những tiểu kỹ năng đọc quan trọng thường dùng cho học viên: <p>+ Nắm rõ những ý tưởng chính của văn bản/ đoạn văn. + Phát hiện, ghi chép những chi tiết riêng, đặc biệt.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> + Phát hiện, đánh dấu những chỗ cần/có thể suy luận. + So sánh những gì là tương đồng, khác biệt về mặt ngôn ngữ, nội dung trong văn bản đang đọc với vốn ngôn ngữ đã biết. + Dựa vào ý chính của văn bản và ngữ cảnh để đoán trước nội dung của đoạn, của câu hoặc từ ngữ không quen. <p style="text-align: center;">❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <p>1. Luyện đọc, hiểu, nhận biết được cấu trúc văn bản, ý chính và nội dung khái quát của văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu khái quát văn bản, phân đoạn, chỉ ra dấu hiệu tổ chức văn bản và liên kết các đoạn. + Xác định đoạn quan trọng về nội dung liên quan đến chủ đề văn bản. + Xác định mối quan hệ chính trong tổ chức văn bản, ví dụ: nguyên nhân - kết quả, so sánh đối lập hay vấn đề - giải pháp. Qua đó, nhận biết nội dung chính của văn bản. + Kết nối những luận cứ, luận chứng, thông tin phát hiện được với ý tưởng chính của văn bản. + Tóm tắt được nội dung văn bản. <p>2. Luyện đọc, hiểu, xác định và lấy được thông tin cụ thể trong các văn bản là bài báo, báo cáo liên quan đến các vấn đề thời sự, và đời sống hằng ngày, tri thức đời sống hằng ngày, trong đó tác giả thể hiện rõ ràng, tường minh quan điểm cụ thể. Luyện cho học viên tìm các thông tin trong văn bản và liên kết được các</p>
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

thông tin với nhau để làm rõ thông tin chính của văn bản; xác định được mục đích của văn bản

3. Luyện đọc hiểu, nhận biết được nghĩa của từng câu, từng đoạn và nghĩa chung của văn bản là các trích đoạn văn xuôi, báo chí, khoa học thường thức, tài liệu hướng dẫn, mô tả công việc những bài viết về vấn đề của đời sống xã hội, tự nhiên, các hoạt động xã hội, cá nhân hằng ngày, kiến thức khoa học hoặc đời sống thường thức phát hiện được cấu trúc khái của văn bản, ý tưởng chính của văn bản; xác định nội dung thông tin được diễn đạt gián tiếp/ngầm ẩn.

4. Luyện đọc tập trung (Intensive reading), tốc độ đọc trung bình hoặc hơi chậm nhưng mức độ hiểu phải cao hơn so với đọc mở rộng (những loại văn bản nói trên), xác định được ý tưởng chính của văn bản, quan điểm, thái độ của nhân vật hoặc người viết trong đoạn văn bản được diễn đạt tường minh.

5. Luyện kỹ năng nhận biết từ, đoán nghĩa từ mới, phát triển vốn từ qua việc luyện đọc mở rộng nhiều chủ đề hơn những chủ đề đã có trong chương trình để phát triển thói quen, tích lũy tri thức về từ vựng và ngữ pháp, giúp xử lý tốt hơn các văn bản cần đọc.

6. Luyện đọc hiểu, tóm tắt nhiều loại văn bản, đưa ra được nhận xét, thảo luận về nội dung của từng đoạn và chủ đề của toàn văn bản. Luyện tập đọc, tóm tắt được các (đoạn) văn bản báo chí, các đoạn phỏng vấn có nội dung thảo luận, có dùng các lập luận, chứng minh.

❖ *Kiểm chứng kết quả*

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Lấy được thông tin, nội dung, trả lời được câu hỏi đặt ra của giảng viên hoặc viết lại được ý chính của bài, tóm tắt được các thông tin trong bài.</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Học liệu</i></p> <p>Ngoài các văn bản, thông tin trong học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình giảng viên cần tự chọn thêm những văn bản thực (ngôn ngữ sống) để bổ sung, làm đa dạng hóa nguồn văn bản đọc. Nhưng phải bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục đích và yêu cầu của học viên. - Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức. <p>(Học viên có thể tự chọn những văn bản phù hợp về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình).</p>
NÓI	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p style="text-align: center;">❖ <i>Năng lực chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói thành thạo, có hiệu quả về nhiều chủ đề chung, chủ đề học thuật, nghề nghiệp hoặc giải trí. - Giao tiếp một cách tương đối trôi chảy, mạch lạc, tự nhiên, kiểm soát ngữ pháp tốt, không có nhiều dấu hiệu bị hạn chế về những gì muốn nói. <p>Năng lực nói cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mô tả các trải nghiệm 	<p style="text-align: center;">❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <p>Trong bậc này, cần tập trung luyện nói theo chủ đề, nói có tương tác và luyện hỏi, trả lời phỏng vấn.</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Luyện tập nói theo chủ đề <p>Luyện tập nói theo chủ đề được thiết kế để gợi ý cho người học tạo ra ngôn ngữ theo nội dung nhiều hơn là nhằm vào những mục tiêu</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Mô tả được rõ ràng, chi tiết về các chủ đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực quan tâm với những cấu trúc câu, cụm từ tương đối khó.</p> <p>2. Lập luận trong thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ý kiến của mình với độ chính xác cao, trình bày và trả lời bằng lời ứng đáp có lập luận. - Tham gia tích cực được vào cuộc thảo luận trong bối cảnh quen thuộc, trình bày ý kiến, đánh giá, đề xuất ... <p>3. Trình bày trước người nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đã được chuẩn bị, nêu được lý do ủng hộ hay phản đối một quan điểm cụ thể, đưa ra được những lợi thế và bất lợi của những lựa chọn khác nhau. - Trả lời được lưu loát, tự nhiên, không căng thẳng các câu hỏi sau khi trình bày và cũng không gây căng thẳng cho người nghe. - Trình bày được những bài thuyết trình phức tạp, trong đó nhấn mạnh được những điểm chính và có chi tiết minh họa rõ ràng. <p>4. Nói có tương tác</p> <p>4.1. Mô tả chung về kỹ năng nói có tương tác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp khá lưu loát, tự nhiên với người Việt bản ngữ. - Giải thích được nội dung quan trọng thông qua trải nghiệm cá nhân, giải thích và giữ quan điểm một 	<p>về ngữ âm, từ vựng hay ngữ pháp. Người học sẽ nói trong khoảng 5 - 7 - 10 phút. Những chủ đề dưới đây có thể được dùng cho phần luyện tập này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả đặc điểm của người và vật; - Kể lại câu chuyện đã được đọc; - Tóm tắt thông tin của một người nói hay văn bản cụ thể; - Đưa ra lời hướng dẫn dựa trên những kết quả quan sát được; - Đưa ra những lời khuyên hay lời chỉ dẫn; - Đưa ra quan điểm riêng của mình; - Chứng minh một quan điểm nào đó; - So sánh/đối lập; - Giả định; - Định nghĩa. <p>Trên cơ sở những hướng này có thể đưa ra các kiểu luyện tập cụ thể như dưới đây:</p> <p>Miêu tả một người nào đó;</p> <p>Miêu tả công việc hằng ngày của mình;</p> <p>Đề xuất một món quà tặng cho người nào đó và chứng minh sự lựa chọn của mình là phù hợp;</p> <p>Đề xuất một vị trí để đi tham quan và chứng minh sự lựa chọn đúng đắn của mình;</p> <p>Luyện tập một trải nghiệm (làm món ăn hay cách sử dụng một phương tiện kỹ thuật nào đó);</p> <p>Kể lại nội dung một bộ phim yêu thích và giải thích được vì sao bản thân lại yêu thích bộ phim đó.</p>
---	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>cách rõ ràng bằng những lập luận và minh chứng liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ thành thạo, chính xác và hiệu quả về các chủ đề chung, chủ đề giải trí, nghề nghiệp và học tập; giữa các ý có liên kết rõ ràng. - Giao tiếp một cách tự nhiên, sử dụng tốt các cấu trúc ngữ pháp và không gặp khó khăn khi diễn đạt cho phù hợp với hoàn cảnh. <p>4.2. Hội thoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia được vào các cuộc trò chuyện về hầu hết các chủ đề chung một cách rõ ràng, kể cả khi bị ồn, nhiễu. - Duy trì được mối quan hệ với người Việt bản ngữ mà không vô tình gây khó chịu cho họ. - Thể hiện được mức độ cảm xúc, làm nổi bật được những sự kiện và trải nghiệm cá nhân của mình. <p>4.3. Giao dịch mua bán và dịch vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng thương lượng về những việc thông thường (như mua vé tàu xe không phù hợp, hoãn vé, đền bù khi làm thiệt hại nhà ở, lỗi liên quan đến tai nạn, đưa ra trách nhiệm bồi thường thiệt hại). - Có khả năng thuyết phục để yêu cầu làm hài lòng các bên liên quan. - Giải thích được những vấn đề phát sinh và yêu cầu bên cung cấp các dịch vụ phải nhượng bộ. <p>4.4. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn</p>	<p>Kể một câu chuyện theo tranh;</p> <p>Giả định về hoạt động trong tương lai;</p> <p>Giả định về những hành động để ngăn ngừa trước một thảm họa;</p> <p>Gọi điện thoại cho người giặt là trong khách sạn;</p> <p>Miêu tả những tin tức thời sự quan trọng;</p> <p>Trình bày những quan điểm khác nhau về động vật hoang dã bị nhốt trong vườn thú;</p> <p>Định nghĩa một thuật ngữ khoa học hay kỹ thuật;</p> <p>Miêu tả thông tin trong biểu đồ và giải thích những ký hiệu trong biểu đồ đó;</p> <p>Trình bày chi tiết về một kế hoạch du lịch.</p> <p>Luyện tập nói có tương tác:</p> <p>Sự khác biệt giữa luyện trả lời câu hỏi và luyện tập nói có tương tác là ở độ dài và tính phức tạp của sự kết hợp. Đôi khi, đó có thể là những cuộc trao đổi nhiều chiều và/ hoặc nhiều người tham gia khác nhau. Có thể kết hợp hình thức giao tiếp trao đổi thông tin cụ thể, những cuộc trao đổi gồm nhiều người với những quan hệ xã hội khác nhau. Khi trao đổi nhiều người (tam thoại, tứ thoại, đa thoại...), lời nói có thể phức tạp về mặt ngữ dụng hoặc trong những tình huống giao tiếp cụ thể có thể mang tính ngẫu nhiên sử dụng ngôn ngữ thông thường, ngôn ngữ tinh lọc, tiếng lóng, hài hước, bông đùa và những sự sáng tạo ngôn ngữ xã hội khác.</p> <p>Luyện tập nói có tương tác là phần luyện tập với những chuỗi ngôn ngữ dài có liên quan chặt chẽ với nhau (cuộc phỏng vấn, một vở kịch, một cuộc thảo luận và trò chơi). Nó khác với hội thoại có tính chất giao dịch tay đôi.</p>
---	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Thực hiện được một cuộc phỏng vấn/trao đổi trôi chảy, có hiệu quả, khởi đầu một cách tự nhiên theo những câu hỏi đã chuẩn bị sẵn và tiếp nối bằng phần trả lời sáng tạo.</p> <p>- Đưa ra được ý tưởng, mở rộng và phát triển chủ đề trong khi phỏng vấn nếu có hỗ trợ hoặc khuyến khích từ người phỏng vấn.</p> <p>5. Độ chuẩn xác của kỹ năng nói</p> <p>5.1. Phát âm và độ lưu loát</p> <p>- Phát âm rõ ràng, đúng cao độ, ngữ điệu tương đối tự nhiên.</p> <p>- Giao tiếp dễ dàng và tương đối lưu loát, kể cả khi nói những đoạn dài và phức tạp.</p> <p>5.2. Sự phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội</p> <p>- Sử dụng tốt vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp tương đối phức tạp trong giao tiếp; nhưng đôi khi vẫn cần hỗ trợ lựa chọn từ ngữ phù hợp.</p> <p>- Diễn đạt được ý của mình một cách tự tin, rõ ràng và lịch sự bằng ngôn ngữ trang trọng cũng như thông tục, phù hợp với tình huống giao tiếp</p>	<p>Luyện tập phỏng vấn</p> <p>Với chiến lược luyện tập phỏng vấn người dạy và người học ngồi trực tiếp mặt đối mặt để trao đổi và khởi đầu thường là những lời nói mang tính nghi thức thăm hỏi với những câu hỏi hay lời hướng dẫn, tùy theo từng trường hợp. Những cuộc phỏng vấn kiểu này có thể được ghi âm để sau đó nghe lại và để đánh giá hoặc thẩm định lại những cách phát âm hoặc cách dùng các phạm trù ngữ pháp hay là cách sử dụng từ vựng, tính trôi chảy, các mặt ngôn ngữ xã hội, tính phù hợp, sự hoàn thiện của cuộc luyện tập và cả khả năng hiểu của người học.</p>
VIẾT	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
❖ <i>Năng lực chung</i>	❖ <i>Định hướng giảng dạy</i>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Viết được bài chi tiết, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, nhiều lĩnh vực quan tâm khác nhau, biết tổng hợp, đánh giá thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau.</p> <p>❖ <i>Năng lực viết cụ thể:</i></p> <p>1. Viết luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả rõ ràng, chi tiết được về các sự kiện hay những trải nghiệm thật hoặc giả tưởng, thể hiện được sự kết nối logic giữa các ý trong bài theo quy ước của thể loại văn bản. - Miêu tả rõ ràng, chi tiết được về những chủ đề mà mình quan tâm. - Viết được bài bình luận về một bộ phim, một cuốn sách hay một vở kịch. <p>2. Viết báo cáo và tiểu luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được bài luận hoặc báo cáo, trong đó các lập luận được triển khai một cách hệ thống, phù hợp, nêu rõ được những ý chính và có những minh họa phù hợp. - Đánh giá được các ý kiến và các giải pháp khác nhau của một vấn đề. - Viết được bài luận hoặc báo cáo kiểu lập luận nêu lý do tán thành hay phản đối một quan điểm nào đó và giải thích được những lợi thế và bất lợi của các giải pháp đó. 	<p>Ở bậc này cần tập trung vào luyện tập viết đoạn văn trong văn bản học thuật; viết đoạn/ bài tường thuật; viết bài/ đoạn so sánh - đối chiếu; viết thư từ giao dịch; viết tóm tắt văn bản đọc/ bài giảng/ băng video...</p> <p>❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Viết đoạn văn trong văn bản học thuật • Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> Luyện tập cho người học cách viết một đoạn văn học thuật và hiểu các phần của một đoạn văn học thuật, các đặc điểm của một đoạn văn học thuật. Trên cơ sở đó, luyện viết đoạn văn bản học thuật, trong đó có tăng cường năng lực sử dụng mệnh đề độc lập và mệnh đề không độc lập để thực hiện chức năng của chúng. • Chiến lược phát triển kỹ năng viết đoạn văn bản học thuật: <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng phân tích các bộ phận của đoạn văn học thuật; ○ Luyện kỹ năng xác định câu chủ đề của đoạn văn học thuật; ○ Luyện kỹ năng viết câu chủ đề trong đoạn văn học thuật; ○ Luyện kỹ năng xác định và viết câu triển khai; ○ Luyện kỹ năng phân tích sự liên kết; ○ Luyện kỹ năng phân tích ngữ pháp trong đoạn văn học thuật; ○ Luyện kỹ năng xác định từ liên kết trong đoạn văn học thuật; ○ Luyện kỹ năng viết đoạn văn học thuật; ○ Luyện kỹ năng phân tích độc giả tiềm năng; ○ Luyện kỹ năng tạo ý tưởng;
---	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Tổng hợp được thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau.</p> <p>3. Viết có tương tác</p> <p><i>3.1. Mô tả chung về kỹ năng viết có tương tác</i></p> <p>Truyền đạt được thông tin, trình bày quan điểm của mình và của người khác một cách hiệu quả bằng văn bản.</p> <p><i>3.2. Viết thư từ giao dịch</i></p> <p>Viết được thư từ giao dịch để biểu thị cảm xúc, thái độ, trình bày ý kiến cá nhân, trả lời và bình luận về ý kiến và quan điểm của người nhận thư.</p> <p><i>3.3. Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu</i></p> <p>Đạt trình độ như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên.</p> <p>4. Xử lý văn bản</p> <p>- Tóm tắt được các loại văn bản thực hay giả tưởng, đưa ra nhận định, thảo luận về các quan điểm đối lập và những chủ đề chính.</p> <p>- Tóm tắt được các đoạn trích từ báo chí, phỏng vấn hoặc tóm tắt được quan điểm, ý kiến trong các loại tài liệu có liên quan đến lập luận và thảo luận.</p> <p>- Tóm tắt được cốt truyện hay trình tự các sự kiện trong một bộ phim hay một vở kịch.</p> <p>5. Độ chính xác về chính tả</p> <p>Viết được một đoạn văn mạch lạc, dễ hiểu, có bố cục và phân đoạn theo chuẩn mực. Tuy nhiên, chính tả</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng thu hẹp chủ đề học thuật; ○ Luyện kỹ năng quyết định một ý tưởng chủ đạo; ○ Luyện kỹ năng chọn minh chứng hỗ trợ; ○ Luyện kỹ năng sửa đổi đoạn văn học thuật; ○ Luyện kỹ năng sử dụng Internet để phát triển đoạn văn học thuật; <ul style="list-style-type: none"> ▪ Viết đoạn/ bài tường thuật (Chủ đề ví dụ: Một sự kiện đáng nhớ) <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu <p>a) Tăng cường năng lực viết bài/ đoạn miêu tả một sự kiện đáng nhớ, trong đó có năng lực viết câu chủ đề với một ý tưởng chủ đạo chính, khả năng lựa chọn một sự kiện hỗ trợ luận điểm chính và khả năng tổ chức các sự kiện các vụ việc bằng cách sử dụng trình tự thời gian;</p> <p>b) Bên cạnh đó, dạy viết tường thuật cũng phải nhằm cải thiện sự liên kết bằng cách sử dụng từ kết nối cho thể loại tường thuật bằng cách đọc suy nghĩ về cách viết của những người khác; qua đó tăng cường năng lực ngữ pháp năng lực viết câu chủ đề với ý tưởng chủ đạo sử dụng mệnh đề chỉ thời gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chiến lược phát triển kỹ năng <p>Chiến lược phát triển kỹ năng này bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện tập trung vào một điểm chính; ○ Luyện hỗ trợ điểm chính bằng các sự kiện cụ thể; ○ Luyện kỹ năng tập trung vào một sự cố đặc biệt; ○ Luyện kỹ năng cung cấp thông tin cơ bản; ○ Luyện kỹ năng giải thích điểm chính;
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>và dấu câu chưa được chính xác tuyệt đối, vẫn còn bị ảnh hưởng từ bản ngữ (ngôn ngữ 1) của mình</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng tổ chức theo thứ tự thời gian; ○ Luyện kỹ năng liên kết bằng các từ liên kết trong thể loại tường thuật; ○ Luyện kỹ năng sử dụng Internet để viết văn bản tường thuật; ▪ Viết bài/ đoạn so sánh- đối chiếu; (Ví dụ về chủ đề giáo dục) <p>Mục tiêu: Tăng cường năng lực viết một đoạn/ bài so sánh hoặc đối chiếu, trong đó có:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Năng lực tìm những điểm cần so sánh, ○ Năng lực tổ chức theo luận điểm hoặc chủ đề, ○ Năng lực liên kết bằng cách sử dụng từ kết nối dùng cho so sánh và đối chiếu: “ngày ấy” và “bây giờ”... ○ Năng lực viết qua việc đọc về phân tích những sự khác của những người khác. ○ Năng lực sử dụng các hình thức so sánh sử dụng câu ghép và các liên từ kết nối trong so sánh, đối chiếu để phát triển ngữ pháp. ▪ Chiến lược phát triển năng lực viết so sánh - đối chiếu: <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng tìm các điểm/ mục so sánh, đối chiếu; ○ Luyện kỹ năng chọn các điểm/ mục so sánh, đối chiếu; ○ Luyện kỹ năng tập trung vào một ý tưởng chính; ○ Luyện kỹ năng tổ chức bài/ đoạn viết theo các điểm so sánh;
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng liên kết bằng sử dụng các từ nối dành cho phép so sánh và đối chiếu; <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng sử dụng câu ghép so sánh đối chiếu; ○ Luyện kỹ năng sử dụng mạng Internet để viết bài đoạn so sánh/đối chiếu; ○ Luyện kỹ năng tổ chức theo các chủ đề "ngày ấy" và "bây giờ"; <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chiến lược phát triển kỹ năng viết thư từ giao dịch ○ Luyện kỹ năng viết thư xác nhận; ○ Luyện kỹ năng viết thư xin phép; ○ Luyện kỹ năng viết thư khiếu nại; ○ Luyện kỹ năng viết thư mời; ○ Luyện kỹ năng viết thư đặt hàng; ○ Luyện kỹ năng viết thư yêu cầu; <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chiến lược phát triển kỹ năng viết tóm tắt văn bản đọc/ bài giảng/ băng video... ○ Luyện kỹ năng nắm bắt một cách có hiệu quả những ý tưởng chính và ý tưởng triển khai của nguyên bản; ○ Luyện kỹ năng xác định mục tiêu của bản báo cáo; ○ Luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ riêng của người viết trong đa số các phần viết tóm tắt; ○ Luyện kỹ năng sử dụng trích dẫn một cách hữu ích ở những chỗ thích hợp; ○ Luyện kỹ năng lược bỏ những chi tiết không thích đáng, không thích hợp, có tính phụ trợ; ○ Luyện kỹ năng làm cho văn bản có độ dài phù hợp
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

C - TRÌNH ĐỘ CAO CẤP

(BẬC 5 VÀ BẬC 6)

CHUẨN ĐẦU RA CHO TRÌNH ĐỘ CAO CẤP

<p>TIÊU CHUẨN 1 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể trao đổi thông tin về các sự kiện hiện tại và quá khứ, cũng như những khát vọng tương lai trong cuộc sống cá nhân của người học và cuộc sống của bạn bè, gia đình và những người khác trong cộng đồng của mình. • Có thể trao đổi thông tin về các sự kiện quốc tế đang diễn ra dựa trên các bài báo hoặc tạp chí, trên các chương trình truyền hình và đài phát thanh, video, phim và Internet, và so sánh - đối chiếu các thông tin có được trong cả nền văn hóa Việt và nền văn hóa cội nguồn của mình. • Có thể tham gia vào các cuộc trao đổi phù hợp về văn hóa phản ánh các phép lịch sự mang tính xã hội chẳng hạn như bày tỏ lòng biết ơn, nhận lời mời, từ chối, xin lỗi và truyền đạt các mong muốn, sở thích khác nhau của mình. • Có thể làm việc theo nhóm để phát triển các giải pháp cho các vấn đề được đặt ra cả trong lịch sử và hiện tại ở cả nền văn hóa Việt Nam và văn hóa cội nguồn của người học. • Có thể trao đổi ý kiến về một loạt các chủ đề, bao gồm các vấn đề đang được quan tâm hoặc các vấn đề có tính lịch sử trong nền văn hóa Việt Nam và văn hóa cội nguồn của người học. • Có thể chia sẻ phản ứng cá nhân và cảm xúc của người học về các văn bản văn học hiện thực như thơ, kịch, truyện ngắn và tiểu thuyết. • Có thể thảo luận về cảm xúc và ý tưởng cá nhân của người học với người Việt để xem xét và chia sẻ các quan điểm tương đồng và khác biệt.
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng cách viết lại và nói vòng để giải thích các từ ngữ khó hiểu, nghĩa là sử dụng được các từ ngữ và các cử chỉ khác nhau để giải thích các từ hoặc khái niệm, để truyền đạt thành công thông điệp của người nói.
<p>TIÊU CHUẨN 2 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các ý chính và chi tiết có liên quan của các cuộc thảo luận mở rộng, các bài giảng và các bài thuyết trình chính thức về các chủ đề có liên quan đến cuộc sống hằng ngày và / hoặc các chủ đề lịch sử hoặc đương đại trong văn hóa Việt được quan tâm. • Hiểu được các ý tưởng chính hoặc cốt truyện và các chi tiết trong chương trình phát thanh hoặc truyền hình, phim ảnh hoặc các hình thức truyền thông khác được người bản ngữ Việt thiết kế. • Hiểu được các ý chính và những chi tiết có liên quan của các bài thuyết trình trực tiếp hoặc được ghi lại; hiểu được các bài hát, truyện dân gian, những vở kịch, đặc biệt là hài kịch và các giai thoại có ý nghĩa văn hóa. • Nhận ra được các nhân vật và vai trò quan trọng của họ khi đọc các văn bản văn học; hiểu được cốt truyện chính và các tình tiết có liên quan. • Hiểu được các ý chính và chi tiết quan trọng của các bài viết dài trên báo, tạp chí và trang web về các chủ đề có tầm quan trọng trong hiện tại hoặc trong lịch sử- văn hóa Việt Nam.
<p>TIÊU CHUẨN 3 (GIAO TIẾP)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể chuẩn bị bài thuyết trình và / hoặc đoạn/bài tóm tắt bằng văn bản về các chủ đề mà cá nhân quan tâm đang xảy ra trong hiện tại hoặc trong lịch sử, bằng tiếng Việt. • Thực hiện được các cảnh của một vở kịch và / hoặc đọc thuộc đoạn/bài thơ hoặc đoạn trích từ một truyện ngắn bằng tiếng Việt. • Chuẩn bị được các bài phân tích bằng miệng và / hoặc bằng văn bản tiếng Việt về cốt truyện, nhân vật, mô tả và phát triển chủ đề, được tìm thấy trong các tác phẩm văn học, bao gồm truyện thơ, kịch, truyện ngắn và các tác phẩm hư cấu hoặc phi hư cấu. • Mô tả, giải thích, bày tỏ được ý kiến của cá nhân khi phân tích các câu chuyện, vở kịch, thơ hoặc các thể loại văn học khác, cũng như các chương trình phát thanh, chương trình âm nhạc, phim ảnh, nghệ thuật và trang web.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể viết thư bằng tiếng Việt cho bạn bè, đồng nghiệp, mô tả và phân tích các sự kiện hiện tại, có mối quan tâm chung. • Có thể sử dụng từ điển song ngữ hoặc đơn ngữ (từ điển tiếng Việt) phù hợp, để chọn từ, phục vụ cho việc chuẩn bị báo cáo bằng văn bản và bằng lời nói.
TIÊU CHUẨN 4 (VĂN HÓA)	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể xác định và phân tích được các phẩm vật và thực tiễn của nền văn hóa Việt (ví dụ: xã hội, kinh tế, pháp lý và chính trị) và khám phá ra mối quan hệ giữa các phẩm vật và thực tế dựa trên quan điểm văn hóa. • Có thể xác định, trải nghiệm hoặc đọc và thảo luận về các hình thức biểu trưng của văn hóa Việt Nam, được bao gồm không giới hạn trong các tác phẩm văn học, báo chí, phim ảnh, truyền hình, trên các trang web và các tác phẩm mỹ thuật, để khám phá những ảnh hưởng của chúng đối với cộng đồng. • Có thể tham gia vào nhiều bối cảnh văn hóa khác nhau, tham gia vào hoạt động của các nhóm cộng đồng trong văn hóa Việt, sử dụng được những cách ứng xử phù hợp bằng lời nói và phi lời nói. • Có thể xác định, thảo luận và phân tích các cách ứng xử hoặc tương tác khác nhau điển hình của nền văn hóa Việt. • Có thể xác định, thảo luận, phân tích và đánh giá các chủ đề, ý tưởng và quan điểm có liên quan đến văn hóa Việt Nam.
TIÊU CHUẨN 5 (NÓI KẾT)	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng thông tin có được từ các môn học khác để thực hành các hoạt động trong lớp học tiếng Việt. • Thu thập được các thông tin phức tạp và trù tượng hơn từ nhiều nguồn xác thực trong lớp học tiếng Việt và tích hợp nó với các môn học khác. • Có thể phân tích sự tương đồng và khác biệt giữa các nguồn thông tin, chọn được những thông tin phù hợp nhất cho các mục đích cụ thể. • Có thể sử dụng thông tin và quan điểm mới có được thông qua nghiên cứu tiếng Việt để mở rộng kiến thức cá nhân và các kết nối có tính liên ngành của người học.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>TIÊU CHUẨN 6 (NÓI KẾT)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng nhiều nguồn tài nguyên truyền thông để phân tích các khía cạnh của nền văn hóa Việt Nam và áp dụng kiến thức của người học vào các tình huống mới. • Có thể truy cập và phân tích tài liệu, tìm kiếm nguồn thông tin để sử dụng trong tương lai về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.
<p>TIÊU CHUẨN 7 (SO SÁNH NGÔN NGỮ)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể phân tích các yếu tố khác nhau của tiếng Việt (như các yếu tố biểu thị thời gian), so sánh và đối chiếu chúng với các yếu tố tương ứng của tiếng mẹ đẻ. • Có thể đánh giá phong cách tương tác giao tiếp trong tiếng Việt. • Có thể dẫn minh chứng để hỗ trợ cho kết luận; có thể kết nối kiến thức mới học được và kiến thức học trước cả trong giao tiếp bằng văn bản và bằng lời nói. • Đọc và hiểu được các văn bản dài, phức tạp trong các định dạng rút gọn và không rút gọn. • Sử dụng được quy trình viết trong tạo lập các văn bản bao gồm tự đánh giá và thảo luận với các sinh viên khác. • Có thể tạo lập một loạt các văn bản mạch lạc, chính xác và đại diện cho một loạt các phong cách văn bản.
<p>TIÊU CHUẨN 8 (SO SÁNH VĂN HÓA)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể thảo luận và phân tích các hình thức giao tiếp khác nhau giữa hai nền văn hóa như các kí-tín hiệu, biểu tượng, bài hát và văn vần.... • Có thể so sánh và đối chiếu cách xử lý các vấn đề hiện tại giữa nền văn hóa Việt và nền văn hóa khác qua cách thiết kế các văn bản xác thực. • Có thể phân tích đặc trưng văn hóa khác nhau qua nhìn nhận vai trò của văn hóa Việt Nam trong mối tương quan với các nước trong khu vực và trên thế giới. • Có thể sử dụng thông tin và quan điểm mới để so sánh và đối chiếu kinh nghiệm của mình với những người bạn, đồng nghiệp về nền văn hóa Việt nam. • Có thể sử dụng thông tin, quan điểm mới và phát triển nó để chứng minh sự hiểu biết của mình về sự tương đồng và khác biệt giữa nền văn hóa Việt Nam và nền văn hóa khác.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng được những thông tin, quan điểm mới và phát triển nó để xác định các nét văn hóa phổ biến và các nét văn hóa đặc thù của con người trong nền văn hóa và để thể hiện sự đồng cảm và tôn trọng đối với nền văn hóa khác. • Đánh giá hiệu quả của sự tương tác giao tiếp dựa trên các yếu tố văn hóa.
<p>TIÊU CHUẨN 9 (CỘNG ĐỒNG)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể giao tiếp với người Việt và có thể diễn giải những thông tin có liên quan đến các chủ đề mà cá nhân, cộng đồng hoặc thế giới quan tâm. • Thiết lập và / hoặc duy trì mối quan hệ với người Việt hoặc người nói tiếng Việt thông qua thư, hoặc e-mail và / hoặc các chương trình trao đổi. • Có thể sử dụng các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt và thể hiện được sự hiểu biết về văn hóa khi tham gia các hoạt động mang tính nghề nghiệp, hoạt động tình nguyện, hoạt động trong các dự án hoặc trao đổi với các cơ quan, trường học / các cá nhân hoặc với các thành viên gia đình nơi mình sống. • Có thể sử dụng các phương tiện giải trí khác nhau để tìm hiểu và thưởng thức ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. Đọc được các tác phẩm văn học, nghe nhạc, xem phim và các trang web bằng tiếng Việt để giải trí.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

BẬC 5

I-YÊU CẦU CHUNG

Nhận biết và hiểu được hàm ý của những văn bản dài, có phạm vi nội dung rộng. Có khả năng diễn đạt trôi chảy, tức thì, không khó khăn khi tìm từ ngữ diễn đạt. Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích quan hệ xã hội, mục đích học thuật và chuyên môn. Viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết trong văn bản.

Có vốn từ rộng, đủ để diễn đạt về những vấn đề của bản thân một cách rõ ràng. Thoải mái lựa chọn từ ngữ để trình bày theo cách phù hợp nhất.

II-NỘI DUNG KIẾN THỨC

NGŨ ÂM

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT

NỘI DUNG KIẾN THỨC

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Có khả năng thay đổi ngữ điệu tự nhiên gần giống như người Việt để thể hiện các sắc thái ý nghĩa tinh tế.</p> <p>- Diễn đạt trôi chảy, tự nhiên ý của mình, gần như không gặp khó khăn, trừ một số chủ đề có những khái niệm khó.</p> <p>- Phân đoạn và sử dụng dấu câu thống nhất và hợp lý.</p> <p>- Viết đúng chính tả nhưng đôi chỗ còn lỗi nhỏ do không tập trung.</p>	<p>- Các phương tiện nhận diện ngữ đoạn;</p> <p>- Trọng âm ngữ đoạn.</p>
TỪ VỰNG	
<p>- Có vốn từ vựng rộng để khắc phục những cách diễn đạt dài dòng theo kiểu giải thích (do thiếu từ thích hợp) hoặc sử dụng lối diễn đạt khác ...</p> <p>- Hiểu thành ngữ và tục ngữ.</p> <p>- Khả năng kiểm soát từ vựng tốt. Đôi khi có những khiếm khuyết nhỏ, nhưng không mắc lỗi nghiêm trọng trong việc sử dụng từ.</p>	<p>CHỦ ĐỀ TỪ VỰNG</p> <ul style="list-style-type: none"> • Báo chí Việt Nam • Biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của nó đối với Việt Nam • Bữa cơm gia đình người Việt: truyền thống và hiện đại • Các dân tộc ở Việt Nam • Chính sách ngoại giao của Việt Nam thời kỳ đổi mới • Chữ “Hiếu” của người Việt • Khoa học kỹ thuật • Kinh tế đối ngoại của Việt Nam thời kỳ đổi mới • Lịch sử • Ngoại giao • Ngôn ngữ • Những vị tướng Việt Nam được thế giới ngưỡng mộ • Phòng chống HIV ở Việt Nam

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

		<ul style="list-style-type: none"> • Quá trình hình thành chữ quốc ngữ • Thương mại • Tộc người • Tôn giáo • Trang phục của các dân tộc Việt Nam • Tranh Việt Nam • Văn hóa • Văn hóa trà của người Việt • Văn học Việt Nam thế kỷ 20 • Văn học, nghệ thuật • Xã hội • Y học Việt Nam
NGŨ PHÁP		
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT		NỘI DUNG KIẾN THỨC
Ngữ pháp có độ chính xác cao, hiếm khi mắc lỗi; nếu có thì cũng khó phát hiện.		
STT	Nội dung	Ví dụ mẫu
Bài 1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cấu trúc: “V+ luôn (ngay)...” - Ôn tập các mẫu câu: ... gì...này/ ...nào...ấy/ ...ai ...người đây .../ ...đâu...đấy .../ ...bao nhiêu bấy nhiêu 	<ul style="list-style-type: none"> -Chúng tôi vừa nói về anh ấy, anh ấy đã đến ngay. - Việc ai người này lo. - Anh đi du lịch những 2 tuần cơ à? - Tận 2 ngày nữa anh mới đi Hà Nội nhỉ? - Thậm chí tôi đã đến tận nhà gọi anh ấy rồi. - Cậu ấy bị lỗ vốn hàng mấy chục triệu.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập mẫu câu: Đến/ tới/ những + số từ (thời gian, số lượng, khoảng cách) - Ôn tập mẫu câu: Tận+số từ (thời gian)/ Danh từ địa điểm - Ôn tập mẫu câu: Ngay cả/ Thậm chí+danh từ+ cũng+động từ - Ôn tập cách dùng: hàng - Một số đơn vị thường dùng kết hợp với “ăn”: 	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn; ăn bám; ăn cay; ăn cắp; ăn chay; ăn chơi; ăn cướp; ăn hại; đồ ăn hại; ăn học; ăn hôi lộ; ăn mày; ăn mặc; ăn mừng; ăn năn; ăn nhập; ăn ở; ăn tiền; ăn trộm; ăn trưa; ăn uống; ăn xin...
<p align="center">Bài 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách dùng: Tính từ + gì - Ôn tập mẫu câu: Làm sao mà (có thể) + động từ/ tính từ+ được - Ôn tập mẫu câu: - Chỉ/ mới+động từ - Động từ + có/ mỗi - Ôn tập mẫu câu: Chẳng mấy+danh từ Chẳng+tính từ (động từ) mấy - Ôn tập mẫu câu: Vừa+ động từ (tính từ) + đã + động từ (tính từ) - Ôn tập tổ hợp từ: Không hề - Một số đơn vị thường dùng với “bàn”: 	<ul style="list-style-type: none"> - Không thấy chị ấy tốt đẹp ở điểm gì. - Làm sao mà trong hôm nay có thể làm hoàn thành hết công việc được. - Đi làm có mỗi mấy ngày đã xin nghỉ rồi. - Cô gái đó chẳng ngoan hiền mấy đâu. - Vừa đi học về đã lại đi làm luôn. - Kể từ hôm đó, anh ấy không hề trở lại đây. <p align="left">-Bàn, bàn bạc; bàn luận; bàn cãi; bàn định; bàn giao; bàn lén; bàn luận; bàn quanh; bàn rộng; bàn soạn; bàn suông; bàn tán; bàn tính; bàn tới bàn lui; bàn về việc thăng thưởng; họp bàn; lạm bàn ...</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập mẫu câu: Thôi... vậy - Ôn tập mẫu câu: Động từ + mất/ được - Ôn tập mẫu câu: Động từ + bằng+ xong/ được/ hết - Ôn tập cách dùng phó từ: lại <p>“Nhờ A mà B” và “Do A mà B”;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số đơn vị thường dùng với “bán”: 	<ul style="list-style-type: none"> - Thôi đành nghỉ ngơi chút vậy. - Chăm chỉ làm nhiều vào anh sẽ có được nhiều thứ. - Làm việc bằng xong thì mới nghỉ nhé. - Hôm nay lại phải tăng ca rồi. - Hôm nay anh lại được nghỉ phải không? <p>- Bán; bán buôn; bán cân; bán chác; bán chạy; bán chính thức; bán cửa; bán chịu; bán danh; bán đấu giá; bán đồ bán tháo; bán lẻ; bán lỗ; bán mình; bán mớ; bán non; bán nước; bán phá giá; bán rao; bán rong; bán sấp bán ngựa; bán si; bán lẻ; bán độ; bán thân nuôi miệng; bán thịt buôn người; bán tổng bán táng; bán tròn nuôi miệng.</p>
<p>Bài 4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cấu trúc phủ định: “A+ gì mà +A”; - Ôn tập mẫu câu: Động từ+ gọi là + động từ; - Ôn tập mẫu câu: A kéo B; - Ôn tập mẫu câu: A không thì B; - Ôn tập cách dùng: Mà + tính từ; - Ôn tập mẫu câu: Chẳng khác nào (gì)/khác nào/khác gì... - Một số đơn vị thường dùng với “cảm”: 	<ul style="list-style-type: none"> - Đẹp gì mà đẹp. - Đi học gọi là kiếm lấy cái chữ. - Đi về nhanh kéo mưa. - Không bận gì thì đi chơi nhé. - Mà cô ấy cũng cao thật. - Suy nghĩ của các anh chẳng khác gì nhau. <p>- Cảm hoá; cảm hoài; cảm hỏi; cảm mến; cảm ơn; cảm nghĩ; cảm phục; cảm tạ; cảm thông; cảm thương; cảm tình; cảm xúc; cảm hứng; cảm kích; có cảm giác; cảm động; cảm tính; cảm tưởng; thiện cảm; hoài cảm; đa cảm.</p>
<p>Bài 5</p>	<p>KIỂM TRA CÁC NỘI DUNG ĐÃ ÔN TẬP</p>	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập: Cụm danh từ không xác định; - Từ láy và dạng láy của danh từ - Mẫu câu: A + khởi phải+ ĐT/TT - Động hóa danh từ: DT + hóa = động từ - Cách dùng: Nhân... - Mẫu câu: kẻ ... kẻ/ người... người... <p>-Một số đơn vị thường dùng với “hạ”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một người nào đó = ai đó // một cái gì đó = gì đó // một nơi nào đó = đâu đó; - Nhà đó có nuôi một con gà mái mơ. - Mua xe máy rồi khởi phải đi xe bus nữa. - Công nghiệp hóa... - Nhân cơ hội này anh mau chuyển hướng làm việc đi. - Người ra kẻ vào tấp nập. <p>Hạ; hạ bệ; hạ bộ; hạ buồm; hạ bút; hạ cánh; hạ cấp; hạ chỉ; hạ cố; hạ cờ; hạ du; hạ đẳng; hạ giá; hạ giới; hạ huyết; hạ lệnh; hạ lời; hạ lưu; hạ màn; hạ mình; hạ nghị viện; hạ ngục; hạ sát; hạ tầng; hạ tầng cơ sở; hạ thần; hạ thổ; hạ thủ; hạ thủy; hạ tuần; bệ hạ; bộ hạ; triệt hạ.</p>
<p>Bài 7</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách dùng các từ chỉ số lượng không chính xác; - Một số đơn vị thường dùng với “có”: 	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài, vài ba, dăm ba, dăm bảy, mười... - Có bầu; có bụi; có ăn; có chuyện; có chữa; có cửa; có dáng; có duyên; có đầu óc; có đức hạnh; có hậu; ...
<p>Bài 8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập từ ghép đẳng lập; - Ôn tập cấu trúc ngữ cố định: TT + DT (đẹp nét, mát tay, ...) - Ôn tập cấu trúc: Mãi A (thì) mới B - Ôn tập cách dùng: mới+ danh ngữ chỉ số lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Cô gái xinh đẹp trong nắng mai. - Bà ấy nuôi con mát tay lắm. <p>- Mãi đến chiều trời mới có nắng cơ.</p> <p>- Mới 2 ngày cô ấy đã đan xong 2 chiếc khăn rồi.</p> <p>- Tất cả mọi người trong công ty đã đồng ý bầu ông ấy làm giám đốc.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách dùng các phó từ: tất cả - tất cả - toàn bộ - toàn thể - Một số đơn vị thường dùng với “có” (Tiếp theo) 	<ul style="list-style-type: none"> - Có hiếu; có nghĩa; có nhân; có mã; có học; có (lễ) phép; có lòng; có máu mặt có mẽ; có nét; có tình; có tuổi; có phép; có phúc; có lỗi; có tiếng; có ích; có mặt; có vấn đề; có một (không hai); có da có thịt; có tật giat mình; có mới nói cũ; có đi có lại...
Bài 9	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các cách dùng: “là” ; - Ôn tập từ ghép chính phụ; - Ôn tập mẫu câu: <ul style="list-style-type: none"> + Mới A mà đã B; + Có A thì mới có B. - Ôn tập cấu trúc phủ định: <ul style="list-style-type: none"> + Không/ chẳng + ... lắm /tí nào/ tẹo nào - Ôn tập cách dùng: rất đối, quá ư, quá đối, quá thể, quá chừng, quá trời. - Một số đơn vị thường dùng với “là”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Những tán lá cây xanh ngắt. - Mới sang Việt Nam mà anh đã nói được tiếng Việt rồi. - Có làm thì mới có ăn. - Đi xa mà tôi chẳng nhớ chồng tí nào - Vùng đất này đã trở nên quá đỗi quen thuộc với tôi. - Âu là; chả là; dù là; dẫu là; hay là; hoặc là; miễn là; nghĩa là; như là; rất là; số là; thật là; thực là; tuy là...
Bài 10	KIỂM TRA CÁC NỘI DUNG ĐÃ ÔN TẬP	
Bài 11	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập từ ghép có yếu tố mờ nghĩa (chó má, treo pheo, đất đai, chùa chiền...) - Ôn tập mẫu câu: 	<ul style="list-style-type: none"> - Chùa chiền ở Việt Nam có kiến trúc rất cổ kính. - Đang dùng bữa sáng mà anh đã tính bữa trưa ăn gì rồi. - Vừa mới ăn xong mà anh đã muốn ăn tiếp rồi. - Anh đã đi học chưa?

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Chưa A mà đã B • Đang (còn) A mà đã B <p>Phân biệt với: vừa (mới) A mà đã B;</p> <p>- Phân biệt các cách dùng của từ “đã”;</p> <p>- Ôn tập cách dùng: ngoài - ngoài ra - ngoại trừ;</p> <p>- Một số đơn vị thường dùng với “ra”:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Anh đã đi học rồi sao? - Cô ấy đã 40 tuổi mà chưa lấy chồng. - Ăn cơm đã. - Uống đã chưa? - Ngoài viết sách ra, anh ấy còn đi chụp ảnh nữa phải không? <p>Nhận ra; nhìn ra; nhớ ra; tìm ra; kiểm ra; đi ra; chạy ra; bước ra; bơi ra; bò ra; bay ra; béo / mập ra; đẹp ra; trắng ra; ra sao; ra chi; ra gì ...</p>
<p>Bài 12</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách dùng: “lẽ ra, đáng ra, đáng lẽ” - Ôn tập hiện tượng <i>iéc</i> hóa - Ôn tập mẫu câu: - Đã A lại (còn) B - Đã không A lại còn B - Đã không A thì thôi, sao lại B? - Phân biệt cách dùng: nhưng - mà - lại - nhưng mà - nhưng lại. - Một số đơn vị thường dùng với “ra”: (tiếp theo) 	<ul style="list-style-type: none"> - Lẽ ra tôi nên đến sớm - Đã mệt chết người còn đọc điếc gì! - Đã học lại còn chơi điện tử. - Đã không học còn chơi điện tử. - Đã không học thì thôi sao lại chơi điện tử? - Anh ấy đi học nhưng không làm bài tập. - Anh ấy đi học mà không làm bài tập. - Anh đi học lại không làm bài tập. - Anh đi học nhưng mà lại không làm bài tập. - Anh đi học nhưng lại không làm bài tập - Sống cho ra sống; ra manh ra mối; ra ngô ra khoai; ép lạc ra dầu; xay lúa mì ra bột; ra sức; ra tay; ra vẻ; ra ý; ra điều; ra mặt; ra toà; ra trận; ra phết...

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 13</p>	<p>- Ôn tập mẫu câu: tất cả / mọi / tất cả mọi... (+...) + đều+ ...</p> <p>- Ôn tập mẫu câu:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hãy A, đừng/ chớ B; • A rồi hãy B; <p>- Ôn tập cách dùng: hãy, đừng/chớ, hãy còn, rồi hãy...</p> <p>- Một số đơn vị thường dùng với “lên”.</p>	<p>- Tất cả mọi người đều có mặt đầy đủ.</p> <p>- Hãy học từ những điều nhỏ nhất, chớ hấp tấp học những thứ cao siêu quá sớm!</p> <p>- Học những điều đơn giản rồi hãy học đến những thứ phức tạp sau!</p> <p>- Đừng bơi ra quá xa!</p> <p>- Hãy bơi gần bờ thôi!</p> <p>- Lên ngôi; lên cân; lên mây; lên lão; lên đường; lên án; lên con; lên râu; lên đỉnh; lên mặt; lên nước; lên dây; lên đạn; lên đèn; lên đồng; lên giọng; lên hơi; lên khuôn; lên lớp; lên tiếng; lên men; bay lên; bò lên; bơi lên; bước lên; chạy lên; cười lên; ...</p>
<p>Bài 14</p>	<p>Ôn tập cách dùng: “hơn ai hết”; “hơn bao giờ hết; “hơn (ở) đâu hết”;</p> <p>- Hiện tượng tỉnh lược (vị ngữ, toàn phần, ...);</p> <p>- Mẫu câu: A còn X nữa là B;</p> <p>- Cấu trúc: Ngay cả/ đến A còn X nữa là/ hướng hồ/ hướng chi B;</p> <p>- Cách dùng: hướng chi, hướng hồ...</p> <p>- Một số đơn vị thường dùng với “lên”: (Tiếp theo)</p>	<p>- Hơn ai hết, người Việt Nam hiểu cái giá của chiến tranh.</p> <p>- Cô ấy bên trường.</p> <p>- Bài tập còn chưa xong nữa là đi chơi.</p> <p>- Đến anh ấy còn chưa làm xong nữa là người kém như tôi.</p> <p>- Lúc trước anh còn không thể làm tốt hướng chi bây giờ anh đã bị thương.</p> <p>- Hát lên; hét lên; kêu lên; cất lên; la lên; chát lên; phòng lên; dâng lên; đứng lên; nâng lên; ngẩng lên; ngồi lên; vùng lên; hăm lên; nấu lên; nướng lên; nhảy lên bàn; nhảy lên bờ; ném lên trên.</p>
<p>Bài 15</p>	<p>KIỂM TRA CÁC NỘI DUNG ĐÃ ÔN TẬP</p>	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 16</p>	<p>- Ôn tập các cách dùng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thì ra (là) = hóa ra (là) = tỏ ra (là) • Thì ra thế = Hóa ra thế <p>- Ôn tập các cách dùng mẫu câu: A (đã) rồi B.</p> <p>- Ôn tập các cách dùng cấu trúc: A mà B thì C.</p> <p>- Cách dùng: A chứ không phải B; Không phải B mà là A</p> <p>- Ôn tập các cách dùng: <i>chứ ai, chứ đâu, chứ mấy, chứ gì, chứ bao nhiêu, chứ sao, chứ nào...</i></p> <p>- Một số đơn vị thường dùng với “còn”:</p>	<p>- Thì ra (là) anh đã nói dối tôi.</p> <p>- Học đã rồi chơi.</p> <p>- Anh mà không đi thì ai là người chụp ảnh.</p> <p>- Đi làm chứ không phải đi chơi.</p> <p>- Không phải đi chơi mà là đi làm.</p> <p>- Mà làm vỡ bình hoa chứ ai.</p> <p>- Còn duyên; còn xuân; còn chi; còn đâu; còn gì; còn lại; còn mệt; còn nguyên...</p>
<p>Bài 17</p>	<p>- Ôn tập cách dùng cấu trúc: Dù/dẫu A (thì) cũng/ vẫn B (phân biệt với: Nếu ...thì)</p> <p>- Ôn tập cách dùng mẫu câu: - Biết đâu A lại B</p> <p>- Cách dùng: Biết đâu đấy, biết đâu chứ, biết làm sao được....</p> <p>- Cách dùng: Nhờ, tại, vì, bởi</p>	<p>- Dẫu có bão tôi cũng phải đến trường.</p> <p>- Nếu mưa thì tôi nghỉ một buổi vậy.</p> <p>- Biết đâu mưa bão lại được nghỉ học.</p> <p>- Đãi báo thế nhưng có khi lại không mưa, biết đâu đấy.</p> <p>- Nhờ trời có nắng đẹp mà tôi không bị lỡ việc.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đơn vị thường dùng với “còn” (tiếp theo): 	<ul style="list-style-type: none"> - Còn hơn; còn như; còn xoi; còn về; còn phải nói; chuyện sống còn; một mất một còn; kẻ còn người mất; thà chết còn hơn; chậm còn hơn không; còn nước còn tát; thế thì còn gì bằng.
Bài 18	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách dùng kết cấu có ý nghĩa chê bai, coi thường: [A+ với chử +B]; - Ôn tập cách dùng cấu trúc: <ul style="list-style-type: none"> - Ngay/ chính/ ngay cả A cũng không/ cũng còn B nữa là C; - Ôn tập cách dùng mẫu câu: A + khỏi phải+ ĐT/TT; - Phân biệt cách dùng: chử lị, chử lại, chử còn gì (nữa) - Ôn tập cách dùng: Chỉ, có, đợc, mỗi, một... - Một số đơn vị thường dùng với “kính”: 	<ul style="list-style-type: none"> - Nấu với chử nướng. - Ngay cả lớp trưởng còn chưa đến nữa là lớp viên. - Nắng rồi khỏi phải lo mưa nhiều chét cây nữa. - Đem nay trời nhiều sao thế này có khi mai lại nắng to chử lại. - Minh chỉ có mỗi một cái bút thôi. - Kính ái; kính biểu; kính chúc; kính dâng; kính mến; kính lão; kính nhường; kính phục; kính mời; kính thăm; kính tặng; kính trình; (còn nữa)
Bài 19	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách dùng: “liệu +...” - Ôn tập cách nói giảm, nói tránh, nói quá, nói vòng, ... - Các cách xưng hô trong tiếng Việt - Cách dùng: đến, tới, tận... - Một số đơn vị thường dùng với “kính”: (tiếp theo): 	<ul style="list-style-type: none"> - Liệu chiều mai có xong không? - Con gái 17 bẻ gãy sừng trâu. - tôi/mình/tớ/anh/em. - Anh ấy đi đến 10 ngày. -Kính viếng; kính trọng; kính cáo; kính cẩn; kính nể; kính tạ; kính thưa; kính yêu; kính thưa; kính bút.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 20	KIỂM TRA CÁC NỘI DUNG ÔN TẬP	
III. THỰC HÀNH GIAO TIẾP VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG		
NGHE		
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG	
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi và hiểu được những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng, kể cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh. - Theo dõi và hiểu được các cuộc trò chuyện tự nhiên, linh hoạt giữa những người Việt. - Theo dõi và hiểu được những cuộc thảo luận hay tranh luận trừu tượng. - Hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng. <p>❖ <i>Năng lực nghe cụ thể:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe hội thoại giữa những người Việt: Dễ dàng theo dõi các cuộc thảo luận phức tạp trong nhóm người Việt về chủ đề khó, trừu tượng, không quen thuộc. 2. Nghe trình bày và hội thoại: Theo dõi tương đối dễ dàng hầu hết các bài giảng, các cuộc thảo luận. 3. Nghe thông báo, hướng dẫn 	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung luyện nghe âm tiết mạnh và âm tiết trọng âm như những đơn vị của ngữ điệu (Âm tiết nào được phát âm ở âm vực cao thì được gọi là âm tiết trọng âm. Những âm tiết được phát âm với một cao độ tương đối cao xảy ra trên đường tới âm tiết trọng âm thì được gọi một cách quy ước là âm tiết mạnh). - Giảng dạy trọng âm ngữ đoạn Chia câu nói thành các ngữ đoạn, trên cơ sở các ngữ đoạn đó mà xây dựng câu nói. Chẳng hạn, trước khi dạy một đoạn hội thoại, người dạy có thể chia các câu - phát ngôn trong bài hội thoại để luyện tập. <p>❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1- Luyện nghe - ghi chép bài giảng Dùng các bài giảng (có thể được ghi âm, phát lại) như những ngữ đoạn kích thích mà phần đáp hay phản hồi của người học chính là bài ghi của người học. 2- Luyện nghe - biên tập Người học được cung cấp nội dung ở cả văn bản viết và văn bản nói. Yêu cầu đặt ra cho học viên là nghe để tìm ra sự khác nhau giữa hai văn bản đó. 3 - Luyện nghe - phân tích, giải thích 	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Hiểu những thông tin phức tạp, cụ thể từ các thông báo công cộng với âm thanh có nhiễu (như ở nhà ga, sân bay...).</p> <p>- Hiểu những thông tin kỹ thuật phức tạp như trải nghiệm điều hành, hiểu thông số kỹ thuật của các sản phẩm và dịch vụ quen thuộc.</p> <p>4. Nghe đài và xem truyền hình</p> <p>Hiểu được các đoạn ghi âm được phát thanh, bao gồm cả một số cách nói không chuẩn mực; xác định tốt các chi tiết, thái độ và mối quan hệ giữa những người nói</p> <p style="padding-left: 20px;">❖ <i>Yêu cầu cần đạt được</i></p> <p style="padding-left: 40px;">Người học ở bậc 5 cần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận ra được các mô hình ngữ điệu trọng âm, kinh âm, cấu trúc nhịp và vai trò của chúng trong các cấu trúc thông tin đáng chú ý; 2. Nhận ra được những hình thức rút gọn của từ, cụm từ (phỏng, hôm, ông, bà, trông...); nhận ra, phân biệt ranh giới từ, ranh giới ngữ đoạn đủ nghĩa; 3. Xử lý lời nói về chỗ ngừng, lỗi, sửa lỗi và các kiểu thể hiện khác; 4. Khám phá các thành phần câu và phân biệt được thành phần chính và thành phần phụ của câu. 	<p>Có thể sử dụng một văn bản dài chẳng hạn, một truyện ngắn hoặc một cuộc hội thoại dài làm ngữ liệu kích thích (bài hát, bài hát phổ thơ, thơ, tin thời sự trên đài, hoặc tivi, một đoạn nói về kinh nghiệm cá nhân)</p> <p>Sau khi cho nghe những ngữ đoạn kích thích này học viên sẽ phải giải thích bằng cách trả lời một số câu hỏi (hình thức mở) như: Tại sao người nghe cảm thấy buồn/ vui khi nghe bài hát này? Những điều gì khiến cho người ta yêu thích và thuộc bài thơ này? Bạn thấy hành động chính trị nào có thể được tiến hành tiếp theo sau sự kiện này và tại sao lại như vậy? Bạn nghĩ người kể chuyện cảm thấy cái gì sau khi sự kiện X. xảy ra? ...). Phải tùy theo từng văn bản kích thích mà có câu hỏi phù hợp, thậm chí có những câu hỏi yêu cầu người thi có sự suy luận.</p> <p>4- Luyện nghe - kể lại một câu chuyện</p> <p>Trong bài luyện này, những học viên nghe một câu chuyện hoặc tin thời sự và nhiệm vụ kể lại một cách đơn giản, hoặc tóm tắt lại nội dung. Có thể nói hoặc viết, đều được. Học viên phải xác định ý chính, mục đích, chứng minh và/ hoặc phân kết luận để chứng tỏ là mình đã hiểu.</p> <p style="padding-left: 20px;">❖ <i>Kiểm chứng kết quả</i></p> <p>Kiểm chứng qua những bài luyện và bài tập đánh giá khả năng nghe của học viên qua thực hành của họ và mức độ đạt được các yêu cầu phải đạt được của kỹ năng này.</p> <p style="padding-left: 20px;">❖ <i>Học liệu:</i> sử dụng các diễn ngôn nguyên gốc</p>
<p>ĐỌC</p>	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i> Hiểu được chi tiết những văn bản dài, phức tạp, kể cả những văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.</p> <p>❖ <i>Năng lực đọc cụ thể:</i></p> <p>1. Đọc lấy thông tin và lập luận Hiểu rõ nhiều loại văn bản dài, phức tạp thường gặp trong đời sống xã hội, trong công việc hay môi trường học thuật, xác định được cả những chi tiết tinh tế như thái độ hay hàm ý.</p> <p>2. Đọc tìm thông tin Có khả năng đọc tìm thông tin như người Việt.</p> <p>3. Đọc thư từ, văn bản giao dịch - Hiểu được các loại thư từ viết bằng tiếng Việt, tuy đôi lúc phải dùng từ điển. - Hiểu rõ các bản chỉ dẫn dài, phức tạp về một loại máy móc hay quy trình công việc mới (kể cả không liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình); tuy nhiên, vẫn cần đọc lại các đoạn khó.</p> <p>4. Đọc xử lý văn bản Tóm tắt được các đoạn văn bản dài, khó.</p> <p>❖ <i>Yêu cầu cần đạt được</i></p>	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i> Luyện đọc chủ yếu nhằm vào khả năng đọc xử lý văn bản, lấy thông tin và lập luận (luận cứ luận chứng) trong văn bản được lựa chọn có độ khó phù hợp với bậc 5.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện đọc tập trung và đọc mở rộng. - Luyện đọc từ toàn thể đến bộ phận hoặc từ bộ phận đến toàn thể (từ văn bản đến đoạn, hoặc từ đoạn đến toàn văn bản), - Luyện theo trình tự xoáy tròn ốc (giảng dạy lại điều gì đó nhưng có những mặt/nội dung mới ở vòng sau). - Vẫn luyện những tiêu kĩ năng đọc quan trọng thường dùng cho học viên: <ul style="list-style-type: none"> + Nắm rõ những ý tưởng chính của văn bản/ đoạn văn. + Phát hiện, ghi chép những chi tiết riêng, đặc biệt + Phát hiện, đánh dấu những chỗ cần/có thể suy luận + So sánh những gì là tương đồng, khác biệt về mặt ngôn ngữ, nội dung trong văn bản đang đọc với vốn ngôn ngữ đã biết. + Dựa vào ý chính của văn bản và ngữ cảnh để đoán trước nội dung của đoạn, của câu hoặc từ ngữ không quen. <p>❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <p>1. Luyện đọc, xác định và lấy được thông tin trong các văn bản là bài báo, báo cáo thuộc ngành hoặc chuyên ngành khoa học, văn chương, giáo dục, nghề nghiệp, con người ... từ các ấn phẩm là sách báo, tạp chí khoa học, truyện, tiểu thuyết.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Nhận biết được cấu trúc của bài, ý tưởng chính của bài, suy đoán được nghĩa của từ mới, nghĩa của cụm từ cố định, hiểu nghĩa từng đoạn và liên kết được nghĩa các đoạn, các nghĩa phân tán trong văn bản để hiểu toàn bài: hiểu được lập luận và hàm ý của cụm từ, câu, đoạn (ở mức độ tương ứng ngữ pháp, ngữ dụng ở bậc 5). Xác định được quan điểm, thái độ được diễn đạt ngầm ẩn. Phát hiện và hiểu trật tự logic của sự tình, hoặc suy luận trong bản bản.

2. Luyện tìm hiểu ý tưởng chính của văn bản thông qua các câu hỏi dành cho học viên để họ trả lời sau khi đọc (Yêu cầu học viên trả lời vì sao câu trả lời của họ là đúng, đoạn nào trong văn bản ủng hộ cho câu trả lời của họ). Có thể cho thảo luận nhóm về nội dung văn bản, về cấu trúc văn bản.

3. Luyện khả năng nhận biết cấu trúc văn bản chi tiết hơn bậc 4:

+ Giới thiệu khái quát văn bản, nhấn mạnh từ ngữ chỉ báo cấu trúc văn bản.

+ Nhấn mạnh (để học viên nhận ra) đoạn quan trọng và chức năng của đoạn đó trong văn bản.

+ Đánh dấu, những thông tin cần lấy từ bảng số liệu, biểu đồ.

+ Xác định mối quan hệ cốt lõi trong tổ chức văn bản, ví dụ: nguyên nhân - kết quả, so sánh đối lập hay vấn đề - giải pháp. Qua các quan hệ đó, diễn giải nội dung chính của văn bản.

+ Kết nối những luận cứ, luận chứng, thông tin phát hiện được với ý tưởng chính của văn bản.

+ Tóm tắt, trình bày nội dung tóm tắt văn bản.

4. Luyện suy đoán nghĩa của từ, ngữ trong câu; phát hiện những thông tin, sự kiện được thể hiện, diễn giải theo cách khác (có hàm ý); xác định mục đích của một thông tin hoặc luận cứ, luận chứng trong văn bản ... để hiểu được nội dung của đoạn trong văn bản, của văn bản và hiểu được thái độ, ý kiến của tác giả văn bản hoặc của nhân vật trong văn bản; phát hiện được trật tự, logic của sự kiện, của luận cứ, suy luận ...

5. Luyện đọc hiểu, xử lý văn bản, tóm tắt nội dung và trình bày lại những văn bản dài, khó thuộc nhiều thể loại.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>c) Kiểm chứng kết quả</p> <p>Lấy được thông tin, nội dung, trả lời được câu hỏi đặt ra của giảng viên hoặc viết lại được ý chính của bài, tóm tắt được các thông tin trong bài.</p> <p>❖ <i>Học liệu</i></p> <p>Ngoài các văn bản, thông tin trong học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình, ví dụ như văn bản in trên báo, tạp chí khoa học, tiểu thuyết, truyện ngắn, bình luận chính trị xã hội, tranh biện khoa học ... giảng viên cần tự chọn những văn bản thực (ngôn ngữ sống) để bổ sung, làm đa dạng hóa nguồn văn bản đọc, nhưng phải bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục đích và yêu cầu của học viên; - Hấp dẫn, đa dạng và vừa sức. <p>(Học viên có thể tự chọn những văn bản phù hợp về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình).</p>
NÓI	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói một cách trôi chảy và tự nhiên, hầu như không gặp khó khăn. - Sử dụng tốt một vốn từ lớn và các cấu trúc ngữ pháp phức tạp, để không cần phải lảng tránh ý khó hoặc nói vòng, dài dòng. 	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <p>Ở bậc này cần tập trung luyện kỹ năng nói độc thoại, trình bày diễn giải, chứng minh,... và kỹ năng hội thoại, thảo luận, phỏng vấn...</p> <p>❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

❖ *Năng lực nói cụ thể:*

1. Mô tả các trải nghiệm

- Mô tả được rõ ràng, chi tiết về các chủ đề phức tạp.
- Mô tả, tường thuật được tỉ mỉ; tích hợp được các chủ đề nhỏ, các ý cụ thể thành những nội dung phù hợp.

2. Lập luận trong thảo luận

Có khả năng giải thích và bảo vệ ý kiến của mình trong cuộc thảo luận bằng cách đưa ra những giải thích, lập luận và ý kiến một cách thuyết phục, đạt trình độ lập luận gần như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

3. Trình bày trước người nghe

- Trình bày một cách rõ ràng bài thuyết trình được tổ chức một cách khoa học về chủ đề phức tạp; mở rộng và củng cố ý kiến của bản thân bằng những lập luận và các ví dụ minh họa liên quan.
- Kiểm soát tốt cảm xúc khi nói, thể hiện một cách tự nhiên và hầu như không cần phải cố gắng nhiều.

4. Nói có tương tác

4.1. *Mô tả chung về kỹ năng nói có tương tác*

- Giao tiếp một cách trôi chảy, tự nhiên với người Việt mà không cần phải quá cố gắng.
- Làm chủ được vốn từ vựng rộng, dễ dàng xử lý được những tình huống phức tạp về ngôn ngữ mà không cần phải cố tìm cách diễn đạt hoặc lảng tránh câu hỏi.

4.2. *Hội thoại*

Ở bậc này cần tập trung vào chiến lược luyện đóng vai. Trong khuôn khổ của một kịch bản chung với nội dung được xác định từ trước, việc đóng vai để luyện nói cho phép người học tự do ở một mức độ nào đó khi nói ra. Trong một số trường hợp, việc đóng vai có thể cho phép người học lặp lại vai mình đóng để họ có thể sắp xếp lại những gì họ đã/ sẽ nói. Điều này có tác dụng làm giảm bớt sự hồi hộp khi người học đóng vai nhân vật nào đó.

Với tư cách là một chiến lược để phát triển kỹ năng nói, đóng vai mở ra những cơ hội cho người học sử dụng văn bản nhưng ở những bước đầu tiên thường có những khó khăn nhất định trong việc mở đầu. Những yếu tố ngôn ngữ, chiến lược, con người được đưa vào cuộc hội thoại sẽ làm nổi bật khả năng giao tiếp nói của người học. Trong khi vai kịch có thể được kiểm soát hoặc “được hướng dẫn” bởi người hỏi thì chiến lược luyện tập đóng vai làm cho người học vượt ra ngoài trình độ tập trung sâu, mở ra sự sáng tạo, cho phép người học tiếp cận với thế giới giao tiếp hiện thực. Người dạy phải xác định mục tiêu của việc phát triển trong vai kịch.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, hiệu quả cho những mục đích xã hội, bao gồm cả biểu đạt cảm xúc, nói đùa.

4.3. *Giao dịch mua bán và dịch vụ*

Giao dịch gần được như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.

4.4. *Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn*

Tham gia được đầy đủ vào một cuộc phỏng vấn, với tư cách là người hỏi hoặc người được hỏi; mở rộng và phát triển các luận điểm, thảo luận trôi chảy mà không cần phải hỗ trợ. Xử lý tốt cách biểu hiện tình thái của tiếng Việt.

5. Độ chuẩn xác của kỹ năng nói

5.1. *Phát âm và độ lưu loát*

- Có khả năng thay đổi ngữ điệu tự nhiên gần giống như người Việt để thể hiện các sắc thái ý nghĩa tinh tế.

- Diễn đạt trôi chảy, tự nhiên ý của mình, gần như không gặp khó khăn, trừ một số chủ đề có những khái niệm khó.

5.2. *Sự phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội*

- Sử dụng chính xác, tự tin và hiệu quả cách phát âm, vốn từ vựng rộng, cấu trúc ngữ pháp phức tạp trong giao tiếp. Tuy nhiên đôi khi vẫn phải ngừng câu, chuyển ý và tìm cách diễn đạt khác.

- Nhận diện được nhiều cách diễn đạt có tính thành ngữ hoặc thông tục, cảm nhận được những thay đổi

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>về cách giao tiếp. Tuy nhiên đôi khi vẫn phải hỏi lại các chi tiết, đặc biệt khi nghe giọng không quen, tốc độ nhanh</p>	
VIẾT	
<p>NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT</p>	<p>CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG</p>
<p>❖ <i>Năng lực chung</i> Viết được bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, biết làm nổi bật những ý quan trọng, biết mở rộng và củng cố quan điểm của mình ở một số đoạn bằng những chứng cứ, ví dụ cụ thể và kết thúc bài viết với một kết luận phù hợp.</p> <p>❖ <i>Năng lực viết cụ thể:</i></p> <p>1. Viết luận Viết được những bài văn miêu tả mang tính sáng tạo rõ ràng, chi tiết với cấu trúc chặt chẽ, văn phong tự nhiên, có cá tính.</p> <p>2. Viết báo cáo và tiểu luận - Viết được bài bình luận rõ ràng, có cấu trúc chặt chẽ về những chủ đề phức tạp, nhấn mạnh được những điểm quan trọng có liên quan. - Có khả năng viết triển khai ý và củng cố quan điểm của mình ở một số đoạn có độ dài nhất định bằng những ý kiến, lý do và minh chứng cụ thể.</p> <p>3. Viết có tương tác</p>	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i> Tập trung luyện cho người học viết các loại bài phân tích lý do, viết báo cáo khoa học, bài phân tích quy trình công việc, bài đánh giá về hiệu quả (của việc gì đó, công nghệ nào đó...) và viết thư từ giao dịch.</p> <p>❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <p>1. Phát triển kỹ năng viết bài phân tích lý do (Ví dụ viết về chủ đề con người và hành vi của họ)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu là nhằm tăng cường cho người học các năng lực như: <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực viết bài/ đoạn văn phân tích lý do; - Năng lực hỗ trợ ý tưởng chính bằng các chi tiết và ví dụ thực tế; - Năng lực phân biệt giữa khái quát hóa và cụ thể hóa bằng minh chứng; - Năng lực tổ chức các luận điểm; - Năng lực cải thiện sự gắn kết bằng cách sử dụng từ kết nối cho việc phân tích lý do; - Năng lực giải thích các luận điểm phụ; - Năng lực phác thảo một bài/ đoạn văn;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p><i>3.1. Mô tả chung về kỹ năng viết có tương tác</i> Thể hiện được bản thân một cách rõ ràng, chính xác và linh hoạt với đối tượng nhận thông tin.</p> <p><i>3.2. Viết thư từ giao dịch</i> Thể hiện được bản thân một cách rõ ràng và chính xác trong các thư từ cá nhân, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả (thể hiện các mức độ cảm xúc, nói gián tiếp, bóng gió và bông đùa).</p> <p><i>3.3. Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu</i> Đạt trình độ gần như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p><i>4. Xử lý văn bản</i> Tóm tắt được các văn bản dài và khó.</p> <p><i>5. Độ chính xác về chính tả</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bỏ cục, phân đoạn và sử dụng dấu câu thống nhất và hợp lý. - Viết đúng chính tả nhưng đôi chỗ còn lỗi nhỏ do không tập trung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng lực viết bằng đọc văn bản phân tích lý do của các tác giả khác; - Năng lực sử dụng mệnh đề định ngữ. <ul style="list-style-type: none"> • Chiến lược cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Luyện kỹ năng phân tích qua viết bài, chẳng hạn: <i>Một người tôi ngưỡng mộ</i>; - Luyện kỹ năng tập trung vào một ý tưởng chính; - Luyện kỹ năng phân tích các lý do; - Luyện kỹ năng sử dụng các chi tiết hỗ trợ; - Luyện kỹ năng tổ chức theo luận điểm; - Luyện kỹ năng gắn kết bằng các từ nối chỉ ra các lý do, nguyên nhân; - Luyện kỹ năng giải thích các luận điểm của mình; - Luyện kỹ năng phác hoạ luận điểm của mình. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển kỹ năng viết báo cáo và tiểu luận; <p>Viết báo cáo khoa học</p> <ul style="list-style-type: none"> • Mục tiêu của thủ pháp này là nhằm luyện cho người học những năng lực mới như: <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực thực hiện những quy ước của các văn bản báo cáo (cho trường hợp, lĩnh vực cụ thể); - Năng lực viết phần mục đích, mục tiêu hoặc ý tưởng chính; - Năng lực tổ chức những chi tiết cụ thể một cách logic và có trật tự; - Năng lực viết kết luận hoặc những kết quả đã tìm ra được; - Năng lực sử dụng từ và thuật ngữ thích hợp cho trường hợp đặc biệt.
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Thủ pháp cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện kỹ năng tuân thủ quy ước cho từng trường hợp, lĩnh vực cụ thể; - Luyện kỹ năng viết phần mục đích, mục tiêu hoặc ý tưởng chính của báo cáo khoa học; - Luyện kỹ năng tổ chức những chi tiết cụ thể một cách logic và có trật tự trong một báo cáo khoa học; - Luyện kỹ năng viết phần kết luận hoặc những kết quả đã tìm ra được; - Luyện kỹ năng sử dụng từ và thuật ngữ thích hợp cho từng trường hợp cụ thể. <p>▪ Phát triển kỹ năng viết bài phân tích quy trình (Ví dụ viết về chủ đề sống chung với máy tính)</p> <p>Mục tiêu của thủ pháp này nhằm tăng cường cho người học về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực viết một đoạn/bài văn phân tích quy trình; - Năng lực trình bày và làm rõ tất cả các bước cần thiết trong một quy trình; - Năng lực tổ chức các bước công việc theo thứ tự thời gian; - Năng lực sử dụng từ kết nối cho phân tích quy trình; - Năng lực sử dụng dạng bị động và mệnh đề trạng ngữ. <p>Thủ pháp cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện kỹ năng viết giới thiệu quy trình; - Luyện kỹ năng phân tích quy trình; - Luyện kỹ năng tập trung vào một ý tưởng chính; - Luyện kỹ năng tổ chức văn bản theo thứ tự thời gian;
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Luyện kỹ năng liên kết bằng các từ kết nối, tăng cường năng lực phân tích quy trình;
 - Luyện kỹ năng sử dụng Internet để tăng cường năng lực phân tích quá trình.
 - **Phát triển kỹ năng viết bài đánh giá hiệu quả**
(Ví dụ viết về chủ đề Công nghệ)
- Chiến lược luyện viết này nhằm tăng cường cho người học những năng lực sau:
- Năng lực viết một bài luận đánh giá tác động của một sáng chế;
 - Năng lực mở rộng một đoạn văn trong một bài tiểu luận;
 - Năng lực hiểu nhiệm vụ các phần của một bài tiểu luận;
 - Năng lực phác thảo một bài tiểu luận;
 - Năng lực gắn kết của các đoạn văn bằng cách sử dụng các từ nối;
 - Năng lực sử dụng mệnh đề phụ chỉ kết quả và câu bị động.
- Thủ pháp cụ thể:
- Luyện kỹ năng viết bài đánh giá hiệu quả qua một bài viết cụ thể (ví dụ: *Những ảnh hưởng của một phát minh*);
 - Luyện kỹ năng mở rộng một đoạn trong một bài tiểu luận;
 - Luyện kỹ năng phát triển các bộ phận của một bài tiểu luận;
 - Luyện kỹ năng phần giới thiệu (mở đầu);
 - Luyện kỹ năng viết phần triển khai;
 - Luyện kỹ năng viết phần kết luận;
 - Luyện kỹ năng liên kết văn bản bằng các từ nối để tăng cường năng lực nối đoạn;
 - Luyện kỹ năng tạo lập văn bản trên câu;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>- Luyện kỹ năng phác thảo một khóa luận/ luận văn.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển kỹ năng viết thư từ giao dịch <p>(Ví dụ chủ đề viết thư xin việc)</p> <p>Mục tiêu của luyện viết thư là nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện cho người học biết xây dựng hồ sơ của mình; ○ Làm nổi các kỹ năng và kinh nghiệm của người học liên quan trực tiếp đến vị trí công việc mà họ mong muốn; ○ Làm cho người học thể hiện được kỹ năng viết của họ; ○ Làm cho người học thể hiện cá tính và niềm đam mê (học tập/nghiên cứu...) của họ. <p>Chiến lược cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Luyện kỹ năng viết đoạn đầu</i> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định vị trí mà người viết đăng ký; • Chỉ ra tại sao mà người viết đã biết về vị trí cần tuyển này; • Cung cấp thông tin về bằng cấp của người viết phù hợp với vị trí cần tuyển. - <i>Luyện kỹ năng viết đoạn giữa</i> <ul style="list-style-type: none"> • Lý do tại sao người viết khẳng định mình đủ tiêu chuẩn; • Phác thảo những kinh nghiệm trước đây đã giúp người viết rất phù hợp với vị trí công việc này; • Trình bày hấp dẫn. - <i>Luyện kỹ năng viết đoạn kết thúc</i> <ul style="list-style-type: none"> • Khẳng định lại người viết mong muốn được tuyển để chứng minh sự phù hợp của mình với công việc; • Cung cấp đầy đủ chi tiết địa chỉ liên lạc của người viết;
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Cảm ơn các cá nhân đã xem xét hồ sơ của người viết; • Kết thúc với "Trân trọng", hoặc " Kính thư".
--	---

BẬC 6

I-YÊU CẦU CHUNG

Đễ dàng hiểu được hầu hết các văn bản nói và viết. Có khả năng tóm tắt được các nguồn thông tin nói hoặc viết, sắp xếp lại và trình bày lại một cách logic; diễn đạt rất trôi chảy và chính xác, phân biệt được những khác biệt tinh tế về ý nghĩa và ngữ dụng trong các tình huống phức tạp.

- Có khả năng sử dụng ngôn ngữ ở phạm vi rộng, kiểm soát ngôn từ một cách nhất quán để diễn đạt suy nghĩ một cách chính xác; biết nhấn mạnh, phân biệt và loại bỏ những yếu tố tối nghĩa.
- Khả năng diễn đạt của người học rất đa dạng và phong phú.

II-NỘI DUNG KIẾN THỨC

NGŨ ÂM

NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG KIẾN THỨC
<p>- Mặc dù vẫn có giọng ngoại lai nhưng khi nói, phát âm có thể thay đổi ngữ điệu, thể hiện được các sắc thái ý nghĩa tinh tế như người Việt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Nhịp và cấu trúc nhịp lời nói; • Xác định ranh giới nhịp; • Trọng âm nhịp; • Sự thể hiện nhịp lời nói (tốc độ, chỗ ngừng, nghỉ, nhấn mạnh...).

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Diễn đạt được ý mình một cách tự nhiên, liên tục, không ngập ngừng, trừ khi muốn lựa chọn từ ngữ, chọn ví dụ hoặc chọn lời giải thích phù hợp nhất.</p> <p>- Viết không có lỗi chính tả.</p>	
<p>TỪ VỰNG</p>	
<p>- Làm chủ được vốn từ vựng rất rộng, bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ.</p> <p>- Nhận biết được các nghĩa biểu cảm, nghĩa hàm ẩn.</p> <p>- Sử dụng vốn từ vựng chính xác và phù hợp.</p>	<p>CHỦ ĐỀ TỪ VỰNG</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bình đẳng giới ở Việt Nam • Di sản thiên nhiên thế giới của Việt Nam • Giáo dục và đào tạo Việt Nam • Khoa học kỹ thuật • Khoa học nông nghiệp Việt Nam • Lao động và việc làm • Lịch sử • Môi trường và con người • Ngoại giao • Ngôn ngữ • Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam • Những sự kiện kinh tế - xã hội nổi bật • Những thách thức đối với Việt Nam trong Cách mạng Công nghiệp 4.0 • Nông thôn và thành thị • Phát triển kinh tế biển • Phong tục ngày Tết • Phụ nữ Việt Nam xưa và nay

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Thể thao Việt Nam • Thu hút vốn đầu tư nước ngoài • Thương mại • Tộc người • Tôn giáo • Văn hóa • Văn hóa Óc Eo • Văn học, nghệ thuật • Xã hội
NGỮ PHÁP	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	NỘI DUNG KIẾN THỨC
Luôn kiểm soát được về ngữ pháp đối với những cấu trúc ngôn ngữ phức tạp trong mọi tình huống.	Ôn tập những chủ điểm ngữ pháp quan trọng
STT	Nội dung ôn tập
Bài 1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách dùng từ chỉ kế hoạch - dự định: định, dự định, kế hoạch, ... - Ôn tập cách dùng mẫu câu: Tiếc là ... - Ôn tập cách dùng tổ hợp: <i>đặc biệt là, hầu hết, phần lớn, nói tóm lại...</i> - Ôn tập cách dùng mẫu câu: một cách + DT/ TT - Một số đơn vị thường dùng với “vào”:
Bài 2	- Ôn tập các cấu trúc với nhóm từ chỉ số lượng không chính xác: “ <i>Già, ngót, non, trên, dưới, ngoài...</i> ” (Ngoài 30).

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - Một số đơn vị thường dùng với “vào”: (tiếp theo) Tham dự vào; điền vào; ghé vào; đổ gạo vào bao; rót nước vào phích; thọc tay vào túi; đâm vào; đập vào; tát / vả vào.
Bài 3	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập kết cấu sai khiến: “để + ...cho” - Ôn tập mẫu câu: mới/ vừa/ vừa mới + ĐT/TT (mà) đã+ ĐT/TT; - Ôn tập mẫu câu: Động từ + bằng + xong/ được/ hết... - Ôn tập mẫu câu: Nghi/ ngờ/ tưởng + mệnh đề; - Phân biệt: sự, việc, cuộc, nỗi, niềm, ... - Một số đơn vị thường dùng : <ul style="list-style-type: none"> o <i>Để tôi xách bát cho!</i> o <i>Vừa mới đi xong mà đã lại về rồi.</i> o <i>Tôi sẽ học bằng được cách làm bún chả.</i> o <i>Tôi tưởng mọi việc đã xong rồi</i> o <i>Sự học luôn đi theo ta suốt cuộc đời</i> o <i>Cuộc sống này luôn chất chứa nhiều niềm vui.</i> o <i>Để bụng; để cửa; để dành; để hở; để lại (còn nữa)</i>
Bài 4	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cấu trúc và mẫu câu: “Không gì +... như” - “Không ai +... bằng + (ai)” - “Chẳng đâu +... hơn + ...” - Mẫu câu: <i>Câu + làm gì</i> - Mẫu câu: - <i>A + còn + ĐT/TT + nữa là + B (A= chủ ngữ)</i> - <i>A + CN + còn + ĐT/TT + nữa là + B (A= Bổ ngữ)</i> - Cách dùng: <i>Động từ + ra/ vào</i> - Cách dùng: <i>A (chỉ) có điều (là) B</i> - Cách dùng: <i>A hay sao mà B</i> - Một số đơn vị thường dùng với “để”: - Để lộ; để mà; để mặc; để mắt; để phần; để ra; để tang; để tâm; để tôi xem; để tội; để trở; để vạ; để ý...

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bài 5	KIỂM TRA CÁC NỘI DUNG ĐÃ ÔN TẬP
<p>Bài 6</p>	<p>Ôn tập cấu trúc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều kiện (giả thiết) <ul style="list-style-type: none"> • “Hễ (= cứ) A là B” • “Nhờ A thì B”; - Mẫu câu: <i>ĐT/TT+ thì (không) + ĐT/TT (thật) + nhưng (mà)...</i> - Mẫu câu: <i>Động từ + có/mỗi/những...</i> - Mẫu câu: <i>Động từ + phải</i> - Cách dùng tổ hợp: <i>Thảo nào/ hóa ra (là), thì ra (là) thế, ...</i> - Mẫu câu: <i>Câu + chứ</i> - Tổng kết các phương thức biểu thị ý nghĩa điều kiện - Một số đơn vị thường dùng với “xuống”: Xuống âm phủ; xuống cân; xuống dốc; xuống giá; xuống giọng; xuống mã; xuống nước; xuống phúc; xuống tinh thần; xuống lỗ; xuống chiếu; xuống lệnh; xuống dòng; xuống đường; xuống gôi; xuống ngựa; xuống tàu; xuống thang; xuống thuyền ...
<p>Bài 7</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập kết cấu phủ định lại ý kiến, nhận xét của người đối thoại: “Chẳng + là gì” (Hôm qua, cậu chẳng nói thế là gì!) - Một số đơn vị thường dùng với “xuống”: Bay xuống; bò xuống; bơi xuống; bước xuống; chạy xuống; buông xuống; lặn xuống; nằm xuống; ngồi xuống; quỳ xuống; cúi xuống; hạ xuống; kéo xuống; đem xuống; thả xuống; lầy xuống; ngồi xuống đất; nhảy xuống nước; bỏ xuống dưới.
<p>Bài 8</p>	<p>Ôn tập cấu trúc: <i>tưởng A + hóa ra +B</i>”;</p> <p>-- Một số đơn vị thường dùng với “nghĩ”</p> <p>Nghi vấn; đâm nghi; sinh nghi; đa nghi; hiềm nghi; hoài nghi; hồ nghi; tôi nghi là / rằng ...</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Bài 9</p>	<p>Ôn tập - Cách dùng trợ từ: <i>Kia</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt các mẫu câu: <i>Nếu A thì B/ Giá A thì B/ Nhờ A thì B</i> - Mẫu câu: <i>Ai (mà)...</i> - Mẫu câu: <i>Đâu có+ ...</i> - Mẫu câu: <i>cũng (chưa/không) + ĐT + nữa</i> - Cách dùng: <i>nhìn chung là</i> - Kết cấu với: Chủ ngữ (c-v) + là + tính từ; - Cách dùng: "<i>nhì</i>" như tiểu từ đánh dấu câu hỏi; - Cách dùng: "<i>chứ</i>" biểu thị sự tất nhiên; - Cách dùng: "<i>chứ</i>" như một liên từ đối lập; - Làm sao mà + động từ + được; - Các động từ: "<i>e, ngại, lo, sợ (là, rằng) ...</i>"
<p>Bài 10</p>	<p>KIỂM TRA CÁC NỘI DUNG ĐÃ ÔN TẬP</p>
<p>Bài 11</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập cách phân biệt các động từ: <i>Mời, nhờ, khuyên, bắt, bảo, sai, yêu cầu, đề nghị.</i> - Mẫu câu: <i>Tính từ+ quá thế/ quá đáng</i> - Mẫu câu: <i>A + thế là+ B</i> - Cách dùng: <i>Động từ + luôn/ngay</i> - Phân biệt: <i>tất nhiên là, thành thử, thành ra</i> - Kết cấu với: "<i>trở thành; trở nên; hoá thành; hoá ra...</i>"; - Kết cấu : "<i>ai, gì + cũng</i>"; - Kết cấu: "<i>không ai.... không</i>"; - Kết cấu: "<i>coi cử, bầu + ai + làm...</i>"; - Phân biệt cách dùng: "<i>sao</i>" để hỏi và "<i>sao</i>" trong "<i>không sao</i>".
<p>Bài 12</p>	<p>Ôn tập cấu trúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lẽ ra/ đáng ra/ đáng lẽ (ra)+ Câu</i>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - Cách dùng động từ: <i>Giục, nài nỉ, nhắc, nhấn, dặn</i> - Phân biệt: <i>Bằng, như, bằng nhau, như nhau, giống nhau, khác, khác nhau</i> - Kết cấu với: "<i>thà... còn hơn</i>"; - Cách dùng: "tuy nhiên" trong ý nghĩa đối lập; - Cách dùng: "chùng nào" trong câu hỏi và "chùng nào" trong cấu trúc "chùng nào A thì B"; - Kết cấu: "<i>không chỉ... mà còn...</i>".
<p>Bài 13</p>	<p>Ôn tập cấu trúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Cứ + động từ + đi</i> - <i>ĐT + gì/ ai/ đâu/ bao nhiêu +ĐT + nấy/ người nấy/ đấy/ bấy nhiêu</i> - Phân biệt: <i>mới A mà đã B/ chưa A mà đã B</i> - Mẫu câu: <i>lấy ...làm...</i> - Phó danh từ: <i>cái</i> - Kết cấu với: "<i>dù sao, dù thế nào... + cũng ...</i>"; - Kết cấu phủ định: "<i>có + đâu</i>"; - Kết cấu với: "<i>danh từ + nào + cũng...</i>"; - Kết cấu với: "<i>đã vậy mà còn.... nữa</i>"; - Từ chỉ mức độ tuyệt đối của tính từ: "<i>trong veo (vắt; leo lẻo); trắng (nõn; toát; muốt); nặng (trịch; trĩu)</i>".
<p>Bài 14</p>	<p>Ôn tập cấu trúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>A + làm (cho)/ khiến (cho)+ B ~ C</i> - <i>A + gây (ra)+ B (+ cho + C)</i> - <i>A+ dẫn đến+ B</i> - <i>Chủ ngữ + trót/ lỡ/ thản nhiên+động từ</i> - Cách dùng từ: <i>liền</i> - Cách dùng từ: <i>dành/ dành cho</i> - Cách dùng tổ hợp từ: <i>có ích/ hại/..... cho/đối với ...</i> - Cách dùng: "<i>thôi</i>" ở đầu phát ngôn;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - Kết cấu: "<i>làm sao; làm thế nào mà Đ được</i>"; - Nhóm tính từ gồm hai yếu tố: "tính từ + danh từ" (<i>nhanh trí, khéo tay, sáng dạ, trắng tay, bạc tóc</i>); - Cách dùng: "tận" (<i>bắt tận tay, nhìn tận mắt</i>);
Bài 15	KIỂM TRA CÁC NỘI DUNG ĐÃ ÔN TẬP
Bài 16	<p>Ôn tập cấu trúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>A đến mức/ đến nỗi B</i> - <i>Thì ra (là).../Hóa ra (là)...Thì ra thế/ hóa ra thế</i> - Trợ từ: <i>riêng</i> - Tổ hợp từ: <i>kể ra (thì)...</i> - Mẫu câu: <i>Đâu (phải) + ĐT/TT</i> - Cách dùng: "có lẽ"; - Phân biệt cách dùng: "<i>bao nhiêu</i>" trong câu hỏi và "<i>bao nhiêu</i>" trong kiểu "<i>bao nhiêu cũng được</i>";
Bài 17	<ul style="list-style-type: none"> - Kết cấu: "<i>Trên (dưới, trong, ngoài...) ... có...</i>"; - Cách dùng: "<i>dĩ nhiên là</i>"; - Cách dùng "thấy" trước mệnh đề (<i>Thấy cô ấy đến, tôi liền đi ra cửa</i>); - Cách dùng "rồi" ở cuối câu. - Tổ hợp từ: <i>kể ra (thì)...</i> - Mẫu câu: <i>Đâu (phải) + ĐT/TT</i> - Phân biệt: "<i>... lại + động từ...</i>" và "<i>động từ + lại</i>";
Bài 18	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt "<i>mà</i>" trong các cách dùng; - Các cách dùng: "<i>của</i>" trong tiếng Việt; - Phân biệt các cách dùng "<i>có</i>". - Cách dùng: "<i>hôm nọ</i>", "<i>năm nọ</i>", ... như đơn vị không xác định; - Cách dùng: "<i>hôm nào</i>" như đơn vị không xác định;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

KIỂM TRA/THI CUỐI KHOA	
III. THỰC HÀNH GIAO TIẾP VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG	
NGHE	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi và hiểu được các bài giảng hay thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói khẩu ngữ có những yếu tố văn hóa hoặc những thuật ngữ không quen thuộc. - Hiểu được những vấn đề tinh tế, phức tạp hoặc dễ gây tranh luận (như các quy định, tài chính); thậm chí có thể đạt tới trình độ hiểu biết gần như của một nhà chuyên môn. - Nghe hiểu được mọi điều một cách dễ dàng theo tốc độ nói của người Việt. <p>❖ <i>Năng lực nghe cụ thể:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe hội thoại giữa những người Việt Nghe được như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. 2. Nghe trình bày và hội thoại 	<p>a) Định hướng giảng dạy</p> <p>Tập trung làm rõ vai trò của trọng âm và ngữ điệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập nhận diện và xác định thông tin cũ và thông tin mới bằng các phương tiện ngữ âm. - Mỗi đơn vị thông tin đều có những thông tin mới và thông tin cũ được phân biệt một cách rõ ràng bằng quãng ngắt (tuy cũng có những thông tin cũ và thông tin mới đan cài vào nhau). Học viên cần được luyện để nhận ra sự tương thích của phát ngôn với mục đích giao tiếp, nhận ra cái mang thông tin cũ, cái mang thông tin mới. - Các kiểu bài luyện nghe, bài tập đều được dựa trên một nguyên tắc nghe kết hợp với những kỹ năng khác, trước hết là sự kết hợp giữa nói và nghe. <p>b) Thủ pháp phát triển kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Luyện nghe để xác định tiêu điểm đánh dấu và tiêu điểm không đánh dấu <p>Cái được đánh dấu và cái không được đánh dấu, về nguyên tắc của mục đích giao tiếp, là bắt đầu từ những nội dung đã biết và tiến đến nội dung mới. Trong những trường hợp này, cái gọi là tiêu điểm thông tin nằm ở cuối phát</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Theo dõi được các bài giảng chuyên ngành, thuyết trình có nhiều từ ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn sâu hoặc không quen thuộc.</p> <p>3. Nghe thông báo, hướng dẫn Nghe được như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>4. Nghe đài và xem truyền hình Đạt trình độ nghe như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Yêu cầu cần đạt được</i></p> <p>Người học có khả năng:</p> <p>(1) Xác định được bộ phận nào của ý nghĩa thể hiện chủ đề chính mà phát ngôn câu nói đến, bộ phận nào của thông báo là quan trọng nhất.</p> <p>(2) Xác định được thông tin nào là thông tin được giả định trước đối với điều được đưa ra trong văn bản.</p> <p>(3) Xác định được thành tố nào là thành tố mà người nói chọn như là điểm xuất phát của thông báo.</p>	<p>ngôn. Như vậy, trong các phát ngôn trung hoà, tiêu điểm của thông tin hướng đến phần cuối của phát ngôn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Luyện nghe xác định tiêu điểm cho những mục đích tình cảm Tiêu điểm thông tin được đánh dấu, được người nói sử dụng vì những mục đích khác nhau. Tiêu điểm biểu thị tình cảm mà người nói muốn biểu thị sẽ được nhấn mạnh. <p>Để xác định các tiêu điểm thông tin, người dạy có thể đưa cho người học một số câu nhất định và yêu cầu họ vẽ mô hình ngữ điệu hoặc mô hình trọng âm hoặc cả hai, ví dụ:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 10px;"> <tr> <th colspan="3" style="text-align: center;">Đánh dấu các mô hình ngữ điệu cho các kiểu câu nói</th> </tr> <tr> <th style="width: 25%;">Kiểu câu nói</th> <th style="width: 50%;">Ví dụ</th> <th style="width: 25%;">Mô hình ngữ điệu, trọng âm</th> </tr> <tr> <td>Câu hỏi</td> <td>Cậu rất thích ăn nem, phải không?</td> <td style="text-align: center;">(ooOoo oo)</td> </tr> <tr> <td>Câu tường thuật (liệt kê)</td> <td>thịt này, trứng này, mộc nhĩ này, nấm hương này, muối này, tiêu này, ớt này, xu hào này, cả tôm tươi nữa.</td> <td style="text-align: center;">(OoOoOoo oOo...oOoo)</td> </tr> <tr> <td>Câu yêu cầu mệnh lệnh</td> <td>Nam cho Bắc làm với!</td> <td style="text-align: center;">(OooOo)</td> </tr> <tr> <td>Câu phủ định</td> <td>Tớ không ăn đâu.</td> <td style="text-align: center;">(oOoo)</td> </tr> </table> <p>c) Kiểm chứng kết quả Kiểm chứng qua những bài luyện và bài tập đánh giá khả năng nghe của học viên qua thực hành của họ và mức độ đạt được các yêu cầu phải đạt được của kỹ năng này.</p> <p>d) Học liệu: sử dụng các diễn ngôn nguyên gốc.</p>	Đánh dấu các mô hình ngữ điệu cho các kiểu câu nói			Kiểu câu nói	Ví dụ	Mô hình ngữ điệu, trọng âm	Câu hỏi	Cậu rất thích ăn nem, phải không?	(ooOoo oo)	Câu tường thuật (liệt kê)	thịt này, trứng này, mộc nhĩ này, nấm hương này, muối này, tiêu này, ớt này, xu hào này, cả tôm tươi nữa.	(OoOoOoo oOo...oOoo)	Câu yêu cầu mệnh lệnh	Nam cho Bắc làm với!	(OooOo)	Câu phủ định	Tớ không ăn đâu.	(oOoo)
Đánh dấu các mô hình ngữ điệu cho các kiểu câu nói																			
Kiểu câu nói	Ví dụ	Mô hình ngữ điệu, trọng âm																	
Câu hỏi	Cậu rất thích ăn nem, phải không?	(ooOoo oo)																	
Câu tường thuật (liệt kê)	thịt này, trứng này, mộc nhĩ này, nấm hương này, muối này, tiêu này, ớt này, xu hào này, cả tôm tươi nữa.	(OoOoOoo oOo...oOoo)																	
Câu yêu cầu mệnh lệnh	Nam cho Bắc làm với!	(OooOo)																	
Câu phủ định	Tớ không ăn đâu.	(oOoo)																	

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ĐỌC	
NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT	CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <p>- Hiểu, lựa chọn và sử dụng có phản biện, đánh giá hầu hết các thể loại văn bản, bao gồm các văn bản trù tượng, có cấu trúc phức tạp, hay các tác phẩm văn học và các thể loại khác.</p> <p>- Hiểu được nhiều loại văn bản dài và phức tạp, cảm thụ được những nét khác biệt giữa nghĩa đen và nghĩa bóng, các loại văn phong.</p> <p>❖ <i>Năng lực đọc cụ thể:</i></p> <p>1. Đọc lấy thông tin và lập luận Có khả năng đọc lấy thông tin và lập luận như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>2. Đọc tìm thông tin Đạt trình độ đọc tìm thông tin như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>3. Đọc thư từ, văn bản giao dịch</p>	<p>a) Định hướng giảng dạy</p> <p>Luyện đọc xử lý văn bản, lấy thông tin và lập luận (luận cứ luận chứng), tóm tắt được thông tin từ các văn bản để có thể trình bày lại vấn đề một cách mạch lạc, có bình luận, phản biện.</p> <p>Luyện đọc tập trung và đọc mở rộng.</p> <p>Luyện đọc từ toàn thể đến bộ phận hoặc từ bộ phận đến toàn thể (từ văn bản đến đoạn, hoặc từ đoạn đến toàn văn bản), theo trình tự xoáy tròn ốc (giảng dạy lại điều gì đó nhưng có những mặt/nội dung mới ở vòng sau).</p> <p>Luyện thành thạo những tiểu kỹ năng đọc quan trọng thường dùng, so sánh được những gì là tương đồng, khác biệt về mặt ngôn ngữ, nội dung trong văn bản đang đọc với vốn ngôn ngữ đã biết; đồng thời biết dựa vào ý chính của văn bản và ngữ cảnh để đoán trước nội dung của đoạn, của câu hoặc từ ngữ không quen.</p> <p>b) Thủ pháp phát triển kỹ năng</p> <p>1. Luyện đọc hiểu, có phân tích, phê phán, đánh giá hầu hết các thể loại văn bản, có cấu trúc và nội dung phức tạp; hiểu nội dung, thái độ, ý kiến được thể hiện bằng cách diễn đạt tế nhị, gián tiếp.</p> <p>2. Luyện đọc nhiều loại văn bản dài, đặc biệt là các văn bản khoa học hoặc văn chương có cấu trúc phức tạp, thuộc các loại văn phong; nhận biết và hiểu những nét khác biệt giữa nghĩa đen và nghĩa bóng, suy luận, hàm ý (khẳng định/ phủ định đánh giá tích cực/ tiêu cực, chất vấn, nghi ngờ, bác bỏ ...) của câu, đoạn và toàn</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Đạt trình độ như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>4. Đọc xử lý văn bản</p> <p>Tóm tắt được thông tin từ các nguồn khác nhau, cùng với lập luận và dẫn chứng để trình bày lại được vấn đề một cách mạch lạc</p> <p>❖ Yêu cầu cần đạt được</p> <p>Nhận biết được cấu trúc của bài, ý tưởng chính của bài, ý của các câu, ý từng đoạn, liên kết được nghĩa các đoạn, các nghĩa phân tán trong văn bản để hiểu toàn bài. Hiểu được lập luận, suy luận và hàm ý của cụm từ, câu, đoạn. Xác định được quan điểm, thái độ được diễn đạt ngầm ẩn. Đánh giá có phản biện được nội dung và/hoặc luận cứ, luận chứng của văn bản.</p>	<p>văn bản; phát hiện và hiểu những thông tin, sự tình được diễn giải đồng nghĩa theo cách khác.</p> <p>3. Luyện đọc nhận biết cấu trúc hình thức và cấu trúc nội dung các loại hình văn bản, thuộc nhiều phong cách khác nhau như bậc 5; xác định mục đích của thông tin hoặc lập luận trong một câu hoặc đoạn của văn bản; xác định những luận cứ, luận chứng có giá trị nhất ủng hộ ý tưởng chính của văn bản.</p> <p>4. Luyện đọc, phát hiện ý tưởng chính của văn bản thông qua phát hiện mối liên hệ cấu trúc nội dung của văn bản: nguyên nhân - kết quả, so sánh tương đồng - đối lập, vấn đề - giải pháp, sự kiện - giải quyết, khả năng - thực tế ... Tóm tắt để trình bày lại nội dung của văn bản cùng với bình luận và/hoặc so sánh, thảo luận, phản biện.</p> <p>5. Luyện đọc, hiểu, nhận biết và bình luận được thái độ, ý kiến của tác giả văn bản hoặc của nhân vật trong văn bản; phát hiện được trật tự, logic của sự kiện, của luận cứ, suy luận để có bình luận của người đọc.</p> <p>6. Luyện đọc hiểu, nhận biết ý tưởng chính, mô hình tổ chức chính của văn bản, nhận biết thông tin được tổ chức như thế nào trong từng phần của văn bản, nhận ra những dấu hiệu tường minh, những quan hệ mở rộng trong văn bản và những chỉ dấu liên kết khác trong văn bản. Qua đó, tổng hợp, đánh giá toàn bộ thông tin có được từ văn bản để tóm tắt được nội dung văn bản.</p> <p>7. Luyện cả đọc tập trung và đọc mở rộng các vấn đề nêu trên qua thảo luận theo nhóm và qua viết bài tóm tắt, bình luận, trả lời những câu hỏi trực tiếp, gián tiếp của giảng viên.</p> <p>8. Luyện đọc hiểu, xử lý văn bản, tóm tắt được thông tin từ các nguồn khác nhau, thuộc nhiều văn phong và thể loại khác nhau, có luận cứ, luận chứng để trình bày lại được nội dung văn bản một cách mạch lạc.</p> <p>c) Kiểm chứng kết quả</p>
---	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Lấy được thông tin, nội dung, trả lời được câu hỏi đặt ra của giảng viên hoặc viết lại được ý chính của bài, tóm tắt được các thông tin trong bài.</p> <p>d) Học liệu</p> <p>Ngoài các văn bản, thông tin trong học liệu cung cấp sẵn theo chủ đề giảng dạy của chương trình, giảng viên cần tự chọn thêm những văn bản thực (ngôn ngữ sống) trên báo, tạp chí khoa học, các ấn phẩm văn chương, bình luận chính trị xã hội ... về đời sống, giáo dục, nghề nghiệp, xã hội, lịch sử, con người... (không hạn chế). làm đa dạng hóa nguồn văn bản đọc, nhưng phải bảo đảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục đích và yêu cầu của học viên - Hấp dẫn, đa dạng. <p>(Học viên có thể tự chọn những văn bản phù hợp về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình).</p>
<p>NÓI</p>	
<p>NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT</p>	<p>CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG</p>
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tốt các cấu trúc ngôn ngữ, hiểu các cấp độ ý nghĩa của thành ngữ, tục ngữ đặc biệt. - Giao tiếp rất dễ dàng và thay đổi được lối nói một cách tự nhiên như người Việt 	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p> <p>Tập trung luyện kỹ năng nói độc thoại mở rộng để học viên có đủ năng lực trình bày, diễn giải, thuyết minh về vấn đề mà họ quan tâm hay có nhiệm vụ/mong muốn trình bày. <i>Nói mở rộng</i> là kể lại một câu chuyện, ngôn ngữ được dùng có cân nhắc cẩn trọng (có chuẩn bị từ trước) và có tính nghi thức rõ ràng. Tuy nhiên, cũng có những cuộc độc thoại không có tính nghi thức. Bài nói mở rộng là những chuỗi ngôn ngữ phức tạp, dài, và có liên quan chặt chẽ với nhau.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>❖ <i>Năng lực nói cụ thể:</i></p> <p>1. Mô tả các trải nghiệm Có khả năng mô tả rõ ràng, chi tiết, tự nhiên và trôi chảy giúp người nghe dễ hiểu và dễ nhớ.</p> <p>2. Lập luận trong thảo luận Có khả năng giải thích và bảo vệ ý kiến của mình trong cuộc thảo luận bằng cách đưa ra các giải thích, lập luận và ý kiến có liên quan một cách thuyết phục.</p> <p>3. Trình bày trước người nghe Đạt trình độ trình bày như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>4. Nói có tương tác</p> <p>4.1. <i>Mô tả chung về kỹ năng nói có tương tác</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được thành ngữ, các lối nói thông tục và hiểu các nghĩa bóng. - Sử dụng được phương tiện ngôn ngữ biểu thị tình thái để thể hiện những sắc thái ý nghĩa chính xác và hợp lý. 	<p>❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ <i>Luyện kỹ năng diễn thuyết</i> Yêu cầu người học trình bày (nói) một bản báo cáo, một bài báo, một kế hoạch tiếp thị, một ý tưởng kinh doanh buôn bán, một bản thiết kế một sản phẩm mới hoặc là một thủ pháp nghiên cứu vấn đề gì đó... Người dạy cần chú ý những quy tắc phát triển kỹ năng nói: <ul style="list-style-type: none"> (a) xác định rõ các tiêu chí của phần luyện tập; (b) tạo cuộc luyện tập phù hợp với các tiêu chí đó; (c) gợi ý một bài trình bày tối ưu. <p>Đối với việc thể hiện ngôn ngữ nói, danh mục những điểm cần phát triển hoặc các yêu cầu thường được dùng trong giảng dạy và đánh giá. Phát triển năng lực nói căn bản dựa trên sự phát triển hai thành tố chính là nội dung và cách nói.</p> <p>❖ <i>Luyện kỹ năng kể lại một câu chuyện dựa trên tranh ảnh có nội dung phức tạp</i></p> <p>Yêu cầu học viên xem những bức tranh, bức ảnh, biểu, bảng... rồi sau đó trình bày lại bằng lời nói miệng. Phương thức gợi ý này đã dùng trong phần những bài tập tập trung sâu, nhưng ở trình độ này, người dạy coi các bức tranh/ ảnh là những kích thích cho một sự miêu tả dài hơn, một câu chuyện dài hơn. Việc đưa bất kỳ một bộ tranh/ ảnh nào cho người học và yêu cầu họ nói trong một thời gian nhất định về những bức tranh ảnh đó thì đều có sức lôi cuốn nhất định. Nhưng cũng như mọi chiến lược phát triển khả năng nói khác, đối tượng của tranh ảnh, của văn bản gợi ý cần phải rất rõ ràng. Người dạy có thể phát triển từ vừng qua tranh; hoặc, những yếu tố nối kết câu và khả năng nói trôi chảy của người học. Ngay cả khi người dạy muốn phát triển ngữ pháp hay những đặc điểm văn bản nào đó thì vẫn có thể làm được bằng thủ pháp này.</p>
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>- Diễn đạt một cách trôi chảy, linh hoạt như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>4.2. Hội thoại Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, thoải mái và hiệu quả nói về cuộc sống cá nhân và xã hội, bao gồm cả biểu thị cảm xúc, nói bóng gió, nói vòng, nói đùa.</p> <p>4.3. Giao dịch mua bán và dịch vụ Giao dịch được như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>4.4. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn Theo kịp được những cuộc đối thoại dài và tham gia với vai trò của người phỏng vấn hoặc được phỏng vấn một cách tự nhiên, nói lưu loát như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>5. Độ chuẩn xác của kỹ năng nói</p> <p>5.1. Phát âm và độ lưu loát</p> <p>- Mặc dù vẫn có giọng ngoại lai nhưng có thể thay đổi ngữ điệu, thể hiện được các sắc thái ý nghĩa tinh tế như người Việt.</p> <p>- Diễn đạt được ý mình một cách tự nhiên, liên tục, không ngập ngừng, trừ khi muốn</p>	<p>Tiêu chí đánh giá trong loại luyện tập này cần phải rõ ràng và trước hết, cần phải có mục tiêu phát triển cùng với các tiêu chí đánh giá tương ứng với mục tiêu đó.</p> <p>❖ <i>Luyện kỹ năng kể lại một câu chuyện, một sự kiện thời sự bậc cao</i> Người học được nghe hoặc đọc một câu chuyện hoặc một sự kiện thời sự và họ sẽ được yêu cầu kể lại. Điểm khác biệt chủ yếu ở đây là văn bản dài hơn và thuộc một số loại văn bản khác nhau. Người học có nhiệm vụ biến đổi từ việc nghe hiểu một nguyên bản thành việc tạo lập một văn bản nói với những đặc trưng và quan hệ mang tính giao tiếp, có những trọng âm, có “sự biểu thị” mang kịch tính, có tính trôi chảy, và sự kết hợp với người nghe.</p> <p>❖ <i>Luyện kỹ năng dịch miệng bậc cao</i> Yêu cầu học viên dịch những văn bản dài. Người học đọc văn bản viết bằng ngôn ngữ thứ nhất, sau đó dịch sang tiếng Việt. Những văn bản này có thể là một cuộc hội thoại, những hướng dẫn phát triển sản phẩm, bản tóm tắt một bộ phim, một vở kịch, một truyện ngắn, bản hướng dẫn tìm một vị trí nào đó trên bản đồ hay những kiểu, loại tương tự khác. Thuận lợi của việc dịch là kiểm soát được nội dung văn bản, từ vựng, đặc điểm ngữ pháp và văn bản.</p>
---	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>lựa chọn từ ngữ, ví dụ hoặc chọn lời giải thích phù hợp nhất.</p> <p><i>5.2. Sự phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được chính xác, phù hợp và hiệu quả cách phát âm, từ vựng rất rộng và nhiều cấu trúc ngữ pháp khó trong giao tiếp theo lối nói tự nhiên của người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên. - Sử dụng thành thạo các cách diễn đạt theo kiểu thành ngữ hoặc thông tục và phân biệt rõ về các cấp độ nghĩa. <ul style="list-style-type: none"> - Cảm thụ được các tác động về mặt ngôn ngữ - xã hội và văn hóa - xã hội của người Việt - Hiểu rõ và nắm bắt được những khác biệt về mặt văn hóa - xã hội và ngôn ngữ - văn hóa của người Việt. 	
<p>VIẾT</p>	
<p>NĂNG LỰC VÀ YÊU CẦU CẦN ĐẠT</p>	<p align="center">CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG</p>
<p>❖ <i>Năng lực chung</i></p> <p>Viết được bài rõ ràng, bố cục logic, chặt chẽ, văn phong phù hợp, trôi chảy về</p>	<p>❖ <i>Định hướng giảng dạy</i></p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>nhiều lĩnh vực phức tạp, giúp người đọc nhận ra những điểm quan trọng trong bài một cách dễ dàng.</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Năng lực viết cụ thể:</i></p> <p>1. Viết luận</p> <p>Viết được những bài miêu tả kinh nghiệm và những câu chuyện một cách rõ ràng, rành mạch, ý tứ phong phú, lời cuốn, có văn phong phù hợp với thể loại đã lựa chọn.</p> <p>2. Viết báo cáo và tiểu luận</p> <p>- Viết được báo cáo và tiểu luận có cơ cấu hợp lý, hiệu quả, giúp người đọc thấy được những luận điểm quan trọng.</p> <p>- Viết được một cách rõ ràng, rành mạch các báo cáo, bài báo hoặc tiểu luận phức tạp, nội dung phong phú về một vấn đề nào đó hoặc đưa ra được những đánh giá sắc bén về những đề xuất, hay bình luận tác phẩm văn học.</p> <p>3. Viết có tương tác</p> <p>3.1. Mô tả chung về kỹ năng viết có tương tác</p>	<p>Tập trung luyện kỹ năng viết bài luận, báo cáo, để thể hiện quan điểm cá nhân, đánh giá một văn bản khác, hoặc thảo luận, phản biện, hoặc viết bài nghiên cứu về một vấn đề, viết thư...</p> <p style="text-align: center;">❖ <i>Thủ pháp phát triển kỹ năng</i></p> <p>Để thực hiện định hướng giảng dạy này, nên dùng các chiến lược được mô tả cho từng loại ở dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thủ pháp phát triển kỹ năng viết luận (Ví dụ, viết về một địa điểm quan trọng) <p>Chiến lược này có mục tiêu là tăng cường cho người học các năng lực như:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Năng lực viết bài mô tả một địa điểm; ○ Năng lực viết câu chủ đề với sự tập trung vào một ấn tượng mạnh; ○ Năng lực hỗ trợ ấn tượng nổi bật bằng các chi tiết mô tả; ○ Năng lực tổ chức đoạn văn với sự sắp xếp theo không gian; ○ Năng lực liên kết bằng từ kết nối các đoạn miêu tả; ○ Năng lực miêu tả bằng đọc và suy nghĩ về những địa điểm cụ thể trong bài viết của những người viết khác; ○ Năng lực sử dụng thì quá khứ để mô tả; ○ Năng lực sử dụng các cấu trúc câu chỉ vị trí. <p>Chiến lược phát triển cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng viết về một nơi gây ấn tượng mạnh trong quá khứ; ○ Luyện kỹ năng viết tập trung vào một ấn tượng chủ đạo; ○ Luyện kỹ năng hỗ trợ làm nổi bật ấn tượng chủ đạo bằng mô tả chi tiết; ○ Luyện kỹ năng tổ chức theo không gian; ○ Luyện kỹ năng liên kết bằng các từ nối dành cho thể loại mô tả; ○ Luyện kỹ năng sử dụng mệnh đề trạng ngữ chỉ không gian; ○ Luyện kỹ năng sử dụng mạng Internet để phát triển năng lực mô tả;
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Đạt trình độ như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>3.2. Viết thư từ giao dịch Đạt trình độ như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>3.3. Ghi chép, nhắn tin, điền biểu mẫu Đạt trình độ như người Việt có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên.</p> <p>4. Xử lý văn bản Tóm tắt được thông tin từ các nguồn khác nhau, tổng kết lại và viết thành một bài thuyết trình có lập luận chặt chẽ, rõ ràng.</p> <p>5. Độ chính xác về chính tả Viết không có lỗi chính tả.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng viết về một địa điểm gây ấn tượng mạnh trong hiện tại. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thủ pháp luyện kỹ năng viết báo cáo và tiểu luận 1- Thể hiện quan điểm cá nhân <p>Mục tiêu tăng cường cho người học những năng lực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trong phần viết tổng quan của luận văn/ luận án; ○ Năng lực nhận xét nhiều văn bản mà họ đọc về cùng một chủ đề; ○ Năng lực viết bản thu hoạch cá nhân sau thời gian nghiên cứu; ○ Năng lực tổ chức một văn bản khoa học; ○ Năng lực viết dự thảo luận văn / luận án; ○ Năng lực đánh giá và tự đánh giá luận văn/ luận án; ○ Năng lực tìm kiếm thông tin khoa học. <p>Thủ pháp cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Luyện kỹ năng nhận xét nhiều văn bản đã đọc về cùng một chủ đề; • Luyện kỹ năng viết báo cáo tiến độ; • Luyện kỹ năng tổ chức bài viết/ dự thảo luận văn/ luận án; • Luyện kỹ năng viết bản nháp, bài viết/ dự thảo luận văn/ luận án; • Luyện kỹ năng đánh giá và tự đánh giá văn bản khoa học; • Luyện kỹ năng điều chỉnh bài viết/ dự thảo luận văn/ luận án; • Luyện kỹ năng hoàn thiện bài viết/ dự thảo luận văn/ luận án; <p>2- Đánh giá một văn bản</p> <p>Mục tiêu là tăng cường cho người học những năng lực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Năng lực viết bài đánh giá một văn bản của người khác; ○ Năng lực đọc và nhận xét văn bản của người khác; ○ Năng lực tóm tắt văn bản đã đọc để nhận xét, bình luận; ○ Năng lực viết bài phê bình;
---	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> ○ Năng lực xác định độc giả tiềm năng của bài viết; ○ Năng lực tìm hiểu và phát triển đề tài; ○ Năng lực tổ chức bài viết; ○ Năng lực viết dự thảo bài viết; ○ Năng lực thảo luận nhóm để đánh giá và tự đánh giá văn bản phê bình; ○ Năng lực sửa đổi dự thảo bài viết; ○ Năng lực hoàn thiện bài viết. <p>3- Phân tích một văn bản tranh luận</p> <p>Mục tiêu là tăng cường cho người học những năng lực sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Năng lực nhận xét một văn bản tranh luận; ○ Năng lực thảo luận và ghi chép về các văn bản tranh luận; ○ Năng lực viết văn bản tranh luận; ○ Năng lực xác định độc giả tiềm năng; ○ Năng lực tìm kiếm thông tin và phát triển chủ đề; ○ Năng lực tổ chức bài viết tranh luận; ○ Năng lực viết dự thảo, một bản thảo luận; ○ Năng lực thảo luận nhóm về bài viết tranh luận; ○ Năng lực chỉnh sửa văn bản sau thảo luận; ○ Năng lực hoàn thiện bài viết; <p>Thủ pháp cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng đọc văn bản tranh luận; ○ Luyện kỹ năng thảo luận và ghi chép văn bản tranh luận; ○ Luyện kỹ năng nhận xét văn bản tranh luận; ○ Luyện kỹ năng xác định nhiệm vụ bài viết; ○ Luyện kỹ năng xác định độc giả tiềm năng; ○ Luyện kỹ năng tìm kiếm và phát triển chủ đề;
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng tổ chức bài viết; ○ Luyện kỹ năng viết một bản dự thảo đề thảo luận; ○ Luyện kỹ năng thảo luận nhóm về văn bản tranh luận; ○ Luyện kỹ năng sửa đổi sau thảo luận; ○ Luyện kỹ năng hoàn thiện bài viết tranh luận. <p>4- Viết một bài nghiên cứu từ những nguồn thông tin khác nhau</p> <p>Mục tiêu luyện viết bài kiểu này là nhằm tăng cường cho người học những năng lực sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Năng lực xác định nhiệm vụ của bài viết nghiên cứu; ○ Năng lực tập hợp tài liệu và tìm chủ đề; ○ Năng lực xác định chủ đề ưa thích cho người viết; ○ Năng lực tóm tắt một bài báo hoặc một bài trên tạp chí; ○ Năng lực viết một dự kiến nghiên cứu; ○ Năng lực tìm kiếm những thông tin cần thiết; ○ Năng lực tìm kiếm thông tin trong và ngoài trường đại học, phỏng vấn; ○ Năng lực xác định độc giả tiềm năng; ○ Năng lực tập trung vào những ý tưởng chính của người viết; ○ Năng lực viết đề cương ban đầu; ○ Năng lực tổ chức bài viết nghiên cứu; ○ Năng lực viết một bản dự thảo đề trao đổi trong nhóm; ○ Năng lực hoàn chỉnh bài viết. <p>Chiến lược cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng tìm chủ đề và tập hợp tài liệu; ○ Luyện kỹ năng tìm kiếm một chủ đề ưa thích của người nghiên cứu; ○ Luyện kỹ năng tóm tắt một bài báo hoặc một bài trên tạp chí; ○ Luyện kỹ năng xác định nhiệm vụ của bài nghiên cứu;
--	--

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> ○ Luyện kỹ năng viết một dự kiến nghiên cứu không chính thức; ○ Luyện kỹ năng tìm kiếm những thông tin cần thiết; ○ Luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin trong trường đại học; ○ Luyện kỹ năng thu thập tư liệu và phỏng vấn; ○ Luyện kỹ năng xác định loại độc giả đọc bài của mình; ○ Luyện kỹ năng tập trung vào những ý tưởng chính; ○ Luyện kỹ năng viết đề cương ban đầu; ○ Luyện kỹ năng tổ chức bài viết nghiên cứu; ○ Luyện kỹ năng viết một dự thảo bài viết để thảo luận nhóm; ○ Luyện kỹ năng hoàn chỉnh bài viết nghiên cứu. <p>5- Thủ pháp luyện kỹ năng viết thư từ giao dịch (Ví dụ, viết thư giới thiệu)</p> <p>Mục tiêu của thủ pháp này là: Tăng cường năng lực viết một bức thư giới thiệu trong đó đưa ra ý kiến ủng hộ cho một ứng viên là học sinh/sinh viên tham gia dự tuyển một chương trình hoặc dự tuyển vào đại học/ sau đại học. Vì vậy, chiến lược này sẽ luyện tập cho người học trình bày một lời đánh giá và cung cấp đủ bằng chứng, thông tin để giúp người tuyển chọn trong việc ra quyết định. Bản viết loại này cũng luyện khả năng giải thích một số điểm yếu hoặc chưa rõ trong hồ sơ của người được giới thiệu, hoặc có thể đề cập đến một khó khăn tài chính, khó khăn/ thuận lợi của gia đình ứng viên hoặc các yếu tố khác.</p> <p>Chiến lược cụ thể:</p> <p>Khi chuẩn bị viết thư cần sắp xếp một cuộc gặp ứng viên, người viết cũng nên yêu cầu ứng viên cho biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Đưa hồ sơ lý lịch hoặc sơ yếu lý lịch; ○ Bản sao bảng điểm và/ hoặc danh sách các khóa học đã hoàn tất; ○ Bản sao của một bài kiểm tra hoặc bài kiểm tra viết tại một khóa học;
--	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> ○ Mục tiêu nghề nghiệp, việc làm hoặc trường đại học mà ứng viên muốn vào ○ Danh sách các thành tích của họ; ○ Các xuất bản phẩm khoa học mà họ đã công bố
--	--

PHẦN III: PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

3.1-Nguyên tắc dạy và học

Hầu hết các giảng viên tiếng Việt và Việt Nam học của trường ĐHKHXH&NV đều có ý thức cao trong việc giảng dạy và học tập, bất chấp áp lực công việc và những khó khăn do các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Nhiều người làm việc với niềm đam mê nghề nghiệp để cải thiện hiệu quả công tác của mình. Cùng với đó, vai trò của các tổ chức trong Nhà trường (phòng, ban, khoa...) cũng hết sức quan trọng. Đó là cơ quan cung cấp những hướng dẫn, nguồn lực và có trách nhiệm giải trình để hỗ trợ cho giảng dạy và học tập nhằm đạt được chất lượng cao nhất có thể. Các nghiên cứu về ngôn ngữ, về giáo dục, về tâm lý... cũng bổ sung cho những người giảng dạy ngôn ngữ bằng cách cung cấp các mô tả và phân tích cẩn thận để cung cấp những hiểu biết và kiến thức mới về ngôn ngữ học, tâm lý học, các quá trình và kết quả giáo dục. Vì vậy, một điều rất quan trọng là xác định được những khía cạnh có tính nguyên tắc có tầm quan trọng lớn trong việc đạt được việc dạy và học chất lượng cao. Một số khía cạnh, yếu tố có tính nguyên tắc dưới đây được đề xuất để tăng cường năng lực đào tạo cho người học tiếng Việt như một ngoại ngữ hay ngôn ngữ thứ hai:

Khía cạnh thứ nhất cần xem xét, để hoàn thành, việc dạy và học với chất lượng cao là ở chỗ việc dạy và học hiệu quả trang bị cho người học có ***lối sống tốt*** theo nghĩa toàn diện của từ đó. Học tập nhằm mục đích giúp cho các cá nhân và các tập thể phát huy các nguồn lực trí tuệ của mỗi cá nhân và xã hội cho phép họ tham gia vào xã hội với tư cách là một công dân tích cực, có đóng góp cho sự phát triển kinh tế và trở thành các cá nhân chức năng trong một xã hội đa dạng và luôn luôn thay

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

đổi. Điều này gắn với việc mở rộng ý tưởng về kết quả học tập có giá trị và thực hiện nghiêm túc các vấn đề về công bằng xã hội cho từng người.

Khía cạnh thứ hai, quá trình dạy và học chất lượng cao phải thu hút được sinh viên bằng *các kiến thức có giá trị*. Quá trình này sẽ thu hút người học với những ý tưởng lớn, những quy trình chính, cách thức giảng dạy và miêu tả các môn học, để họ hiểu được những gì tạo nên chất lượng và tiêu chuẩn trong các lĩnh vực cụ thể.

Khía cạnh thứ ba là nhận ra tầm quan trọng của những trải nghiệm, kiến thức và kỹ năng đã *được học tập trước đó* của người học. Dạy và học nên tính đến những gì người học đã biết để lập kế hoạch cho các bước tiếp theo. Điều này bao gồm việc xây dựng dựa trên việc học từ trước nhưng cũng có tính đến kinh nghiệm cá nhân và văn hóa của các nhóm người học thuộc các nhóm, các quốc gia, dân tộc khác nhau.

Khía cạnh thứ tư là việc dạy và học chất lượng cao đòi hỏi giáo viên luôn trong tâm thế và tư thế học tập không ngừng, nâng cao khả năng tự đào tạo. Giáo viên nên cung cấp các hoạt động và xây dựng các hỗ trợ về trí tuệ, về xã hội và cảm xúc để giúp người học tiến lên trong học tập, để khi học sinh sử dụng kinh nghiệm ở bên ngoài lớp học họ cảm thấy an toàn và luôn luôn được hỗ trợ.

Khía cạnh thứ năm là quá trình học tập cần *được đánh giá phù hợp*. Đánh giá nên được thiết kế và thực hiện với mục tiêu là đạt được hiệu lực tối đa cả về kết quả học tập và cả về quá trình học tập. Nó sẽ giúp cải thiện việc học cũng như xác định xem việc học đã thực sự xảy ra như thế nào.

Yếu tố thứ sáu là thúc đẩy *sự tham gia tích cực của người học*. Mục tiêu chính của việc dạy và học là thúc đẩy người học có tính độc lập và tự hoàn thiện mình. Điều này liên quan đến việc họ có chiếm lĩnh được một loạt các chiến lược và thực tiễn học tập, để phát triển các xu hướng học tập tích cực, và để người học có được ý chí và sự tự tin để trở thành tác nhân trong việc học tập của chính họ.

Yếu tố thứ bảy cần xem xét là sự thúc đẩy *quá trình và kết quả của cả cá nhân và xã hội*. Người học cần được khuyến khích và được giúp đỡ để xây dựng mối quan hệ và giao tiếp với người khác vì mục đích học tập, nhằm giúp họ hỗ trợ xây dựng kiến thức lẫn cho nhau và nâng cao thành tích của các cá nhân và nhóm. Tư vấn cho người học về việc học tập của họ và cho họ có tiếng nói vừa là kỳ vọng vừa là quyền lợi của họ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam đã thể hiện các khía cạnh có tính nguyên tắc trên thành các tiêu chuẩn trong Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài, đã chuẩn bị cho du học sinh trở thành sinh viên của các trường Cao đẳng và Đại học ở Việt Nam. Nó cũng xác định những gì học sinh dự kiến sẽ thành thạo ở mỗi bậc. Những tiêu chuẩn về năng lực

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

tiếng Việt phải được các tổ chức giáo dục và các giáo viên nghiên cứu, xem xét và tuân thủ để giúp họ thực hiện tốt những gì được mong đợi.

3.2. Một số chiến lược giảng dạy và học tập ngôn ngữ hiện đại

Giảng dạy ngôn ngữ trong **phần đầu của thế kỷ hai mươi** được hình thành nhờ các phương pháp giảng dạy, phản ánh cách tiếp cận lập kế hoạch chuyển tiếp tuyến tính. Các phương pháp như phương pháp thính giác, phương pháp giảng dạy ngôn ngữ học theo bối cảnh, và những phiên bản đầu tiên của cách giảng dạy Ngôn ngữ giao tiếp đã được tạo nền tảng vững chắc trong phát triển các học phần. Nhưng những cơ sở thay thế cho các phương pháp này xuất hiện trong **nửa sau của thế kỷ hai mươi**. Những cách tiếp cận và những phương pháp giảng dạy mới này bắt đầu với quá trình, chứ không phải là đầu vào hay đầu ra. Ví dụ, phương pháp tiếp cận tự nhiên (1983)⁶ đã đề xuất các quá trình giao tiếp trong lớp học có sự tham gia của người học trong sự tương tác và giao tiếp có ý nghĩa ở một mức độ khó tương ứng, đó là chìa khóa của một khóa học ngôn ngữ chứ không phải là xây dựng việc giảng dạy xung quanh một chương trình ngữ pháp đã được định sẵn từ trước. Khi thiết lập mục tiêu giao tiếp, người ta không mong đợi các học viên vào cuối một khóa học cụ thể có được một số cấu trúc ngữ pháp nhất định. Thay vào đó, người ta kì vọng họ giải quyết được một tập hợp các chủ đề cụ thể trong những tình huống cụ thể. Người ta không tổ chức các hoạt động của lớp học theo một học phần ngữ pháp. Mục đích và nội dung của một khóa học đã thay đổi tùy theo *nhu cầu* của học viên và những lợi ích cụ thể của họ. Mục tiêu được thể hiện trong các thuật ngữ chung như “kỹ năng giao tiếp cá nhân cơ bản: nói” và “kỹ năng giao tiếp cá nhân cơ bản: viết”. Thực tế Phương pháp tiếp cận tự nhiên không phải là xuất phát từ đầu vào hoặc đầu ra (không được xây dựng xung quanh một học phần và bộ các kết quả học tập đã được xác định trước).

Phương pháp Im lặng (*Silent Way*) của Gategno (1972) được hiểu là phương pháp mà ngôn ngữ đầu vào không phải là điểm xuất phát. Hơn nữa là, khi bắt đầu với sự phát triển của một học phần ngôn ngữ, Gategno đã hoài nghi về vai trò của việc phân tích ngôn ngữ trong giảng dạy. Các nghiên cứu ngôn ngữ học có thể là một chuyên ngành mang lại cho họ một sự mở mang hẹp hòi về sự nhạy cảm của một người và có lẽ chỉ phục vụ rất ít cho sự hiểu biết⁷. Điểm khởi đầu của Gategno là một cái nhìn về học tập như là một *quá trình giải quyết vấn đề*, quá trình *sáng tạo* và *khám phá*.

⁶ Krashen S, Terrell T (1983) *The Natural Approach: Language Acquisition in the Classroom*. Oxford: Pergamon.

⁷ Gategno C (1972) *Teaching Foreign Languages in Schools: The Silent Way*, 2nd ed. New York: Educational Solutions.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Một phần của một triết lý được gọi là một cách tiếp cận nhân văn - *Tư vấn học tập* của Curran là một phương pháp đã thu hút được một số sự chú ý khi nó được giới thiệu vào những năm 1980. Curran đã áp dụng các nguyên tắc của việc tư vấn học tập để giảng dạy ngôn ngữ. Lớp học trở thành cộng đồng của những người học và giáo viên. Học sinh tham gia vào quá trình tương tác, rút kinh nghiệm. Việc phản hồi lại đối với việc học tập được coi là trung tâm thúc đẩy quá trình dạy và học. Ở đó không có học phần nào được xác định trước và không có mục tiêu ngôn ngữ hoặc giao tiếp cụ thể nào được xác định từ trước. Đây là những điều cụ thể đối với mỗi lớp và kết quả của sự tương tác xã hội xảy ra trong suốt buổi học. Học viên thường ngồi trong vòng tròn kết nối và thể hiện điều họ muốn nói. Lời dịch của giáo viên được sử dụng để giúp học sinh diễn đạt đúng ý nghĩa định nói của mình. Sau đó, tương tác và các thông báo được ghi lại và xem lại như là một nguồn phân tích và thực hành ngôn ngữ.

Sự **phát triển ngôn ngữ dựa trên chủ đề** là một cách mà trong đó người học đề cập đến những điều họ muốn nói đến và những thông điệp mà họ muốn truyền đạt tới những người học khác. Trách nhiệm của giáo viên là cung cấp một cách truyền đạt đúng cho những ý nghĩa này theo những cách phù hợp với mức độ thành thạo của người học; ... một học phần xuất hiện từ sự tương tác giữa ý định truyền đạt của người học và sự thay đổi của giáo viên về những lời nói ngôn ngữ đích phù hợp⁸.

Giảng dạy ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ (TBLT) có một số phiên bản khác nhau; một số được mô tả như là được dựa trên nhiệm vụ và một số khác được mô tả như là thông tin nhiệm vụ và vì không có sự thống nhất về tính chất chính xác của một khóa học TBLT, nên nó được mô tả tốt nhất như là một cách tiếp cận hơn là một phương pháp. Chúng chia sẻ việc sử dụng “các nhiệm vụ” như là cơ chế kích hoạt các quy trình học ngôn ngữ tích cực nhất. Nhiệm vụ trong cách tiếp cận này là các hoạt động tập trung chủ yếu vào ý nghĩa, có một số khoảng trống thông tin, người học cần phải sử dụng nguồn lực ngôn ngữ và phi ngôn ngữ của mình để lấp đầy, và có một số kết quả nằm ngoài cái đơn thuần chỉ là sự hiển thị ngôn ngữ. Các phiên bản của TBLT là những phiên bản sử dụng các nhiệm vụ sư phạm chính làm nền tảng cho việc giảng dạy trên lớp - được thiết kế đặc biệt cho các hoạt động trong lớp học nhằm mục đích kêu gọi sử dụng các chiến lược tương tác cụ thể và cũng có thể yêu cầu sử dụng các kiểu ngôn ngữ cụ thể (kỹ năng, ngữ pháp, từ vựng). Các nhiệm vụ thúc đẩy các quá trình học

⁸ Richards JC, Rodgers T (2001) *Approaches and Methods in Language Teaching. Second Edition*. New York: Cambridge University Press.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ngôn ngữ thứ hai và khả năng ngôn ngữ và năng lực giao tiếp là kết quả của công việc thực thi nhiệm vụ⁹. Không có phần ngữ pháp được xác định trước và các mục tiêu là phát triển khả năng ngôn ngữ tổng quát hơn là khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh cụ thể và cho các mục đích cụ thể.

Theo cách tiếp cận này, giảng viên phải biết nhu cầu cá nhân của các sinh viên. Và điều này có thể được biết đến tốt hơn khi các học viên thực hiện một nhiệm vụ cụ thể trong lớp học.

Phương pháp tiếp cận dựa trên nhiệm vụ phù hợp với giảng dạy và học tập theo những kỹ năng này. Nhiệm vụ hiểu một cách đơn giản nhất là công việc phải làm vì một mục đích và trong một thời gian nhất định.

Kể từ giữa những năm 1980, đã có một sự gia tăng mạnh mẽ trong việc học tập và giảng dạy ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ. Sự quan tâm này đã được thúc đẩy đến mức độ đáng kể bởi thực tế là “nhiệm vụ” hay “bài tập” đã được xem như một khái niệm có tầm quan trọng ngang với “thụ đắc” trong quan điểm của một số nhà nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ thứ hai. “Nhiệm vụ” vừa là một phương tiện gợi ý cho học viên nhằm mục đích nghiên cứu, học tập vừa là một công cụ để tổ chức nội dung và phương pháp giảng dạy ngôn ngữ. Tuy nhiên, “nhiệm vụ” được hiểu khác nhau tùy theo quan điểm nghiên cứu và phương pháp sư phạm.

Một nhiệm vụ hay bài tập có thể là một “kế hoạch hoạt động”, có nghĩa là, nó có dạng của ngữ liệu cho nghiên cứu hoặc giảng dạy ngôn ngữ. Kế hoạch hoạt động thường liên quan đến (1) đầu vào (tức là thông tin mà học viên được yêu cầu xử lý và sử dụng) và (2) một số hướng dẫn liên quan đến những kết quả các học viên có nghĩa vụ phải đạt được. Nhiệm vụ được coi như là một kế hoạch hoạt động được phân biệt với nhiệm vụ như là một quá trình (Tức là các hoạt động thực hiện nhiệm vụ diễn ra của một người học cụ thể trong một bối cảnh cụ thể). Định nghĩa về “nhiệm vụ” mang tính điển hình có liên quan tới một kế hoạch. Sự đồng thuận rộng rãi giữa các nhà nghiên cứu và giáo dục học, cho thấy nhiệm vụ có bốn tiêu chí xác định¹⁰:

- (1) Có ý nghĩa là cơ bản;
- (2) Có mục tiêu là học để làm việc;
- (3) Kết quả của hoạt động cần được đánh giá;

⁹ Willis J (1996) *A Framework for Task-Based Learning*. Harlow: Longman.

¹⁰ Skehan, P. (1996). *Second language acquisition research and task-based instruction*. In J. Willis and D. Willis (eds). *Challenge and Change in Language Teaching*. Oxford: Heinemann.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

(4) Có một mối quan hệ chặt chẽ với thế giới thực tiễn.

Giảng dạy dựa trên nhiệm vụ ngôn ngữ có một số mục đích. Một số học giả¹¹ đã xác định 8 mục tiêu cụ thể sau đây:

- (1) Tạo cho học viên sự tự tin để họ nỗ lực tạo ra bất kỳ những gì thuộc về ngôn ngữ mà họ biết;
- (2) Cung cấp cho người học kinh nghiệm về sự tương tác tự nhiên;
- (3) Cung cấp cho học viên cơ hội được hưởng lợi từ việc nhận thức làm thế nào để thể hiện theo những cách khác nhau cho cùng một ý nghĩa;
- (4) Cung cấp cho học viên cơ hội chiếm lĩnh, thống nhất về lượt lời;
- (5) Thu hút người học trong việc sử dụng ngôn ngữ có tính mục đích và có tính hợp tác;
- (6) Giúp học viên tham gia vào một sự tương tác đầy đủ, không chỉ một lần với một số câu;
- (7) Cung cấp cho người học cơ hội thử nghiệm các chiến lược giao tiếp;
- (8) Tăng cường sự tự tin của người học để họ có thể đạt được mục tiêu giao tiếp.

Các mục tiêu có liên quan đến hai mục đích chung: hiệu quả giao tiếp và thụ đắc. L2. Những mục tiêu mà Willis đề xuất liên quan chủ yếu đến hiệu quả giao tiếp; chỉ có một mục tiêu (3) ở trên, liên quan đặc biệt đến thụ đắc L2.

Dựa trên những nghiên cứu có sẵn, giảng viên có thể ra các quyết định mang tính kế hoạch là lựa chọn một cách tiếp cận hợp lý. Kế hoạch là một trong hai chiều hướng giảng dạy. Một chiều hướng khác là sự “ngẫu hứng” (tức là những hành vi thực tế phát sinh trong quá trình thực hiện một bài học mà chưa được lên kế hoạch trước). Cả hai đều quan trọng đối với một giảng viên chuyên nghiệp.

Bất cứ bài học nào cũng cần đạt được một sự cân bằng giữa hai chiều hướng này. Thuật ngữ “cân bằng” cho thấy rằng trong nhiều trường hợp một bài học được lên kế hoạch một cách quá chặt chẽ (và thực hiện đầy đủ) thì không còn phần cho ngẫu hứng ở tất cả các khâu, và ngược lại, một bài học mà không có kế hoạch ở tất cả khâu và do đó nó hoàn toàn là tùy cơ ứng biến, thì ta coi nó là không cân bằng và có lẽ là không hoàn toàn có hiệu quả. Giảng dạy “cân bằng” liên quan đến việc giảng viên xử lý mềm dẻo giữa tính “kế hoạch” và tính “ngẫu hứng” trong việc ra quyết định về quá trình thực hiện một bài học

¹¹ Willis, Jane (1996). *A Framework for Task-Based Learning*. Harlow: Longman.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Giảng dạy dựa trên năng lực (*Competency-Based Instruction*)

Để thực hiện được các tiêu chuẩn trong khung năng lực tiếng Việt, có thể giảng dạy cho học viên quốc tế (HVQT) theo cách tiếp cận dựa trên năng lực.¹² Cách tiếp cận này tìm kiếm cách để dạy cho người học những kỹ năng cơ bản cần thiết để chuẩn bị cho họ xử lý tình huống mà họ thường gặp phải trong cuộc sống hằng ngày. Hiện nay, giảng dạy ngôn ngữ giao tiếp dựa trên khung lý luận này đã được chấp nhận tại nhiều quốc gia. Điểm đặc trưng của phương pháp tiếp cận dựa trên năng lực là tập trung vào kết quả học tập.

Có tám đặc trưng có liên quan trong việc thực hiện giảng dạy dựa trên năng lực (CBLT) trong chương trình giảng dạy ngôn ngữ:

- (1) Tập trung vào hoạt động trong xã hội. Mục đích là để cho phép học viên trở thành những cá nhân tự chủ có khả năng đối phó với nhu cầu của thế giới hiện thực.
- (2) Tập trung vào các kỹ năng sống. Thay vì giảng dạy ngôn ngữ trong sự cô lập, CBLT dạy ngôn ngữ như là một chức năng giao tiếp trong nhiệm vụ cụ thể. Học viên được dạy chỉ những hình thức ngôn ngữ /những kỹ năng cần thiết bởi những tình huống mà ở đó họ sẽ hoạt động trong tương lai. Những hình thức thường được xác định bởi việc phân tích nhu cầu của người học.
- (3) Giảng dạy được định hướng theo thực hành hoặc nhiệm vụ/ bài tập. Nội dung được xem xét là những gì mà người học có thể tạo ra như là một kết quả của việc giảng dạy và học tập. Cách tiếp cận này được nhấn mạnh là hành vi chứ không phải là kiến thức hay khả năng nói về ngôn ngữ và các kỹ năng.
- (4) Giảng dạy theo mô đun. Việc học ngôn ngữ được chia thành các khối nội dung có ý nghĩa. Các mục tiêu được chia thành tiểu mục tiêu tập trung để cả giảng viên và người học có thể nhận thấy được một cách rõ ràng ý nghĩa của sự tiến bộ.

¹² Giảng dạy dựa trên năng lực là một cách tiếp cận đã được sử dụng rộng rãi từ những năm 1970. Các ứng dụng trên nguyên tắc giảng dạy ngôn ngữ được gọi là giảng dạy dựa trên năng lực ngôn ngữ (CBLT *competency-based language teaching*) - một phương pháp đã được sử dụng rộng rãi như là cơ sở cho việc thiết kế liên quan đến hoạt động định hướng chương trình giảng dạy ngôn ngữ cho người lớn.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

(5) Kết quả được thực hiện rõ ràng. Kết quả là kiến thức chung, được biết đến như một thoả thuận giữa cả học viên và giảng viên. Chúng được quy định cụ thể thành các đích hành vi để người học biết được những hành vi đáng được mong đợi.

(6) Đánh giá liên tục. Người học được kiểm tra trước khi học để xác định họ thiếu những kỹ năng gì và kiểm tra kỹ năng đó sau khi dạy. Nếu họ không đạt được mức độ làm chủ như mong muốn, thì họ sẽ phải tiếp tục học để đạt đích và được kiểm tra lại.

(7) Việc làm chủ các đích phải được chứng minh. Thay vì kiểm tra bằng giấy và bút chì truyền thống, đánh giá được dựa trên khả năng thực hiện hành vi đã được xác định trước.

(8) Giảng dạy lấy từng cá nhân người học làm trung tâm. Trong nội dung, trình độ, và tốc độ, đích được xác định là nhu cầu cá nhân; việc học tập trước đó và thành tích được đưa vào tính toán trong việc phát triển chương trình giảng dạy. Giảng dạy không dựa trên thời gian. Giảng dạy tập trung vào việc giúp người học tiến bộ ở trình độ riêng của họ và tập trung vào những khu vực mà họ thiếu năng lực.

Giảng dạy theo các tiếp cận giao tiếp

Có tám nguyên tắc cơ bản trong cách tiếp cận giao tiếp. Đó là:

1. Giảng dạy ngôn ngữ được dựa trên quan điểm xem ngôn ngữ như một công cụ giao tiếp. Có nghĩa là, ngôn ngữ được xem như một công cụ xã hội mà những người nói sử dụng nó để tạo ra ý nghĩa trong giao tiếp về một điều gì đó với ai đó cho một mục đích nào đó, hoặc bằng miệng hoặc bằng văn bản.
2. Tính đa dạng được công nhận và được chấp nhận như là một phần của sự phát triển, người học vừa có thể sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ vừa sử dụng ngôn ngữ thứ hai....
3. Năng lực của một người học được xem là tương đối, không tuyệt đối....
4. Hơn một biến thể ngôn ngữ được công nhận là mô hình khả thi cho việc học tập và giảng dạy.
5. Văn hóa được công nhận là một công cụ trong việc định hình năng lực giao tiếp của người nói, trong cả ngôn ngữ thứ nhất và những ngôn ngữ sau đó của họ.
6. Không có phương pháp giảng dạy duy nhất, hoặc một bộ các kỹ thuật được thiết lập cố định mang tính quy định.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

7. Việc sử dụng ngôn ngữ được công nhận như là công cụ phục vụ cho việc hình thành tư tưởng, cho các cá nhân, các chức năng văn bản và có liên quan đến sự phát triển năng lực của từng người học.
8. Điều cần thiết là học viên phải được tham gia vào việc gì đó có liên quan tới ngôn ngữ, có nghĩa là, họ sử dụng ngôn ngữ cho nhiều mục đích khác nhau trong tất cả các giai đoạn của việc học tập.

Người ta đã công nhận một cách rộng rãi rằng kỳ vọng và thái độ của người học đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc cản trở sự thay đổi chương trình giảng dạy. Để đo lường thái độ của người học, người ta thường căn cứ trên năm yếu tố:

- (1) khó khăn trong việc học ngôn ngữ,
- (2) năng lực ngoại ngữ,
- (3) bản chất của việc học ngôn ngữ,
- (4) chiến lược học tập và giao tiếp, và
- (5) động lực và sự kỳ vọng.

Thực tế cho thấy lớp học mà học viên trái với kỳ vọng về việc học tập có thể dẫn đến thất vọng và cuối cùng là ảnh hưởng đến học tập. Đồng thời, việc thực hành trong lớp có tiềm năng làm thay đổi niềm tin của người học.

3.3. Các yếu tố cần thiết đối với phương pháp giảng dạy tiếng Việt

Những điều trình bày dưới đây là cần thiết đối với phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài nói chung, với người dạy và người biên soạn học liệu nói riêng.

- Người dạy ít độc thoại trong lớp mà đặt người học vào những tình huống giao tiếp, tạo điều kiện cho họ nói, đọc, viết hay nghe, thì việc dạy - học ngôn ngữ sẽ có hiệu quả.

- Ở giai đoạn đầu, tạo điều kiện cho người học quan sát, nghe và nói. Khi học viên đã phát triển đến mức độ nhất định, có nền tảng đáng kể trong việc sử dụng tiếng Việt nói, thì khuyến khích họ thể hiện ý tưởng bằng văn bản.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Ở bậc học cao hơn, cần nhấn mạnh đến việc đọc và viết. Tuy nhiên, dạy ngôn ngữ tổng hợp là rất quan trọng. Nếu trọng tâm của một bài học là đọc hay viết, thì các kỹ năng nói, nghe cũng không nên bỏ qua.

- Các hoạt động dạy, học, luyện tập nên được đưa ra sao cho người học có cơ hội để làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp và theo nhóm.

- Nên khuyến khích việc sửa chữa bài đồng cấp.

- Người dạy không nên quan trọng hóa lỗi và sai sót của người học mà nên coi đó cũng là một cơ hội để học tập. Nên tạo điều kiện cho học viên giao tiếp, học hỏi thông qua các hoạt động, các nhiệm vụ thú vị, có tính kích thích trí tuệ.

- Người dạy nên dành đủ thời lượng cho mỗi một đơn vị học tập, nhất là những đơn vị cốt lõi trong chương trình giảng dạy. Sau đó, người dạy cung cấp thêm các ngữ liệu phù hợp với mục đích và thời lượng để tăng cường năng lực của người học (Ví dụ, nếu người dạy thấy bài đọc trong sách giáo khoa thiếu các hoạt động có liên quan, thì tổ chức các hoạt động khác như thảo luận, đặt câu hỏi, đọc ... để nâng cao vốn từ vựng, phát triển chủ đề, các điểm chính của bài đọc và/ hoặc thực hành ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình).

- Kế hoạch giảng dạy mỗi tuần cần đảm bảo các yếu tố: *Kỹ năng ngôn ngữ, tài liệu văn bản, chủ đề được lấy làm cơ sở để giảng dạy và học tập; Các hoạt động và phương pháp được sử dụng; Ngữ liệu bổ sung của người dạy; Câu hỏi hoặc các đề bài kiểm tra để đánh giá sự tiến bộ của người học theo chương trình đào tạo.*

3.4. Giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ

Các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết được giảng dạy riêng biệt hoặc được tích hợp tùy theo nhu cầu và mục đích học tập trong từng trường hợp cụ thể. Mặc dù được dạy thông qua các tiêu kỹ năng, các phương pháp cụ thể nhưng những kỹ năng này là những hoạt động tổng hợp ... Tất cả mọi hình thức giao tiếp đều có vai trò là phương tiện để học ngôn ngữ, để khám phá những ý tưởng về cuộc sống và con người.

3.4.1. Phát triển kỹ năng nghe - nói

Phát triển kỹ năng nghe - nói của người học là rất quan trọng. Về hiệu quả của giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong cách nói năng, ứng đáp, người dạy nên chú ý vào việc sử dụng ngôn ngữ thích hợp có hiệu quả khi tổ chức và phát triển ý tưởng cho người nghe, trong bối cảnh giao tiếp và ở thời điểm cụ thể. Cần dạy nghe - nói ngay từ đầu ở những bậc học

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

thấp. Dù nói đơn giản, hay là kể một câu chuyện, trình bày một bài phát biểu, một báo cáo thuyết trình ... tất cả đều là những cách tốt để phát triển kỹ năng nghe và nói.

Chiến lược phát triển năng lực nghe- nói

Giao tiếp lớn hơn những gì chỉ đơn thuần là trao đổi từ ngữ giữa các bên mà nó là một "sự đương đầu mang tính xã hội"¹³ và thông qua trao đổi ý nghĩa trong quá trình giao tiếp, thực tế xã hội "được tạo ra, duy trì và sửa đổi". Cũng tương tự như vậy, về lý thuyết hành vi mà ở đó, ngôn ngữ và quá trình giao tiếp là một "công cụ của hành động"¹⁴. Lý thuyết hành động lời nói, quan tâm đến hiệu quả giao tiếp, có nghĩa là, các chức năng và hiệu quả của phát ngôn, bóc tách một phát ngôn thành ba hợp phần: phát ngôn thực tế (lời nói); hành động được thực hiện ngoài lời nói; hiệu quả mà hành động tác động vào người nghe. Một số tác giả¹⁵ xác định rõ hơn hành vi lời nói như hướng dẫn, mệnh lệnh, yêu cầu, v.v...

Giao tiếp là một quá trình tương tác năng động có liên quan đến việc truyền tải có hiệu quả các sự kiện, các ý tưởng, suy nghĩ, cảm xúc và các giá trị. Giao tiếp không thể thụ động. Người ta tích cực và có ý thức tham gia vào các cuộc thoại để phát triển thông tin và có sự hiểu biết cần thiết để hoạt động có hiệu quả. Nó năng động bởi vì nó liên quan đến một loạt các biến đổi của các loại ảnh hưởng và các hoạt động tương tác theo thời gian. Quá trình trao đổi ngôn từ cho thấy rằng giao tiếp tồn tại như một dòng chảy thông qua một chuỗi hoặc một loạt các bước. Các quá trình ngôn ngữ cũng thay đổi liên tục. Các mối quan hệ của con người tham gia trong giao tiếp liên tục phát triển.

Giao tiếp là trao đổi về ý nghĩa và sự hiểu biết. Ý nghĩa là trung tâm của giao tiếp. Giao tiếp mang tính biểu trưng vì nó liên quan không chỉ đến lời nói, mà còn liên quan đến ký hiệu và cử chỉ đi kèm với lời nói vì hành vi mang tính biểu tượng không bị giới hạn bởi giao tiếp bằng lời nói. Giao tiếp là một quá trình tương tác.

Hai người tham gia vào quá trình giao tiếp là người truyền (S) và người nhận (R). Cả hai người giao tiếp đều có ảnh hưởng đối ứng vào nhau thông qua kích thích và phản ứng. Ở cấp độ cơ bản nhất của nó, giao tiếp bằng miệng là sự tương tác lời nói giữa hai người hoặc hơn hai người. Giao tiếp bằng miệng bao gồm nhiều yếu tố, khi được dùng như một chỉnh thể, nó có thể dẫn đến thành công hoặc thất bại của sự tương tác. Không phải tất cả mọi người đều giao tiếp có hiệu quả như nhau. Để

13 Halliday (1978: 169). 1978. "An interpretation of the functional relationship between language and social structure", from Uta Quastoff (ed.), Sprachstruktur – Sozialstruktur: Zure Linguistischen Theorienbildung, 3–42. Reprinted in Volume 10 of Halliday's Collected Works. 2007. Edited by Jonathan Webster. London and New York: Continuum.

¹⁴ Austin J. L. (1962) *How to Do Things with Words*. Boston: Harvard University Press

¹⁵ Searle (1969) Searle J. (1969) *Speech Act Theory*. An Essay in the Philosophy of Language Cambridge: CUP

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

hoạt động giao tiếp thành công, người ta cần phải học kỹ năng giao tiếp bằng miệng có hiệu quả. Đối với nhiều người, lời nói hội thoại đến một cách tự nhiên. Trong lời nói mang tính nghi thức, kỹ năng giao tiếp hiệu quả là rất cần thiết. Một cuộc phỏng vấn, một buổi thuyết trình, hoặc một lập luận kém có thể gây ảnh hưởng đến nhiều người hơn là người nói. Bằng cách trở thành một người giao tiếp có hiệu quả, người ta sẽ có thể thể hiện mình trước một loạt các cá nhân khác.

Kỹ năng giao tiếp bằng miệng là kỹ năng hùng biện có thể đào tạo được. Nó đòi hỏi người nói trả lời hai câu hỏi nói cái gì và nói như thế nào. Những gì nên học là, làm thế nào để có thể thấy được những yếu kém của mình trong cách trình bày của chính mình như một diễn giả trong tất cả các trường hợp; sau đó là làm thế nào để có thể nói năng trong những môi trường nói năng đa dạng.

Giao tiếp bằng miệng có thể có nhiều hình thức khác nhau, từ những cuộc trò chuyện phi nghi thức xảy ra tự phát, (trong những trường hợp này, nội dung không thể lên kế hoạch trước được) đến việc tham gia các cuộc hội họp, xảy ra trong một môi trường có tổ chức, thường là có một chương trình nghị sự.

Là một người nói, người ta cần biết một số yếu tố giao tiếp bằng miệng. Trong các yếu tố đó, cần phải nhận thức để tìm hiểu làm thế nào để sử dụng các yếu tố đó tạo ra lợi thế cho mình. Ngoài ngôn ngữ được sử dụng để giao tiếp, còn có những yếu tố khác mà người nói nên học để giao tiếp có hiệu quả. Những kỹ năng giao tiếp đó là cách tiếp xúc bằng mắt, cách dùng ngôn ngữ cơ thể, phong cách giao tiếp, sự am hiểu về các khán giả, sự thích ứng với khán giả, tính năng động, phản xạ nhanh, tính lịch sự, tính chính xác, tính ngắn gọn, ... Trong giảng dạy ngôn ngữ, người ta thường cho rằng các học viên đã biết những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ.

3.4.2. Phát triển kỹ năng đọc

Đọc là quá trình cần phải được kết nối với những kinh nghiệm của quá trình nói và nghe. Hướng dẫn đọc phải xem xét đến các nhu cầu chung của người học cũng như khả năng và ý muốn cá nhân của họ. Cần tập trung vào khả năng hiểu, giải thích và ngữ cảnh trong văn bản; vì đó là những điều không tách rời nhau. Nên hỗ trợ cho việc đọc văn bản bằng lời giới thiệu, chú thích, đồ thị, hình ảnh, mục lục, phụ lục

Đọc và luyện đọc được thực hiện theo những cách khác nhau bởi vì mục đích đọc không giống nhau. (Ví dụ, người ta có thể đọc một cuốn sách hướng dẫn, một truyện hài hước, một văn bản khoa học... theo nhiều cách khác nhau và đọc vì những mục đích khác nhau).

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Đọc to (thành lời) để phát triển năng lực phát âm, sử dụng ngữ điệu, khác với đọc (chỉ mắt nhìn) để hiểu một văn bản - thường gọi là đọc thầm. Việc đọc thầm cần được người dạy hướng dẫn và có giới hạn thời gian. Người dạy phải xây dựng mô hình/văn bản đọc thích hợp, rõ ràng và có ý nghĩa; có hướng dẫn đọc và quy định thời gian đọc. Hoạt động và các câu hỏi mở trong quá trình hướng dẫn đọc sẽ khuyến khích người học có phản hồi đa dạng, có tư duy phê phán và sáng tạo.

Việc can thiệp và hỗ trợ tốt của người dạy làm cho người học cảm thấy họ được giúp đỡ, là rất quan trọng. Trách nhiệm của người dạy là khuyến khích người học trải nghiệm những niềm vui, nỗi buồn và sự hài lòng... qua các truyện ngắn, tiểu thuyết (văn học), khuyến khích và tạo ra cách để mở rộng sự quan tâm của người học. Ngôn ngữ tự nhiên của một cuốn sách sẽ cung cấp việc sử dụng các mẫu câu và vốn từ vựng, giúp phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

Người dạy và người biên soạn học liệu có thể tổ chức bài dạy đọc hiểu trong đó có dùng các loại câu hỏi khác nhau liên quan đến những hiểu biết từ ngữ, cấu trúc văn bản, nội dung tiềm ẩn và thẩm định giá trị, so sánh, đánh giá.

Chiến lược đọc

Để giúp học viên đạt được các tiêu chuẩn trong khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài và vượt qua được những rào cản của văn bản để hiểu sâu về nó thì giảng viên cần giảng dạy những chiến lược chủ yếu sau đây cho họ.

(1) Chiến lược tạo kết nối

Đọc không phải là một hoạt động thụ động mà là một hoạt động yêu cầu người đọc phải (1) tự nối kết văn bản với kinh nghiệm và kiến thức cá nhân; (2) kết nối văn bản đang đọc với các văn bản đọc khác, và (3) kết nối văn bản đang đọc với thế giới xung quanh. Học viên sẽ tích cực hơn trong việc đọc nếu họ trở thành người chủ động trong quá trình này.

(2) Chiến lược sử dụng bảng biểu

Chiến lược này giúp người đọc thể hiện được các mối quan hệ các ý tưởng bằng sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh, ... Việc trình bày bằng đồ họa giúp người đọc tổ chức các ý tưởng của họ và hiểu được nội dung học tập cần thiết ở một mức độ sâu sắc hơn. Việc hướng dẫn người học sử dụng có hệ thống các biểu đồ trực quan để tổ chức các ý tưởng làm cho người đọc nhớ lại những gì họ đã đọc và cải thiện được sự hiểu biết và thành tích về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên của họ.

Học viên cần có khả năng đọc hiểu sơ đồ trong văn bản và cũng cần có khả năng trình bày bằng sơ đồ những nội dung mà họ muốn trình bày. Đây là một yêu cầu để họ có thể hiểu rõ hơn về văn bản.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

(3) Chiến lược tự đặt câu hỏi: Tự đặt câu hỏi là một chiến lược đọc hiểu quan trọng, vì vậy, nó sẽ có ích cho giảng viên giúp học viên áp dụng vào việc đọc bất kỳ văn bản nào. Mục tiêu của người dạy là giúp cho người học tạo ra những câu hỏi giúp họ tư duy về nội dung văn bản bằng cách nâng cao sự hiểu biết và sự ghi nhớ của họ. Tuy nhiên, giảng dạy và làm dàn bài bằng cách tự đặt câu hỏi liên quan đến việc phân tích cả văn bản và câu trả lời của sinh viên. Yêu cầu này là một thách thức đối với giảng viên trong việc tạo ra một chỉ dẫn mang tính tự nhiên, đặc biệt là, cho người học nước ngoài.

Đọc là một kỹ năng cơ bản. Giảng dạy các chiến lược đọc hiểu có hiệu quả có thể giúp cho học viên hiểu văn bản tốt hơn. Tự đặt câu hỏi là một chiến lược hiệu quả nhất để giảng dạy, dựa trên tiêu chí hiệu lực tăng cường khả năng hiểu. Những câu hỏi hay giúp cho người đọc suy luận và hiểu ý nghĩa của văn bản.

(4) Chiến lược tìm cấu trúc văn bản: Văn bản thường bao gồm các bộ phận của nó. Những văn bản miêu tả sự kiện hay những câu chuyện thường bao gồm khung cảnh, các sự kiện bắt đầu, các phản ứng, mục tiêu, nỗ lực hành động, và kết quả. Bởi vì tất cả những vấn đề/ sự kiện/ câu chuyện đều có thể được phân tích thành những yếu tố, nên người đọc có thể hiểu được những vấn đề/ sự kiện/câu chuyện tốt hơn với các kiến thức về các yếu tố này. Sử dụng cấu trúc sự kiện/ vấn đề/ câu chuyện sẽ giúp người đọc phát triển một sự hiểu biết sâu sắc hơn bằng việc trả lời các câu hỏi *của ai, cái gì, tại sao, khi nào và như thế nào*. Nó cũng giúp người đọc ghi nhớ sự kiện/vấn đề/ câu chuyện một cách chặt chẽ hơn. Giảng viên có thể dạy cấu trúc sự kiện/ vấn đề/ câu chuyện thông qua việc sử dụng các câu hỏi và đồ họa.

(5) Chiến lược tóm tắt: Tóm tắt là tuyên bố ngắn gọn có chứa các ý tưởng thiết yếu của một thông điệp dài... Tóm tắt buộc người đọc tập trung vào các thông tin quan trọng nhất của văn bản và không đi vào các chi tiết. Nó buộc người đọc xử lý văn bản bằng cách bỏ qua các thông tin không liên quan. Giảng viên nên bắt đầu bằng cách dạy học viên xác định một câu chủ đề, bỏ qua thông tin không liên quan, và tìm những ý tưởng chính trong đoạn văn như thế nào. Sau đó, học viên có thể chuyển sang tìm kiếm những ý tưởng chính trong một văn bản nhiều đoạn. Việc hướng dẫn trong tóm tắt nhằm cải thiện chất lượng của bản tóm tắt và cải thiện trí nhớ về những gì đã đọc.

Tóm tắt mục đích và các điểm chính của tác giả: Việc tóm tắt giúp cho học viên nắm được nội dung và cấu trúc của văn bản để giúp cho họ hiểu ý nghĩa của văn bản một cách đầy đủ. Mục đích của học viên trong phần tóm lược một văn bản là xác định mục đích và những luận điểm chính của tác giả.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

(6) *Chiến lược trả lời các câu hỏi:* Học viên thường được yêu cầu trả lời câu hỏi ở cuối hoặc trong quá trình đọc một đoạn văn bản. Khi ít hoặc không có hướng dẫn được cung cấp, học viên có thể gặp khó khăn khi trả lời các câu hỏi. Hướng dẫn chiến lược, bao gồm việc hướng dẫn cho học viên trả lời các câu hỏi như thế nào và, có thể giúp đỡ họ tìm câu trả lời trong văn bản. Ngoài ra, việc yêu cầu hỏi các câu hỏi trước khi đọc và làm mẫu cho học viên cách tìm câu trả lời trong khi họ đang đọc sẽ giúp nâng cao hiểu biết và thu lượm thông tin của sinh viên. Giảng dạy chiến lược này cũng giúp học viên hiểu rằng không phải tất cả các câu trả lời đúng đều nằm trong các văn bản và rằng họ có nhiệm vụ sử dụng kiến thức của mình hoặc nguồn văn bản khác để tìm câu trả lời hoàn chỉnh. Vì việc trả lời câu hỏi là một cách đánh giá thực tế phổ biến, nên việc dành thời gian để dạy cho học viên cách trả lời câu hỏi một cách chính xác là rất quan trọng.

Trên cơ sở quan sát và thực tế giảng dạy, có thể thấy rằng một số đặc trưng phổ biến cho sự thành công trong việc giảng dạy các chiến lược đọc hiểu gồm:

- Thảo luận ban đầu giúp học viên ý thức hơn về quá trình nhận thức của họ và giúp họ tìm hiểu về chiến lược mà họ có thể sử dụng để nâng cao hiểu biết của mình qua những gì họ đang đọc. Các cuộc thảo luận như vậy giúp tạo lập mục đích của hoạt động mà học viên sẽ thực hiện để nâng cấp hiểu biết của mình.

- Giảng viên hướng dẫn các chiến lược cụ thể đang được học một cách rõ ràng, với cách trình bày khúc triết, rành mạch để chứng minh chiến lược được sử dụng trong lúc đọc. Hướng dẫn này bao gồm một cuộc thảo luận về lý do tại sao chiến lược này là hữu ích, làm thế nào để sử dụng chiến lược đó, và sử dụng nó khi nào là thích hợp. Việc mô hình hóa của giảng viên trong sử dụng chiến lược là điều cần thiết.

- Mở rộng cơ hội cho học viên thực hành sử dụng các chiến lược trong hoạt động đọc có ý nghĩa quan trọng. Đôi khi, những cuộc thực hành này được tổ chức thành các hoạt động trong nhóm nhỏ nhằm khuyến khích học viên thảo luận cả ý nghĩa của văn bản và cách làm thế nào để sử dụng chiến lược giúp họ hiểu. Đôi khi, hai nội dung này có thể được thực hiện trong các cuộc thảo luận của cả lớp. Mục đích của hướng dẫn và các cuộc thực hành này là để từng bước chuyển giao trách nhiệm lựa chọn và sử dụng chiến lược từ giảng viên sang học viên.

3.4.3. Phát triển kỹ năng viết

Khả năng viết chủ yếu có được là do thực hành và viết thường xuyên. Viết là một quá trình phức tạp đan xen với suy nghĩ. Nó cho phép người viết khám phá những suy nghĩ và ý tưởng, hình dung và cụ thể hóa những ý tưởng. Mục đích cuối

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

cùng của việc dạy viết là làm sao cho học viên có thể viết tiếng Việt một cách độc lập. Tuy nhiên, dạy viết không chỉ quan tâm đến văn bản được viết ra, mà đó còn là quá trình mà người học và người dạy hợp tác với nhau giúp tăng cường năng lực viết cho học viên.

Học viên có khả năng viết những câu chuyện và các văn bản tự truyện theo những mô hình văn bản mà họ đã tìm hiểu (nghe hoặc đọc). Các mô hình đó không phải là mẫu có sẵn để họ bắt chước một cách máy móc, mà chỉ là những ví dụ để từ đó người học rút ra được bản chất, cấu trúc và nội dung của câu chuyện, được cung cấp và thảo luận trong một khoảng thời gian nhất định, để hiểu và sử dụng.

Người học cần dần dần tự đọc, tự thực hành chỉnh sửa văn bản của mình. Ban đầu, việc này cần được cộng tác, giúp đỡ của giáo viên. Tiếp theo, một cặp người học có thể giúp đỡ lẫn nhau. Để chỉ ra sai sót cho người học, người dạy nên giới thiệu một tập hợp các quy ước mà tất cả mọi người phải tuân theo. Người biên soạn học liệu có thể đưa ra danh sách những thứ cần kiểm tra, dưới dạng như một phụ lục, để giới thiệu các quy ước chung đã được công nhận.

Chiến lược giảng dạy và học tập viết

Trong cả hướng dẫn viết chung và hướng dẫn viết học thuật cần chú ý đến qui trình viết cho người học.

Viết là một quá trình phối hợp các thao tác tư duy phức tạp theo một trật tự logic và tinh tế. Các bước này sẽ giúp tối đa hoá những nỗ lực của người học và hạn chế sự lúng túng trong biểu đạt. Một trong những nhiệm vụ toàn diện và tinh vi nhất là việc viết bài luận bằng văn bản. Những điều dưới đây sẽ cung cấp một số hướng dẫn và cách làm thế nào để viết một bài luận. Tuy nhiên, các bước này chỉ nêu ra những ứng dụng chung nhất cho đa số những nhiệm vụ mà người viết sẽ phải thực hiện:

(1) *Suy nghĩ về chủ đề*: Người viết phải giải thích chủ đề một cách chính xác là điều cần thiết. Điều này có thể đạt được bằng cách động não để tạo ra các ý tưởng chung, và sau đó xây dựng một quan điểm, dù nó chỉ là điều rất thô mộc và đơn giản. Một số người đã nhận thấy rằng việc đọc xung quanh chủ đề được phân công; tìm kiếm một số từ khóa trong các tài liệu học tập và sách giáo khoa hoặc lướt qua các bài viết có liên quan trong tài liệu hướng dẫn nghiên cứu, là rất hữu ích trong việc tự làm quen với các vấn đề.

(2) *Nghiên cứu chủ đề*: Người viết nên bắt đầu nghiên cứu của mình bằng cách đọc hướng dẫn của giảng viên, sách, báo văn bản và bài giảng (nếu bài giảng có sẵn). Sau đó, tìm trong thư viện, hoặc truy cập vào các trang mạng, để xem có tài liệu có liên quan hay không; nếu có tài liệu hữu ích, thì xem các thông tin liên quan đến chủ đề. Tuy nhiên, để làm tốt nhiệm vụ được giao, ngoài các tài liệu học tập của người viết, không phải tài liệu tham khảo nào cũng luôn luôn cần thiết. Đối với

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

một bài luận nhỏ chỉ cần 3-5 tài liệu tham khảo có thể là đủ để làm tốt nhiệm vụ được giao, miễn là người viết giải thích được những ý tưởng một cách kỹ lưỡng và gắn kết chúng một cách hiệu quả với chủ đề bài luận. Đôi khi, các giảng viên có thể chỉ định số lượng tối thiểu các tài liệu dự kiến tham khảo trong các hướng dẫn nhiệm vụ được giao cho người học. Ngoài ra, người viết sẽ phải chú ý vào những gì mình viết, chứ không phải tất cả những gì người viết đã đọc. Vì vậy, hãy thử xem tất cả những gì mà mình đã đọc và những nội dung đó có xứng đáng được tóm tắt trên giấy hay không. Đơn giản chỉ cần viết một cái gì đó theo cách của người viết sẽ giúp cho họ có sự hiểu biết về chủ đề này.

(3) *Hoạch định kế hoạch viết bài luận*: Khi đã có những ghi chép và tóm tắt về chủ đề bài luận, người viết phải có đủ điều kiện để quyết định kiểu vấn đề và lập luận mà mình sẽ tiến hành hoặc cách lập luận trong bài luận của mình. Với lập luận đã được suy nghĩ, người viết viết ra các luận điểm chính, cung cấp hay đưa vào bài luận. Cần đảm bảo rằng các luận điểm chính đang có này được viết trong các câu hoàn chỉnh, và sắp xếp chúng theo một thứ tự tốt nhất hỗ trợ cho quan điểm của mình. Những câu này có chức năng tạo thành một dàn bài cho bài tiểu luận. Mỗi câu đại diện cho một đoạn trong bài luận của người viết.

(4) *Viết bài luận*: Người dạy cần cho người học biết rằng viết thường không dễ dàng. Cần kiên nhẫn và bắt đầu viết các ý tưởng của mình ra giấy. Sau khi viết bản nháp thô đầu tiên, người viết có thể phải tinh luyện lại bản viết của mình. Nếu người viết đã có tóm tắt và ghi chép thì quá trình viết bài luận có thể sẽ dễ dàng hơn. Tuy nhiên, nếu gặp khó khăn, thì hãy thử viết một số đề mục có liên quan đến chủ đề bài luận, bằng cách đó, người viết tóm tắt lại những điểm chính mà mình muốn tạo ra; hoặc, viết ra những từ có liên quan đến chủ đề. Với mỗi nhóm thông tin này, nên bắt đầu tóm tắt thông tin từ một cuốn sách hoặc văn bản gợi ý nghiên cứu. Khi cố gắng kiểm soát bài luận của mình, người viết nên xem xét lại cấu trúc trước đây của mình xem nó còn phù hợp không, dù có thể mất nhiều thời gian. Sự không đầy đủ và chắc chắn lúc ban đầu là hoàn toàn chấp nhận được và đó là một điều hoàn toàn bình thường. Một khi người viết đã quen hơn với các vấn đề, thì họ sẽ trở nên dễ dàng vạch ra những ý tưởng chính của chủ đề, các phần và thậm chí trật tự sắp xếp của chúng. Những điều mà người viết cho là quan trọng thì ghi lại thông tin này theo cách riêng của mình.

(5) *Sửa bài luận*: Người dạy cũng cần khuyến khích người học xem qua bài luận để đảm bảo chắc chắn rằng người viết đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra của bài tiểu luận. Họ có thể phải điều chỉnh một số lần bài luận của mình, trước khi nó đáp ứng được những vấn đề đặt ra một cách có hiệu quả. Người viết cố gắng tách mình ra khỏi văn bản ít nhất 24 giờ kể từ thời gian kết thúc bản thảo lần thứ nhất đến thời gian điều chỉnh lại bản nháp này. Điều này sẽ cho phép người viết có thời gian tự tách mình ra khỏi chủ đề để có được một cách nhìn mang tính phê phán. Cũng thực sự hữu ích, nếu người viết nhờ

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

người khác độc lập đánh giá. Người này phải là người không cùng tham gia khóa học, đọc, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của bài tập. Nếu có đoạn nào đó mà họ không hiểu, thì cần phải đánh dấu lại. Cần lưu ý đến bất cứ điều gì người ngoài không hiểu, bởi vì nó có thể gợi ý cho người viết cần phải làm rõ và giải thích chi tiết hơn nữa.

(6) *Chỉnh sửa lỗi kỹ thuật cho bài luận*: Bước cuối cùng người dạy cần đòi hỏi người viết nên kiểm tra lỗi (dấu chấm câu, chính tả, ngữ pháp), cấu trúc câu, thuật ngữ, tiếng lóng. Người học cần phải trả lời các câu hỏi: Cách trình bày đã tốt chưa? Nó đã được hoàn thiện chưa? Tài liệu tham khảo có chính xác không?

3.5. Phương pháp luyện tập

a) Luyện tập qua/ bằng *thảo luận*: Sự tương tác nhóm giúp người học phát triển kỹ năng nghe và nói thông qua sự đa dạng của các quan điểm và việc xem xét các giả thuyết khác nhau theo những quan điểm khác nhau. Thảo luận cũng có ích để phát triển kỹ năng đọc và viết: tăng cường việc hiểu các ý tưởng phức tạp trong khi đọc văn bản và tạo ra ý tưởng để viết những bài có tính tranh luận.

b) Luyện tập qua/ bằng *đóng vai*: Với phương pháp này, học viên sẽ học qua quan sát và hành động. Phương pháp này giúp phát triển kỹ năng ngôn ngữ và ngôn ngữ xã hội thông qua việc giải quyết vấn đề và giao tiếp. Đóng vai có thể được sử dụng hiệu quả sau khi đọc. Đó là lúc xây dựng ý tưởng vừa thu được từ việc đọc văn bản và thực hành viết hội thoại để thảo luận, phản biện.

c) Luyện tập qua/ bằng *hỏi - đáp / nghiên cứu*: Quá trình đặt câu hỏi, thu thập thông tin về cấu trúc và cách sử dụng ngôn ngữ, phân tích văn bản và rút ra kết luận về mục đích của tác giả ... có tác dụng khuyến khích người học tích cực tham gia vào các văn bản và thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

d) Hợp tác học tập: Người học tập hợp lại với nhau theo từng nhóm nhỏ để học tập ngôn ngữ của nhau sẽ thu được nhiều kết quả hơn thông qua sự tương tác giữa họ với nhau. Việc này giúp cho họ sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên trong môi trường "tự nhiên". Việc luyện đọc và viết văn bản cũng có thể hợp tác với nhau như vậy.

e) Luyện tập qua/ bằng *tham gia các dự án*: Trong công việc của một dự án, viết một luận văn ..., người học cũng phát triển cả bốn kỹ năng ngôn ngữ, mặc dù họ học tập một cách độc lập với giáo viên. Phương pháp này cũng cho phép người học sáng tạo và phát triển các kỹ năng nghiên cứu.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

f) Luyện tập qua/ bằng *trình bày*: Trình bày bằng hình thức nói trong các nhóm về những nhiệm vụ và công việc của cá nhân, của các dự án ... sẽ chuyển từ giao tiếp với người hướng dẫn, người dạy sang giao tiếp, trao đổi với các bạn cùng học trong bài thuyết trình trên lớp học. Điều này giúp tăng cường sự tự tin và nâng cao kỹ năng nghe, nói cho họ.

3.6. Bổ sung tài liệu

Cùng với các tài liệu in ấn (ví dụ sách giáo khoa và sách hướng dẫn giáo viên), người dạy nên khuyến khích người học sử dụng các tài liệu và phương tiện học tập như:

1. Các loại từ điển, bách khoa thư, sách, báo, tạp chí,...
2. Học liệu nghe nhìn, như đài phát thanh, truyền hình và băng đĩa ghi âm.
3. Các tài liệu trực quan như: thẻ từ, bản vẽ, bản đồ, biểu đồ, áp phích, máy chiếu, tivi, máy tính (nghe nhìn) ...

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

PHẦN IV: KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ

4.1. Những nguyên tắc và yêu cầu chung về kiểm tra đánh giá

4.1.1. Đảm bảo tính hiệu lực của bài thi và kỳ thi

Một bài thi hay một kỳ thi đánh giá được chính xác điều người ta định đánh giá thì được coi là có hiệu lực. Hiệu lực thông thường được hiểu là tác dụng thực tế, đúng theo yêu cầu. Một bài thi/ kỳ thi cần có hiệu lực. Chứng cứ về hiệu lực có thể tồn tại ở hai dạng biểu hiện khác nhau: **Hiệu lực về nội dung** và **hiệu lực trong chấm điểm**.

4.1.1.1. Hiệu lực về nội dung

Hiệu lực nội dung là dạng biểu hiện đầu tiên của hiệu lực liên quan tới nội dung của đề thi. Một đề thi được coi là có hiệu lực, nếu nội dung của nó bao gồm các mẫu đại diện cho các kỹ năng thực hành tiếng, các cấu trúc, v.v... với những mục đích cụ thể được quan tâm. Ví dụ, một đề thi ngữ pháp phải được tạo thành từ các câu hỏi thi, mục thi có liên quan tới kiến thức hoặc cách sử dụng ngữ pháp. Đề thi chỉ có hiệu lực nội dung khi nó bao gồm các mô hình cấu trúc thích hợp với chương trình đào tạo. Dĩ nhiên, cấu trúc nào là thích hợp còn tùy thuộc vào mục đích của đề thi/ kỳ thi. Người ta không mong chờ một đề thi đánh giá kết quả cho những học sinh ở trình độ trung bình lại có cùng nội dung với một đề thi cho học sinh xuất sắc. Để đánh giá liệu một đề thi có hiệu lực hay không, ta cần chú ý đến các kỹ năng và cấu trúc, những nội dung này sẽ được bao hàm trong đề thi. Không nhất thiết mọi chi tiết về nội dung có mặt trong một đề thi. Nếu tất cả nội dung cùng xuất hiện trong cùng một đề thi thì đề thi đó sẽ có quá nhiều vấn đề. Nhưng nội dung chi tiết sẽ mang lại cho người soạn đề cơ sở để *lựa chọn* các thành phần cấu thành đề thi. Vì vậy, việc đánh giá năng lực của người học cần được những người đã quen với việc giảng dạy thực hiện chứ không phải những người không liên quan trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

Hiệu lực nội dung có vai trò quan trọng. Trước hết, hiệu lực nội dung của đề thi càng cao, thì càng có khả năng đánh giá chính xác điều định đánh giá. Một đề thi mà trong đó các lĩnh vực nội dung chính được trình bày kém hay không hề được

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

nhắc đến – thì đó là một đề thi không tốt, không chính xác. Thứ hai, một đề thi như thế có thể sẽ có ảnh hưởng xấu tới học tập. Các nội dung không được kiểm tra rất có thể sẽ bị bỏ qua trong quá trình dạy và học. Trong thực tế hiện nay, thường xảy ra một hiện tượng là, nội dung đề thi được quyết định bởi nội dung đó dễ hay khó để ra đề thi hơn là nội dung đó có quan trọng hay không. Chính vì vậy, cách tốt nhất để tránh điều này là viết ra đầy đủ những nội dung chi tiết cần thi và đảm bảo rằng nội dung đề thi đã phản ánh khá đầy đủ nội dung chi tiết của chương trình. Hiệu lực nội dung cần được thực thi, tính toán tới trong khi soạn đề thi; không nên đợi cho đến khi đề thi được sử dụng mới tính đến.

4.1.1.2. Hiệu lực trong chấm điểm

Cần khẳng định rằng, nếu một đề thi có hiệu lực thì hiệu lực không chỉ thể hiện ở những câu hỏi của đề thi mà cả ở cách chấm điểm. Các câu trả lời của bài thi phải có giá trị của nó. Sẽ là vô ích nếu có những câu hỏi được trả lời một cách xuất sắc mà lại bị chấm một cách không chính xác. Một đề thi đọc có thể được thực hiện bằng những câu trả lời ngắn ở dạng viết. Nếu việc chấm điểm những câu hỏi này mà lại tính cả lỗi chính tả và ngữ pháp, thì khi đó, bài thi không có hiệu lực (giả định đề thi đọc chỉ nhằm đánh giá năng lực đọc). Trong trường hợp đó, việc đánh giá một kỹ năng đang quan tâm bị mất đi tính chính xác. Trong thực tiễn có những lỗi ngữ pháp và chính tả trong một bài thi đọc mà người soạn đề không định đánh giá. Tương tự, nếu ta muốn đánh giá khả năng viết, mà chỉ suy ra khả năng viết trong một kiểu giá trị như chỉ nhấn mạnh vào các đặc điểm có tính kỹ thuật như chính tả và chấm câu thì có thể làm mất đi hiệu lực của việc tính điểm các bài thi viết.

4.1.1.3. Tạo hiệu lực cho đề thi

Nếu việc soạn đề thi có ý nghĩa lớn, có ảnh hưởng quan trọng tới cuộc sống của những người tham gia dự thi, thì một nghĩa vụ mang tính bắt buộc là phải thực hiện thử nghiệm hiệu lực trước khi cho thực hiện đề thi. Hiệu lực tối đa là khó có thể đạt được, vì vậy, cần thực hiện những gợi ý sau đây:

Thứ nhất, cần viết ra hết các nội dung cụ thể cho đề thi có tính đến tất cả những điều đã biết về các phần cần đánh giá. Cần đảm bảo rằng đã có đủ mẫu đại diện cho nội dung đề thi.

Thứ hai, nếu có thể, nên sử dụng phương pháp thi trực tiếp. Vì lý do nào đó mà việc thi gián tiếp được cho là cần thiết, thì cần phải tham khảo các tài liệu nghiên cứu để đảm bảo chắc chắn việc đánh giá các phần tương ứng đã được làm rõ.

Thứ ba, đảm bảo việc chấm điểm những câu trả lời có liên quan trực tiếp tới nội dung được đánh giá.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Thứ tư, làm mọi điều có thể để đề thi có tính tin cậy. Nếu đề thi không đáng tin cậy, thì nó không thể có hiệu lực.

4.1.2. Đảm bảo độ tin cậy của bài thi và kỳ thi

Hãy tưởng tượng rằng bài thi A không phải cho 40 học viên mà là cho 100 sinh viên. Họ làm một bài thi với 100 câu hỏi lúc ba giờ chiều thứ ba ngày N. Bài thi không khó đến mức không thể làm được và cũng không dễ đến mức các học viên đều làm được, nghĩa là không phải toàn bộ học viên bị 0 điểm hoặc tất cả đều được điểm tối đa là 100 điểm. Điều gì sẽ xảy ra trong trường hợp các học viên không làm bài thi vào thứ ba mà vào ba giờ chiều hôm trước tức là thứ hai ngày (N-1)? Người ta có mong đợi học viên kiểm tra vào ngày hôm trước và ngày hôm sau đạt được số điểm hoàn toàn như nhau hay không? Câu trả lời chắc chắn là kết quả của hai bài thi là không đồng nhất tuyệt đối. Nếu trong cùng những điều kiện như thủ tục thi đều dễ dàng, người chấm điểm là như nhau, công tác chấm điểm khách quan, và người thi không có khả năng thuộc hết hay quên hết kiến thức trong khoảng thời gian cách nhau chỉ một ngày, thì ta cũng vẫn sẽ không mong đợi tất cả thí sinh đạt được số điểm thi trong hai ngày thi là đồng nhất tuyệt đối.

Đây là một gợi ý cho chúng ta rằng không thể hoàn toàn tin tưởng vào các điểm số kiểm tra. Chúng ta biết rằng điểm số sẽ khác nhau, nếu bài thi được tiến hành vào ngày hôm trước hoặc ngày hôm sau. Đây là một điều không thể tránh khỏi, và chúng ta phải chấp nhận nó. Điều chúng ta phải làm là xây dựng, quản lý và chấm điểm theo cách mà, trong các khoảng thời gian khác nhau, điểm số đã đạt được của học viên ở trình độ ngang nhau phải giống với số điểm mà họ đã có trước đó. Điểm số càng giống nhau, bài thi càng được cho là có độ tin cậy cao.

4.1.2.1. Hệ số tin cậy

Ta có thể xác định mức độ đáng tin cậy của bài thi theo hình thức hệ số tin cậy. Các hệ số tin cậy là các hệ số có giá trị vững chắc. Chúng cho phép ta so sánh độ tin cậy của các bài thi khác nhau. Hệ số đáng tin cậy lý tưởng là 1. Một bài thi có hệ số tin cậy bằng 1 là bài thi mang lại kết quả thi giống nhau hoàn toàn bất chấp bài thi đó được tổ chức vào thời gian nào. Bài thi có hệ số tin cậy bằng 0 sẽ mang lại tập hợp điểm không liên quan đến nhau, theo nghĩa này, điểm số mà một ai đó đạt được vào ngày thứ nhất sẽ hoàn toàn không giúp gì trong việc chẩn đoán điểm mà thí sinh đó sẽ nhận được trong trường hợp họ tham gia thi vào ngày hôm sau. Nếu hệ số nằm trong khoảng từ 1 và 0, thì ta tìm được hệ số tin cậy của bài thi.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Trong thực tế, hệ số tin cậy tìm được sẽ phụ thuộc vào những yếu tố khác nhau, cụ thể, nó phụ thuộc vào tầm quan trọng của các quyết định do kết quả bài thi mang lại. Quyết định càng quan trọng, tính đáng tin cậy mà chúng ta yêu cầu càng phải lớn: Nếu kiểm tra để cho phép ai đó đi du học bằng điểm môn ngôn ngữ học, thì phải đảm bảo chắc chắn rằng điểm học tập của họ đã không quá khác biệt với điểm của bài thi mà chính thí sinh đó đã làm một hoặc hai ngày trước.

4.1.2.2. Tính tin cậy của việc chấm điểm

Trên kia, ta nói về điểm số của một bài thi trắc nghiệm. Điều không có khả năng xảy ra nhất là mỗi thí sinh sẽ nhận được số điểm giống nhau hoàn toàn trong hai lần thi. Tuy nhiên, chúng ta đã giả định rằng, công tác chấm điểm bài thi là hoàn hảo. Có một vấn đề đặt ra là, nếu một cá nhân thực hiện chính xác cách làm trong cả hai lần thi, thì họ sẽ được chấm điểm giống nhau cho cả hai lần này. Điều này có nghĩa là, bất kỳ một người chấm điểm nào cũng sẽ cho hai điểm giống nhau trong hai lần thi, và cũng có nghĩa là, bất kỳ người chấm điểm nào cũng có thể chấm các điểm giống nhau vào cả hai lần thi đó.

Có thể xác định mức độ nhất quán giữa người chấm này và người chấm khác trong các dịp thi cử khác nhau theo phương thức hệ số tin cậy đối với người chấm có thể được suy ra theo cách tương tự như hệ số tin cậy với bài thi. Trong trường hợp bài thi trắc nghiệm được miêu tả, hệ số tin cậy đối với người chấm điểm là 1 thì, theo đó, việc chấm điểm không cần phải nhắc nhở người chấm. Về nguyên tắc, trên thực tế, nếu các bài thi được tiến hành chấm bởi một máy tính, thì bài thi mới được coi là có tính khách quan. Tuy nhiên, chúng ta không kỳ vọng cách chấm điểm phải nhất quán một cách hoàn hảo, đặc biệt là, trong trường hợp chấm điểm phỏng vấn.

Trong quá trình nghiên cứu cần xem xét mối quan hệ giữa độ tin cậy của việc chấm điểm và độ tin cậy của bài thi. Nếu việc chấm điểm bài thi là không đáng tin cậy, thì kết quả của bài thi đó cũng không thể đáng tin.

4.1.2.3. Cách thức làm bài thi trở nên đáng tin cậy

Có hai yếu tố tạo nên tính tin cậy của bài thi: Khả năng làm bài của học viên từ lần thi này sang lần thi khác, và độ tin cậy của việc chấm điểm. Ta sẽ bắt đầu bằng cách đề ra cách đạt được khả năng làm bài một cách nhất quán của các thí sinh và sau đó chuyển sang độ tin cậy của người chấm điểm.

Để bài thi trở nên đáng tin cậy hơn cần làm những việc sau đây:

(1) Đưa ra đầy đủ các mẫu điển hình

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Nếu coi những yếu tố ngoại vi khác là bằng nhau, và nếu chúng ta có càng **nhều mục thi** trong một bài thi thì bài thi đó càng đáng tin cậy. Điều này dường như đúng đắn theo trực giác. Để thực sự có một phương pháp đáng tin cậy về đánh giá khả năng của một người nào đó, ta cần xem số lượng các lần làm bài đúng của người đó. Chính vì thế, càng có nhiều mục thi sẽ càng làm cho bài thi đáng tin cậy hơn. Thậm chí, có thể cho thêm câu hỏi phụ tương tự với những câu đã có trong bài thi để làm tăng thêm hệ số tin cậy.

Mỗi **câu hỏi phụ** nên là một sự bắt đầu mới cho thí sinh. Làm được điều này, chúng ta có thể có được các thông tin thêm về tất cả các thí sinh – những thông tin sẽ làm kết quả các bài thi đáng tin cậy hơn. Cách sử dụng từ “mục thi” không nên chỉ áp dụng với nghĩa một câu hỏi và một câu trả lời. Ví dụ, trong một bài thi viết, trong trường hợp các thí sinh phải viết ra nhiều đoạn, mỗi đoạn đó có thể được coi là một mục để tính điểm. Các đoạn viết càng độc lập, bài thi càng có độ tin cậy lớn. Theo cách tương tự, một cuộc thi vấn đáp, thường được sử dụng để kiểm tra khả năng nói của thí sinh, thí sinh nên được có “những sự bắt đầu mới”.

Một điều quan trọng khác là, bài thi phải **có độ dài đủ lớn** để thoả mãn độ tin cậy cần thiết, song cũng không nên buộc thí sinh phải làm bài thi quá dài đến mức khiến họ buồn chán và mệt mỏi. Theo đó, những hành vi họ thể hiện trở nên không thể đại diện cho khả năng của họ.

(2) Loại bỏ những câu hỏi không phân biệt được học viên kém và học viên giỏi

Các câu hỏi mà những học viên giỏi và kém đều thể hiện mức độ thành công như nhau thì các câu hỏi đó thường làm giảm tính tin cậy của bài thi. Tuy nhiên, một số lượng nhỏ các câu hỏi dễ, không có chức năng phân biệt năng lực có thể được đặt ở phần đầu của bài thi để mang lại cho thí sinh sự tự tin và giảm căng thẳng cho họ.

(3) Không cho phép thí sinh có quá nhiều tự do

Trong một số bài thi tiếng Việt, hiện đang có xu hướng áp dụng nhiều bài thi cho phép học viên tự do lựa chọn. Ví dụ, một bài thi viết trong đó các thí sinh được quyền lựa chọn chủ đề cho mình. Phương pháp này dường như chỉ có tác dụng đáng thất vọng về tính tin cậy của bài thi.

(4) Viết các câu hỏi và yêu cầu câu trả lời rõ ràng

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Một điều cần thiết phải chỉ ra cho các thí sinh là, họ không được trình bày nội dung mà đề bài thi không yêu cầu (lạc đề).

Trong những bài thi thử nghiệm, người chấm điểm phải xem xét đến cả các câu trả lời mẫu (đáp án) mà trong đó vẫn còn các vướng mắc xuất phát từ chính mỗi câu hỏi.

(5) Chỉ dẫn rõ ràng và rành mạch

Điều này áp dụng cho những chỉ dẫn bằng văn bản và bằng miệng. Trong nhiều trường hợp, thí sinh có thể hiểu sai điều mà họ được yêu cầu. Trong một kỳ thi một số người chắc chắn sẽ mắc phải lỗi này. Vấn đề đặt ra ở đây là, không chỉ những thí sinh yếu nhất là người bị nhầm lẫn mà ngay cả, một số các thí sinh giỏi vẫn có thể mắc phải lỗi này. Lỗi phổ biến của các bài thi viết của các học viên thường là lỗi cấu thả về sử dụng ngôn từ. Lời phàn nàn thường xuyên của học viên kém là họ không hiểu họ được yêu cầu làm gì, và họ thể hiện bài luận thường không có cơ sở. Người soạn đề thi không nên dựa vào cảm quan của mình để suy luận ra những hoạt động được yêu cầu. Vì thế, chẳng hạn, những hướng dẫn cho kỹ năng nói nên có một văn bản được chuẩn bị từ trước để tránh sự lúng túng và nhầm lẫn cho thí sinh.

(6) Đảm bảo chắc chắn rằng đề thi được trình bày tốt và thực sự dễ đọc

Rất nhiều đề thi của trường đại học được đánh máy (hoặc viết tay) rất cấu thả, có quá nhiều chủ đề trong một văn bản nhỏ, nội dung được trình bày một cách nghèo nàn. Do đó, các học viên phải đối mặt với nhiều bài tập mà không nhắm đến mục tiêu đánh giá năng lực ngôn ngữ của họ. Việc làm các mục thi không mong muốn của học viên sẽ làm giảm tính đáng tin cậy của bài thi.

(7) Giúp các thí sinh quen với quy tắc ra đề và các kỹ năng kiểm tra

Nếu bất kỳ mục thi nào trong một bài thi không quen thuộc với thí sinh, thì dường như họ sẽ làm mục thi đó không tốt bằng những mục thi khác. Theo đó, mọi nỗ lực của người ra đề phải nhằm đảm bảo rằng toàn bộ thí sinh có cơ hội ngang nhau để họ biết họ được yêu cầu làm gì.

(8) Tạo ra sự đồng nhất và các quy định chuẩn trong kỳ thi

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Sự khác biệt trong quy định về hành chính của một kỳ thi này với kỳ thi khác càng lớn thì, sự khác biệt trong cách làm của thí sinh trong hai lần thi này cũng tăng theo. Quy định về hành chính nên được quan tâm đặc biệt để đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ. Ví dụ, thời gian phải được quy định và tuân thủ một cách nghiêm túc; các điều kiện về âm thanh phải giống nhau cho toàn bộ các phòng thi trong bài thi nghe. Mọi sự chuẩn bị trước nên được tiến hành để duy trì hệ thống này vận hành tốt mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào về âm thanh.

Dưới đây là cách để đạt được độ tin cậy với người chấm điểm. Điều này là cực kỳ quan trọng cho tính tin cậy của bài thi.

(9) Sử dụng các câu hỏi cho phép chấm điểm càng khách quan càng tốt

Điều này dường như là ưu thế của các câu hỏi trắc nghiệm vì nó cho phép chấm điểm hoàn toàn khách quan. Tuy nhiên, có rất nhiều trường hợp mà trong đó các câu hỏi trắc nghiệm là không thích hợp. Hơn nữa, những câu hỏi trắc nghiệm hay thường rất khó viết và luôn luôn yêu cầu bài thi thử có số lượng lớn.

Một sự đổi mới đối với phương pháp thi trắc nghiệm là tạo ra các câu hỏi mở, câu trả lời sẽ do thí sinh tự làm. Điều này cũng đảm bảo một sự chấm điểm khách quan, nhưng trên thực tế có những nhược điểm. Câu trả lời càng dài, mức độ khó của sự phán đoán, đánh giá càng lớn.

(10) So sánh trực tiếp giữa các thí sinh

Điều này cũng cố thêm gợi ý ở trên rằng các thí sinh không nên được trao quyền tự do quá nhiều trong bài thi. Chấm điểm các bài luận theo cùng một chủ đề sẽ đáng tin cậy hơn, nếu thí sinh được phép chọn một trong nhiều chủ đề, như hầu hết các bài thi hiện nay.

(11) Đưa ra nguyên tắc chỉ đạo trong chấm điểm

Điều này có nghĩa là, nên chi tiết hoá các câu trả lời có thể chấp nhận được và xác định điểm cho từng phần trả lời đúng và có thể chấp nhận được. Độ tin cậy của việc chấm điểm càng cao nguyên tắc chấm điểm càng nên được chi tiết hoá.

(12) Người chấm điểm

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Đây là điều đặc biệt quan trọng trong trường hợp việc chấm điểm có dựa trên ý chí chủ quan. Ví dụ, để chấm điểm một bài luận, không nên chỉ định người chưa bao giờ tham gia chấm thi trong các hội đồng chấm thi trước. Sau mỗi lần tổ chức thi, các mẫu điểm nên được phân tích. Các cá nhân có cách chấm điểm lệch lạc một cách đáng kể và không phù hợp với tiêu chuẩn thì không nên sử dụng lại.

(13) Chú ý các câu trả lời có thể chấp nhận được và điểm số thích hợp vào thời điểm bắt đầu chấm bài

Câu trả lời mẫu nên được lựa chọn đúng ngay sau khi kỳ thi được tổ chức. Chỉ khi toàn bộ người chấm điểm đồng ý với số điểm đưa ra chấm mẫu, thì việc chấm điểm thực sự mới được bắt đầu.

Với các câu trả lời ngắn, người chấm điểm nên ghi lại toàn bộ những khó khăn họ gặp phải trong khi chấm điểm (đáp án dường như không dự báo hết các tình huống trong câu trả lời liên quan), và gửi những vấn đề này cho người giám sát phần chấm thi. Khi có quyết định mới về việc chấm điểm số được ban hành, thì người giám sát phải gửi nó đến toàn bộ người chấm thi có liên quan.

(14) Nhận diện thí sinh bằng số, không bằng tên

Người chấm chắc chắn có những thiên vị cho những thí sinh mà họ quen biết. Ngoại trừ những người trung thực hoàn toàn khách quan, điều này sẽ ảnh hưởng đến cách mà họ chấm điểm. Các nghiên cứu chỉ ra rằng trường hợp người chấm thi không được biết tên của thí sinh thì sẽ tạo ra một sự khác nhau quan trọng trong việc chấm điểm. Ví dụ, một người chấm điểm có thể bị ảnh hưởng bởi giới tính hoặc quốc tịch mà một cái tên nào đó có thể mang lại và điều đó có thể ảnh hưởng tới việc chấm điểm. Sự nhận diện thí sinh bằng số sẽ giảm được các ảnh hưởng trên.

(15) Sử dụng nhiều người chấm, độc lập với nhau

Như một quy tắc chung, trong trường hợp kiểm tra có yêu cầu chấm bài theo ý chí chủ quan của người chấm thi, thì toàn bộ bài thi nên được chấm bởi ít nhất hai người chấm độc lập. Cả hai người này đều không nên biết người khác đã chấm bài thi giấy đó.

4.1.2.4. Tính đáng tin cậy và tính có giá trị

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Để một bài thi có giá trị, chúng ta phải tạo ra các phép đo lường chính xác một cách nhất quán. Theo đó, một bài thi phải có tính đáng tin cậy. Tuy nhiên, một bài thi đáng tin cậy có thể hoàn toàn không có giá trị. Ví dụ, một bài thi viết mà chúng ta lại yêu cầu các thí sinh dịch 500 từ tiếng Việt sang ngôn ngữ mẹ đẻ thì đây có thể là một bài thi đáng tin cậy, nhưng nó dường như không có giá trị đánh giá về kỹ năng viết.

Trong nỗ lực để tạo nên những bài thi có giá trị, chúng ta cần phải thận trọng. Chúng ta thừa nhận rằng hạn chế phạm vi những gì thí sinh được phép viết trong một bài luận có thể làm giảm tính giá trị của bài viết. Tuy nhiên, điều này phụ thuộc vào cái và cách mà chúng ta đang cố gắng đo lường. Đồng thời, ta cũng nên cố gắng hạn chế các thí sinh viết các bài luận theo hướng không có giá trị.

4.1.3. *Đảm bảo đầy đủ các bước tiến hành ra một đề thi tiếng Việt*

10 bước tiến hành ra một đề thi trong một kỳ thi gồm:

- (1) *Trình bày một cách đầy đủ và rõ ràng về các nội dung/ vấn đề thi;*
- (2) *Viết các chi tiết hoàn chỉnh cho đề thi/ bài thi;*
- (3) *Viết và gia giảm các mục thi;*
- (4) *Thử bài thi một cách phi chính thức do người nói bản ngữ thực hiện và loại bỏ hoặc giảm nhẹ các nội dung khó nếu cần;*
- (5) *Thử bài thi do nhóm những người phi bản ngữ giống như những người mà bài thi dự định áp dụng, thực hiện;*
- (6) *Phân tích kết quả quá trình thử nghiệm và thay đổi phần nào cho là cần thiết;*
- (7) *Lập thang điểm;*
- (8) *Phê chuẩn;*
- (9) *Viết bản hướng dẫn cho người thi, những người sử dụng bài thi và các nhân sự liên quan.*
- (10) *Đào tạo nhân viên nếu thấy cần thiết (người phỏng vấn, những người coi thi, thanh tra, v.v...)*

4.1.4. *Đảm bảo các kỹ thuật kiểm tra chung*

4.1.4.1. *Các tiêu chuẩn về nhận thức trong kiểm tra - đánh giá*

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Các tiêu chuẩn về nhận thức chung có thể áp dụng cho bài thi đánh giá năng lực tiếng Việt của người học phi bản ngữ. Dựa trên lý thuyết về nhận thức có 6 tiêu chuẩn về quá trình nhận thức được áp dụng cho kiểm tra - đánh giá (KT-ĐG) tiếng Việt: Đó là các mức độ nhận thức đi từ thấp đến cao của hoạt động tư duy và thực hành ngôn ngữ.

(1) **Nhớ lại:** đây là khả năng thấp nhất trong lĩnh hội kiến thức.

(2) **Hiểu** là kỹ năng học sinh hiểu được vấn đề; họ có khả năng áp dụng những kiến thức đã biết vào việc giải quyết những vấn đề thực hành ngôn ngữ.

(3) **Ứng dụng** là khả năng vận dụng các kiến thức về quy tắc phát âm, cấu tạo từ, câu, văn bản... nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể trong thực hành ngôn ngữ. Thí sinh có khả năng tư duy tốt sẽ vận dụng kiến thức tốt.

(4) **Phân tích:** là khả năng tách ra từng phần để nghiên cứu, để tìm hiểu rõ đối tượng hay hiện tượng ngôn ngữ. Phân tích còn là sự phân biệt các dấu hiệu, các đặc tính riêng biệt của đối tượng hay hiện tượng ngôn ngữ nào đó theo một hệ thống nhất định.

(5) **Tổng hợp** là kỹ năng kết hợp các yếu tố riêng biệt để rút ra những cái chung, cái bản chất nhất của đối tượng hay hiện tượng ngôn ngữ, tức là những dấu hiệu trong một tổng thể phân tích và tổng hợp có sự liên kết mật thiết với nhau là hai mặt của một quá trình tư duy thống nhất, nó có tác dụng quan trọng trong việc lĩnh hội các qui luật ngôn ngữ.

(6) **Đánh giá** có thể coi là mức độ cao nhất của sự phát triển các kỹ năng về thực hành ngôn ngữ. Dựa trên sự hiểu biết những phân tích và tổng hợp để rút ra kết luận đúng nhất, chính xác nhất, xem xét các ngữ liệu có ưu nhược điểm gì, có vai trò ra sao, tiến hành áp dụng nó thế nào.

4.1.4.2. Kỹ thuật kiểm tra

Kỹ thuật kiểm tra là cách làm cho thí sinh bộc lộ ra khả năng của họ. Nó sẽ cho chúng ta biết về khả năng ngôn ngữ của thí sinh. Những điều mà chúng ta cần ở những kỹ thuật này là:

- Mang lại chỉ dấu về giá trị và hiệu lực về khả năng của người thi mà ta quan tâm;
- Có thể chấm điểm được một cách xác thực;
- Tiết kiệm về thời gian và sức lực;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Có hiệu quả tác động hữu ích tới các lĩnh vực có liên quan.

4.1.5. Đảm bảo các nguyên tắc, yêu cầu, mức độ nhận thức khi ra đề kiểm tra và thi trắc nghiệm khách quan

Giống như các môn học khác, đề thi trắc nghiệm khách quan áp dụng trong thi ngôn ngữ đòi hỏi người ra đề phải nắm sâu sắc các nguyên tắc, yêu cầu các mức độ nhận thức khi ra đề trắc nghiệm, một mặt hướng dẫn cho người học chuẩn bị tốt nội dung để tham dự kiểm tra và thi theo hình thức trắc nghiệm, mặt khác có thể tự ra đề trắc nghiệm đảm bảo các yêu cầu chung:

- Việc ra đề thi dựa trên cơ sở phát triển năng lực, trí tuệ của người học ở 6 mức độ: Nhớ lại, hiểu, ứng dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá. Trước hết, thí sinh phải nhớ các kiến thức đơn giản, đó là nền tảng vững vàng để có thể phát triển năng lực nhận thức ở cấp cao hơn. Nội dung đề kiểm tra, thi phải bao hàm đầy đủ các mức độ khác nhau của nhận thức. Tùy theo tính chất, yêu cầu của mỗi kì thi để định ra lượng kiến thức đưa vào đề thi/ kiểm tra, phù hợp với từng mức độ nhận thức.

- Đề kiểm tra/ thi phải có độ khó hợp lí, phù hợp với thời gian làm bài của thí sinh, tránh những đề thi chỉ kiểm tra trí nhớ thuần túy. Không nên ra đề kiểm tra, thi kiểu phải học thuộc lòng nhiều. Đề kiểm tra, bài thi/kỳ thi phải đánh giá được khả năng lí giải, ứng dụng, phân biệt và phán đoán của người thi.

- Nội dung đề thi/ kiểm tra tập trung đánh giá phạm vi kiến thức rộng, bao quát chương trình học, tránh tập trung nhiều vào những mảng nhỏ kiến thức sẽ dẫn đến rời rạc, chắp vá trong kiến thức của người học. Cần chú ý đến hai điểm:

Về kiến thức với 6 mức độ nhận thức đã được trình bày ở trên;

Về kỹ năng với 2 mức độ: thực hành được các kỹ năng giao tiếp (biết làm) và thành thục các kỹ năng giao tiếp (làm thành thạo).

*** Một số kiểu bài trắc nghiệm khách quan:**

(a) Câu hỏi đa lựa chọn

Câu hỏi đa lựa chọn có rất nhiều hình thức nhưng về cấu trúc, cơ bản gồm:

(+) **Câu dẫn:** Dựa vào đoạn hội thoại (A), khoanh tròn một thông tin đúng (trong a, b, c, d).

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

(+) **Một số khả năng lựa chọn**, trong đó có một câu trả lời đúng và ba câu nhiễu.

Loại câu hỏi có nhiều câu trả lời để lựa chọn là câu hỏi thi trắc nghiệm bao gồm hai phần: **Phần mở đầu** (câu dẫn): Nêu vấn đề và cách thực hiện. **Phần thông tin** nêu các câu trả lời (các phương án) để giải quyết vấn đề, trong các phương án này, chỉ có một phương án đúng, người học phải chỉ ra được phương án đúng đó. Phương án đúng thể hiện sự hiểu biết của thí sinh khi chọn đáp án chính xác. Thí sinh nắm vững kiến thức mới phân biệt được. Phương án nhiễu là câu trả lời sẽ dễ gây nhầm lẫn đối với thí sinh kém. Phương án nhiễu cần phải có mối liên hệ với câu dẫn và tạo nên một nội dung hoàn chỉnh, có nghĩa. Tránh những phương án nhiễu dễ thấy sai ngay. Phương án nhiễu phải có cấu trúc và nội dung tương tự như câu trả lời đúng.

Trong những bài thi loại này, nhiệm vụ của thí sinh là xác định đúng, hoặc là, lựa chọn phù hợp nhất. Nó có một số **thuận lợi**. Thuận lợi rõ ràng nhất của câu hỏi lựa chọn là ở chỗ, việc chấm điểm có thể xác thực, nhanh và tiết kiệm. Một thuận lợi khác có thể được tính tới là ở chỗ, để trả lời câu hỏi thí sinh chỉ việc đánh dấu vào bài thi nên có thể làm được nhiều câu hỏi hơn trong một thời gian nhất định làm cho khối lượng kiến thức được kiểm tra trong cùng thời gian sẽ lớn hơn. Và điều đó làm cho bài thi có tính xác thực hơn. Cuối cùng, nó cho phép thi những kỹ năng tiếp thụ mà không cần yêu cầu người thi phải tạo lập ra ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

Để thiết kế một đề trắc nghiệm khách quan dạng câu hỏi nhiều lựa chọn có thể thực hiện theo các bước sau:

- Bước một: Chọn vấn đề và đưa ra câu hỏi
- Bước hai: Đưa ra các phương án lựa chọn (trong đó có một phương án đúng nhất)
- Bước ba: Kết hợp phần dẫn và phần lựa chọn tạo đề mới.

- Khi viết loại câu này, cần chú ý những điểm sau: (1) Tránh có 2-3 câu trả lời đúng. (2) Tránh có phương án “Tất cả đều đúng”, “Tất cả đều sai”. Vì thí sinh dễ chọn đáp án là những câu này và trong quá trình trộn đề sẽ khó khăn vì các đáp án này có thể sẽ không nằm ở đáp án cuối cùng. (3) Hạn chế loại phương án lựa chọn câu trả lời đúng nhất, vì câu hỏi này thường khó và cũng dễ gây khó khăn hoặc nhầm lẫn khi giáo viên ra đề. (4) Hạn chế cho thí sinh lựa chọn phương án trả lời sai vì thí sinh dễ nhầm lẫn. Nếu yêu cầu chọn phương án phủ định hoặc sai thì phải in đậm, gạch chân hoặc làm nổi rõ những từ đó ở câu dẫn. (5) Không nhắc lại các thông tin của câu dẫn trong mỗi câu lựa chọn.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Một số sai sót thường gặp khi ra đề TNKQ dạng câu hỏi nhiều lựa chọn (1) Phương án gây nhiễu không thí sinh nào bị mắc phải khi làm bài. (2) Có các phương án nhiễu đồng nghĩa hoặc phủ định nhau. (3) Đáp án đúng mà thí sinh nhìn vào là chọn được ngay (vì quá dễ). (4) Có nhiều hơn 1 phương án đúng (5) Không có phương án nào đúng. (6) Chỉ lệnh không thống nhất (Khoanh tròn đáp án đúng, đánh dấu X, gạch chân, ...). (7) Hình vẽ không chính xác, không rõ ràng. (8) Câu phủ định không gạch chân, không in đậm, làm rõ.

(b) Câu hỏi có/không và đúng/sai

Loại câu hỏi “có/không” và “Đúng – Sai” chỉ gồm 2 lựa chọn là đúng hoặc sai. Loại câu hỏi này gồm có hai phần: - Phần dẫn: Trình bày một nội dung nào đó, một câu trả lời, một đáp án... mà thí sinh phải đánh giá là đúng hay sai bằng cách điền (Đ) hoặc (S) vào ô trống. - Phần trả lời: Chỉ có 2 phương án: “**có/không**” hoặc “**Đúng (Đ) và sai (S)**”.

Câu hỏi trong đó người làm bài chỉ có quyền lựa chọn giữa “có” và “không”, hoặc giữa “đúng” và “sai”, là câu hỏi trắc nghiệm có tính hiệu quả cao dù nó chỉ gồm có hai quyền lựa chọn. Nhược điểm của loại câu hỏi này là người làm bài thi có thể có 50% cơ hội chọn được câu trả lời đúng do tình cờ hoặc đoán mò. Chính vì vậy, không nên có quá nhiều câu hỏi loại này trong khuôn khổ một bài thi, mặc dù chúng có thể hữu dụng trong việc đánh giá chính xác kết quả.

Thông thường, để thiết kế một đề trắc nghiệm khách quan dạng câu hỏi “Đúng” – “Sai” có thể thực hiện theo các bước sau:

- Bước một: Chọn vấn đề và đưa ra câu hỏi
- Bước hai: Đưa ra 2 phương án lựa chọn khác nhau (trong đó 1 kết quả đúng và 1 kết quả sai).
- Bước ba: Chọn một trong hai kết quả trên tạo đặt đề bài.

Khi viết loại câu này, cần chú ý những điểm sau: (1) Các câu trong phần dẫn nên viết ngắn gọn, không nên trích dẫn nguyên văn nội dung giáo trình. (2) Tránh sử dụng những thuật ngữ không xác định về mức độ như “thông thường”, “hầu hết”, “luôn luôn”, “tất cả”, “không bao giờ” ... vì thí sinh dễ đoán được câu đó đúng hay sai. (3) Loại câu Đ-S thường chỉ kiểm tra kiến thức ở mức độ “biết”, ít kích thích suy nghĩ, khả năng phân hoá thí sinh thấp. Yếu tố ngẫu nhiên, may rủi nhiều hơn so với câu nhiều lựa chọn.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

c) Câu trả lời ngắn

Câu trả lời ngắn là câu trả lời mà trong đó, người làm bài chủ yếu phải đưa ra những câu trả lời ngắn, cụ thể trong các bài thi nghe và đọc.

Ưu điểm:

- Đoán mò câu trả lời sẽ không có đóng góp gì nhiều để nâng điểm số của bài thi;
- Người chấm sẽ tập trung hơn;
- Gian lận trong thi cử dường như sẽ ít hơn;
- Đòi hỏi sự quan tâm của người học, các câu trả lời rất dễ viết.

Nhược điểm:

- Các câu trả lời thường tốn nhiều thời gian và vì thế làm giảm số lượng các câu trả lời được thực hiện trong cùng một đơn vị thời gian;
- Người làm bài thi phải viết để hoàn tất câu trả lời;
- Việc chấm điểm có thể không có giá trị hoặc không đáng tin cậy, nếu người chấm mang nặng tính chủ quan khi chấm bài;
- Chấm điểm mất nhiều thời gian hơn.

Hai nhược điểm đầu tiên (1 và 2) có thể không được coi là quan trọng, nếu các câu trả lời thực sự ngắn (và ít nhất người làm bài thi không phải cân nhắc đến bốn sự lựa chọn, ba trong số các lựa chọn này được thiết kế để đánh lạc hướng họ). Hai nhược điểm tiếp theo (3 và 4) có thể được khắc phục bằng cách đưa ra các câu trả lời duy nhất được yêu cầu (chỉ có một câu trả lời là đúng) và được tìm ra trong phần văn bản (hoặc yêu cầu ngôn ngữ rất đơn giản).

Các câu hỏi trả lời ngắn có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra ngôn ngữ. Chỉ khi việc kiểm tra được tiến hành trên phạm vi rộng thì mới nên xoá bỏ các câu hỏi trả lời ngắn thay thế bằng phương pháp khác. Với việc tăng cường sử dụng máy tính trong kiểm tra, các câu trả lời dạng viết có thể đạt điểm số xác thực và nhanh chóng, không có lý do gì mà các câu trả lời ngắn lại không có một vị trí xứng đáng trong các chương trình kiểm tra với quy mô rộng.

d) Bài thi điền vào chỗ trống

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Các phần điền vào chỗ trống của kỹ năng đọc hay nghe được thực hiện tốt nhất, nếu các từ bỏ trống có trong bài đọc hoặc là các từ dễ hiểu, thông dụng mà không nên đưa ra các vấn đề chính tả. Các phần điền vào chỗ trống cũng có thể làm tốt trong các bài thi ngữ pháp và từ vựng.

Điền vào chỗ trống là một kỹ năng quan trọng. **Bài thi điền vào chỗ trống gồm có:** (a) Phần nội dung: Bao gồm những câu có chỗ để trống (...) để thí sinh điền từ thích hợp. (b) - Phần cung cấp thông tin: Gồm những từ hoặc cụm từ cho trước, số từ (cụm từ) phải nhiều hơn số chỗ trống cần điền để tăng sự cân nhắc của thí sinh khi lựa chọn. Cũng có thể không có phần cung cấp thông tin. Thí sinh phải tự tìm từ hoặc cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống và mỗi chỗ trống chỉ có một từ (cụm từ) được chọn là điền đúng. Dạng này khó hơn nên có thể dành cho thí sinh khá, giỏi.

Thông thường, để thiết kế một đề trắc nghiệm khách quan dạng **điền vào chỗ trống** nên thực hiện theo các bước sau:

- Bước một: Chọn vấn đề và đưa ra câu hỏi
- Bước hai: Xác định câu trả lời đúng.
- Bước ba: Tạo thành những câu khuyết từ đó hình thành đề

Khi soạn loại câu hỏi điền vào chỗ trống cần: (1) Bảo đảm mỗi chỗ trống chỉ điền được một từ hoặc cụm từ. Không được chừa hai chỗ trống gần nhau (2). Mỗi câu nên chỉ có một hoặc hai chỗ trống, được bố trí ở giữa hay cuối câu. Độ dài của các khoảng trống nên bằng nhau để thí sinh không đoán được từ (cụm từ) phải điền là dài hay ngắn. (3) Tránh dùng những câu trích nguyên văn trong sách giáo khoa hay sách bài tập có đáp án.

Một số sai sót thường gặp khi ra đề TNKQ Dạng điền vào chỗ trống: (1) *Từ hoặc cụm từ cần điền không có ý nghĩa hoặc không liên hệ với câu hỏi;* (2) - *Cụm từ cần điền quá dài.*

4.2. Cấu trúc và nội dung đề thi tiếng Việt

4.2.1. Cấu trúc và nội dung đề thi Nghe

4.2.1.1. Mô tả chung về kỹ năng Nghe

Bậc	Mô tả cụ thể
-----	--------------

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DỪNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1	Nghe, hiểu được lời nói rất chậm và có quãng tạm dừng dài để xử lý thông tin.
2	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khá đầy đủ thông tin để thực hiện một yêu cầu cụ thể sau khi nghe một phát ngôn rõ và chậm. - Nghe, hiểu được các cụm từ và câu đơn giản liên quan đến những thông tin cơ bản về cá nhân và gia đình, thông tin mua sắm, thông tin về địa lý địa phương, việc làm khi người nói diễn đạt rõ ràng và chậm.
3	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những thông tin thực tế đơn giản về các chủ đề chung, có liên quan đến cuộc sống hằng ngày hoặc công việc cụ thể, những tin tức chung và tin tức chi tiết của bài phát biểu được trình bày rõ ràng bằng giọng nói phổ biến, thường gặp. - Nghe, hiểu được những điểm chính của bài phát biểu rõ ràng về những vấn đề quen thuộc, thường gặp trong công việc, trường học, khu giải trí, kể cả những câu chuyện ngắn và đơn giản.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe trực tiếp hoặc nghe phát trên sóng phát thanh, truyền hình, hiểu được bài phát biểu, diễn văn sử dụng ngôn từ chuẩn về các chủ đề khác nhau thường gặp trong cuộc sống cá nhân, xã hội, trong khoa học và giáo dục đào tạo. Chỉ gặp khó khăn khi bị nhiễu, có tiếng ồn xung quanh, cấu trúc văn bản không đầy đủ hoặc có sử dụng thành ngữ khó, làm ảnh hưởng đến khả năng nghe hiểu. - Nghe, hiểu được ý chính của bài phát biểu trình bày bằng một giọng phương ngữ phổ thông với lời nói phức tạp, chủ đề cụ thể hoặc trừu tượng, bao gồm cả những cuộc thảo luận có nội dung thuộc lĩnh vực chuyên môn của người học. - Nghe, hiểu được bài phát biểu có mở rộng thêm ngoài nội dung chính và cuộc thảo luận có chủ đề quen thuộc, cấu trúc rõ ràng.
5	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, hiểu được những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh. - Nghe, hiểu được các cuộc trò chuyện tự nhiên, linh hoạt giữa những người Việt với nhau. - Nghe, hiểu được những cuộc thảo luận hay tranh luận trừu tượng.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	- Nghe, hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.
6	- Nghe, hiểu được các bài giảng hay thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói thông tục, có những yếu tố văn hóa hoặc những thuật ngữ không quen thuộc. - Nghe, hiểu được những vấn đề tinh tế, phức tạp hoặc dễ gây tranh luận (như các quy định, tài chính); có thể đạt tới trình độ hiểu biết của nhà chuyên môn. - Nghe hiểu được mọi điều mà không thấy khó khăn theo tốc độ nói tự nhiên của người bản ngữ.

4.2.1.2. Đặc tả đề thi

4.2.1.2.1. Thông tin chung

Thời gian: **60 phút** (kể cả thời gian chọn phương án vào phiếu trả lời); chỉ nghe 1 lần.

Miêu tả chung:

Đề thi gồm 4 phần:

Phần 1: Thí sinh nghe một phát ngôn (câu nói), hội thoại ngắn.

Phần 2: Thí sinh nghe các hướng dẫn, thông báo, hội thoại ngắn.

Phần 3: Thí sinh nghe các bài hội thoại vừa và dài.

Phần 4: Thí sinh nghe các bài diễn văn, bài giảng, bài nói chuyện dài

❖ *Miêu tả chung về nội dung*

- Thí sinh nghe hội thoại và bài nói có các thông tin về cá nhân, gia đình, công việc thường ngày, các chủ đề về xã hội và học thuật.
- Tốc độ nói tương đương tốc độ nói tự nhiên của người bản ngữ hay người sử dụng tiếng Việt thành thạo.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- *Miêu tả chung về cách thức trả lời:* Mỗi câu hỏi, thí sinh chọn một phương án đúng từ 3 hoặc 4 phương án lựa chọn cho trước; sau đó tô vào ô tương ứng trên phiếu trả lời.
- *Số lượng câu hỏi:* 55 câu, theo nguyên tắc từ dễ đến khó
- *Tổng điểm:* 55 điểm, sau đó quy đổi theo thang điểm 10
- *Tỉ lệ các câu hỏi theo bậc*

Tiêu chí	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6
<i>Số câu hỏi</i>	15	12	10	7	6	5
<i>Tỉ lệ</i>	27%	22%	18%	13%	11%	9%

4.2.1.2.2. Thông tin chi tiết

Phần 1

- Nghe các thông tin cơ bản về các chủ đề liên quan đến cá nhân, gia đình, trường lớp học, mua sắm, việc làm, vị trí địa lý, dự báo thời tiết, ...
 - Nghe các thông tin liên quan đến tri thức đặc thù của tiếng Việt.
 - Tốc độ nói, đọc rất chậm và rõ ràng.
- Độ khó của ngữ liệu đầu vào: tương ứng bậc 1 và 2.
- Thời gian: Từ 8 đến 10 phút
 - 5 câu bậc 1 ở mức dễ: Nhận biết được các thông tin chi tiết được diễn đạt rõ ràng.
 - 4 câu bậc 1 ở mức trung bình: Nhận biết ý chính của thông báo.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- 3 câu bậc 1 ở mức khó: Nghe và làm theo hướng dẫn, các thông tin chi tiết được diễn đạt gián tiếp trong thông báo hoặc tin nhắn về một đề tài cụ thể.
- 3 câu bậc 2 ở mức dễ: 2 câu phân biệt nguyên âm và phụ âm; 1 câu nhận biết số lượng thanh điệu trong một phát ngôn.

Dạng thức nhiệm vụ/ câu hỏi

Chọn 1 phương án đúng trong 3 phương án lựa chọn cho trước (A, B, C) để trả lời câu hỏi

Số lượng câu hỏi/ nhiệm vụ: - 15 câu hỏi.

- Trước khi nghe có 1 phút để đọc câu hỏi và các phương án lựa chọn.
- Trong khi nghe chọn 1 phương án đúng trong 3 phương án lựa chọn cho trước.
- Sau khi nghe, sẽ có 30 giây để kiểm tra lại.

Phần 2

- Nghe các loại thông báo, thông tin hướng dẫn, chỉ dẫn kỹ thuật đơn giản bằng các giọng khác nhau nhưng rõ ràng.
- Nghe các ngữ cảnh giao tiếp thường nhật và các phương thức sử dụng tiếng Việt chuẩn (tiếng Việt theo văn hóa ứng xử của người Việt).
- Nghe các thông tin liên quan đến tri thức đặc thù của tiếng Việt, như phân biệt trọng âm trong các dạng từ song tiết của tiếng Việt (từ ghép, từ láy...).

Mỗi hướng dẫn, thông báo gồm từ 3 đến 4 lượt lời.

Tốc độ nói, đọc tương đối chậm (khoảng 110 – 120 tiếng/phút) nhưng rõ ràng.

Chủ đề: Đa dạng nhưng thiên về mảng xã hội, nghề nghiệp, giáo dục.

Độ khó của ngữ liệu đầu vào tương ứng với bậc 2 và bậc 3

- Từ 10 đến 12 phút

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- 2 câu bậc 2 ở mức trung bình nhận biết thông tin chi tiết qua một phát ngôn (hoặc hội thoại ngắn) được diễn đạt rõ ràng.
- 4 câu bậc 2 ở mức khó, nhận biết được các phương thức sử dụng tiếng Việt chuẩn qua các ngữ cảnh giao tiếp cụ thể, rõ ràng.
- 3 câu bậc 3 ở mức trung bình nhận biết ý chính của thông báo; có lòng ghép với 1 câu bậc 3 ở mức dễ: Xác định trọng âm từ ghép song tiết tiếng Việt.
- 3 câu bậc 3 ở mức khó: Nghe và làm theo hướng dẫn, các thông tin chi tiết được diễn đạt gián tiếp trong thông báo hoặc tin nhắn về một đề tài cụ thể; có lòng ghép với 1 câu bậc 3 ở mức dễ: xác định trọng âm trong từ láy song tiết tiếng Việt

Phần 3

- Nghe các **đoạn hội thoại** giữa hai người nói tiếng Việt tương đối thành thạo. Mỗi hội thoại có dung lượng 4-6 lượt lời hoặc các đoạn ngôn bản có dung lượng 200 - 250 tiếng.
- Có thể là giọng nói tiếng Việt thành thạo của người nước ngoài như một ngôn ngữ thứ hai (Việt kiều, hay có trình độ tương đối chuẩn ...) hoặc như một ngoại ngữ (tối đa là một đoạn hội thoại).
- Nghe và bước đầu xác định được ranh giới nhịp của lời nói tiếng Việt.

Mỗi hội thoại từ 1- 2 phút.

- Tốc độ nói, đọc ở mức độ hơi chậm so với lời nói tự nhiên (khoảng 130 - 150 tiếng/phút) nhưng rõ ràng.
- Chủ đề: Đa dạng, nhưng chủ yếu đề cập đến các lĩnh vực xã hội, giáo dục, nghề nghiệp, quan hệ quốc tế, trong đó có ít nhất 1 đoạn có bối cảnh châu Á, khu vực ASEAN hay Việt Nam.
- **Độ khó** của ngữ liệu đầu vào tương ứng với bậc 4 và bậc 5
- Thời gian: *Từ 12 đến 14 phút.*
- 2 câu bậc 3 ở mức khó: Nhận biết được ý chính của các hội thoại về các chủ đề quen thuộc nhưng với lối nói tương đối phức tạp.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- 2 câu bậc 4 ở mức dễ: Xác định được ranh giới nhịp của lời nói tiếng Việt qua một phát ngôn cụ thể, rõ ràng.
 - 4 câu bậc 4 ở mức trung bình: Nhận biết được ý chính khi được diễn đạt phức tạp, có thể dễ gây hiểu nhầm.
 - 4 câu bậc 4 ở mức khó: Nhận biết thông tin chi tiết được diễn đạt rõ ràng.
 - 2 câu bậc 5 ở mức dễ: Nhận biết thông tin chi tiết được diễn đạt phức tạp, một cách có thể gây hiểu nhầm
- Chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án trả lời cho trước (A, B, C, D) để trả lời câu hỏi
- 14 câu hỏi.
 - Trước khi nghe, thí sinh có 1 phút để đọc câu hỏi và các lựa chọn.
 - Trong khi nghe, thí sinh chọn phương án trả lời.
 - Sau khi nghe, có 30 giây để kiểm tra lại.

Phần 4

- Nghe các đoạn hội thoại giữa hai người nói tiếng Việt thành thạo. Mỗi hội thoại có dung lượng 6 - 8 lượt lời hoặc các đoạn ngôn bản có dung lượng 250 - 300 tiếng.
- Nghe các đoạn hội thoại hoặc các đoạn ngôn bản có nội dung rõ ràng, văn phong mạch lạc, đảm bảo được tính tự nhiên của lời nói tiếng Việt (các đoạn ngôn bản có thể được trích dẫn từ các bài nói, bài viết trên các ấn phẩm đã được xuất bản hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, như đài phát thanh, truyền hình).
- Mỗi hội thoại từ 2- 3 phút.
- Tốc độ: Tương đương với lời nói tự nhiên của người Việt bản ngữ.
- **Chủ đề**: Có thể đề cập đến mọi chủ đề, bao gồm cả những chuyện kể ngắn.
- **Độ khó** của ngữ liệu đầu vào tương ứng với bậc 5 và bậc 6
- Thời gian: *Từ 13 đến 15 phút*

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- 4 câu bậc 5 ở mức trung bình: Nhận biết được ý chính khi được diễn đạt có thể dễ gây hiểu nhầm kết hợp suy luận về thái độ, quan điểm của người nói khi thể hiện rõ ràng qua giọng điệu và ngôn ngữ.
- 2 câu bậc 5 ở mức khó: Nhận biết được ý chính trong ngôn bản về chuyên ngành được diễn đạt rõ ràng.
- 4 câu bậc 6 ở mức dễ và trung bình: Nhận biết được ý chính trong một ngôn bản về chuyên ngành được diễn đạt có ẩn ý.
- 2 câu bậc 6 ở mức khó: Nhận biết chức năng của một đoạn ngôn bản, mục đích nói của tác giả hoặc nhận biết ý nghĩa trọn vẹn của cụm từ thông tục (hoặc thành ngữ).
- Chọn 1 phương án đúng trong 4 phương án cho trước (A, B, C, D) để trả lời câu hỏi.
- 12 câu hỏi.
- Trước khi nghe, thí sinh có 1 phút để đọc câu hỏi và các phương án trả lời.
- Trong khi nghe, chọn phương án trả lời.
- Sau khi nghe, có 30 giây để kiểm tra lại.

4.2.1.2.3 Các câu hỏi và chấm điểm

4.2.1.2.3.1. Các câu hỏi

a) Nghe và nhận biết thông tin chi tiết

Các cách đặt câu hỏi cho dạng bài nghe thông tin chi tiết:

<ul style="list-style-type: none"> • Bạn của chị ấy/anh ấy/họ tên là gì? • Xin lỗi, anh/...sinh năm nào? • Bao giờ/khi nào, em/anh/.....? •bao giờ/khi nào? • Khi gặp....., em/..... chào thế nào? 	<ul style="list-style-type: none"> • Xin lỗi, anh...người nước nào? • Xin lỗi, chị/.... từ đâu đến đây ạ? • ...đã ...từ bao giờ? •gọi là gì? •là ai?
---	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<ul style="list-style-type: none"> • Em/...đang là học viên năm thứ mấy? • Từ ... tớimất bao lâu? • Từ ...đến ...bao xa? • Chào..., ... đi/làm... về đây ạ? 	<ul style="list-style-type: none"> • ở đâu? • đi đâu ? • làm (nghề) gì? • bao lâu rồi? • bao lâu nữa? • Bao nhiêu tiền ...?
---	--

BẬC	Đặc tả	Yêu cầu về cấu trúc đề thi
1	<p>Hiểu được các cụm từ và phát ngôn đơn giản chứa đựng các thông tin cơ bản về cá nhân, gia đình, mua sắm, địa điểm, việc làm khi người nói diễn đạt rõ ràng và chậm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu khá đầy đủ thông tin để thực hiện một yêu cầu cụ thể sau khi nghe một phát ngôn rõ và chậm. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 7 tiếng/, hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết không chính xác nhưng có chứa từ khóa gần giống với từ khóa chính xác.</p> <p>B. Một chi tiết không chính xác.</p> <p>C. Một chi tiết chính xác.</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được thông tin trong những hội thoại ngắn, có cấu trúc đơn giản, tốc độ nói rất chậm và rõ ràng về các chủ đề cá nhân cơ bản, trường lớp học và những nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt hằng ngày. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>Cách 1, có 3 phương án:</p> <p>A. Một chi tiết không chính xác nhưng có chứa từ khóa gần giống với từ khóa chính xác.</p> <p>B. Một chi tiết không chính xác</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu và làm theo được những chỉ dẫn ngắn, đơn giản về các chủ đề cá nhân cơ bản và những nhu cầu thiết yếu hằng ngày (như thời tiết, sự kiện, chỉ dẫn đường, giao thông đi lại,...) • Có thể hiểu được chủ đề của cuộc nói chuyện nếu được nói chậm và giải thích rõ ràng. 	<p>C. Một chi tiết chính xác.</p> <p>Cách 2, có 4 phương án:</p> <p>A. Một chi tiết có liên quan nhưng không chính xác (có thể quá rộng hoặc quá hẹp).</p> <p>B. Một chi tiết không chính xác nhưng có chứa từ khóa gần giống với từ khóa chính xác.</p> <p>C. Một chi tiết không chính xác</p> <p>D. Một chi tiết chính xác.</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu được các thông tin kỹ thuật đơn giản, ví dụ như hướng dẫn sử dụng các loại máy móc thiết bị sử dụng hằng ngày. • Có thể làm theo được các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ chỉ dẫn về giao thông). • Có thể hiểu được những lời giải thích hoặc lời định nghĩa được diễn đạt rõ ràng. • Có thể hiểu được các thông tin đơn giản thuộc các chủ điểm thông thường hoặc có liên quan đến công việc khi những thông tin này được diễn đạt rõ ràng bằng giọng tiếng Việt chuẩn. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết không liên quan và không được đề cập đến trong bài nghe.</p> <p>B. Một chi tiết không liên quan nhưng có chứa một từ đọc gần giống như từ khoá trong bài nghe.</p> <p>C. Một chi tiết không chính xác.</p> <p>D. Chi tiết chính xác được diễn đạt lại đôi chút (chứa khoảng 50% số từ trong bài nghe).</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

4	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể hiểu được các thông báo và những thông tin chính liên quan đến các chủ điểm cụ thể và trừu tượng khi những thông tin này được diễn đạt bằng giọng tiếng Việt chuẩn ở tốc độ nói bình thường. • Có thể hiểu được thông tin cụ thể khi đã được diễn đạt lại. • Có thể theo dõi và hiểu được các ý chính của những cuộc hội thoại hay độc thoại tự nhiên và linh hoạt của người Việt. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết sai hoàn toàn.</p> <p>B. Một chi tiết sai một phần.</p> <p>C. Chi tiết chính xác nhưng người nói không đề cập.</p> <p>D. Chi tiết chính xác được diễn đạt lại đôi chút (chứa khoảng 50% số từ trong bài nghe).</p>
5	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể theo dõi kịp hoặc tham gia vào cuộc trò chuyện về những chủ đề thông thường giữa những người Việt. • Có thể hiểu được các bài nói có dung lượng vừa phải về các chủ điểm trừu tượng và phức tạp ngoài lĩnh vực chuyên môn mặc dù có thể còn chưa rõ một vài chi tiết, đặc biệt khi người nói tiếng Việt theo giọng địa phương (khác lạ). 	<p>Mỗi phương án dài không quá 11 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết quan trọng của bài nghe</p> <p>B. Chi tiết chính xác nhưng bị diễn đạt lại sai.</p> <p>C. Chi tiết không chính xác và diễn đạt lại sai.</p> <p>D. Chi tiết chính xác và được diễn đạt lại đúng.</p>
6	<p>Hiểu được hầu hết các cuộc hội thoại của người Việt, gồm cả những hội thoại thuộc nội dung chuyên môn được đào tạo.</p>	<p>Mỗi phương án dài không quá 11 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Chi tiết quan trọng nhưng không phải là chi tiết chính xác.</p> <p>B. Chi tiết chính xác nhưng bị diễn đạt lại sai.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<ul style="list-style-type: none"> • Có thể theo dõi được hầu hết các cuộc trao đổi tương đối phức tạp trong nhóm người Việt về các chủ đề không quen thuộc. • Có thể hiểu được hầu hết các bài nói, bài giảng dài thuộc nội dung chuyên môn được đào tạo. 	<p>C. Chi tiết không chính xác và diễn đạt lại sai.</p> <p>D. Chi tiết chính xác và được diễn đạt lại đúng.</p>
--	---

b) Nghe và nhận biết ý chính

Các câu hỏi nghe ý chính được viết theo các cấu trúc sau:

- Ý chính của bài hội thoại/bài giảng/cuộc trao đổi/tranh luận là gì?
- Bài hội thoại/bài giảng/cuộc trao đổi/ tranh luận chủ yếu về nội dung gì?
- Người tham gia hội thoại đang làm gì?
- Mục đích chính của cuộc nói chuyện là gì? (ví dụ: giới thiệu, tranh luận, quảng cáo, mặc cả,...)
- Nhân vật nữ/nam trong hội thoại muốn nói về cái gì?
- Nhân vật nữ/nam trong hội thoại muốn miêu tả cái gì?
- Nhân vật nữ/nam trong hội thoại có quan hệ với nhau như thế nào?
- Đặt tên cho đoạn văn/hội thoại vừa nghe?

Bậc	Đặc tả	Yêu cầu về cấu trúc đề thi
1	<p>Nắm bắt được những ý chính trong các phát ngôn (câu) ngắn, rõ và đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nắm bắt được ý của người hỏi và có thể trả lời tương đối chính xác nội dung được hỏi đối với những câu hỏi 	<p>Mỗi phương án dài không quá 7 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết không được đề cập đến trong bài nghe.</p> <p>B. Một ý phụ của bài nghe.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	đơn giản, ngắn về các chủ đề thông thường trong sinh hoạt hằng ngày.	C. Ý chính chính xác của bài nghe.
2	<p>Hiểu được những ý chính trong các thông báo ngắn, đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được ý chính và có thể làm theo những chỉ dẫn ngắn, đơn giản được nói chậm và rõ. • Hiểu được ý của người nói và có thể thực hiện được chỉ dẫn đơn giản (ví dụ: chỉ dẫn đi bộ hoặc đi xe từ X đến Y). 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>Cách 1, có 3 phương án:</p> <p>A. Một chi tiết không liên quan gì đến bài nghe.</p> <p>B. Một chi tiết sai nhưng có chứa một từ đọc giống với từ khoá trong bài nghe.</p> <p>C. Ý chính chính xác của bài nghe.</p> <p>Cách 2, có 4 phương án:</p> <p>A. Một chi tiết không liên quan gì đến bài nghe.</p> <p>B. Một chi tiết sai nhưng có chứa một từ đọc giống với từ khoá trong bài nghe.</p> <p>C. Một ý phụ của bài nghe.</p> <p>D. Ý chính chính xác của bài nghe.</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu và làm theo được các thông tin kỹ thuật chi tiết nhưng đơn giản (ví dụ: hướng dẫn sử dụng các thiết bị thông thường, hướng dẫn về giao thông,...). • Có thể hiểu được ý chính của bài nói bằng giọng chuẩn về các chủ điểm quen thuộc thường gặp trong sinh hoạt hằng ngày, như công việc, học hành, giải trí..., bao gồm 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết không được đề cập đến trong bài nghe.</p> <p>B. Một chi tiết có chứa một từ đọc gần giống như từ khoá trong bài nghe.</p> <p>C. Một ý chính rộng hơn ý được đề cập trong bài nghe.</p> <p>D. Ý chính chính xác của bài nghe.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	cả những câu chuyện ngắn có cốt truyện mạch lạc, rõ ràng.	
4	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các thông báo về một việc/một vấn đề cụ thể hay trừu tượng được nói bằng giọng chuẩn ở tốc độ bình thường. • Có thể hiểu được ý chính của bài nói bằng giọng chuẩn về các chủ điểm ít gặp. • Hiểu những thông tin kỹ thuật tương đối phức tạp như hướng dẫn điều hành, thông số kỹ thuật của các sản phẩm và dịch vụ quen thuộc. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết có chứa một từ đọc gần giống như từ khoá trong bài nghe.</p> <p>B. Một ý chính rộng hơn ý được đề cập trong bài nghe.</p> <p>C. Một ý chính không chính xác.</p> <p>D. Một phần ý chính được diễn đạt lại (chứa khoảng 50% số từ trong bài nghe).</p>
5	<p>Hiểu được những thông tin cụ thể từ các thông báo công cộng, hoặc những thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn điều hành, thông số kỹ thuật của các sản phẩm và dịch vụ quen thuộc với âm thanh có nhiễu (như ở nhà ga, sân bay).</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có thể theo kịp được những trao đổi phức tạp giữa các bên thứ ba trong các cuộc thảo luận/tranh luận nhóm về các chủ đề quen thuộc, bao gồm cả lĩnh vực chuyên môn được đào tạo. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 12 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết quan trọng trong bài nghe.</p> <p>B. Một ý phụ của bài nghe.</p> <p>C. Một ý phụ của bài nghe (khác B).</p> <p>D. Ý chính được diễn đạt lại hoàn toàn.</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được hầu hết nội dung của các thông báo, các hướng dẫn, những thông tin kỹ thuật phức tạp không thuộc chuyên môn được đào tạo. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 12 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một chi tiết có chứa một từ đọc gần giống như từ khoá trong bài nghe.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được một cách dễ dàng những nội dung chính của các hội thoại, cuộc trao đổi, bài nói, bài giảng, các cuộc hội thảo/ tranh luận,... về mọi chủ đề, kể cả những thông tin hàm ngôn. 	<p>B. Một ý phụ của bài nghe.</p> <p>C. Một ý chính rộng hơn ý được đề cập trong bài nghe.</p> <p>D. Ý chính được diễn đạt lại hoàn toàn.</p>
--	---

c) Nghe suy diễn, nghe hiểu mục đích, quan điểm, thái độ của người nói và chức năng của ngôn ngữ

Các câu hỏi nghe suy diễn được viết theo các cấu trúc sau:

- *Người tham gia hội thoại muốn nói gì? (về một thông tin trong bài)*
- *Người tham gia hội thoại có khả năng là ai?*
- *Người tham gia hội thoại có khả năng đang ở đâu?*
- *Người tham gia nói là có ngụ ý gì?*
- *Người tham gia nói có ý gì?*
- *Ngụ ý của câu chuyện muốn đề cập đến điều gì?*
- *Xác định quan điểm, thái độ của từng nhân vật (nam/nữ) tham gia hội thoại? ...*

Bậc	Đặc tả	Yêu cầu về cấu trúc đề thi
3	<p>Có thể nhận ra được một vài từ/cụm từ thông tục có trong bài nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được tương đối chính xác nghĩa của một vài từ/cụm từ thông tục có trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 7 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Chứa một từ khoá từ bài nghe và diễn đạt khác ý người nói.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

		<p>B. Chứa một từ khoá từ bài nghe và diễn đạt không được đề cập đến.</p> <p>C. Chứa một từ đọc gần giống một từ khoá trong bài nghe và diễn đạt một ý không được đề cập đến.</p> <p>D. Chứa từ khoá trong bài nghe và diễn đạt hàm ý của người nói.</p>
4	<p>Có thể nhận ra được một số từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ đơn giản và thường gặp có trong bài nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được tương đối chính xác nghĩa của nhiều từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ đơn giản, thường gặp đã nghe được trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một nghĩa của cụm từ nhưng không hợp với ngữ cảnh.</p> <p>B. và C. Những khái niệm được đề cập đến trong bài nghe nhưng không đúng nghĩa của cụm từ.</p> <p>D. Nghĩa chính xác của cụm từ.</p>
5	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể nhận ra được nhiều từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ có trong bài nghe. • Hiểu được tương đối chính xác nghĩa của nhiều từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 12 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một nghĩa của cụm từ nhưng không hợp với ngữ cảnh.</p> <p>B. và C. Những khái niệm được đề cập đến trong bài nghe nhưng không đúng nghĩa của cụm từ.</p> <p>D. Nghĩa chính xác của cụm từ.</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể nhận ra được hầu hết các từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 12 từ/ hoặc số đếm.</p> <p>A. Một nghĩa của cụm từ nhưng không hợp với ngữ cảnh.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được khá chính xác nghĩa của hầu hết các từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ trong bài nghe. 	<p>B. và C. Những khái niệm được đề cập đến trong bài nghe nhưng không đúng nghĩa của cụm từ.</p> <p>D. Nghĩa chính xác của cụm từ.</p>
--	---	---

d) Nghe và nhận biết các từ/cụm từ thông tục, thành ngữ

Loại câu hỏi này không chỉ kiểm tra đơn thuần nghĩa của các từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, thuật ngữ mà còn cả khả năng hiểu những yếu tố ngôn ngữ này trong bài nghe. Loại câu hỏi này thường có dạng:

- Hội thoại/đoạn văn/bài có mấy (bao nhiêu) cụm từ thông tục/thành ngữ/tục ngữ?
- Từ trong câu nghĩa là gì?
- Cụm từ trong câu nghĩa là gì?
- Thành ngữ có nghĩa là:
- Có thể thay thế từ/cụm từ/thành ngữ..... bằng từ/cụm từ/ thành ngữ nào dưới đây?

Bậc	Đặc tả	Yêu cầu về cấu trúc đề thi
3	<p>Có thể nhận ra được một vài từ/cụm từ thông tục có trong bài nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được tương đối chính xác nghĩa của một vài từ/cụm từ thông tục có trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một nghĩa của cụm từ nhưng không hợp với ngữ cảnh.</p> <p>B. và C. Những khái niệm được đề cập đến trong bài nghe nhưng không đúng nghĩa của cụm từ.</p> <p>D. Nghĩa chính xác của cụm từ.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

4	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể nhận ra được một số từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ đơn giản và thường gặp có trong bài nghe. • Hiểu được tương đối chính xác nghĩa của nhiều từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ đơn giản, thường gặp đã nghe được trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 9 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một nghĩa của cụm từ nhưng không hợp với ngữ cảnh.</p> <p>B. và C. Những khái niệm được đề cập đến trong bài nghe nhưng không đúng nghĩa của cụm từ.</p> <p>D. Nghĩa chính xác của cụm từ.</p>
5	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể nhận ra được nhiều từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ có trong bài nghe. • Hiểu được tương đối chính xác nghĩa của nhiều từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 12 tiếng hoặc số đếm.</p> <p>A. Một nghĩa của cụm từ nhưng không hợp với ngữ cảnh.</p> <p>B. và C. Những khái niệm được đề cập đến trong bài nghe nhưng không đúng nghĩa của cụm từ.</p> <p>D. Nghĩa chính xác của cụm từ.</p>
6	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể nhận ra được hầu hết các từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ trong bài nghe. • Hiểu được khá chính xác nghĩa của hầu hết các từ/cụm từ thông tục, thành ngữ, tục ngữ trong bài nghe. 	<p>Mỗi phương án dài không quá 12 từ/ hoặc số đếm.</p> <p>A. Một nghĩa của cụm từ nhưng không hợp với ngữ cảnh.</p> <p>B. và C. Những khái niệm được đề cập đến trong bài nghe nhưng không đúng nghĩa của cụm từ.</p> <p>D. Nghĩa chính xác của cụm từ.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

--	--	--

4.2.1.2.3.2. Chấm điểm

Chấm điểm: 55 điểm. Mỗi câu 1 điểm; sau đó quy đổi theo thang điểm 10.

4.2.2. Cấu trúc và nội dung đề thi đọc

4.2.2.1. Mô tả chung về kỹ năng đọc

Bậc	Mô tả cụ thể
Bậc 1	Đọc hiểu được những đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè, nơi sinh sống.
Bậc 2	Đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc, cụ thể; có khả năng sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.
Bậc 3	Đọc hiểu được các văn bản có những thông tin rõ ràng về những chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.
Bậc 4	Đọc hiểu được một cách tương đối độc lập, điều chỉnh được cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng có chọn lọc những nguồn tham khảo phù hợp. Có vốn từ vựng lớn chủ động phục vụ quá trình đọc, nhưng vẫn còn gặp khó khăn với những thành ngữ ít xuất hiện.
Bậc 5	Đọc hiểu được chi tiết những văn bản dài, phức tạp, kể cả những văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình, với điều kiện được đọc lại các đoạn khó.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Bậc 6	<p>- Đọc hiểu, lựa chọn sử dụng (có phân tích, phê phán), đánh giá được hầu hết các thể loại văn bản, có cấu trúc và nội dung phức tạp.</p> <p>- Đọc hiểu được nhiều loại văn bản dài và phức tạp, cảm thụ được những nét khác biệt giữa nghĩa đen và nghĩa bóng, các loại văn phong.</p>
--------------	---

4.2.2.2. Đặc tả đề thi đọc

4.2.2.2.1. Thông tin chung

Thời gian: 60 phút

Mục tiêu: Kiểm tra đánh giá khả năng đọc hiểu các dạng văn bản khác nhau.

Cấu trúc bài thi đọc:

Bài thi Đọc gồm hai phần: Phần 1 đọc về những vấn đề chung, thường gặp trong đời sống hằng ngày, phần 2 đọc về những vấn đề khoa học, văn chương, báo chí. trong mỗi phần có thể gồm một hoặc vài ba đoạn trích văn bản (gọi là một bài đọc). Sau mỗi bài đọc sẽ có các câu hỏi, mỗi câu hỏi có 4 phương án để lựa chọn trả lời.

❖ *Miêu tả chung về ngữ liệu bài đọc*

- Phần 1. Đọc về những vấn đề chung, thường gặp trong đời sống hằng ngày; đánh giá trình độ 1, 2, 3. Có thể yêu cầu đọc một hoặc hai bài, tổng độ dài khoảng 900 - 950 tiếng (chữ).
- Phần 2. Đọc những vấn đề về khoa học, văn chương, báo chí, đánh giá trình độ bậc 4-5-6. Có thể yêu cầu đọc một hoặc hai, ba bài, tổng độ dài khoảng 1300 - 1350 tiếng.
- Độ dài toàn bài thi đọc: Khoảng 2200 - 2300 tiếng.
- Độ khó của bài đọc và câu hỏi: Tương ứng từ bậc 1 đến bậc 6.

Mô tả chi tiết ngữ liệu bài đọc và câu hỏi kiểm tra

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Phần 1: Gồm hai đoạn trích văn bản (gọi là *bài đọc*).

- **Bài 1:** Tương ứng với trình độ **bậc 1 và 2**, có độ dài khoảng 500 - 550 tiếng, thuộc chủ đề miêu tả, hướng dẫn, kể chuyện đời sống hằng ngày.
- **Bài 2:** Tương ứng với trình độ **bậc 3**, có độ dài khoảng 400 – 420 tiếng, thuộc chủ đề nói về các hoạt động hoặc vấn đề của xã hội, cá nhân trong đời sống hằng ngày.
- Câu hỏi cho phần 1: **16 câu**

Phần 2: Gồm ba bài đọc

- **Bài 3:** Khoảng 450 tiếng, về khoa học tự nhiên hoặc khoa học nhân văn.
- **Bài 4:** Khoảng 450 tiếng, về khoa học tự nhiên hoặc khoa học nhân văn.
- **Bài 5:** Khoảng 450 tiếng thuộc một ngành/chuyên ngành khoa học tự nhiên, hoặc khoa học nhân văn, hoặc văn chương.
- Câu hỏi cho phần 2: 24 câu
- Tất cả các bài của cả hai phần đều ưu tiên những văn bản viết về Việt Nam hoặc sự kiện liên quan đến Việt Nam.

4.2.2.2. Thông tin chi tiết

Phần đọc chung

Bài 1:

- **01 đoạn trích văn bản ứng với bậc 1 và 2**
- Chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày: Cá nhân, gia đình, nghề nghiệp, học hành, môi trường sống, cộng đồng.
- Nguồn: Trích đoạn văn xuôi, tài liệu hướng dẫn, mô tả công việc, thư từ.
- Độ dài: Khoảng 500 - 550 tiếng.
- Từ vựng: Từ ngữ quen thuộc trong các chủ đề giao tiếp hằng ngày.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Ngữ pháp: Các cụm từ, kiểu câu tương ứng ngữ pháp bậc 1 và 2.

- **Độ khó và các kỹ năng được kiểm tra**

- 2 câu hỏi dễ bậc 1

- 2 câu hỏi dễ bậc 2

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng: Xác định thông tin cụ thể, tường minh, được diễn đạt bằng từ vựng và cấu trúc ngôn ngữ bậc 1, bậc 2.

- 3 câu hỏi trung bình bậc 1

- 2 câu hỏi trung bình bậc 2

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng: Hiểu và tìm thông tin trong câu, đoạn của đoạn trích văn bản tương ứng với bậc 1, bậc 2, được hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp.

- 1 câu hỏi khó bậc 2

Kiểm tra, đánh giá kỹ năng: Hiểu, xác định thông tin có bị gây nhiễu.

- **Số câu hỏi: 10**

Bài 2

- **01 đoạn trích văn bản ứng với bậc 3**

- Chủ đề quen thuộc trong đời sống hằng ngày: Cá nhân, gia đình, nghề nghiệp, học hành, vấn đề của cuộc sống xã hội, cộng đồng.

- Nguồn: Trích đoạn văn xuôi, tài liệu hướng dẫn, mô tả công việc, thư từ.

- Độ dài: Khoảng 400 (+ 20) tiếng.

- Từ vựng: Từ ngữ quen thuộc trong các chủ đề giao tiếp hằng ngày.

- Ngữ pháp: Các cụm từ, kiểu câu tương ứng ngữ pháp bậc 3

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- **Độ khó và các kỹ năng được kiểm tra**

- 1 câu hỏi dễ, bậc 3

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Xác định thông tin cụ thể, tường minh, thông tin được diễn đạt bằng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp bậc 3, ít hoặc không có yếu tố gây nhiễu.
- Xác định đối tượng được diễn đạt bằng cách khác.

- 4 câu hỏi trung bình bậc 3

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Phát hiện những thông tin cụ thể trong các câu, đoạn ngắn trong bài.
- Nhận ra thông tin tường minh trong văn bản được nói bằng cách khác trong câu hỏi.

- 1 câu hỏi khó bậc 3

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Hiểu ý chính của một đoạn trong bài.
- Xác định nội dung thông tin được hỏi gián tiếp.

- **Số câu hỏi: 6**

Phần đọc về học thuật:

Bài 3

- **01 đoạn trích văn bản ứng với bậc 4**

- Chủ đề: Đời sống xã hội, tự nhiên, các hoạt động xã hội, cá nhân hằng ngày, kiến thức khoa học hoặc đời sống thường thức.
- Nguồn: Các trích đoạn văn xuôi, báo chí, khoa học thường thức, tài liệu hướng dẫn, mô tả công việc.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Độ dài: Khoảng 450 tiếng.
- Từ vựng: Từ ngữ quen thuộc trong các chủ đề giao tiếp hằng ngày, bậc 4.
- Ngữ pháp: Các cụm từ ngữ, kiểu câu tương ứng ngữ pháp bậc 4.

- **Độ khó và các kỹ năng được kiểm tra**

- 1 câu dễ bậc 4

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Phát hiện nội dung cần tìm trong văn bản theo yêu cầu.
- Xác định quan điểm, thái độ của nhân vật hoặc người viết trong đoạn văn bản được dẫn đạt tường minh.
 - 5 câu trung bình bậc 4

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Hiểu, tìm được và liên kết được thông tin (theo yêu cầu) trong toàn bộ văn bản.
- Hiểu mục đích của đoạn ngắn hoặc toàn văn bản phải đọc.
- Xác định quan điểm, thái độ của người viết trong đoạn ngắn văn bản có chủ đề ít quen thuộc.
 - 2 câu khó bậc 4

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Xác định nội dung thông tin được dẫn đạt gián tiếp/ngầm ẩn.
- Xác định quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản có chủ đề ít quen thuộc
- **Số câu hỏi: 8**

Bài 4

- **01 đoạn trích văn bản ứng với bậc 5**

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Lĩnh vực, chủ đề: Ngành hoặc chuyên ngành khoa học, văn chương, giáo dục, nghề nghiệp, con người.
- Nguồn: Tạp chí chuyên ngành, sách, truyện, tiểu thuyết.
- Độ dài: Khoảng 450 tiếng.
- Từ vựng: Tương ứng bậc 5, có một số ít từ tần suất thấp.
- Ngữ pháp: Các kiểu câu đơn, câu phức, câu ghép, phần lớn là câu dài

- **Độ khó và các kỹ năng được kiểm tra**

- *1 câu dễ bậc 5*

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Suy đoán nghĩa của từ, ngữ trong câu.
- Phát hiện thông tin, sự tình được thể hiện, diễn giải theo cách khác (có hàm ý).
- Phát hiện hàm ý của một câu hay cụm từ.
- Xác định mục đích của một thông tin hoặc lập luận.

- *5 câu trung bình bậc 5*

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Hiểu một nội dung, thái độ, ý kiến được thể hiện bằng cách diễn đạt gián tiếp.
- Nhận ra và hiểu thông tin, sự tình được diễn đạt theo cách khác.
- Hiểu thông tin chung của toàn bài qua việc phát hiện và liên kết được những thông tin cụ thể, rõ ràng phân tán trong văn bản.

- *2 câu khó bậc 5*

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Xác định hàm ý của một câu hoặc cụm từ (có văn phong điển đạt của ngành/chuyên ngành).
- Xác định một quan điểm, thái độ được diễn đạt ngầm ẩn.
- Hiểu thông tin chung của toàn văn bản qua việc hiểu và liên kết được các thông tin phân tán trong văn bản.
- Phát hiện và hiểu trật tự logic của một sự tình, hoặc một suy luận

- **Số câu hỏi: 8**

Bài 5

- **01 đoạn trích văn bản ứng với bậc 6**

- Lĩnh vực: Ngành hoặc chuyên ngành khoa học, văn chương, báo chí, về các chủ đề khác nhau: đời sống, giáo dục, nghề nghiệp, xã hội, lịch sử, con người... (không hạn chế).
- Nguồn: Tạp chí chuyên ngành, sách, truyện, tiểu thuyết.
- Độ dài: Khoảng 500 (+20) tiếng.
- Từ vựng: Tương ứng bậc 6, thành thực có một số lượng nhất định những từ tần suất thấp.
- Ngữ pháp: Các kiểu câu đơn, câu phức, câu ghép, phần lớn là câu dài.
- **Độ khó và các kỹ năng được kiểm tra**
 - *1 câu dễ bậc 6*

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Suy đoán nghĩa của từ, ngữ trong câu.
- Phát hiện thông tin, sự tình được thể hiện, diễn giải theo cách khác.
- Phát hiện hàm ý của một câu hoặc cụm từ ngữ.
- Xác định mục đích của thông tin hoặc lập luận trong một câu hoặc phân đoạn.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- 5 câu trung bình bậc 6

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Hiểu đúng một nội dung, thái độ, ý kiến được thể hiện bằng cách diễn đạt tế nhị, gián tiếp.
- Nhận ra và hiểu thông tin, sự tình được diễn giải theo cách khác, diễn đạt đồng nghĩa; hiểu thành ngữ thông thường.
- Phát hiện và liên kết được những thông tin phân tán trong văn bản có tính chuyên ngành hoặc văn chương.

- 2 câu khó bậc 6

Kiểm tra, đánh giá trong các kỹ năng:

- Xác định hàm ý của một câu hoặc cụm từ (văn bản có văn phong diễn đạt của ngành/chuyên ngành).
- Xác định tư tưởng, quan điểm, thái độ của nhân vật hoặc tác giả văn bản được diễn đạt qua các luận cứ trong toàn bài.
- Hiểu, xác định được nội dung thông tin chung, khái quát hơn hoặc mục đích của văn bản qua việc hiểu và liên kết được những thông tin, luận cứ phân tán trong văn bản.
- Phát hiện và hiểu trật tự logic của sự tình, của lập luận và suy luận trong văn bản.

- **Số câu hỏi: 8**

4.2.2.2.3. Các kiểu câu hỏi và chấm điểm

4.2.2.2.3.1. Các kiểu câu hỏi

Kiểu câu hỏi 1

- Phân tích, xác định ngữ pháp của câu để biết câu đúng/ sai.
- Bậc: 1 – 4
- Hiểu được ngữ nghĩa, ngữ pháp của câu (được rút từ văn bản), phát hiện ra những dạng cải biến làm cho câu trở nên không đúng về ngữ pháp.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Văn bản đọc đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ đánh giá ở bậc đánh giá tương ứng.

Thông tin được hỏi, các dạng cải biên câu cần phải tường minh và cụ thể.

- Câu hỏi : *Trong bốn câu sau đây, câu nào là câu sai/không đúng ngữ pháp ?*

A. Phương án sai

C. Phương án sai

B. Phương án sai

D. Phương án đúng

(Phương án đúng được đặt ở vị trí tùy nghi trong 4 vị trí).

Kiểu câu hỏi 2

- Xác định được thông tin quy chiếu người, vật, việc ..., được diễn đạt tường minh trong văn bản.

- Câu hỏi cho bậc 1 – 6

- Hiểu và xác định được thông tin quy chiếu nhân vật, sự vật ... được nói tới, được trình bày trong văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng.

- Văn bản đọc đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ đánh giá ở bậc đánh giá tương ứng. Thông tin được hỏi tường minh và cụ thể.

Câu hỏi: - Theo đoạn trích, X là ai/ gì?

- Theo đoạn trích, X có gì? có ai?

- Theo đoạn trích, ai/ cái gì ... làm X?

A. Phương án sai

C. Phương án sai

B. Phương án sai

D. Phương án đúng

Kiểu câu hỏi 3

- Xác định được sự việc hoặc đặc điểm, trạng thái, hoạt động của người, sự vật, sự việc được diễn đạt tường minh trong văn bản

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Câu hỏi cho bậc 2 - 6
- Hiểu, xác định được những thông tin, quy chiếu cụ thể về sự việc, hoặc đặc điểm, trạng thái, hoạt động ... của nhân vật, sự vật, hay sự việc được trình bày trong văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng
- Hiểu, xác định được những thông tin, quy chiếu cụ thể về sự việc, hoặc đặc điểm, trạng thái, hoạt động ... của nhân vật, sự vật, hay sự việc được trình bày trong văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng.
- Văn bản đọc đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ đánh giá ở bậc đánh giá tương ứng. Các thông tin được hỏi cần tường minh và cụ thể.
- Theo đoạn trích, X làm gì/như thế nào/ có đặc điểm gì?

A. Phương án sai	C. Phương án sai
B. Phương án sai	D. Phương án đúng

Kiểu câu hỏi 4

-Nhận ra những từ, ngữ có cùng đối tượng quy chiếu

-Câu hỏi cho bậc 3 – 6

-Nhận ra được thông tin tường minh trong văn bản được diễn đạt khác đi trong phần yêu cầu thí sinh phải lựa chọn phương án.

-Văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng. Thông tin được hỏi, nằm trong văn bản phải rõ ràng, tường minh, nhưng trong các lựa chọn của phương án thì được diễn đạt khác đi.

Câu hỏi: - X là ai/ là gì? - Từ X có thể được hiểu là ... ? - X có thể được thay thế bằng Y nào dưới đây ?

- | | |
|------------------|-------------------|
| A. Phương án sai | C. Phương án sai |
| B. Phương án sai | D. Phương án đúng |

Kiểu câu hỏi 5

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

-Phát hiện thông tin qua suy luận, so sánh tương quan gián tiếp.

- Câu hỏi cho bậc 4-6

-Hiểu thông tin được cung cấp trực tiếp, hiểu ngôn đề suy ra (những) thông tin khác nhờ suy diễn hoặc tính toán được (qua các tương quan về lượng hoặc tương quan logic).

-Văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng. Thông tin được cung cấp phải tường minh, chính xác; thông tin được hỏi phải suy ra từ thông tin được cung cấp.

- Câu hỏi: - *Nếu ... thì X sẽ là ...? - Theo ... Y là vì: - Vì sao X lại Y?*

A. Phương án sai

C. Phương án sai

B. Phương án sai

D. Phương án đúng

Kiểu câu hỏi 6

-Xác định hàm ý một cụm từ ngữ hoặc một câu.

- Câu hỏi bậc 4 – 6

- Hiểu và nhận ra được hàm ý/ ẩn ý của câu hoặc từ, cụm từ được thể hiện trong văn bản. Người đọc thể hiện được sự hiểu biết nghĩa (ở cấp độ câu, từ, cụm từ) của mình

- Văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng. Chủ đề của văn bản đọc ít quen thuộc, có phong cách văn chương, báo chí hoặc ngành/chuyên ngành khoa học.

- Câu hỏi: - *Câu (...) / Cụm từ (...) trong đoạn trích có ý / có thể được hiểu là:*

- Khi viết (...) là tác giả muốn nói:

A. Phương án sai

C. Phương án sai

B. Phương án sai

D. Phương án đúng

Kiểu câu hỏi 7

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Xác định logic của các chi tiết, nội dung, các sự việc thể hiện qua các câu, đoạn trong văn bản.
- Câu hỏi cho bậc 4-6
- Hiểu và xác định được logic của các chi tiết, nội dung, các sự việc thể hiện qua các câu, đoạn trong văn bản dựa vào các phương tiện liên kết ngữ pháp hoặc ngữ nghĩa. Qua đó, nhận ra được trật tự, kết nối nào được hay không được, hợp lý hay không hợp lý.
- Văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng. Các phương án có nhiều, nhưng không để lộ liễu. Các phương án sai phải có những phản tương tự hoặc có liên hệ về nội dung với phương án đúng.
- Câu hỏi: - *Câu dưới đây có thể đặt (kết nối) vào vị trí nào (được đánh dấu A, B, C, D) trong đoạn trích là thích hợp?*
 - A. A
 - B. B
 - C. C
 - D. D

Kiểu câu hỏi 8

- Phát hiện chi tiết, sự việc ngầm thể hiện thái độ, ý kiến của nhân vật hoặc của tác giả văn bản
- Câu hỏi cho bậc 5-6
- Phát hiện và hiểu được thái độ, ý kiến của nhân vật, tác giả văn bản được thể hiện gián tiếp hoặc ngầm ẩn qua chi tiết, sự việc, lời nói ... hiển ngôn.
- Văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng; chủ đề ít quen thuộc; có tính văn chương hoặc khoa học chuyên ngành ở bậc tương ứng.
- Câu hỏi: - *Khi viết/nói (...), tác giả (hoặc X) có ý muốn nói gì?*
- *Khi viết / nói (...), tác giả (hoặc X) có ý kiến/ tỏ thái độ gì?*

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- A. Phương án sai
 B. Phương án sai
 C. Phương án sai
 D. Phương án đúng

Kiểu câu hỏi 9

- Xác định mục đích của một thông tin hoặc lập luận.
- Câu hỏi cho bậc 5-6.
- Hiểu và xác định được mục đích của chi tiết, sự tình nhằm ủng hộ, chứng minh, phủ nhận, bác bỏ... cái gì. (Các mục đích đó được thể hiện ngầm ẩn).
- Văn bản đáp ứng yêu cầu ngôn ngữ ở bậc đánh giá tương ứng; chủ đề ít quen thuộc hơn, nội dung mang tính chuyên ngành hoặc trừu tượng. Thông tin cần xác định không được trình bày hiển ngôn.
- Câu hỏi: *X ... nhằm mục đích gì/có dụng ý gì dưới đây?*

- A. Phương án sai
 B. Phương án sai
 C. Phương án sai
 D. Phương án đúng

4.2.2.2.3.2. Chấm điểm

Chấm điểm: 40 điểm, mỗi câu 1 điểm; sau đó quy đổi theo thang điểm 10.

4.2.3. Cấu trúc nội dung đề thi nói

4.2.3.1. Mô tả chung về kỹ năng nói

Bậc	Mô tả cụ thể
-----	--------------

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1	<ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng giao tiếp ở mức độ đơn giản, với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại. • Có khả năng hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, nói và ứng đáp được những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực mà mình quan tâm và về những chủ đề quen thuộc.
2	<ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình. • Có khả năng giao tiếp dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần phải quá cố gắng.
3	<ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng sử dụng ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống thường phát sinh trong khi đi du lịch. • Có khả năng bắt đầu một cuộc hội thoại về chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, thể hiện những quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hằng ngày. • Giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc hoặc không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc lĩnh vực quan tâm của mình. • Trao đổi, kiểm tra, xác nhận được thông tin và xử lý những tình huống ít gặp. • Bày tỏ được suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc.
4	<ul style="list-style-type: none"> • Giao tiếp khá lưu loát, tự nhiên với người Việt.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thích được nội dung quan trọng thông qua trải nghiệm cá nhân; giải thích và giữ quan điểm một cách rõ ràng bằng những lập luận và minh chứng liên quan. • Sử dụng ngôn ngữ thành thạo, hiệu quả về các chủ đề chung, chủ đề giải trí, nghề nghiệp và học tập; giữa các ý có liên kết rõ ràng. • Giao tiếp một cách tự nhiên, sử dụng tốt các cấu trúc ngữ pháp và không gặp khó khăn khi diễn đạt cho phù hợp với hoàn cảnh.
5	<ul style="list-style-type: none"> • Giao tiếp một cách trôi chảy, tự nhiên với người Việt mà không cần phải quá cố gắng. • Làm chủ được vốn từ vựng rộng, dễ dàng xử lý được những tình huống phức tạp về ngôn ngữ mà không cần phải cố tìm cách diễn đạt hoặc phải lảng tránh câu hỏi.
6	<ul style="list-style-type: none"> • Có thể sử dụng tốt các cấu trúc ngôn ngữ, hiểu các cấp độ ý nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ đặc biệt. • Có thể giao tiếp rất dễ dàng và thay đổi lối nói một cách tự nhiên như người Việt có học thức.

4.2.3.2. Đặc tả đề thi nói

4.2.3.2.1. Thông tin chung

- Thời gian: 15 phút.
- Đề thi năng lực nói tiếng Việt gồm ba phần:
 - Phần 1: Tương tác xã hội
 - Phần 2: Thảo luận về giải pháp
 - Phần 3: Nói theo chủ đề (Phát triển chủ đề).

Phần 1: Tương tác xã hội

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- ❖ Giám khảo (GK) hỏi thí sinh (TS) từ 3 đến 6 câu hỏi thuộc hơn một chủ đề khác nhau.
- ❖ Thí sinh trả lời câu hỏi.
- ❖ Các câu hỏi được thiết kế dưới dạng câu hỏi mở và/ hoặc đóng.

Phần 2: Thảo luận về giải pháp

- + TS được cung cấp một tình huống với 2 hoặc hơn 2 lựa chọn để giải quyết một vấn đề nêu ra.
- + TS đưa ra lập luận về giải pháp mà mình cho là tối ưu và lập luận tại sao không chọn các giải pháp khác.
- + Phần này được thiết kế dưới dạng một đoạn văn ngắn và có thể có các bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh kèm theo.

Phần 3: Nói theo chủ đề

- + Trong phần này, TS trình bày sự phát triển ý về một chủ đề cho trước.
- + TS có thể được cung cấp bản đồ, sơ đồ, hình ảnh và được sử dụng dàn ý cho trước dưới dạng sơ đồ hoặc/và có thể sử dụng dàn ý riêng để phát triển chủ đề.
- + Sau khi thí sinh trình bày xong bài nói, giám khảo hỏi 1-3 câu hỏi liên quan tới nội dung chủ đề.

Chủ đề để phát triển ý được trình bày dưới dạng một câu hoàn chỉnh, hoặc một đoạn văn (ĐV) ngắn có thể kèm theo bản đồ, sơ đồ, hình ảnh. Dàn ý gợi ý cho TS sử dụng để phát triển ý được trình bày dưới dạng một sơ đồ tư duy. Mỗi ý của dàn ý và chủ đề trong sơ đồ tư duy được nêu bằng danh từ hoặc cụm danh từ, động từ hoặc tính từ.

Ba câu hỏi nên là câu có dùng từ để hỏi.

- ❖ Câu hỏi 1 được thiết kế cho TS đạt bậc 3;
- ❖ Câu hỏi 2 được thiết kế cho TS đạt bậc 4;
- ❖ Câu hỏi 3 được thiết kế cho TS đạt bậc 5 và bậc 6 theo *Khung năng lực*.

- **Tổng số nhiệm vụ: 3**

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- **Tổng điểm:** 10 điểm theo thang điểm 10.

4.2.3.2.2. Thông tin chi tiết

Phần 1: Giao tiếp xã hội	
Dạng thức nhiệm vụ	Giao tiếp xã hội
Tiêu kỹ năng cần kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời phỏng vấn - Giao tiếp xã hội - Giải thích và mô tả một vấn đề cụ thể
Dạng thức câu hỏi và trả lời	Hỏi và trả lời
Số lượng câu hỏi	3 - 6
Thời gian	3 phút
Hướng dẫn	Giám khảo hỏi những câu hỏi mà thí sinh không biết trước và không có thời gian chuẩn bị.
Phần 2: Thảo luận giải pháp	
Dạng thức nhiệm vụ	Thảo luận để tìm giải pháp cho một vấn đề, một tình huống
Tiêu kỹ năng cần kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Lập luận trong thảo luận và khả năng trình bày quan điểm. - Giao tiếp xã hội. - Kỹ năng đàm phán. <p>Những tiêu kỹ năng khác có thể kiểm tra là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo sự chú ý, quăng ngát, kiểm soát ngôn từ. - Gạn, lọc để làm cho ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển đổi ý nghĩa. - Những mô hình ngữ điệu để gây hiệu quả ngữ dụng. - Ngôn ngữ cử chỉ, giao lưu bằng ánh mắt, ngôn ngữ cơ thể. - Cử chỉ lễ phép, nghi thức và những yếu tố ngôn ngữ xã hội khác.
Dạng thức câu hỏi và trả lời	Thảo luận giữa giám khảo và thí sinh.
Số lượng câu hỏi	Có thể thay đổi.
Thời gian	5 phút (1 phút chuẩn bị)
Hướng dẫn	Giám khảo hướng dẫn thí sinh cách thức thi và cung cấp tình huống cho thí sinh. Thí sinh có một phút để chuẩn bị. Khi đánh giá sự thể hiện ngôn ngữ của thí sinh, xác định thí sinh có hiểu vấn đề hay không, tiêu chí <i>lời nói có phù hợp hay không phù hợp</i> là rất quan trọng. Giám khảo phải ghi âm tất cả khi thí sinh thể hiện các ý tưởng nội dung và các cách dùng ngữ pháp để đánh giá khả năng hiểu của thí sinh.
Phần 3: Phát triển chủ đề (Nói theo chủ đề)	
Dạng thức nhiệm vụ	Phát triển khả năng nói theo một chủ đề.
Kỹ năng cần kiểm tra	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định chủ đề, phát triển và mở rộng, duy trì và kết thúc chủ đề; - Nói trước khán giả; - Nói độc thoại dài; - Mô tả người, sự vật, hiện tượng; - Hiểu người đối thoại; - Tương tác xã hội;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	- Trả lời câu hỏi.
Dạng thức câu hỏi và trả lời	- Thí sinh nói theo nội dung chủ đề. - Hỏi và trả lời.
Số lượng câu hỏi	1-3 câu theo chủ đề
Thời gian	7 phút (1 phút chuẩn bị)
Hướng dẫn	Giám khảo đưa ra một hoặc một số chủ đề rồi yêu cầu thí sinh nói theo một trong những chủ đề ấy. Thí sinh có thể được cung cấp một số gợi ý cần thiết. Sau khi thí sinh trình bày, giám khảo hỏi một đến ba câu có liên quan đến chủ đề.

4.2.3.2.3. Các kiểu câu hỏi và chấm điểm

4.2.3.2.3.1. Các kiểu câu hỏi

a) Kiểu đề Giao tiếp xã hội

Giám khảo có thể hỏi bằng câu hỏi đóng và mở như dưới đây:

Thí sinh nghe:

Câu hỏi 1: Gia đình em có mấy người?

Câu hỏi 2: Xin lỗi, em bao nhiêu tuổi?

Câu hỏi 3: Em sang Hà Nội bao giờ?

Câu hỏi 4: Bao giờ em về Seoul?

Câu hỏi 5...

a. Em đã sang Việt Nam mấy lần rồi?

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- b. Em đã thăm những nước nào khác ngoài Việt Nam?
 c. Tại sao em lại đến thăm đất nước đó? Em thích cái gì nhất ở đất nước này?
 d. Nếu như em trở lại đất nước này, em sẽ thích làm gì và đi tham quan ở đâu?
 e. Đất nước nào em sẽ đến thăm sau chuyến thăm Việt Nam này? Tại sao em đến đó?

Thí sinh trả lời câu hỏi: ...

Câu hỏi từ 1 đến 4 cần những câu trả lời chính xác. Đó là những câu hỏi đóng. Các câu hỏi 5 (5 dạng) được liên kết theo bối cảnh và được biến đổi tùy thuộc vào câu trả lời của thí sinh cho những câu hỏi trước. Đó là những câu hỏi mở.

Để đánh giá khả năng tạo câu hỏi của thí sinh, có thể dùng những câu hỏi gợi ý như sau để hỏi thí sinh:

Bạn có hỏi tôi điều gì không?
 Bạn hãy hỏi tôi về gia đình tôi!
 Nếu bạn được phỏng vấn tổng thống hay thủ tướng chính phủ của nước bạn thì bạn sẽ hỏi họ những câu hỏi gì?
 Thí sinh phản ứng bằng những câu hỏi cụ thể.

b) Kiểu đề Thảo luận giải pháp

- Kiểu đề 1: Thảo luận và lựa chọn một trong hai phương án

Giám khảo: Gia đình bạn chuẩn bị xây dựng một căn biệt thự hai tầng như trong ảnh. Bạn hãy lựa chọn một trong hai phương án và thuyết phục mọi người trong gia đình xây dựng theo phương án mà bạn đã chọn. Hãy coi tôi là một người trong gia đình bạn. Bạn có 60 giây chuẩn bị.

c) Kiểu đề phát triển chủ đề

Khái quát các kiểu đề thi nói theo chủ đề

1	Miêu tả đặc điểm của người và vật;
---	------------------------------------

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

2	Kể lại câu chuyện đã được đọc;
3	Tóm tắt thông tin của một người nói hay văn bản cụ thể;
4	Đưa ra lời hướng dẫn dựa trên những kết quả quan sát được;
5	Đưa ra những lời khuyên hay lời chỉ dẫn;
6	Đưa ra quan điểm riêng của mình;
7	Chứng minh một quan điểm nào đó;
8	So sánh/đối lập;
9	Giả định;
10	Định nghĩa.
Một số kiểu đề thi cụ thể	
1	Miêu tả một người nào đó;
2	Miêu tả công việc hằng ngày của mình;
3	Đề xuất một món quà tặng cho một người nào đó và chứng minh sự lựa chọn của mình là phù hợp;
4	Đề xuất một vị trí để đi thăm quan và chứng minh sự lựa chọn đúng đắn của mình;
5	Đưa ra những hướng dẫn (làm món ăn hay cách sử dụng một phương tiện kỹ thuật nào đó);
6	Kể lại nội dung một bộ phim ưa thích và chứng minh sự lựa chọn đúng đắn của mình khi đã chọn xem phim ấy;
7	Kể một câu chuyện theo tranh;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

8	Giả định về hoạt động trong tương lai;
9	Giả định về những hành động để ngăn ngừa trước một thảm họa;
10	Gọi điện thoại cho người giặt là trong khách sạn;
11	Miêu tả những tin tức thời sự quan trọng;
12	Trình bày những quan điểm khác nhau về động vật hoang dã bị nhốt trong vườn thú;
13	Định nghĩa một thuật ngữ khoa học hay kỹ thuật;
14	Miêu tả thông tin trong biểu đồ và giải thích những ký hiệu trong biểu đồ đó;
15	Trình bày chi tiết về một kế hoạch du lịch...

2.3.2.3.2. Chấm điểm bài thi nói

a) Các tiêu chí chấm điểm xếp theo bậc

Bậc 1

(a) Ngữ pháp	(b) Từ vựng	(c) Khả năng hiểu	(d) Tính trôi chảy	(đ) Phát âm	(e) Các nhiệm vụ của bài thi
Thường xuyên có lỗi ngữ pháp nhưng người nghe là người bản ngữ có kinh nghiệm tiếp xúc với người nước	Từ vựng nói ra không thỏa đáng đối với việc biểu thị một điều gì đó nhưng có thể thể hiện được yêu cầu	Trong phạm vi rất hạn chế về những kinh nghiệm ngôn ngữ, có thể hiểu được những câu hỏi và những lời nói đơn giản nếu	Không trôi chảy trong lời nói.	Những lỗi ngữ âm xảy ra thường xuyên nhưng những người bản ngữ giao tiếp với người nước	Có thể trả lời những câu hỏi về chủ đề rất gần gũi. Có khả năng thỏa mãn được toàn bộ những yêu cầu du lịch

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

ngoài có thể hiểu.	cơ bản của người bắt đầu học.	được nói ra với một tốc độ chậm. Lặp đi lặp lại hoặc diễn đạt nhiều lần.		ngoài nhiều, có thể hiểu được.	(đi lại) và những yêu cầu lịch sự tối thiểu (có thể gọi bữa cơm đơn giản, yêu cầu thuê phòng, hỏi và trả lời những hướng dẫn đơn giản, nói năng trong mua bán và nói về thời gian.)
--------------------	-------------------------------	--	--	--------------------------------	---

Bậc 2

(a) Ngữ pháp	(b) Từ vựng	(c) Khả năng hiểu	(d) Tính trôi chảy	(đ) Phát âm	(e) Các nhiệm vụ của bài thi
Có thể sử dụng thường xuyên những cấu trúc cơ bản một cách khá chính xác nhưng không trọn vẹn hoặc kiểm soát một cách không	Có thể nói các từ ngữ đủ để tự thể hiện một cách đơn giản trong một số hoàn cảnh.	Có thể nắm được những nội dung cơ bản của những cuộc hội thoại về những chủ đề không thuộc khoa học, kỹ thuật (chủ đề không đòi hỏi	Có thể nói trôi chảy trong từng trường hợp riêng như: giới thiệu, nói chuyện về những sự kiện hiện tại, công việc, gia đình,	Giọng khó hiểu do có lỗi thường xuyên.	Có khả năng đáp ứng được những yêu cầu giao tiếp ở bậc tương ứng và những đòi hỏi của công việc. Cần phải có sự giúp đỡ trong việc trình bày

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

chắc chắn mọi hiện tượng ngữ pháp.		có những kiến thức chuyên ngành).	những thông tin về cá nhân; nhưng không có khả năng nói trôi chảy ở tất cả mọi bối cảnh giao tiếp.		những vấn đề khó và phức tạp.
------------------------------------	--	-----------------------------------	--	--	-------------------------------

Bậc 3

(a) Ngữ pháp	(b) Từ vựng	(c) Khả năng hiểu	(d) Tính trôi chảy	(đ) Phát âm	(e) Các nhiệm vụ của bài thi
Kiểm soát tốt các hiện tượng ngữ pháp. Có khả năng nói chính xác bằng những cấu trúc đầy đủ để tham gia một cách có hiệu quả vào những cuộc hội thoại có tính nghi thức hoặc không nghi thức về các chủ đề	Có khả năng nói, dùng từ ngữ đủ để đạt hiệu quả trong đa số các cuộc hội thoại có nghi thức và không nghi thức về những chủ đề thực tế, xã hội và nghề nghiệp.	Hiểu khá toàn diện ở nhịp độ lời nói thông thường.	Có thể thảo luận (trôi chảy) những vấn đề quan tâm riêng. Ít khi phải tìm từ.	Các lỗi không cản trở đến việc hiểu. Hiếm khi làm khó hiểu cho người bản ngữ. Giọng thể hiện là giọng nước ngoài một cách rõ ràng.	Có thể tham gia một cách có hiệu quả trong phần lớn các cuộc hội thoại có tính nghi thức và không nghi thức, trong những chủ đề về thực tế, xã hội và nghề nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

thực tế, xã hội và nghề nghiệp.					
---------------------------------	--	--	--	--	--

Bậc 4 và 5

(a) Ngữ pháp	(b) Từ vựng	(c) Khả năng hiểu	(d) Tính trôi chảy	(đ) Phát âm	(e) Các nhiệm vụ của bài thi
Có khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác ở tất cả mọi cấp độ, thỏa mãn những yêu cầu nghề nghiệp thông thường. Rất hiếm gặp lỗi ngữ pháp.	Có thể hiểu và tham gia vào bất kỳ cuộc thoại nào với mức độ cao của độ chính xác từ vựng.	Có thể hiểu bất kỳ cuộc hội thoại nào theo kinh nghiệm có được của thí sinh.	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ thành thục, thỏa mãn những yêu cầu nghề nghiệp. Có thể tham gia vào bất kỳ cuộc hội thoại nào, nói năng trôi chảy ở mức độ cao.	Rất hiếm khi gặp lỗi sai về phát âm.	Có thể ứng đáp đúng đắn thích hợp, trước các sự việc kể cả trong những bối cảnh giao tiếp ngôn ngữ không phù hợp. Có thể giải thích được nội dung và hình thức bên ngoài ngôn ngữ.

Bậc 6

(a) Ngữ pháp	(b) Từ vựng	(c) Khả năng hiểu	(d) Tính trôi chảy	(đ) Phát âm	(e) Các nhiệm vụ của bài thi

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Có khả năng tương đương với người nói bản ngữ có trình độ giáo dục cao.	Được người bản ngữ chấp nhận trong tất cả mọi đặc trưng của nó, bao gồm cả từ, ngữ, thành ngữ, tục ngữ, từ ngữ thông tục, ...	Hiểu ở mức độ tương đương với người nói bản ngữ có trình độ giáo dục cao.	Nói năng hoàn toàn trôi chảy, được người bản ngữ chấp nhận hoàn toàn.	Phát âm tương đương với người nói bản ngữ và người bản ngữ có học thức hoàn toàn chấp nhận.	Nói thành thạo tương đương với người bản ngữ có trình độ giáo dục cao.
---	---	---	---	---	--

b) Thang chấm điểm bài thi nói

Điểm	Tiêu chí
0 - 1,9	Giao tiếp không có hiệu quả: Không có bằng chứng thể hiện thí sinh có khả năng thực hiện được bài thi. Không có bằng chứng thể hiện thí sinh sử dụng được bất kỳ một chiến lược nói năng nào; lời nói luôn luôn mắc lỗi của người nói phi bản ngữ.
2-3,9	Giao tiếp nói chung không có hiệu quả: Bài thi được thể hiện một cách nghèo nàn, lời nói hay mắc lỗi của người nói phi bản ngữ. Câu trả lời không phù hợp với ngữ đoạn kích thích hay bối cảnh. Một số ít ngữ đoạn mạch lạc, sử dụng được một phương thức liên kết. Nói chung các hiện tượng từ vựng, ngữ pháp, phát âm không chính xác.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

4- 5,9	<p>Giao tiếp có hiệu quả ở mức độ nhất định: Bài thi thể hiện được một số yêu cầu; lời nói thường bị mắc lỗi của người nói phi bản ngữ.</p> <p>Một số câu trả lời phù hợp với ngữ đoạn kích thích hay bối cảnh.</p> <p>Một số ngữ đoạn mạch lạc, sử dụng được vài ba phương thức liên kết.</p> <p>Có một số hiện tượng từ vựng, ngữ pháp, phát âm sử dụng chính xác.</p>
6 - 7,9	<p>Giao tiếp nói chung có hiệu quả: Bài thi được thể hiện một cách khá hoàn hảo; lời nói đã được sử dụng thành công, mắc một vài lỗi của người nói phi bản ngữ.</p> <p>Trả lời phù hợp với ngữ đoạn kích thích hoặc bối cảnh.</p> <p>Đa số các ngữ đoạn mạch lạc, sử dụng được một số phương thức liên kết.</p> <p>Đa số các hiện tượng từ vựng, ngữ pháp, phát âm sử dụng chính xác.</p>
8-10	<p>Giao tiếp có hiệu quả cao: Bài thi được thể hiện một cách rất hoàn hảo; lời nói đa phần không bị mắc lỗi thường thấy của người nói phi bản ngữ.</p> <p>Trả lời hay phản ứng phù hợp với ngữ đoạn kích thích hay bối cảnh.</p> <p>Mạch lạc, sử dụng có hiệu quả các phương tiện liên kết.</p> <p>Luôn luôn chính xác về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng.</p>

4.2.4. Cấu trúc và nội dung đề thi viết

4.2.4.1. Mô tả chung về kỹ năng viết

BẬC	Mô tả cụ thể
1	Viết được cụm từ, câu đơn ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

2	Viết được các mệnh đề, câu đơn nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì... về các chủ đề sinh hoạt.
3	Viết được đoạn, bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực mà mình quan tâm theo trật tự logic nhất định.
4	Viết được bài chi tiết, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc, nhiều lĩnh vực quan tâm khác nhau biết tổng hợp, đánh giá thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau.
5	Viết được bài chi tiết, rõ ràng, bố cục chặt chẽ về các chủ đề phức tạp, biết làm nổi bật những ý quan trọng, biết mở rộng và củng cố quan điểm ở một số đoạn bằng những chứng cứ, ví dụ cụ thể và kết thúc bài viết với một kết luận phù hợp.
6	Viết được bài rõ ràng, bố cục logic, chặt chẽ, văn phong phù hợp, trôi chảy về nhiều lĩnh vực phức tạp, giúp người đọc nhận ra những điểm quan trọng trong bài một cách dễ dàng.

4.2.4.2. Đặc tả đề thi viết

4.2.4.2.1. Thông tin chung

Thời gian: 60 phút.

Miêu tả chung các phần: đề thi gồm có 3 phần, nhằm kiểm tra năng lực giao tiếp viết bằng tiếng Việt, cho thí sinh trình độ từ bậc 1 đến bậc 6 theo *Khung năng lực tiếng Việt dùng cho NNN*.

Miêu tả chung về ngôn ngữ đầu vào (NN đề thi)/ ngôn ngữ đầu ra (NN của TS):

+ Ngữ liệu đầu vào được thể hiện dưới dạng văn bản, là những thông tin, chủ đề liên quan đến các lĩnh vực quen thuộc của đời sống, hay lĩnh vực học thuật cho người không chuyên.

+ Ngữ liệu đầu ra là một văn bản đã được biên duyệt, một bức thư có chức năng giao tiếp nào đó và một bài luận chung hoặc bài luận học thuật, cung cấp thông tin, tóm tắt thông tin, thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân.

Miêu tả chung về ngôn ngữ đầu vào/ ngôn ngữ đầu ra:

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- + Ngữ liệu đầu vào được thể hiện dưới dạng văn bản, là những thông tin, chủ đề liên quan đến các lĩnh vực quen thuộc của đời sống, hay lĩnh vực học thuật cho người không chuyên.
- + Ngữ liệu đầu ra là một văn bản đã được biên duyệt, một bức thư có chức năng giao tiếp nào đó và một bài luận chung hoặc bài luận học thuật, cung cấp thông tin, tóm tắt thông tin, thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân.

- *Miêu tả tóm tắt về mỗi phần:*

Phần 1: Bài thi viết chính tả tiếng Việt thực hiện trong thời gian 10 phút.

- + Số từ trong văn bản đầu vào không quá 120 tiếng.
- + Chấm điểm theo trọng số 1/4.
- + Thí sinh có nhiệm vụ nghe để viết đúng từ ngữ được nghe. Thí sinh phải Nghe trong quá trình kéo dài liên tục của văn bản và trong khi viết, họ phải thể hiện các dấu câu, chính tả của một đoạn hoặc hơn một đoạn.
- + Thí sinh chỉ được nghe một lần.
- + Thời gian chuẩn bị trước khi nghe là 4 phút.

Phần 2: Thời gian làm bài 20 phút

- + Số từ yêu cầu: tối thiểu 120 tiếng.
- + Chấm điểm theo trọng số 1/4.
- + Thí sinh viết một bức thư/email, gửi cho người khác nhằm hỏi thông tin hoặc trả lời một bức thư /email cho sẵn... để thực hiện những nhu cầu giao tiếp khác nhau.
- + Nhiệm vụ này kiểm tra kỹ năng viết tương tác.

Phần 3: Thời gian làm bài 30 phút.

- + Số từ yêu cầu: tối thiểu 200 tiếng.
- + Chấm điểm theo trọng số 2/4.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

+Thí sinh viết một bài luận về một chủ đề chung hoặc chủ đề học thuật theo yêu cầu, dùng kinh nghiệm và hiểu biết cá nhân để xây dựng lập luận. Nhiệm vụ này kiểm tra kỹ năng viết luận.

4.2.4.2.2. Thông tin chi tiết

Phần 1	
Ngữ liệu đầu vào và ngữ liệu đầu ra	Ngữ liệu đầu vào: Bản viết in sẵn có một số từ đã bị xoá đi. Ngữ liệu đầu ra: Bản viết có từ bị xoá đã được điền lại đầy đủ.
Thời lượng	10 phút
Các kỹ năng được đánh giá	Nghe, lựa chọn và viết lại từ ngữ (Khả năng viết chính tả tiếng Việt)
Dạng thức nhiệm vụ/câu hỏi thi	Nghe một đoạn văn rồi lựa chọn từ ngữ đúng để điền vào đoạn câu đó.
Hướng dẫn	Chọn lựa văn bản nguồn có nội dung về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc.
Phần 2	
Ngữ liệu đầu vào / Ngữ liệu đầu ra.	<i>Ngữ liệu đầu vào:</i> Một phần trong một bức thư đề cập đến một sự kiện (80-120 tiếng) liên quan đến các tình huống hay gặp trong cuộc sống, hoặc lấy ra từ nghiên cứu về một chủ đề, chủ điểm.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Một tình huống, sự kiện quen thuộc trong cuộc sống (80-120 tiếng) đòi hỏi hỏi đáp bằng hình thức thư tín.</p> <p><i>Ngữ liệu đầu ra:</i></p> <p>Bức thư trả lời (tối thiểu 120 tiếng).</p> <p><i>Chủ đề:</i> Bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp, nơi làm việc, nhu cầu thiết yếu; chủ đề quen thuộc mà cá nhân quan tâm (kinh nghiệm, sự kiện, ước mơ, hi vọng,...).</p>
Thời lượng	20 phút
Các kỹ năng được đánh giá	<p>Có thể truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể cũng như trừu tượng (như về công việc, học tập) hay các chủ đề học thuật cho người không chuyên, văn hóa (như điện ảnh, âm nhạc...), kiểm tra thông tin, hỏi và giải thích vấn đề.</p> <p>Có thể viết thư cá nhân hỏi thông tin, miêu tả về kinh nghiệm, cảm xúc, quan điểm hay sự kiện.</p>
Dạng thức nhiệm vụ/câu hỏi thi	<p>Viết một bức thư để trả lời một bức thư khác.</p> <p>Viết một bức thư hỏi thông tin miêu tả về kinh nghiệm, cảm xúc, quan điểm, hay sự kiện.</p>
Hướng dẫn	Thí sinh được yêu cầu viết một bức thư/email trả lời một bức thư/email khác hoặc viết một bức thư hỏi thông tin, miêu tả về kinh nghiệm, cảm xúc, quan điểm hay sự kiện.
Phần 3	
Ngữ liệu đầu vào/ngữ liệu đầu ra	<p>Ngữ liệu đầu vào:</p> <p>Một đoạn văn cho sẵn/đoạn trích trong báo/đoạn bài giảng trong đó đề cập đến và thảo luận về một chủ đề chung hoặc chủ đề có liên quan đến học thuật (80-120 tiếng).</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Ngữ liệu đầu ra (tối thiểu 200 tiếng):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài luận đánh giá/nêu quan điểm. - Bài luận giải thích ưu, nhược điểm. <p>Chủ đề: Giáo dục, y tế, giải trí, giao thông, lịch sử, nghệ thuật, văn hóa, xã hội và học thuật cho người không chuyên.</p>
Thời lượng	30 phút
Các kỹ năng được đánh giá	<p>Có thể viết một bài luận để phát triển lập luận, nêu bật được những ý chính và có những minh chứng phù hợp.</p> <p>Có thể viết một bài luận về chủ đề chung hay chủ đề học thuật để phát triển một lập luận nào đó, nêu lí do tán thành hay phản đối một quan điểm nào đó, và giải thích những ưu điểm và nhược điểm của các giải pháp khác nhau.</p>
Dạng thức nhiệm vụ/câu hỏi thi	Viết một bài luận thể hiện quan điểm hoặc một bài luận về học thuật.
Hướng dẫn	Thí sinh được yêu cầu viết một bài luận về một đề tài chung hay đề tài về học thuật cho trước, sử dụng kinh nghiệm, kiến thức để minh họa quan điểm của mình.

4.2.4.2.3. Các kiểu câu hỏi/nhiệm vụ và chấm điểm

4.2.4.2.3.1. Các câu hỏi/nhiệm vụ

Căn cứ vào mức độ thích hợp với việc học tập, các bài thi viết tiếng Việt được phân loại thành:

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Bài thi viết chính tả.
- Bài thi viết chung (thể hiện dưới hình thức thư hay email).
- Bài thi viết học thuật có thể được dùng để thay thế cho bài luận chủ đề chung đã miêu tả ở trên. Người ra đề có thể sử dụng 1 trong 2 kiểu bài về chủ đề học thuật dưới đây:

ĐỀ THI VIẾT HỌC THUẬT 1

<p>Yêu cầu</p>	<p>Trong bài thi viết học thuật 1, thí sinh có thể được yêu cầu mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Một hoặc nhiều đồ thị, biểu đồ hay bảng/biểu; • Sơ đồ về một đối tượng, một loại thiết bị, một quy trình hay một sự kiện. Thí sinh phải đưa những điểm quan trọng nhất vào trong sơ đồ. Một số điểm nhỏ hoặc một số chi tiết nhỏ có thể được bỏ qua. <p>Thí sinh cần phải viết theo phong cách học thuật hoặc phong cách trung hòa.</p> <p>Thí sinh được phép dành không quá 30 phút cho nhiệm vụ này. Thí sinh phải viết ít nhất 200 tiếng và sẽ bị mất điểm nếu bài thi quá ngắn. Nếu viết quá 200 tiếng thí sinh không bị mất điểm.</p> <p>Thí sinh cần biết rằng họ sẽ bị mất điểm nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những gì họ viết ra không có liên quan đến chủ đề; - Bài viết của họ không phải là một chỉnh thể có sự kết nối chặt chẽ (viết theo kiểu gạch đầu dòng). - Bài viết của họ sao chép từ nguồn khác. <p>Thí sinh phải viết bài viết trên giấy thi được cung cấp.</p>
----------------	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

<p>Những kỹ năng cần kiểm tra</p>	<p>Bài thi này kiểm tra xem thí sinh có cung cấp một cái nhìn tổng quan với các thông tin liên quan được tổ chức tốt bằng cách sử dụng ngôn ngữ thích hợp với thể loại và phong cách của nó hay không.</p> <p>Tùy thuộc vào từng loại bài thi, thí sinh sẽ được đánh giá về các khả năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức, trình bày và/ hoặc so sánh các dữ liệu; • Mô tả các giai đoạn của một quá trình hay một quy trình; • Mô tả một đối tượng, một sự kiện hoặc một chuỗi các sự kiện; • Giải thích cách làm một việc gì đó.
<p>Yêu cầu về đầu ra</p>	<p>Thí sinh phải viết ít nhất 200 tiếng.</p>

ĐỀ THI VIẾT HỌC THUẬT 2

<p>Yêu cầu</p>	<p>Trong bài viết học thuật 2, thí sinh sẽ được cung cấp một chủ đề để viết. Bài viết của thí sinh phải thảo luận về những vấn đề có liên quan nhất đến chủ đề. Thí sinh phải đọc kỹ các nhiệm vụ để có thể viết một bài viết đầy đủ có liên quan chặt chẽ với chủ đề. Thí sinh nên viết theo phong cách học thuật hoặc trung hòa. Thí sinh cần phải tổ chức các ý tưởng của mình một cách rõ ràng, sử dụng các ví dụ có liên quan (có thể sử dụng những kinh nghiệm riêng của thí sinh, nếu có liên quan) hoặc sử dụng các minh chứng theo nội dung chủ đề.</p> <p>Thí sinh dành không quá 30 phút cho nhiệm vụ này, viết ít nhất 200 tiếng. Nếu bài viết quá ngắn, sẽ bị mất điểm. Nếu viết hơn 200 tiếng, không bị mất điểm.</p>
----------------	---

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Thí sinh sẽ bị mất điểm, nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những gì viết ra không có liên quan đến chủ đề. - Bài viết không có cấu trúc hoàn chỉnh và không được kết nối chặt chẽ. - Bài viết sao chép từ nguồn khác. <p>Thí sinh phải viết bài viết trên giấy thi được cung cấp.</p>
Những kỹ năng cần kiểm tra	<p>Tùy thuộc vào kiểu nhiệm vụ, thí sinh sẽ được đánh giá về những khả năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trình bày một giải pháp cho một vấn đề; • Thể hiện và đánh giá một quan điểm; • So sánh và đối chứng các ý kiến, các quan điểm và những vấn đề liên quan; • Khẳng định và/phủ định những ý tưởng, bằng chứng hay một lập luận.
Yêu cầu về độ dài	Thí sinh phải viết ít nhất 200 tiếng.

4.2.4.2.3.2. Chấm điểm

a) Chấm điểm phần 1

Căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể và mục đích của việc nghe/chép chính tả, các giám khảo cần quyết định những tiêu chí về cho điểm khi bài viết có một số loại lỗi thường gặp như sau:

- Chỉ lỗi đánh vần, nhưng từ được nghe đúng;
- Đánh vần sai và thiếu sự thể hiện rõ ràng một từ, hoặc từ viết ra không đọc được;
- Lỗi ngữ pháp;

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

- Bỏ cách quãng từ hay cụm từ;
- Đổi trật tự của các từ;
- Những từ được thêm vào không đúng với nguyên bản;
- Thay thế một từ bằng một từ đồng nghĩa tương ứng.

Các giám khảo cần xác định, thống nhất mức độ nặng nhẹ của mỗi loại lỗi nêu trên. Đối với bài thi chép chính tả một phần thì cần chú ý: Nếu thí sinh chỉ cố gắng viết ra các âm nghe thấy mà không hiểu ý nghĩa những âm đó là gì, thì cũng không được coi là đầy đủ. Để được tính là đúng, câu trả lời phải có đủ chứng cứ chỉ ra rằng thí sinh đã nghe và nhận ra từ bị thiếu, ngay cả khi không viết chính xác được từ đó.

b) Chấm điểm phần 2

Điểm	Mức độ hoàn thành bài thi	Tổ chức bài viết	Từ vựng	Ngữ pháp
1	Bài viết hoàn toàn không phù hợp hoặc không thể hiểu được.	Không có tính tổ chức.	Chỉ viết được một vài từ đơn lẻ.	Không viết được thành câu.
2	Không đáp ứng được yêu cầu nào của đề bài.	Thể hiện được rất ít tính tổ chức.	Sử dụng lượng từ rất hạn chế. Mắc rất nhiều lỗi và lỗi làm thay đổi nghĩa của từ ngữ.	Chỉ viết được một vài cụm từ đã học thuộc từ trước. Lỗi xuất hiện rất nhiều và làm thay đổi nghĩa của từ ngữ,...
3	Không đáp ứng được yêu cầu nào của đề bài.	Trình bày thông tin và lập luận bằng một chuỗi các câu đơn giản được liên kết với	Sử dụng lượng từ hạn chế.	Sử dụng đúng một vài cấu trúc đơn giản.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	Trình bày được rất ít ý và phần lớn những ý này không phù hợp hoặc bị lặp lại.	nhau chỉ bằng những từ nói cơ bản và thường gặp.	Mắc lỗi thường xuyên và lỗi làm thay đổi nghĩa của từ ngữ,...	Thường xuyên mắc những lỗi cơ bản làm thay đổi nghĩa của từ ngữ,...
4	<p>Đáp ứng một phần yêu cầu của đề bài.</p> <p>Không thể hiện được rõ ràng mục đích của bài viết; giọng viết có thể không phù hợp.</p> <p>Có thể nhầm lẫn ý chính với thông tin chi tiết; một số phần có thể không rõ ràng, không phù hợp hoặc lặp lại.</p>	<p>Có tổ chức thông tin và lập luận.</p> <p>Sử dụng những từ nói và phương tiện liên kết cơ bản, thường gặp trong câu và giữa các câu, nhưng đôi chỗ bị lặp hoặc không chính xác.</p>	<p>Kiểm soát được từ ngữ cơ bản.</p> <p>Mắc tương đối nhiều lỗi và lỗi thỉnh thoảng gây khó khăn cho người đọc.</p>	<p>Kiểm soát được các cấu trúc đơn giản.</p> <p>Có sự cố gắng, nhưng thất bại trong việc sử dụng một vài cấu trúc phức tạp.</p> <p>Thường xuyên mắc lỗi và thỉnh thoảng gây khó khăn cho người đọc.</p>
5	<p>Đáp ứng một nửa yêu cầu của đề bài.</p> <p>Ở một số chỗ, thể hiện mục đích của bài viết không rõ ràng; mắc một số lỗi về sự không thống nhất và phù hợp trong giọng văn.</p>	<p>Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc.</p> <p>Sử dụng đúng một số từ nói và phương tiện liên kết cơ bản trong câu và giữa các câu.</p>	<p>Sử dụng được lượng từ tối thiểu của chủ đề bài viết nhưng có xu hướng dùng nhiều lần lặp đi lặp lại một số từ.</p> <p>Mắc lỗi có thể gây khó khăn cho người đọc.</p>	<p>Kiểm soát tốt các cấu trúc đơn giản.</p> <p>Có cố gắng sử dụng các cấu trúc phức tạp nhưng phần lớn đều sử dụng sai.</p> <p>Mắc lỗi, nhưng những lỗi này thường không</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	Trình bày không đầy đủ điểm chính; có xu hướng tập trung vào những thông tin chi tiết.			gây khó khăn cho người đọc.
6	<p>Đáp ứng gần như đầy đủ yêu cầu của đề bài; dạng thức của bài viết có thể không phù hợp ở một số chỗ. Mục đích của bài viết nhìn chung là rõ ràng; mắc một số lỗi về sự không thống nhất và không phù hợp trong giọng văn.</p> <p>Trình bày gần như đầy đủ điểm chính, nhưng một số thông tin chi tiết có thể không phù hợp.</p>	<p>Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc.</p> <p>Sử dụng nhiều từ nối và phương tiện liên kết trong câu và giữa các câu một cách phù hợp, nhưng đôi khi dùng sai.</p>	<p>Sử dụng được vốn từ tương đối rộng.</p> <p>Có nỗ lực sử dụng những từ ít gặp nhưng phần lớn đều sử dụng sai.</p> <p>Mắc lỗi không gây khó khăn cho người đọc.</p>	<p>Sử dụng cả cấu trúc đơn giản và phức tạp.</p> <p>Mắc lỗi, nhưng hầu như không dẫn đến hiểu nhầm.</p>
7	<p>Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của đề bài; dạng thức của bài viết có thể không phù hợp ở một số chỗ.</p> <p>Mục đích của bài viết nhìn chung là rõ ràng; mắc một số lỗi về sự không thống</p>	<p>Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc.</p> <p>Sử dụng nhiều từ nối và phương tiện liên kết trong câu và giữa các câu một cách phù hợp, nhưng đôi khi dùng sai.</p>	<p>Sử dụng được vốn từ tương đối rộng.</p> <p>Có cố gắng sử dụng những từ ít gặp nhưng có thể sử dụng sai.</p>	<p>Sử dụng cả cấu trúc đơn giản và phức tạp.</p> <p>Mắc lỗi, nhưng những lỗi đó gần như không dẫn đến hiểu nhầm.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>nhất và không phù hợp trong giọng văn.</p> <p>Trình bày đầy đủ điểm chính, nhưng có một vài thông tin chi tiết có thể không phù hợp.</p>		<p>Mắc lỗi không gây khó khăn cho người đọc.</p>	
8	<p>Đáp ứng đầy đủ yêu cầu của đề bài</p> <p>Mục đích của bài viết nhìn chung là rõ ràng; mắc một hoặc hai lỗi nhỏ về sự không thống nhất và không phù hợp trong giọng văn.</p> <p>Phát triển điểm chính với hầu hết thông tin chi tiết là phù hợp; một hoặc hai điểm chính có thể cần phát triển mở rộng hơn nữa.</p>	<p>Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc.</p> <p>Sử dụng nhiều loại phương tiện liên kết và cấu trúc tổ chức một cách hợp lí, mặc dù đôi chỗ dùng quá nhiều hoặc quá ít.</p>	<p>Sử dụng được vốn từ rộng một cách thích hợp, bao gồm một số từ ít gặp. Kiểm soát tương đối tốt phong cách viết và cụm cố định.</p> <p>Không mắc lỗi hệ thống hay lỗi gây khó khăn cho người đọc.</p>	<p>Kiểm soát tốt nhiều cấu trúc đơn giản và phức tạp.</p> <p>Đa số các câu không có lỗi.</p> <p>Không mắc lỗi hệ thống hoặc lỗi gây khó khăn cho người đọc.</p>
9	<p>Đáp ứng đầy đủ và hiệu quả yêu cầu của đề bài.</p>	<p>Tổ chức thông tin và lập luận một cách mạch lạc.</p>	<p>Sử dụng được vốn từ rất rộng, bao gồm những từ ít gặp, một cách chính xác.</p>	<p>Sử dụng đa dạng và chính xác các cấu trúc đơn giản và phức tạp.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

	<p>Mục đích của bài viết rõ ràng, giọng văn thống nhất và phù hợp.</p> <p>Phát triển đầy đủ điểm chính với thông tin chi tiết phù hợp.</p>	<p>Sử dụng nhiều loại phương tiện liên kết và cấu trúc tổ chức một cách hiệu quả.</p> <p>Chia đoạn đủ và hợp lí.</p>	<p>Kiểm soát tốt phong cách viết và các cụm cố định, nhưng vẫn có lỗi sai.</p> <p>Không mắc lỗi hệ thống hay lỗi gây khó khăn cho người đọc.</p>	<p>Đại đa số các câu không có lỗi.</p> <p>Không mắc lỗi hệ thống hoặc lỗi gây khó khăn cho người đọc.</p>
10	<p>Đáp ứng đầy đủ và hiệu quả yêu cầu của đề bài.</p> <p>Mục đích của bài viết được thực hiện một cách có hiệu quả, giọng văn thống nhất và phù hợp.</p> <p>Phát triển đầy đủ điểm chính với tất cả thông tin chi tiết phù hợp.</p>	<p>Tổ chức thông tin và lập luận một cách logic.</p> <p>Sử dụng nhiều loại phương tiện liên kết và cấu trúc tổ chức một cách linh hoạt.</p> <p>Chia đoạn đủ và hợp lí.</p>	<p>Sử dụng được vốn từ rất rộng một cách chính xác và linh hoạt, bao gồm những từ ít gặp. Kiểm soát hoàn toàn phong cách viết và các cụm cố định, nhưng vẫn còn có đôi chỗ chưa phù hợp.</p> <p>Gần như không mắc lỗi, hoặc chỉ một đến hai lỗi do sơ ý.</p>	<p>Các cấu trúc được sử dụng đa dạng, chính xác và linh hoạt.</p> <p>Gần như không mắc lỗi, hoặc chỉ một đến hai lỗi do sơ ý.</p>
0	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ thi. - Không viết từ nào. - Viết một bài theo trí nhớ/thuộc lòng. 			

c) Chấm điểm phần 3

Thang điểm cho bài thi viết luận

20-18	17-15	14-12	11-6	5-1
--------------	--------------	--------------	-------------	------------

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

I. Tổ chức: Giới thiệu, thân bài, kết luận				
<p>Phù hợp với chủ đề. Đoạn giới thiệu có hiệu quả, diễn đạt uyển chuyển, chỉ ra được dự định sử dụng ngữ liệu (có tính chất hướng dẫn người đọc). Những sự kiện mang tính chứng minh được đưa ra cho những nhận định khái quát. Kết luận mang tính logic và hoàn chỉnh.</p>	<p>Thích hợp với chủ đề. Phần giới thiệu, kết luận, thân bài của bài viết có thể chấp nhận được, nhưng thiếu một số minh chứng, một số ý tưởng không được phát triển đầy đủ. Trật tự logic, nhưng sự chuyển ý có thể thiếu hoặc đôi khi dùng sai các đơn vị nối kết.</p>	<p>Phần giới thiệu hoặc phần kết luận không đầy đủ và không rõ ràng. Có vấn đề về trật tự các ý tưởng trong phần thân bài. Những ý tưởng khái quát không được chứng minh đầy đủ. Có mâu thuẫn hoặc chồng lấn về tổ chức.</p>	<p>Phần giới thiệu được công nhận ở mức tối thiểu và không vững chắc. Tổ chức nghèo nàn. Có một số vấn đề về trật tự các ý tưởng, thiếu chứng minh. Kết luận yếu hoặc không logic, thiếu tính tổ chức.</p>	<p>Không có phần kết luận hoặc phần giới thiệu. Không có tổ chức trong phần thân bài một cách rõ ràng. Thiếu minh chứng và chứng minh. Không có biểu hiện cố gắng tổ chức bài viết. (Người đọc không nhận ra được đề cương bài viết).</p>
II. Phát triển logic nội dung				
<p>Bài viết đáp ứng được chủ đề đã được ấn định. Các ý tưởng được cụ thể hoá và qua đó được phát triển. Không có tư liệu xa lạ. Bài viết phản ánh được tư tưởng.</p>	<p>Bài viết phản ánh được vấn đề nhưng thiếu một số điểm. Một số ý tưởng có thể được phát triển đầy đủ. Một số tư liệu xa với chủ đề được trình bày trong bài viết.</p>	<p>Phát triển các ý tưởng không hoàn chỉnh hoặc bài viết có một số điểm vượt ra ngoài chủ đề. Một số đoạn văn được phân chia không hoàn toàn chính xác.</p>	<p>Các ý tưởng không được hoàn chỉnh. Bài viết thể hiện sự phản ánh ý nghĩ không cẩn thận hoặc được viết vội vàng. Thiếu cố gắng trong thể hiện nội dung.</p>	<p>Bài viết hoàn toàn không phù hợp và không phải là sản phẩm của một người có trình độ đại học. Không có cố gắng rõ ràng để xem xét chủ đề một cách cẩn thận.</p>

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

III. Ngữ pháp				
Thành thạo ngữ pháp như người bản ngữ. Sử dụng đúng mệnh đề quan hệ, giới từ, tình thái từ... và phương tiện biểu thị thời gian phù hợp. Không có câu què, câu cụt.	Thành thạo ngữ pháp. Có một số lỗi ngữ pháp nhưng không ảnh hưởng đến giao tiếp, không có câu què, câu cụt.	Người đọc có thể nắm được ý tưởng của người viết nhưng có nhiều lỗi ngữ pháp xuất hiện và có ảnh hưởng phương hại đến giao tiếp. Có một số câu què, câu cụt.	Có nhiều lỗi về ngữ pháp, làm phương hại đến giao tiếp (làm người đọc hiểu sai vấn đề, sai ý tưởng của người viết. Phải xem xét lại một số phần ngữ pháp cần thiết. Rất khó khăn để đọc hiểu câu.	Có nhiều vấn đề ngữ pháp mâu thuẫn với thông báo, người đọc không thể hiểu được người viết đang cố gắng nói cái gì. Cấu trúc câu không thể hiểu được.
IV. Hệ thống dấu câu, chính tả				
Dùng đúng các quy tắc; mếp lề phải và trái đúng quy định. Tất cả các chữ viết hoa, những đoạn được định trước, dấu câu và chính tả rất đúng và rõ ràng.	Có một vài vấn đề về quy tắc viết hoặc dấu câu. Vẫn còn có những lỗi chính tả. Lề trang đúng, bài thi sạch sẽ, ngắn gọn.	Sử dụng được các quy tắc viết chung, nhưng có một số lỗi. Cũng có vấn đề về chính tả làm rối trí người đọc. Có lỗi về dấu câu làm ảnh hưởng đến các ý tưởng.	Có những vấn đề khá nghiêm trọng trong việc hình thành bài viết. Một số phần của bài viết không dễ đọc, có lỗi dấu câu. Không thể chấp nhận được đối với người đọc có học thức.	Không chú ý đến các quy tắc viết. Bài viết khó đọc. Không viết chữ hoa khi cần thiết. Có hàng loạt lỗi chính tả.
V. Phong cách và chất lượng của bài viết				
Sử dụng chính xác từ. Sử dụng được những	Có nhiều cố gắng viết. Từ vựng tốt, sắp xếp	Một số từ dùng sai, thiếu nhận thức về sự	Biểu thị ý tưởng một cách nghèo nàn. Có	Sử dụng từ không thích hợp. Không có

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

cấu trúc song song, ngắn gọn, sắp xếp tốt.	tốt, không dài dòng, phong cách ngắn gọn.	sắp xếp. Có thể quá dài dòng.	những vấn đề trong sử dụng từ. Thiếu các biến thể cấu trúc.	khái niệm về sắp xếp từ và biến thể câu.
90-100	70-89	56-69	26-55	1-25

d) Chấm điểm bài luận học thuật

Ngoài những tiêu chí đã được khẳng định trong phần viết luận chung, khi chấm bài viết học thuật cho bậc 5 và 6 cần chú ý những tiêu chí trong bảng dưới đây:

Loại đơn vị	Tiêu chí
Đoạn văn	Xác định có viết rõ câu chủ đề hay không.
	Cho điểm những điểm đã có và những điểm còn thiếu của câu chủ đề.
	Cho điểm và/hoặc bình luận hiệu quả của đoạn văn theo chủ đề.
	Phát triển chủ đề bên trong một đoạn văn.
Bài viết có nhiều đoạn văn	Đáp ứng yêu cầu của chủ đề, hoặc mục đích mang tính nguyên tắc.
	Tổ chức và phát triển những ý tưởng triển khai.
	Dùng những ý tưởng, chi tiết thích hợp để hỗ trợ những ý tưởng được gợi ý trước.
	Cung cấp những biến thể cấu trúc cú pháp khác nhau.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Hà Nội, ngày 8 tháng 9 năm 2019

Ban biên soạn

Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt,

ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN